

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI TÌM KIẾM KHÁC



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	10
1 Patàcàrà - Đệ nhất Trì Luật - Kinh NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI - Tăng I, 54.....	15
2 Phi nhân - Khó lòng nào hại vị có từ tâm giải thoát - Kinh Cây Lao – Tương II, 463.....	17
3 Phi nhân - Không tu tập sung mãn Từ tâm gthoát thời dễ bị phi nhân nào hại - Kinh Gia Đình – Tương II, 461	19
4 Phi nhân - Kinh SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI 1 – Tăng II, 470	21
5 Phi nhân - Nguyên nhân vì sao loài người bị giảm thiểu - Kinh NGƯỜI GIÀU CÓ – Tăng I, 285.....	25
6 Phi nhân - Vua Bimbisara sanh làm Dạ xoa dòng họ vua Vessavana - Kinh XÀ-NI-SA – 18 Trường II, 53.....	28
7 Phi thời - 5 tinh cần phi thời - Kinh THỜI GIAN ĐỂ TINH CẦN – Tăng II, 411	58

- 8 Phi thời và phải thời cho đời sống Phạm hạnh -
Kinh KHÔNG PHẢI THỜI – Tăng III, 590 ..61
- 9 Phiền luy - Kinh HỆ LUY – Tăng III, 352.....66
- 10 Phiền luy của các vị tu Phạm hạnh - Kinh ĐẠI
KHÔNG – 122 Trung III, 301 70
- 11 Phiền não - Con đường đưa đến héo mòn phiền
não - Kinh VAPPA – Tăng II, 196.....86
- 12 Phiền não - Kinh Tương Ứng Phiền Não –
Tương III, 377.....94
- 13 Phiền não chương, nghiệp chương - Kinh
CHƯƠNG NGẠI – Tăng III, 250.....98
- 14 Phàm con người được sanh, Sanh với búa trong
miệng... - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327
.....100
- 15 Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ.. -
Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310.....103
- 16 Phàm nghiệp gì được làm có hạn lượng... - Kinh
PHẠM THIÊN TRÚ – Tăng IV, 627 113
- 17 Phàm nghiệp gì được làm có hạn lượng... - Kinh
SUBHA – 99 Trung II, 793 117

18	Phàm nghiệp gì được làm có hạn lượng... - Kinh Vỏ Ốc – Tương IV, 497.....	142
19	Phàm nói ra điều gì, các pháp bất thiện tăng trưởng - Kinh ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 145.....	151
20	Phàm phu - Sự đặc thù, sự sai khác.. - Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tăng II, 54	154
21	Phàm phu và Thánh đệ tử - Kinh SỰ KIẾN KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC – Tăng II, 391....	159
22	Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159.....	164
23	Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh BRAHMAYU – 91 Trung II, 643.....	202
24	Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610 ...	225
25	Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh Ràhula – Tương IV, 181	234
26	Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh TRƯỜNG TRẢO – 74 Trung II, 345	239

- 27 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt
- Kinh UÙ BA LY – 56 Trung II, 79 248
- 28 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt
- TIỂU Kinh GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA – 147
Trung III, 623.....284
- 29 Phá hoà hợp Tăng - Kinh PHÁ HÒA HỢP
TĂNG – Tăng IV, 339.....291
- 30 Phá hoà hợp tăng - 4 lý do - Kinh PHẠM TỘI 1
– Tăng II, 273 296
- 31 Phá sạch các dị thuyết của ngoại đạo - ĐẠI Kinh
PHÁP HÀNH – 46 Trung I, 679 299
- 32 Phát lộ sám hối - Sự lớn mạnh trong giới luật
của bậc Thánh - Kinh BHADDALI – 65 Trung
II, 215.....314
- 33 Phát tâm đồng mãnh - Kinh SONG TÂM – 19
Trung I, 261 335
- 34 Phân biệt rõ - Người bất chánh và người chơn
chánh - TIỂU Kinh MÃN NGUYỆT – 110
Trung III, 145.....344
- 35 Phân biệt rõ - Pháp phân biệt - Kinh TỰ HOAN
HỖY – 28 Trường II, 415.....353

- 36 Phân biệt rõ - Thật và Giả mạo Chánh pháp -
Kinh PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660.....382
- 37 Phân biệt rõ - Tốt xấu, thiện ác rõ ràng - Kinh
CHÚNG NHÂN – Tăng III, 235.....384
- 38 Phân biệt rõ - Kinh PHI PHÁP – Tăng IV, 542
.....386
- 39 Phân tích của trí tuệ - Kinh PHẨM THIỀN
ĐỊNH – Tăng I, 88.....402
- 40 Phân tích luận - Ta chủ trương phân tích - Kinh
SUBHA – 99 Trung II, 793 408
- 41 Phân tích luận và Nhất hướng luận - Thế Tôn là
người phân tích luận - Kinh VAJJIYAMÀHITA
– Tăng IV, 497 433
- 42 Phân vân chọn lựa - Kinh VAJJIYAMÀHITA –
Tăng IV, 497 439
- 43 Phép mâu - Không có thần lực nào để ra lệnh.. -
Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435 445
- 44 Phú Lâu Na - Kinh GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA
– 145 Trung III, 601.....448

- 45 Phương diện - Cả hai phương diện đều có lợi -
Kinh KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG – 60
Trung II, 145 455
- 46 Phương pháp - Làm đúng phương pháp thì mới
đạt được quả vị - Kinh PHỦ-DI – 126 Trung III,
353.....482
- 47 Phương pháp phân tích của Bồ-tát - Kinh TÙY
PHIỀN NẢO – 128 Trung III, 379.....494
- 48 Phương pháp tu tập - Kinh KANDARAKA – 51
Trung II, 9 513
- 49 Phương Đông, Tây, Nam, Bắc - Kinh A-SÁ-
NANG-CHI – 32 Trường II, 549 534
- 50 Phương Đông, Tây, Nam, Bắc - Kinh XÀ-NI-
SA – 18 Trường II, 53 551
- 51 Phạm cung trống không - Kinh BA LÊ – 24
Trường II, 269.....581
- 52 Phạm cung trống không - Kinh PHẠM VĨNG
– 1 Trường I, 11 629
- 53 Phạm tội - 2 loại phạm tội - Kinh HY VỌNG –
Tăng I, 160 708

- 54 Phải quấy rõ ràng - Kinh NHỮNG SỨC MẠNH – Tăng IV, 80 712
- 55 Phải quấy rõ ràng - Kinh PHI PHÁP – Tăng IV, 542.....717
- 56 Phải quấy rõ ràng - Kinh VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497 733
- 57 Phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng - Kinh Mười Lực – Tương II, 56 739
- 58 Phản tưởng là được lạc thọ - Kinh MAGANDIYA – 75 Trung II, 353.....742
- 59 Phản ứng - Kinh LUYẾN ÁI – Tăng II, 228765
- 60 Phần nô - 4 hạng người - Kinh CÁC CON RẮN – Tăng II, 23.....774
- 61 Phần nô - Kinh CHỮ VIẾT TRÊN ĐÁ, TRÊN ĐẤT, TRÊN NƯỚC – Tăng I, 517 777
- 62 Phật tử - Con chánh tông của Thế Tôn - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153.....780
- 63 Phật tử - Khi nào có thể nói TA LÀ CON CHÁNH TÔNG... - Kinh KHỞI THẾ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387 788

- 64 Phạt tự thuyết - Kinh SÁU SÁU – 148 Trung III, 629.....816
- 65 Phỉ báng - 11 tai hoạ - Kinh TAI HỌA – Tăng IV, 648 830
- 66 Phỉ báng - 5 nguy hại - Kinh MĂNG NHIẾC – Tăng II, 715.....832
- 67 Phụ nữ - 2 điều chưa thoả mãn - Kinh PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144.....833
- 68 Phụng sự - Người nào phụng sự... - Kinh ESUKARI – 96 Trung II, 739 834
- 69 Pilindavaccha - Đệ nhất Được chư Thiên ái mộ - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 3 - Tăng I, 51 851
- 70 Pindola Bhàradvaja - Đệ nhất Rõng tiếng rõng con sư tử - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 1 - Tăng I, 49.....853
- 71 Pukkusati - Tại nhà người thợ gốm - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541.....860
- 72 Punna Mantàniputta - Đệ nhất Thuyết pháp - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 1 - Tăng I, 49 880

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Patàcàrà - Đệ nhất Trì Luật - Kinh NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI - Tăng I, 54

NỮ ĐỆ TỬ TỶ KHEO NI – *Tăng I, 54*

1. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni đã **lâu ngày** của Ta, tôi thắng là **Màhàpàjapatì Gotamì**.
2. Trong các vị... **đại trí tuệ**, tôi thắng là **Khemà**.
3. Trong các vị... **đầy đủ thần thông**, tôi thắng là **Uppalavannà**.
4. Trong các vị... **trì Luật**, tôi thắng là **Patàcàrà**.
5. Trong các vị... **thuyết pháp**, tôi thắng là **Dhammadinnà**.
6. Trong các vị... **tu Thiền**, tôi thắng là **Nandà**.
7. Trong các vị... **tinh cần tinh tấn**, tôi thắng là **Sonà**.
8. Trong các vị... có **thiên nhãn**, tôi thắng là **Sakulà**.
9. Trong các vị... có **thắng trí mau lẹ**, tôi thắng là **Bhaddà Kundalakesà**.

10. Trong các vị... **nhớ đến các thời quá khứ**, tôi thắng là **Bhaddà Kapilànà**.
11. Trong các vị... đã chứng đạt **đại thắng trí**, tôi thắng là **Bhaddà Kaccana**.
12. Trong các vị... **mang thô y**, tôi thắng là **Kisàgotami**.
13. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, đầy đủ **tin thắng giải**, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Sigalàmàtā**.

2 Phi nhân - Khó lòng nào hại vị có từ tâm giải thoát - Kinh Cây Lao – Tương II, 463

Cây Lao – Tương II, 463

1) Trú ở Sàvatthi.

2) Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây lao có lưỡi sắc bén. Rồi một người đến và nói: "Vớ tay hay vớ nắm tay, tôi sẽ bẻ gấp đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, tôi sẽ đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, tôi sẽ uốn cong nó lại".

3) *Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể vớ tay hay nắm tay bẻ gấp đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, uốn cong nó lại không?*

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

4) Vì sao?

- Bạch Thế Tôn, không dễ gì, vớ tay hay nắm tay bẻ gấp đôi lưỡi sắc bén của cây lao này, đánh phía cạnh cho nó quặp dài lại, uốn cong nó lại, mà không khiến cho người ấy mệt nhọc và bị não hại.

5) Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi một ai (vị Tỷ-kheo) tu tập **từ tâm giải thoát**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện, thời một **phi nhân** nào nghĩ rằng, có thể đánh ngã một tâm như vậy, kẻ phi nhân ấy ở đây sẽ mệt nhọc và bị não hại.

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "*Chúng tôi sẽ tu tập **từ tâm giải thoát**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện*".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

3 Phi nhân - Không tu tập sung mãn Từ tâm gthoát thời dễ bị phi nhân nã hại - Kinh Gia Đình – Tương II, 461

Gia Đình – Tương II, 461

1) Ở Sàvatthi.

2) *Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có nhieu phụ nữ và ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm ghè nã hại.*

3) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không tu tập từ tâm giải thoát, không làm cho sung mãn, thời vị ấy dễ bị phi nhân nã hại.*

4) *Ví như, này các Tỷ-kheo, những gia đình nào có ít phụ nữ và nhieu đàn ông, thời gia đình ấy khó bị các đạo tặc, trộm ghè nã hại.*

5) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thời vị ấy rất khó bị phi nhân nã hại.*

6) Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập như sau: "*Chúng tôi sẽ tu tập từ tâm giải thoát,*

làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, an trú, tích lũy và khéo thực hiện".

Như vậy, này các Tỷ-kheo các Ông cần phải học tập.

4 Phi nhân - Kinh SỢ HÃI TRONG TUỜNG LAI 1 – Tăng II, 470

SỢ HÃI TRONG TUỜNG LAI 1 – Tăng II, 470

1. - Này các Tỷ-kheo, do quán thấy **năm sợ hãi trong tương lai** này, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tình, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "*Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung.* Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy cố gắng tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đạt những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ nhất này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc

những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, ta có thể vấp ngã và té xuống, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể làm ta khuấy động, hay niêm dịch (đàm) có thể làm ta khuấy động, các gió như kiếm có thể làm ta khuấy động, do vậy ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái, cố gắng để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ hai này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài thú nguy hiểm, như sư tử, cọp, báo, gấu, dã can. Chúng có thể đoạt mạng sống của ta, có thể làm ta mệnh chung. Như vậy là một sự chướng ngại cho ta.

Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ ba này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ.

5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Trong khi ta sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài ăn trộm, ăn cắp đã hành nghề. Chúng có thể đoạt mạng sống của ta, chúng có thể làm ta mạng chung và như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh tấn, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ".

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ tư này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng không phóng dật, nhiệt tâm, tinh tấn, để chúng đạt những gì chưa chúng đạt, để chúng đắc những gì chưa chúng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chúng ngộ.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng quán sát như sau: *"Nay ta sống một mình ở trong rừng. Ở trong rừng có những loài phi nhân nguy hiểm, chúng có thể đoạt mạng sống của ta làm ta mệnh chung, như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ"*.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sợ hãi thứ năm này về tương lai, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sợ hãi về tương lai này, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

5 Phi nhân - Nguyên nhân vì sao loài người bị giảm thiểu - Kinh NGƯỜI GIÀU CÓ – Tăng I, 285

NGƯỜI GIÀU CÓ – Tăng I, 285

Rồi một Bà-la-môn giàu có lớn đi đến Thế Tôn, ...
Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn giàu có lớn bạch Thế Tôn:

- Con có nghe, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn thuở xưa, các trưởng lão lớn tuổi, bậc thầy của các bậc Thầy nói rằng: "*Thuở xưa, thế giới này quá sung mãn, với người, - người ta nghĩ như một vực sâu không có sống, các làng, các thị trấn, các kinh thành quá gần để một con gà trống có thể bước từ chỗ này qua chỗ kia.*"

Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ngày nay loài Người lại bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các thành phố trở thành không thành phố, các quốc độ trở thành không quốc độ?

→ Ngày nay, này Bà-la-môn, loài Người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, và bị ác tham chinh phục, bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái

phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục, vì bị tà kiến chi phối, *chúng cầm gươm sắc bén sát hại lẫn nhau*. Do vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, *đây là duyên, ngày nay loài Người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế ... các quốc độ trở thành không quốc độ*.

→ Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay, các loài Người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm ... bị các tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm ... vì bị các tà kiến chi phối, *trời không mưa xuống đều đặn*. Vì vậy, bữa ăn khó tìm, mùa màng hư mất, trắng xóa với côn trùng, chỉ còn lại cọng dẹp. Do vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, đây là duyên, vì sao ngày nay loài Người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế ... các quốc độ trở thành không quốc độ.

→ Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay, các loài Người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm ... bị các tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm ... vì bị các tà kiến chi phối, *các loài Yakkha (Đạ-xoa) thả ra các loài phi nhân dữ tợn*. Vì vậy, nhiều người mạng chung. Đây là nhân, đây là duyên, ngày nay loài Người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế ... các quốc độ trở thành không quốc độ.

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! ... Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

6 Phi nhân - Vua Bimbisara sanh làm Dạ xoa dòng họ vua Vessavana - Kinh XÀ-NI-SA – 18 Trường II, 53

KINH XÀNISA
(*JANAVASABHA SUTTANTA*)
– Bài kinh số 18 – Trường II, 53

I

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nàdika (bộ lạc Na-đê-ca) tại Gijjakàvasatha (nhà làm bằng gạch). Lúc bấy giờ, Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã sống, đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh như bộ lạc Kàsi (Ca-thi), Kosala (Câu-tát-la), Vajjì (Bạt-kỳ), Malla (Mạt-la), Ceti (Chi-đê), Vansa (Bạt-sa), Kuru (Câu-lâu), Pancàla (Ban-giá-la), Maccha (Bà-sá-la) Sùrasena (Mậu-ba-tây-na):

- Vị này sanh ra tại chỗ này! Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdika đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn

không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà, đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ tận diệt khổ đau. Hơn năm trăm vị Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác.

2. Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sinh của những tín đồ đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này. Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (Thiên giới) từ đó nhập niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan

hỷ, tín thọ, an lạc.

3. Tôn giả Ananda được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, mallà, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn 50 vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc".

4. Rồi tôn giả Ananda suy nghĩ: " Nhưng ở tại Magadha (Ma-kiệt-đà), có nhiều tín đồ đã tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga (Ương-già) và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp và tin

tướng Tăng, và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và sự mệnh chung của họ. Lành thay nếu gọi được một câu trả lời về họ, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại có vua Seniya Bimbisàra (Tư-ni-du Tần-bà-sa) xứ Magadha sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như pháp, dùng chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, vị này mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vua sống như Pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay, nếu gọi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại nữa Thế Tôn chứng quả Bò-đề tại Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha thì sao Ngài lại không nói đến về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha thì các vị này sẽ đau buồn và nếu các vị này đau buồn thì sao

Thế Tôn có thể không trả lời được? "

5. Sau khi đã suy nghĩ một mình, yên lặng, vì các tín đồ ở Magadha, tôn giả Ananda sáng hôm sau thức dậy đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn con có nghe: Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceit, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdikà đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất Lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

6. Bạch Thế Tôn, nhưng ở tại Magadha có nhiều tín

đồ này tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga và magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của họ. Lành thay nếu gọi được một câu trả lời về họ, và như vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên Thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại có vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha, sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như Pháp, và dùng Chánh pháp cai trị nước này. Vị Vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay nếu gọi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại nữa Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha, thời sao Ngài không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha. Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín

đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn, và nếu các vị này đau buồn thời sao Thế Tôn có thể không thể trả lời được?

Tôn giả Ananda, vì các tín đồ ở Magadha, sau khi đã trình lên trước Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ ra đi.

7. Sau khi tôn giả Ananda đi ra không bao lâu, Thế Tôn liền đắp y vào buổi sáng, tay cầm y bát, đi vào Nàdikà để khát thực. Khi khát thực ở Nàdikà xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực về và rửa chân, Ngài vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào? " Thế Tôn thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, sau khi tịnh niệm, bước ra khỏi ngôi nhà bằng gạch, rồi ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, dưới bóng ngôi nhà.

8. Rồi Tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn ở, lúc đến xong, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngó thật là an tịnh; diện

sắc của Thế Tôn như là sáng chói nhờ các căn thật sự thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hôm nay an trú có được hoan hỷ không?

9. - Nay Ananda, sau khi Thầy, vì các tín đồ ở Magadha đã nói trước mặt Ta như vậy và đứng dậy ra về, Ta đi khát thực ở Nādikā xong, sau bữa ăn, khi đi khát thực về và rửa chân, Ta vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các vị Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào? " Rồi Ta thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Nay Ananda, lúc bấy giờ một vị Dạ-xoa (Yakkha) ẩn mình lớn tiếng nói rằng: " Bạch Thế Tôn, con tên là Janavasabha. Bạch Thiện Thệ, con là Janavasabha ". *Nay Ananda, Ngươi từ trước đã từng được nghe ai tên là Janavasabha (Xà-ni-sa) chưa?*

- Bạch Thế Tôn, còn từ trước chưa từng được nghe ai tên Janavasabha. Bạch Thế Tôn, khi con nghe tên Janavasabha, con có cảm giác râu tóc bị dựng ngược, Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: " Vị Dạ-xoa này không phải là hạng tầm thường, vì đã mang tên Janavasabha ".

10. - Nay Ananda, khi những lời ấy được nói xong, vị Dạ-xoa ấy hiện ra trước mặt Ta, nhan sắc thật phi thường và lần thứ hai, vị ấy nói:

“ – Bạch Thế Tôn, con là Bimbisàra! Bạch Thiện Thệ, con là Bimbisàra! Bạch Thế Tôn, **nay là lần thứ bảy** con được sanh vào dòng họ vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên Vương). Con chết đi trong địa vị làm vua ở nhơn gian, nay được sanh trên thiên giới, làm bậc phi nhân.

*Từ đây đến bảy lần,
Từ kia đến bảy lần,
Mười bốn lần tái sanh,
Như vậy con biết được,
Đời quá khứ của con.*

Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

« - Thật hy hữu thay, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha đã nói với Ta: « Bạch Thế Tôn, đã lâu con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai ». *Do nguyên nhân gì, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha tự biết mình đã đạt được địa vị cao thượng, thù thắng như vậy? »*

11. « - Bạch Thế Tôn, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài! Bạch Thiện Thệ, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài! Từ khi con nhất hướng quy y và tín ngưỡng Thế Tôn, từ khi ấy con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

Bạch Thế Tôn, con được vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên vương) nhờ con đi đến vua Virùlhaka (Tăng Trưởng thiên vương) có chút công việc, giữa đường con thấy Thế Tôn vào ngôi nhà bằng gạch suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng thế nào?"

Bạch Thế Tôn! Không thể kỳ diệu sao được khi con đối mặt tự thân nghe từ miệng vua Vessavana nói với hội chúng của mình, các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mệnh như thế nào? Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Ta sẽ đến yết kiến Thế Tôn! Ta sẽ đề cập vấn đề với Thế Tôn!". Bạch Thế Tôn, đó là hai nguyên nhân khiến con đến yết kiến Thế Tôn!

12. " Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân **đêm trăng rằm Bố-tát** (Uposatha) **trong tháng nhập an cư mùa mưa**, toàn

thể chư Thiên ở cõi Tàvatimsà (Tam thập tam thiên) ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường (Sudhamma). Xung quanh có Đại Thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi.

- Đại vương **Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương)** vua ở phương Đông, ngồi xây mặt hướng Tây, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virùlhaka (Tăng Trưởng Thiên vương)**, vua ở phương Nam ngồi xây mặt hướng Bắc, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virùpakka (Quảng Mục Thiên vương)** vua ở phương Tây, ngồi xây mặt hướng Đông, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương)**, vua ở phương bắc, ngồi xây mặt hướng Nam, trước mặt Thiên chúng.

Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, và tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi, như vậy là thứ tự chỗ ngồi của những vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nào trước sống Phạm hạnh theo Thế Tôn và nay nếu sanh lên cõi Tam thập tam thiên, những vị này thắng xa chư Thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt".

13. "Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ Thiên chủ Đế Thích (Sakka Inda) thấy chư thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, liền tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.*

*Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đánh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

" Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: " Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt ".

14. " Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường, các vị này suy tư thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

*Các đại vương chấp nhận
Lời giảng dạy khuyến giáo.
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.*

15. " Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra, thắng xa oai lực của chư Thiên. Bạch Thế Tôn rồi Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên: " Nay

các Thiên hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh sáng khởi lên, hào quang hiện ra như vậy báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra ".

*Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện.
Hiện tượng đáng Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.*

16. " Bạch Thế Tôn, rồi chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi xuống trên ghế của mình và nói: " Chúng tôi sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ".

Cũng vậy, bốn vị đại vương ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói: "Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ". Sau khi nghe vậy, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đều đồng một lòng một ý: " Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy ".

17. " Bạch Thế Tôn, khi **Phạm thiên Sanamkumāra (Thường Đồng hình Phạm thiên)** xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngài xuất hiện với một

hóa tướng thô xấu.

Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, sắc tướng không đủ thù thắng để chư Thiên ở Tam thập tam thiên khâm phục.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, **như một hình tượng bằng vàng chói sáng** hơn thân hình con người, cũng vậy bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra hiện ra trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, không một vị Thiên nào trong chúng này đánh lễ, đứng dậy hoặc mời vị Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chấp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ: "Nay, nếu Phạm thiên Sanamkumàra muốn gì với vị Thiên nào, thời hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên ấy ". Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quản đánh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sáng khoái, vô cùng

hoan hỷ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

18. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện với hình tượng thô xấu, **hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Ké)** trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất phẳng bằng, cũng vậy bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già trên hư không, thấy được sự an tịnh của chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền nói lên sự hoan hỷ của mình bằng bài kệ sau đây:

*Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh
Hay sanh tại cõi này.*

*Chúng thắng về quang sắc
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

*Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

19. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, **tiếng nói của Phạm thiên Sanamkumàra có tám đặc điểm sau đây: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động.** Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn, một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy gọi là **Phạm âm.**

20. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra, tự hiện hóa ba mươi ba hóa thân, mỗi thân ngồi kiết già trên mỗi chỗ ngồi của chư Thiên ở Tam thập tam thiên và nói với chư Thiên, này như sau:

◎ "- Nay Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? Thế Tôn phục vụ cho hạnh phúc chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

☞ Chư Thiên hữu, những ai **quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và giữ trọn giới luật**, những vị này khi thân hoại mệnh chung:

- Một số được sanh lên Thiên chúng Parinimiitta-Vasavati (Tha Hóa Tự tại thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Nimmànaratì (Hóa Lạc thiên);
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tusitā (Đâu-suất thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Yàmà (Dạ-ma-thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tà-vatimsà (Tam thập tam thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Catumàràjikà (Tứ Thiên vương thiên),
- Những ai phải điền vào cho đủ số hạ phẩm nhất được sanh vào chúng Gandhabba (Càn-thát-bà).

21. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra. Bạch Thế Tôn, giọng nói của Phạm thiên Sanamkumàra về vấn đề này được nói một cách khiến mỗi vị Thiên nghĩ rằng: " Vị ngồi trên chỗ ngồi của ta, chỉ vị ấy nói mà thôi ".

*Chỉ một Phạm thiên nói,
Mọi hóa thân đều nói,
Chỉ một vị im lặng,
Tất cả đều im lặng.*

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích nghĩ rằng:
Chỉ vị ngồi chỗ ta,
Chỉ vị ấy riêng nói.*

22. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra thâu nhiếp tất cả thân thành một thân, sau khi thâu nhiếp, liền ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka và nói với Thiên chúng ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? **BỐN PHÁP THẦN TÚC** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Cháng Đăng Giác, khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thực, để thần thông được thi thiết.

Thế nào là bốn? Ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu dục, thiền định tinh cần hành... tinh tấn thiền định... tâm thiền định... tu tập thần túc, câu hữu với tư duy thiền định, tinh cần hành.

Bốn pháp thần túc này đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thực, để thần thông được thi thiết.

Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều sẽ tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này.

Này chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị có thấy ở nơi tôi thần lực như vậy không?

" - Có như vậy, Phạm thiên!

" - Chư Thiện hữu, tôi nhờ tu tập và phát triển bốn

thần túc này mà nay thành tựu đại thần lực như vậy, đại uy đức như vậy.

23. "Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ "- Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, quý vị nghĩ thế nào? **BA CON ĐƯỜNG TẮT** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Thế nào là ba?

→ " Chư Thiên hữu, ở đây có người thân cận dục lạc, thân cận bất thiện pháp. Sau một thời gian, vị này được nghe **Thánh pháp**, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Và khi **nghe được Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp** và tùy pháp vị này sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp.

→ Nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiên hữu,

như từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy, Chư thiện hữu nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ nhất hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

24. " Chư Thiện hữu, lại nữa:

→ Ở đây có người thân hành thô lậu, chưa được an tịnh, khẩu hành thô lậu... ý hành thô lậu chưa được an tịnh, sau một thời gian vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này... ý hành thô lậu của vị này được an tịnh.

→ Nhờ thân hành, khẩu hành, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiện hữu, nhờ từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy chư Thiện hữu, nhờ thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành... ý hành thô lậu của vị

này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác Chứng ngộ.

25. " Chư Thiện hữu, lại nữa:

→ Ở đây có người **không như thật biết**: "Đây là **thiện**", không như thật biết: "Đây là bất thiện", không như thật biết: "Đây là có tội", "Đây là không tội ", "Đây là hạ liệt ", "Đây là cao thượng ", "Đây là đen trắng đồng đều ". Sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, **như lý tác ý**, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp, vị này như thật biết: "Đây là thiện", như thật biết: "Đây là bất thiện", như thật biết: "Đây là có tội", "đây là không tội", "đây cần phải thuận theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đều".

→ Nhờ biết như vậy, **nhờ thấy như vậy, vô minh của vị này được trừ diệt, minh được sanh**

khởi. Vị này nhờ vô minh được trừ diệt và minh sanh khởi, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiên hữu, đó là con đường tắt ba hướng đến an lạc, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

"Chư Thiên hữu, **đó là ba con đường tắt** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

26. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? **BỐN NIỆM XÚ** hướng đến chư thiên đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Thế nào là bốn? Chư Thiên hữu, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh

niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

→ Nhờ sống quán thân trên nội thân vị này được **chánh định và chánh an tịnh.**

→ Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, **tri kiến được sanh khởi đối với các thân khác ngoài tự thân.**

Vị Tỷ-kheo sống quán các cảm thọ từ nội thân... quán tâm...quán pháp đối với các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán pháp đối với các pháp, tâm được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, tri kiến được sanh khởi, đối với các pháp khác.

" Chư Thiên hữu, **BỐN NIỆM XÚ** này hướng đến **CHƠN THIỆN** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ ".

27. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào về **BẢY PHÁP ĐỊNH TƯ LƯƠNG** (Sa-màdhi-parikkhàra) **để tu hành chánh định, để kiện toàn thiền định**, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ?

▶ Thế nào là bảy? Như chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

▶ Chư Thiện hữu, **nhứt cảnh tánh của tâm do bảy chỉ này sửa soạn, được gọi là *Thánh chánh định cùng với các y chỉ và cùng với các tư lương.***

- Chư Thiện hữu, chánh tư duy **vừa đủ** để chánh tri kiến sanh khởi,
- Chánh ngữ vừa đủ để chánh tư duy sanh khởi,
- Chánh nghiệp vừa đủ để chánh ngữ sanh khởi,
- Chánh mạng vừa đủ để chánh nghiệp sanh khởi,
- Chánh tinh tấn vừa đủ để chánh mạng sanh khởi,
- Chánh niệm vừa đủ để chánh tinh tấn sanh

khởi,

- Chánh định vừa đủ để chánh niệm sanh khởi,
- Chánh trí vừa đủ để chánh định sanh khởi,
- Chánh giải thoát vừa đủ để chánh trí sanh khởi.

" Chư Thiện hữu, nếu có người nói lời chánh ngữ sau đây: *"Chánh pháp đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở "*. Nói như vậy là chánh ngữ. Chư Thiện hữu, vì chánh pháp thật sự đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở.

" Chư Thiện hữu, **những ai tin tưởng Phật không có thoái chuyển, tin tưởng Pháp không có thoái chuyển, tin tưởng Tăng không có thoái chuyển, đầy đủ giới hạnh khiến bậc Thánh hoan hỷ, tất cả những vị được hóa sanh được Chánh pháp hướng dẫn**. Hơn **hai trăm bốn mươi vạn** vị cư sĩ ở Magadha đã từ trần mệnh chung, những vị này đều diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn đọa vào ác thú, chắc chắn đạt đến chánh giáo. Lại có những **vị Nhất**

lại:

Với hạng chúng sanh này
Ước lường phần công đức.
Không thể ước lượng được
Sợ phạm tội vọng ngữ.

28. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, được biết nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra, đại vương Vessavana khởi lên suy tư sau đây: ***"Chư Thiện hữu, thật là kỳ diệu! Chư Thiện hữu, thật là hy hữu, được có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, được một con đường đặc biệt như vậy"***.

" Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra tự tâm mình biết được tâm trí của đại vương Vessavana như vậy, liền thưa với đại vương:

" - Đại vương Vessavana nghĩ như thế nào? Trong thời quá khứ đã có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, đã được trình bày một con đường đặc biệt như vậy... Trong thời gian tương lai, sẽ có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày một

con đường đặc biệt như vậy ".

29. Đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên.

- Đại vương Vessavana sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên, liền nói với chúng của mình.
- Dạ-xoa Janavasabha sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của đại vương Vessavana nói với hội chúng, liền bạch lại với Thế Tôn.
- Thế Tôn sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Dạ-xoa Janavasabha, và sau khi tự mình chứng tri liền nói lại cho tôn giả Ananda.
- Tôn giả Ananda sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Thế Tôn liền nói lại cho chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ.
- Phạm hạnh này được hưng thịnh, được quảng bá, được truyền rộng cho đại chúng càng ngày càng đông, vì được khéo léo trình bày cho loài Người.

7 Phi thời - 5 tình cần phi thời - Kinh THỜI GIAN ĐỂ TÌNH CẦN – Tăng II, 411

THỜI GIAN ĐỂ TÌNH CẦN – *Tăng II, 411*

- 1.- **Có năm phi thời để tình cần**, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?
2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo già yếu, bị già chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ nhất để tình cần.
3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bệnh hoạn, bị bệnh hoạn chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ hai để tình cần.
4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi có nạn đói, mất mùa, đồ ăn khát thực khó được, không dễ gì để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Này các Tỷ-kheo, đây là thời gian phi thời thứ ba để tình cần.
5. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có sự sợ hãi về giặc cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe đi trốn. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ tư để tình cần.

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự kết tội lẫn nhau, có sự tấn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín, không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ năm để tinh cần.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm phi thời để tinh cần.

7. **Này các Tỷ-kheo, có năm đúng thời này để tinh cần.** Thế nào là năm?

8. Ở đây, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo còn trẻ, niên thiếu**, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ nhất để tinh cần.

9. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **Tỷ-kheo ít bệnh, ít nã**, sự tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ hai để tinh cần.

10. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **khi ăn uống được đầy đủ**, được mùa, đồ ăn khát thực kiếm được thật dễ dàng để nuôi sống bằng khát thực nỗ lực. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ ba để tinh cần.

11. Lại nữa, này các Tỷ kheo, các Thầy **sống với nhau thuận** hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Này các Tỷ kheo, đây là đúng thời thứ tư để tinh cần.

12. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, **chúng Tăng hòa hợp**, cùng nhau hòa hợp, không tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Này các Tỷ-kheo, giữa chúng Tăng hòa hợp, không có mắng nhiếc lẫn nhau, không có kết tội lẫn nhau, không có sự tản xuất lẫn nhau. Ở đây, những ai không có tịnh tín, tìm được tịnh tín, những ai có tịnh tín, được tăng trưởng nhiều hơn. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ năm để tinh cần.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm đúng thời để tinh cần.

8 Phi thời và phải thời cho đời sống Phạm hạnh - Kinh KHÔNG PHẢI THỜI – Tăng III, 590

KHÔNG PHẢI THỜI – Tăng III, 590

1. - "Làm việc đúng thời là thế giới, làm việc đúng thời là thế giới ", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phạm phu nói như vậy, nhưng vị ấy không biết đúng thời và phi thời.

Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết cho đời sống Phạm hạnh.

Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ nhất cho đời sống Phạm hạnh.

3. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ... Phật, Thế Tôn và pháp được giải đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này lại bị sanh vào loại bàng sanh ...

... người này lại bị sanh vào cõi nga quỷ ...

... người này lại bị sanh vào giữa chư Thiên có thọ mạng lâu dài ...

... người này lại bị sanh vào các biên địa, giữa những kẻ vô trí mọi rợ, tại đây, không có hướng đi cho các Tỷ-kheo, các Tỷ kheo ni, cho các nam cư sĩ, nữ cư sĩ ...

... và người này được sanh vào chánh địa, nhưng lại có tà kiến, có tri kiến đảo ngược: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực, các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có hóa sanh, ở đời không có những Sa-môn, những Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ ở đời này, đời khác và truyền dạy lại » ...

... và người này được sanh vào chánh địa, nhưng người ấy lại ác tuế, si mê, tâm điếc, không có thể

hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở.
Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ tám cho đời sống Phạm hạnh.

4. Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh.

5. Này các Tỷ-kheo, **chỉ có một chánh thời**, một chánh thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là một?

6. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này được sanh vào chánh địa, vì ấy có trí tuệ, không si mê, không câ mê, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Này các Tỷ-kheo, đây là chánh thời, chánh thời tiết độc nhất cho đời sống Phạm hạnh.

*Ai được sanh làm người
Khi diệu pháp được giảng
Lại không nắm được thời
Họ vượt qua khỏi thời
Nhiều phi thời được nói*

Làm chướng ngại con người
Chỉ năm khi mười họa
Nhu Lai hiện ở đời
Được giáp mặt với Ngài
Rất khó được ở đời
Được sanh ra làm người
Và diệu pháp được giảng
Vừa đủ để tinh tấn
Với ai muốn lợi ích
So biết rõ diệu pháp
Lại để thời vượt qua!
Kể để thời gian qua
Sầu muộn tại địa ngục
Ở đây ai bỏ rơi
Quyết định tánh diệu pháp
Nhu kẻ buôn mất của
Sẽ sầu não lâu ngày.
Người vô minh bao phủ
Vi phạm đến diệu pháp
Phải chịu đựng lâu ngày
Lưu chuyển trong sanh tử
Ai được sanh làm người
Trong thời pháp khéo giảng
Quá khứ, hiện, vị lai
Làm theo lời Đạo Sư
Nắm được thời ở đời
Cho vô thượng Phạm hạnh

*Ai đã bước con đường
Do Như Lai thuyết giảng
Những ai sống chế ngự
Do bậc pháp nhãn dạy
Như đã được thuyết giảng
Bậc Bà con mặt trời
Hãy sống thường chánh niệm
Hộ trì không tham dục
Chặt đứt mọi tùy miên
Không chạy theo ma giới
Các vị ấy ở đời
Đến được bờ bên kia
Và họ cũng đạt được
Các lậu hoặc đoạn tận.*

9 **Phiền luy - Kinh HỆ LUY – Tăng III,** **352**

HỆ LUY –Tăng III, 352

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy **pháp môn về hệ luy, và ly hệ luy**, hãy lắng nghe...

❖ *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về hệ luy?*

2. Một nữ nhân, nay các Tỷ-kheo, tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức, thời nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.

- ⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy.
- ⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nữ nhân ấy ước muốn có sự hệ luy ở ngoài.
- ⇒ Do duyên với hệ luy ấy, khởi lên lạc, hỷ nên nữ nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy.

⇒ Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn ông.

⇒ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân không có thoát được nữ tánh của mình.*

3. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đây.

⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đây nên tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đây.

⇒ Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đây nên nam nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài.

⇒ Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy.

⇒ Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn bà.

⇒ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nam nhân không thoát khỏi nam tánh của mình.* Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hệ lụy.

❖ *Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là không hệ lụy?*

4. Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức thời nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nên không tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nữ nhân ấy không muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ, nữ nhân ấy không ước muốn lạc, hỷ ấy.

→ *Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những người đàn ông.*

→ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân thoát được nữ tánh của mình.*

5. Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý đến nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nên không tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ

trang sức mà nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy.

→ Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên nam nhân ấy không ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc, hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc, hỷ ấy.

→ *Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những nữ nhân.*

→ *Như vậy, này các Tỷ-kheo, **nam nhân thoát được nam tánh của mình.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không hệ lụy.*

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy.

10 **Phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh - Kinh ĐẠI KHÔNG – 122 Trung III, 301**

KINH ĐẠI KHÔNG (**Mahasunnata sutam**)

– Bài kinh số 122 – Trung III, 301

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka để ở ban ngày. Lúc bấy giờ, tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka, thấy vậy Thế Tôn suy nghĩ: "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết ở đây có rất nhiều Tỷ-kheo ở không?"

Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda cùng với rất nhiều

vị Tỷ-kheo đang làm y (civarakamma) ở trú xứ của Thích-ca Ghataya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Thích-ca Ghataya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

– Nay Ananda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đây không.

– Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka; có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

→ Nay Ananda, một Tỷ-kheo không chói sáng nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

→ Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình,

thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra.

- Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra.
- Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra.
- Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ

chúng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoái mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra.

→ **Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não.**

→ Nhưng sự (an) trú này, này Ananda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chúng đắc và (an) trú nội không. Và nếu, này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng về viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.

→ **Do vậy, này Ananda, nếu Tỷ-kheo ước vọng: "Sau khi chứng đạt nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ananda, cần phải an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.**

❖ *Và này Ananda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm?*

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và trú Nhị thiền, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Tam thiền... chứng và trú Tứ thiền. Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi **vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi **vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú**, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Ở đây,

vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nay Ananda, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất, và an định nội tâm trên định tướng (samadhinimitte) đã đề cập về trước ấy.

Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy **tác ý nội không, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, nay Ananda, Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không. Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy **tác ý bất động, tâm thích thú**, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, nay Ananda, vị Tỷ-kheo biết như sau: "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (cankamati), và nghĩ rằng: **"Trong khi ta đang đi kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo đang an trú trong an

trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang đứng** lại, thời tham và uyu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngồi, vị ấy ngồi và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang ngồi**, tham và uyu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng: "*Trong khi ta **đang nằm**, tham và uyu, các ác bất thiện pháp không chảy vào*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, **tâm vị ấy hướng đến nói**, vị ấy suy nghĩ như sau: "*Ta sẽ không nói những câu chuyên hạ liệt, đê tiện, thuộc phạm phu*, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn tiết, an tịnh, thắng trí, giác ngộ. Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngoại cụ luận, hoan man luận, hương liệu luận, thân thích

luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm, đưa đến nhứt hướng yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như thiểu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ nói các luận như vậy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm (vitakka), vị ấy suy nghĩ: "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn (người suy nghĩ các suy tầm ấy) đến sự đoạn trừ hoàn

toàn đau khổ, như là **ly dục tâm, vô sân tâm, bất hại tâm**, vị ấy nghĩ: "**Ta sẽ suy tư các loại suy tâm này**". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này.**
Thế nào là năm?

– Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức; các hương do mũi nhận thức; các vị do lưỡi nhận thức; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. **Từ đây Tỷ-kheo cần phải thường quán sát tự tâm như sau: "Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (ayatana) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng?".**

➔ Này Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "**Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng**". Sự kiện là như vậy, **Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "Dục ái (chandaraga) này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, chưa đoạn diệt được"**. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

➔ Nay Ananda, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "*Trong tâm ta, **không có** khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng*". Sự kiện là như vậy, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, đã được đoạn diệt*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

❖ **Này Ananda, có năm thủ uẩn.**

– Ở đây, Tỷ-kheo cần phải đoạn tận chúng, khi vi ấy tùy quán sự sanh diệt. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

➔ Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, **nếu có ngã mạn nào (asmimmano) (khởi lên) đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận**. Sự kiện là như vậy, nay Ananda, Tỷ-kheo tuệ tri như sau: "*Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn (khởi lên) nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy*". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Những pháp này, nay Ananda, thuần nhất liên hệ đến thiện, đều

thuộc hiền, Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của ác ma.

– Này Ananda, Ông nghĩ thế nào? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn Đề tử tự nghĩ là xứng đáng (hợp lý) để đi theo một Đạo sư đầu cho bị hất hủi?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Này Ananda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích khế kinh và phúng tụng. Vì có sao? Trong một thời gian lâu dài, các pháp đã được các Ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí. Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào, khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng viễn ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận. Này Ananda, do nhân duyên những loại thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư đầu cho bị hất hủi. Sự

kiện là như vậy, này Ananda, thời có sự phiền lụy (upaddava) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy do đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trú xứ (senasanam) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên nhiễm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

Này Ananda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử? Này Ananda, đệ tử của một Đạo sư, bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng,

ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai; các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của đệ tử.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh? Ở đây, này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, Ngài không khởi lên niềm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui

lai đời sống sung túc.

Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chủ tâm theo (hạnh) viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước (theo hạnh ấy) lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác bất thiện pháp, tập nhiễm, dẫn đến tái sinh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. *Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.*

Nhưng này Ananda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn, nhiều quả não hơn đối với phiền lụy của Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa nó dẫn đến đọa lạc.

❖ **Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như**

vậy các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Và như thế nào là các đệ tử đối xử với Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lắng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.

Và như thế nào, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch? Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lắng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm

thân hữu, chớ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các Ông. Ta không sách tấn các Ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác, hết lời tán thán này đến lời tán thán khác. **Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

11 **Phiền não - Con đường đưa đến héo mòn phiền não - Kinh VAPPA – Tăng II, 196**

VAPPA – Tăng II, 196

1. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu khu vườn Nigrodha. Rồi thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đi đến Tôn giả Mahàmoggalàna; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Mahàmoggalàna rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahàmoggallàna nói với thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha đang ngồi một bên:

*- Ở đây, này Vappa, có thể có người với **thân** chế ngự, với **lời** chế ngự, với **ý** chế ngự, **vô minh** được viễn ly, **minh** được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ **cảm thọ đau khổ** có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?*

- Thừa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thừa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahàmoggallàna và Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà bị bỏ dở.

2. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ Thiền Tĩnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahàmoggallàna:

- Nay Mahàmoggallàna, câu chuyện gì được nói đến, khi các Ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện giữa các Ông chưa được nói xong?

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà: "Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi người nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Niganthà nói với con như sau: "Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thực, do một nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến họ cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!". Bạch Thế Tôn, ở đây là câu chuyện giữa Thích Tử Vappa, đệ tử của Niganthà và chúng con, câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến!

3. Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha:

- Này Vappa, nếu Ông có thể chấp nhận điều Ông có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp Ông không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Ta, nếu Ông hỏi ta thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", thì có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

- Bạch Thế Tôn, con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, và có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, con sẽ hỏi Thế Tôn thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

4.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên thân khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; **con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.**

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

5. - Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên lời khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được lời khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

6.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? **Nếu do nhân duyên ý khởi động**, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, **còn**

hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

7.- Ý Ông nghĩ thế nào, này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy ***do duyên vô minh khởi lên,*** vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, ***do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.***

Này Vappa, Ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

8.- Như vậy, này Vappa, với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

9. Ví như, này Vappa, duyên một thân cây, bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm các cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước

cuốn đi. Như vậy, này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rễ bị chắm đứt, làm thành như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được.

Cũng vậy, này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi tai nghe tiếng..., khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc ... khi ý thức tri pháp, không có ý đẹp, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng". Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lạnh".

10. Khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigantha bạch Thế Tôn:

- Ví như, bạch Thế Tôn, một người mong ước được tài sản, lo nuôi dưỡng tài sản của mình, nhưng không được tăng trưởng gì, trái lại chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cầu mong được lợi ích khi con hầu hạ kẻ ngu

Nigantha này. Con đã không được lợi ích gì, trái lại con chỉ được mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Bắt đầu từ hôm này, bạch Thế Tôn, với lòng tin gì con đã có với kẻ ngu Nigantha, con sẽ sàng lòng tin ấy giữa gió lớn, hay để lòng tin ấy vào dòng nước lạnh cho nước cuốn đi.

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng!

12 Phiền não - Kinh Tương Ưng Phiền Não – Tương III, 377

Tương Ưng Phiền Não

Con Mắt – Tương III, 377

1-2) Nhân duyên ở Sàvathi...

3) -- Này các Tỷ-kheo,

- **Dục tham** đối với **mắt** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **tai** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **mũi** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **lưỡi** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **thân** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **ý** là tùy phiền não của tâm.

4) Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với sáu xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy hướng về ly dục. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

II. Sắc – *Tương* III, 378

(Như kinh trên, chỉ thế vào **sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp**).

III. Thức – *Tương* III, 378

(Như kinh trên, chỉ thế vào **nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức**).

IV. Xúc

(Như kinh trên, chỉ thế vào **nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc**).

V. Thọ

(Như kinh trên, chỉ thế vào **thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh**).

VI. Tưởng

(Như kinh trên, chỉ thế vào **sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng**).

VII. Tư

(Như kinh trên, chỉ thế vào **sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư**).

VIII. Ái – *Tương* III, 378

(Như kinh trên, chỉ thế vào **sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái**).

IX. Giới – *Tương* III, 379

(Như kinh trên, chỉ thế vào **địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới**).

Uẩn – *Tương* III, 379

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) -- Nay các Tỷ-kheo,

- **Dục tham** đối với **sắc uẩn** là **tùy phiền não của tâm**.
- Dục tham đối với **thọ uẩn** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **tướng uẩn** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **hành uẩn** là tùy phiền não của tâm.
- Dục tham đối với **thức uẩn** là tùy phiền não của tâm.

4) **Nay các Tỷ-kheo, khi nào vị Tỷ-kheo đối với năm xứ này, đoạn tận được tùy phiền não, thời tâm vị ấy**

hướng về **ly dục**. Do biến mãn với ly dục, tâm vị ấy được xem là kham nhẫn, chứng tri đối với các pháp cần phải giác ngộ.

13 **Phiền não chương, nghiệp chương - Kinh CHUỐNG NGẠI – Tăng III, 250**

CHUỐNG NGẠI – *Tăng III, 250*

1. - Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **dầu có nghe điều pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.**

2. Thế nào là sáu?

- Thành tựu **ng nghiệp chương,**
- Thành tựu **phiền não chương,**
- Thành tựu **dị thực chương,**
- Không có lòng tin,
- Không có ước muốn,
- **Ác tuệ.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe pháp, không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe điều pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

4. Thế nào là sáu?

- Không thành tựu nghiệp chướng,
- Không thành tựu phiền não chướng,
- Không thành tựu dị thực chướng,
- Có lòng tin,
- Có ước muốn,
- Và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

14 Phàm con người được sanh, Sanh với búa trong miệng... - Kinh Tudu brahmà – Tương I, 327

Tudu brahmà – *Tương I*, 327

1) Tại Sàvatthi.

2) Lúc bảy giờ Tỷ-kheo Kokàlika bị bệnh, đau đớn, bị trọng bệnh.

3) Rồi **Bích-chi Phạm thiên Tudu** khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Tỷ-kheo Kokàlika.

4) Sau khi đến, vị ấy đứng trên hư không, và nói với Tỷ-kheo Kokàlika:

-- Nay Kokàlika, hãy đặt tin tưởng vào Sàriputta và Moggallàna. Sàriputta và Moggallàna thật là hòa nhã.

5) -- Ông là ai, này Hiền giả?

6) -- Ta là Bích-chi Phạm thiên Tudu.

7) -- *Này Hiền giả, phải chăng Ông đã được Thế Tôn nói là đã chứng quả **Bất lai**. Vậy Ông đến ở đời này làm gì? Ông có thấy lỗi lầm của Ông như thế nào?*

*Phàm con người đã sanh,
Sanh với **bú** trong miệng,
Kẻ ngu khi nói bậy,
Tự chặt đứt lấy thân.*

*Ai khen kẻ làm bậy,
Ai chê người làm hay,
Tự nhen nhúm bất hạnh,
Do chính miệng của mình;
Chính do bất hạnh ấy,
Nên không được an lạc,*

*Nhỏ thay bất hạnh này,
Trong canh bạc (rủi may),
Bị tan hoang tài sản,
Trong giờ phút đỏ đen!*

*Lớn hơn, sự bất hạnh,
Hơn mọi bất hạnh khác,
Do tự mình gây nên,
Cho tự ngã của mình!*

*Ai đối xử ác ý,
Với chư Phật, Thiện Thệ,
Phải trải qua thời gian,*

*Trăm ngàn, nhiều hơn nữa,
Ba mươi sáu và năm,
Trải thời gian thật dài.*

*Ai với lời và ý,
Phỉ báng bậc Hiền Thánh,
Dùng ác tâm chống đối,
Sẽ sa đọa địa ngục.*

15 Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ.. - Kinh SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

SỞ Y XỨ – Tăng I, 310

1. *Này các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).*

Thế nào là ba?

- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ*".
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra*".
- Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết pháp như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ*

hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên".

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ*". **Đối với các vị ấy, Ta đến và nói:** "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: "*Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ? "*".

Được Ta hỏi Như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **nghiệp quá khứ**, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến".*

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

3. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra". Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do nhân một tạo hóa tạo ra? " ".

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

*Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân **một vị tạo hóa** tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh ... Do nhân một vị tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến".*

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị tạo hóa tạo ra là lý do kiên thực, với những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không nên làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân không duyên". Ta đến họ và nói: "Chư Tôn giả, có thật chẳng, Chư Tôn giả có thuyết như sau, có chấp kiến như sau: “ Phàm có cảm giác gì, con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ, không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên? ” ”.

Được Ta hỏi như vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy".

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do không nhân không duyên, sẽ trở thành

người sát sanh ... Do không nhân không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến".

Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên là lý do kiên thực, với những người ấy, sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có "Đây là việc phải làm", hay "Đây là việc không phải làm". Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm, không được tìm thấy là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho các Ông được, vì các Ông sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dù có được các bậc Tôn giả cất vấn, nạn vấn lý do thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi (không hành động).

5. Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội

lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách?

- **Sáu giới này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.
- **Sáu xúc xú này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.
- **Mười tám ý cận hành này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị quở trách
- **Bốn Thánh đế này**, là pháp Ta thuyết giảng, không bị... quở trách.

6. Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

- Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới.
- Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

7. Có sáu xúc xú này, này các Tỷ-kheo, là pháp ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn

có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

- Nay các Tỷ-kheo, có sáu xúc xú này: **nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú.**
- Có sáu xúc xú này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng..... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

8. Có **mười tám ý cận hành** này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

- Khi con mắt thấy sắc, **tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho hỷ**, hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho **ưu**, hướng về và đến gần sắc, làm y xú cho **xả**.
- Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần tiếng, làm y xú cho xả. Khi mũi ngửi hương ... khi lưỡi nếm vị ... khi thân cảm xúc ... khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho hỷ, hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho ưu, hướng về và đến gần pháp, làm y xú cho xả.

- Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này đã được nói đến.

9. **Bôn Thánh đế** này, này các Tỷ-kheo, là pháp được Ta thuyết giảng ... không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến?

→ **Do chấp thủ Sáu giới, nên có Nhập thai.**

→ **Do có nhập thai, nên có Danh sắc.**

→ **Do duyên danh sắc, nên có Sáu xứ.**

→ **Do duyên sáu xứ, nên có xúc.**

→ **Do duyên xúc, nên có thọ.**

→ Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là Khổ", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ tập", Ta nêu rõ: "Đây là Khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con Đường đưa đến Khổ diệt".

• Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

- Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

• Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

- **Vô minh duyên hành**, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.
- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?*
 - **Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt.**
 - Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.
- *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt?*
 - **Đây là Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh

định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con Đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, do Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quả trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

16 Phàm nghiệp gì được làm có hạn lượng... - Kinh PHẠM THIÊN TRÚ – Tăng IV, 627

PHẠM THIÊN TRÚ – Tăng IV, 627

1. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ (kết quả) thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay thuộc trong đời sau.

Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ (kết quả) thời **khô** không chấm dứt.

Vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với **từ**, an trú biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hạn, không sân. Vị ấy biết rõ như sau: "*Trước kia, tâm này của ta là nhỏ, không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được*

làm có giới hạn, nay nó sẽ không sống trong giới hạn ấy nữa".

Các Thầy nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đưa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập **từ tâm giải thoát**, nó có thể làm nghiệp ác không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

- Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được?

2. Này các Tỷ-kheo, **từ tâm giải thoát** này cần phải tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi mang đi. Này các Tỷ-kheo, **con đường phải chết này ở giữa những tư tưởng**. Vị ấy rõ biết như sau:

"Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây, nó không thể theo ta và được hiện hữu về sau". Như vậy, này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được tu tập đưa đến không có trở lui, đối với Tỷ-kheo có trí tuệ, có được trong đời này, nhưng vị ấy chưa thể nhập sự giải thoát hơn thế nữa.

3. Với tâm câu hữu với **bì**... với tâm hâu hữu với **hỷ**... với tâm câu hữu với **xả**, vị ấy biến mãn một phương và an trú, như vậy phương thứ hai, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư. Như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy biết rõ như sau: "Trước kia, tâm này của ta là nhỏ, không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phạm nghiệp gì được làm có giới hạn, nó sẽ không đứng trong giới hạn ấy nữa".

Các Thầy nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đưa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập **xả tâm giải thoát**, nó có thể làm nghiệp ác không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được.

4. Này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát này cần phải tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi đem đi. Này các Tỷ-kheo, **con người phải chết này**

ở giữa những tư tưởng. Vị ấy rõ biết như sau:
"Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây, nó không thể theo và được hiện hữu về sau". Như vậy, này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát này được tu tập, đưa đến không có trở lui, đối với Tỷ-kheo có trí tuệ, có được trong đời này, nhưng vì ấy chưa thể nhập sư giải thoát hơn thế nữa.

17 Phàm nghiệp gì được làm có hạn lượng... - Kinh SUBHA – 99 Trung II, 793

KINH SUBHA (Subha sutta)

– Bài kinh số 99 – Trung II, 793

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú ở Savatthi, tại nhà một gia chủ vì một vài công vụ. Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú tại nhà gia chủ, nói với vị gia chủ ấy:

– Này Gia chủ, tôi nghe như sau: "Savatthi không phải không có các bậc A-la-hán lui tới". Hôm nay chúng ta nên đến chiêm ngưỡng vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào?

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn hiện trú tại Savatthi, Jetavana, tinh xá ông Anathapindika. Thưa Tôn giả, hãy đi đến chiêm ngưỡng Thế Tôn ấy.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng theo lời gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn đã nói như sau: "Người tại gia thành tựu chánh đạo thiện pháp. Người xuất gia không thành tựu chánh đạo thiện pháp". Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?*

– Nay thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta không tán thán tà đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành tà đạo, do nhân duyên hành tà đạo, không thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta tán thán chánh đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành chánh đạo, do nhân duyên hành chánh đạo, thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

– *Thưa Tôn giả Gotama, do dịch vụ nhiều, công tác nhiều, tổ chức nhiều, lao lực nhiều, nên nghiệp sự của kẻ tại gia có quả báo lớn. Do dịch vụ ít, công tác ít, tổ chức ít, lao lực ít nên nghiệp sự của kẻ xuất gia không có quả lớn. Ở đây, Tôn giả Gotama, có nói gì?*

– **Này Thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương pháp phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.**

- *Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự (Kammatthanam) với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.*
- *Này Thanh niên Bà-la-môn có nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.*
- *Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.*
- *Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.*

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp

sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Và đây Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả

lớn.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, ng nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, ng nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, ng nghiệp sự của người xuất gia, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ,

lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, **nghiệp sự của người xuất gia,** dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, **nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.**

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp được các Bà-la-môn chủ trương tác phước, đắc thiện, nếu Ông không thấy nặng nhọc, lành thay. Ông hãy nói về năm pháp ấy trong hội chúng này.

– Thưa Tôn giả Gotama, không có nặng nhọc gì cho con, khi ở đây có vị như Tôn giả, đang ngồi hay các vị giống như Tôn giả.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nói đi.

– Chân thực, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ nhất, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Khô hăng, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ hai, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Phạm hạnh, thưa Tôn giả Gotama là pháp thứ ba, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Tung độc, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ tư, các Bà-la-môn chủ trương

pháp này tác phước, đắc thiện. [Thí xả](#), thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ năm, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp này tác phước, đắc thiện. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Có một Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Có một Đạo sư nào trong những Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư, vị ấy đã nói: "Sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh, và ngày nay những vị Ba La Môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka,

Vamaka, Vamadeva, Vessamita, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vesettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, không có một vị Bà-la-môn nào trong các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Không có một Đạo sư nào trong các Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư nào nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Những vị tu sĩ thời cổ trong các vị Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú... không có một vị nào đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này".

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, chúng tôi nghĩ lời nói của những Bà-la-môn trở thành

giống như một chuỗi người mù, người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta phẫn nộ, không hoan hỷ vì bị Thế Tôn dùng ví dụ một chuỗi người mù, liền mạt ly Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn và nói về Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama sẽ bị quả ác độc (papika).

Rồi nói với Thế Tôn như sau:

– Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna trú ở rừng Subhaga đã nói: "Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn tự cho đã chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh này". Lời nói này của vị ấy thật sự đáng chê cười, thật sự chỉ là lời nói suông, thật sự chỉ là trống không, thật sự chỉ là trống rỗng. Làm sao còn là người còn lại có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga có thể biết tâm tư cả Sa-môn, Bà-la-

môn với tâm tư của mình?

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga, với tâm tư của mình không thể biết được tâm tư của Punnika, người đầy tớ gái của mình, làm sao lại có thể biết được tâm tư tất cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình?

– Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn một người sanh ra đã mù không thể thấy các sắc màu đen, màu trắng, không thể thấy các sắc màu xanh, không thể thấy các sắc màu vàng, không thể thấy các sắc màu đỏ, không thể thấy các sắc màu đỏ tía, không thể thấy những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không thể thấy các vì sao, không thể thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nói như sau: "*Không có các sắc màu đen, màu trắng, không có người thấy các sắc màu đen, màu trắng; không có các sắc màu xanh, không có người thấy các sắc màu xanh; không có các sắc màu vàng, không có người thấy các sắc màu vàng; không có các sắc màu đỏ, không có người thấy các sắc màu đỏ; không có các sắc màu đỏ tía, không có người thấy các sắc màu đỏ tía; không có những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không có người thấy cái gì bằng phẳng, không bằng phẳng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt*

trắng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy, do vậy nên không có". **Này Thanh niên Bà-la-môn, người ấy nói một cách chân chánh có nói như vậy không?**

– Thưa không vậy, Tôn giả Gotama. Có các sắc màu đen trắng, có người thấy các sắc màu đen trắng; có các sắc màu xanh, có người thấy các sắc màu xanh;... (như trên)... có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời". Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy. Do vậy, không có". Thưa Tôn giả Gotama, nếu người ấy nói một cách chân chánh thì sẽ không nói như vậy.

– Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga là người mù, không có mắt. Vị ấy có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Những vị Bà-la-môn giàu sang ở Kosala, như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, và thân phụ của Ông Todeyya, cái gì tốt hơn cho những vị ấy, lời nói

của các vị ấy được thể tục chấp nhận (sammusa) hay không được thể tục chấp nhận?

– Được thể tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được suy tư hay không suy tư?

– Cần phải được suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được phân tích, cân nhắc hay không cần phải phân tích, cân nhắc?

– Cần phải phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải liên hệ đến mục đích, hay không cần phải liên hệ đến mục đích?

– Cần phải liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Nếu là như vậy thời lời nói của Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga được thể tục chấp nhận hay không được thể

tục chấp nhận?

– Không được thế tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên là có suy tư, hay không suy tư?

– Không suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên có phân tích, cân nhắc, hay không phân tích cân nhắc?

– Không phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên liên hệ đến mục đích, hay không liên hệ đến mục đích?

– Không liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, có năm triền cái này. Thế nào là năm? Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm triền cái.

➔ Nay Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga đã bị trùm che, ngăn chặn, bao phủ, và bao trùm bởi năm triền cái này. Vì ấy biết được, thấy được, hay chứng tri được các pháp Thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; tiếng do tai nhận thức... hương do mũi nhận thức... vị do lưỡi nhận thức... xúc do thân nhận thức khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Nay Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm dục trưởng dưỡng.

➔ Nay Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga bị trôi buộc, bị đam mê, bị tham trước bởi năm dục trưởng dưỡng này, thụ hưởng chúng mà không thấy sự nguy hiểm, không soi thấu sự thoát ly khỏi chúng. Vì ấy thật sự biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như

vậy không xảy ra.

❖ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Trong những loại lửa này, loại lửa nào có ngọn, có màu sắc hay có ánh sáng? Ngọn lửa được đốt lên nhờ cỏ và củi khô, hay ngọn lửa được đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô?*

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có sự kiện có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, thì ngọn lửa ấy có ngọn, có sắc và có ánh sáng.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, không có sự kiện, không có trường hợp có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, trừ phi dùng thần thông.

➔ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do năm dục trưởng dưỡng đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên nhờ cỏ và củi khô.*

➔ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô.*

Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại?

Ở đây, nay thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất. **Hỷ này, này Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.**

Lại nữa, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ,... chứng và trú Thiền thứ hai. **Hỷ này, này Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.**

❖ *Này thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp tác phước, đắc thiện nào có kết quả lớn hơn?*

– Thừa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện này. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp thí xả (caga) tác phước, đắc thiện có quả báo lớn.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một tể đàn lớn được một vị Bà-la-môn lập lên và có hai vị Bà-la-môn đi đến và nghĩ như sau: "Chúng ta sẽ thọ hưởng đại tể đàn của vị Bà-la-môn với danh tánh thế này". Ở đây, một vị Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Mong rằng trong phòng ăn, ta sẽ được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất; còn vị Bà-la-môn kia, trong phòng

ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất". Nay Thanh niên Bà-la-môn, sự kiện này xảy ra. Người Bà-la-môn ấy trong phòng ăn có thể được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn người Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Vị Bà-la-môn kia nghĩ như sau: "Vị Bà-la-môn ấy, trong phòng ăn, được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn ta, trong phòng ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Vị ấy phẫn nộ, không hoan hỷ. *Nay Thanh niên Bà-la-môn, các Bà-la-môn chủ trương quả dị thực gì cho người Bà-la-môn này?*

– Thừa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không bố thí với ý nghĩ: "Do bố thí này, người kia phẫn nộ, không hoan hỷ. Các Bà-la-môn bố thí chỉ vì lòng ái mẫn".

– *Sự kiện là như vậy, nay Thanh niên Bà-la-môn, thời đây có phải là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn?*

– Sự kiện là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thời đây là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn.

❖ *Nay Thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy*

chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này.
Ông thấy năm pháp này nhiều nhất ở đâu, ở
những người tại gia, hay ở những người xuất gia?

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những người xuất gia, có ít ở những người tại gia.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng, liên tục, không nói lời chân thật. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục, nói lời chân thật.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều.

Thưa Tôn giả Gotama, năm pháp tác phước, đặc thiện này được các vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những

vị xuất gia, có ít ở những vị tại gia.

❖ *Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp tác phước, đắc thiện này được các vị Bà-la-môn chủ trương, Ta nói những pháp này là những tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm tu tập không hận, không sân.*

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo nói lời chân thật, vị ấy nghĩ: "Ta nói lời chân thật", chúng được nghĩa tín thọ (atthavedam), chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp. Ta nói sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn vị Tỷ-kheo sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều vị ấy nghĩ rằng: "Ta thí xả nhiều", chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp, Ta nói rằng sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân. Này Thanh niên Bà-la-môn những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện này, Ta nói các pháp ấy là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha

Todeyyaputta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nghe như sau: "Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên".

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Làng Nalakara có gần đây không? Có phải làng Nalakara không xa ở đây?

– Thưa vâng, Tôn giả, làng Nalakara ở gần đây. Làng Nalakara không xa ở đây.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người sanh trưởng tại làng Nalakara, chưa rời khỏi làng Nalakara, và có người tới hỏi người ấy con đường đưa đến làng Nalakara. Này Thanh niên Bà-la-môn, người sanh trưởng tại làng Nalakara ấy phân vân hay ngập ngừng khi được hỏi về con đường đến làng Nalakara?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, vì người ấy sanh trưởng tại làng Nalakara. Người ấy biết rõ tất cả con đường đưa đến làng Nalakara.

– Tuy vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, rất có thể người sanh trưởng tại làng Nalakara này khi được

hỏi con đường đưa đến làng Nalakara còn có thể phân vân hay ngập ngừng. Nhưng Như Lai thì không vậy, khi được hỏi về Phạm thiên giới, hay về con đường đưa đến Phạm thiên giới, Như Lai không phân vân hay ngập ngừng. Và này Thanh niên Bà-la-môn, Ta biết Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới, và Ta cũng biết phải thành tựu như thế nào để được sanh vào Phạm thiên giới.

– Thưa Tôn giả Gotama, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Tốt lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho con, con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– *Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên?*

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ,

cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Nay Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. *Ví như, nay Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn.* Cũng vậy, nay Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Nay Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Lại nữa, nay Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thủy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Nay Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành

động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. *Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn*; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Này Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Gotama, nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con xin đi, chúng con có nhiều công việc phải làm.

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Lúc bảy giờ Bà-la-môn Janussoni, với cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đi ra khỏi Savatthi để nghỉ trưa. Bà-la-môn Janussoni thấy thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta từ xa đi lại, sau khi thấy, liền nói với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

– Tôn giả Bharadvaja đi từ đâu lại, quá sớm như vậy?

– Thưa Tôn giả, tôi vừa từ Sa-môn Gotama lại.

– Nay Tôn giả Bharadvaja, Tôn giả nghĩ thế nào? Tôn giả có nghĩ Sa-môn Gotama là bậc có trí, có trí tuệ sáng suốt (pannaveyyattiyam) không?

– Thưa Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama? Chỉ có vị nào như Ngài mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Bharadvaja thật đã tán thán Sa-môn Gotama với sự tán thán tối thượng.

– Nhưng tôi là ai mà tôi lại tán thán Sa-môn Gotama? Tán thán bởi những người được tán thán là Sa-môn Gotama, là bậc tối thượng giữa các hàng Thiên Nhân. Thừa Tôn giả, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, Sa-môn Gotama nói rằng năm pháp ấy là tư cụ cho tâm, nghĩa là đề tu tập, trở thành không hận, không sân.

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn, Janussoni bước xuống cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đắp áo vào một phía bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và thốt ra lời cảm hứng như sau: "Lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala! Tốt đẹp, lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala được Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú ở trong nước!

18 Phàm nghiệp gì được làm có hạn lượng... - Kinh Vô Ốc – Tương IV, 497

Vô Ốc – Tương IV, 497

- 1) Một thời Thế Tôn trú ở Nàlandà, tại rừng Pàvārikamba.
- 2) Rồi Thôn trưởng Asibandhakaputta, đệ tử của phái Ni-kiền-tử đi đến Thế Tôn...
- 3) Thế Tôn nói với thôn trưởng Asibandhakaputta đang ngồi một bên:

-- Này Thôn trưởng, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp như thế nào cho chúng đệ tử?

4) -- Bạch Thế Tôn, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp cho chúng đệ tử như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. **Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, chiều hướng ấy sanh thú của họ sẽ như vậy**". Như vậy, bạch Thế Tôn, Nigantha Nàtaputta thuyết pháp cho các đệ tử.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của họ sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

5) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người **sát hại sanh mạng**, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. **Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sát hại sanh mạng, hay thời vị ấy không sát hại sanh mạng?**

-- Bạch Thế Tôn, có người sát hại sanh mạng, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, là thời vị ấy sát hại sanh mạng. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sát hại sanh mạng.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai phải sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

6) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người **lấy của không cho**, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. **Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy lấy của không cho hay thời vị ấy không lấy của không cho?**

-- Bạch Thế Tôn, có người lấy của không cho, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng làm. Thời này

là ít hơn, thời vị ấy lấy của không cho. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không lấy của không cho.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời sẽ không có ai sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

7) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay tỉnh thoảng làm. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục, hay thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục?

-- Bạch Thế Tôn, có người sống theo tà hạnh trong các dục, ban đêm hay ban ngày, hay tỉnh thoảng làm. Thời này là ít hơn, thời vị ấy sống theo tà hạnh trong các dục. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không sống theo tà hạnh trong các dục.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không có ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

8) Ông nghĩ thế nào, này Thôn trưởng? Có người sống nói láo, ban đêm hay ban ngày, hay tỉnh

thoảng nói. Thời nào là nhiều hơn, thời vị ấy nói lão, hay thời vị ấy không nói lão?

-- Bạch Thế Tôn, có người nói lão, ban đêm hay ban ngày, hay thỉnh thoảng nói. Thời này là ít hơn, thời vị ấy nói lão. Và thời kia là nhiều hơn, thời vị ấy không nói lão.

-- Phàm sống tối đa, tối đa như thế nào, này Thôn trưởng, chiều hướng ấy sanh thú của vị ấy sẽ như vậy. Nếu sự thật là vậy, thời không ai sẽ sanh vào đọa xứ, địa ngục như lời của Nigantha Nàtaputta.

9) *Ở đây, này Thôn trưởng, có vị Đạo sư nói như sau, thấy như sau: "Ai sát hại sanh mạng, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục. Ai nói dối, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục".* Này Thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo sư ấy.

10) **Vị ấy suy nghĩ:** "Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sát hại sanh mạng tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta có sát hại một sanh mạng. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Này Thôn trưởng, không đoạn tận

lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy,
vị ấy chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục như vậy.

"Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai lấy của không cho, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta có lấy của không cho. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục." Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào đọa xứ, địa ngục như vậy.

"Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai sống theo tà hạnh trong các dục, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta sống theo tà hạnh trong các dục. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào đọa xứ, địa ngục như vậy.

"Thầy ta nói như sau, thấy như sau: 'Ai nói láo, tất cả phải sanh vào đọa xứ, địa ngục'. Nay ta nói láo. Như vậy, ta phải sanh vào đọa xứ, địa ngục". Vị ấy chấp trước tà kiến ấy. Nay Thôn trưởng, không đoạn tận lời ấy, không đoạn tận tâm ấy, không từ bỏ kiến ấy, vị ấy chắc chắn rơi vào đọa xứ, địa ngục như vậy.

11) Ở đây, này Thôn trưởng, Như Lai sanh ra ở đời, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; *Như Lai dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: "Chớ có sát sanh"; chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: "Chớ có lấy của không cho"; chỉ trích, công kích sống theo tà hạnh trong các dục và nói: "Chớ có sống theo tà hạnh trong các dục"; chỉ trích, công kích nói láo và nói: "Chớ có nói láo".* Nay Thôn trưởng, người đệ tử đặt lòng tin tưởng vào vị Đạo Sư ấy. **Vị ấy suy tư như sau:**

12) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sát sanh và nói: "Chớ có sát sanh". *Nay ta có sát hại như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên (sutthu), như vậy là không tốt. Và do duyên ấy ta có thể hối hận: "Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa".* Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ sát sanh. Và trong tương lai, người ấy đình chỉ sát sanh. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua.

13) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích lấy của không cho và nói: 'Chớ có lấy của không cho'. Nay ta có lấy của không cho như thế này, hay như thế kia. Như vậy là không nên, như vậy là không tốt. Và do duyên ấy, ta có thể hối hận: 'Ác nghiệp ta làm, nay sẽ không làm nữa'. Người ấy do suy tư như vậy, liền từ bỏ lấy của không cho. Và trong tương

lai, người ấy đình chỉ lấy của không cho. Như vậy, ác nghiệp ấy được vượt qua.

14) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích sống theo **tà hạnh trong các dục**.."..

15) "Thế Tôn dùng nhiều phương tiện chỉ trích, công kích **nói láo**.."..

16)

- Do đoạn tận sát sanh, người ấy trở thành *người không sát sanh*.
- Do đoạn tận lấy của không cho, người ấy trở thành *người không lấy của không cho*.
- Do đoạn tận sống theo tà hạnh trong các dục, người ấy trở thành *người không sống theo tà hạnh trong các dục*.
- Do đoạn tận nói láo, người ấy trở thành *người từ bỏ nói láo*.
- Do đoạn tận nói hai lưỡi, người ấy trở thành *người từ bỏ nói hai lưỡi*.
- Do đoạn tận nói lời độc ác, người ấy trở thành *người từ bỏ nói lời độc ác*.
- Do đoạn tận lời nói phù phiếm, người ấy trở thành *người từ bỏ nói lời phù phiếm*.

- Đoạn tận tham, không có tham lam, đoạn tận sân, không có sân tâm, đoạn tận tà kiến, người ấy trở thành *người theo chánh kiến*.

Này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với từ, sống biến mãn một phương. Như vậy, phương thứ hai. Như vậy, phương thứ ba. Như vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

17) *Ví như, này Thôn trưởng, một người lực sĩ thổi tù và (bằng con ốc), với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết. Cũng vậy, này Thôn trưởng, tu tập từ tâm giải thoát như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, phạm nghiệp làm có hạn lượng, ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở đây, sẽ không còn tồn tại.*

Này Thôn trưởng, vị Thánh đệ tử ấy, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, chánh niệm, tỉnh giác, với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với **hỷ**... với tâm câu hữu với **xả**, sống biến mãn một phương. Như vậy, phương thứ hai. Như vậy, phương thứ ba. Như vậy, phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô

biên giới vị ấỵ an trú biến mãn với tâm câu hữu với
xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân.

18) *Ví như, này Thôn trưởng, một người lực sĩ thổi
tù và, với ít mệt nhọc làm cho bốn phương được biết.
Cũng vậy, này Thôn trưởng, tu tập **xả tâm giải thoát**
như vậy, làm cho tăng trưởng như vậy, **phàm nghiệp**
làm có hạn lượng, ở đây, sẽ không còn dư tàn; ở
đây, sẽ không còn tồn tại.*

19) Khi được nghe nói vậy, thôn trưởng
Asibandhakaputta bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... từ nay cho đến
mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

19 Phàm nói ra điều gì, các pháp bất thiện tăng trưởng - Kinh ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – Tăng II, 145

ĐIỀU ĐƯỢC NGHE – *Tăng II, 145*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi. Sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, thấy như sau:

- "Khi người nào nói lên điều mình thấy: "Tôi thấy như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.
- Khi người nào nói lên điều mình nghe: "Tôi nghe như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.
- Khi người nào nói lên điều mình cảm giác: "Tôi cảm giác như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì.

- Khi người nào nói lên điều mình tri thức: "Tôi tri thức như vậy". Do vậy, người ấy không có lỗi gì".

2. Nay Bà-la-môn,

- ⇒ **Ta không nói rằng:** "Tất cả điều được **thấy** cần phải nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thấy không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **nghe** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được nghe không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **cảm giác** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác không nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được **thức tri** nên nói ra".
- ⇒ Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri không nên nói ra".

3. Nay Bà-la-môn,

- ⇒ *Phàm nói lên điều thấy gì, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, Ta nói rằng điều thấy như vậy không nên nói ra.*
- ⇒ *Phàm nói lên điều thấy gì, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, Ta nói rằng điều thấy như vậy nên nói ra.*
- ⇒ *Phàm nói ra điều nghe gì ...*
- ⇒ *Phàm nói ra điều cảm giác gì ...*
- ⇒ *Phàm nói ra điều thức tri gì, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, Ta nói rằng điều thức tri như vậy không nên nói ra.*
- ⇒ *Phàm nói lên điều thức tri gì, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, Ta nói rằng điều thức tri như vậy nên nói ra.*

Rồi Bà-la-môn Vassakàra, vị đại thần xứ Magadha, hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

20 Phàm phu - Sự đặc thù, sự sai khác.. - KINH HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tăng II, 54

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – *Tăng II, 54*

1. - **Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.**
Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thoái đoạ; khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên.
- **Một kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên.**
- Tại đây, **kẻ phàm phu**, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.

- Còn **đệ tử Như Lai**, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

2. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên.
- *Hai kiếp này, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Quang Âm Thiên.*
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở Biến tịnh Thiên.
- ***Bốn kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên.***
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyến Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái hạ; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên.
- ***Năm kiếp, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở Quảng quả Thiên.***
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.

- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – Tăng II, 57

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ ... **Thiền thứ hai** ... **Thiền thứ ba** ... **Thiền thứ tư** và an trú. **Vị ấy, ở đây về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã.** Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

21 Phàm phu và Thánh đệ tử - Kinh SỰ KIỆN KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC – Tăng II, 391

SỰ KIỆN KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC – *Tăng II, 391*

1.- Nay các Tỷ-kheo, có **năm sự kiện này không thể có** được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

2. Thế nào là năm?

- Phải bị **già**, muốn khỏi già, là một sự kiện không thể có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.
- Phải bị **bệnh**, muốn không bệnh...
- Phải bị **chết**, muốn không chết...
- Phải bị **hoại diệt**, muốn không hoại diệt...
- Phải bị **tiêu diệt**, muốn không tiêu diệt, là sự kiện không thể có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

3. Với kẻ phàm phu không học, nay các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến; khi già đến, kẻ ấy không suy

tư: "*Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến, nhưng đối với loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến; kẻ thù sẽ hoan hỷ; bạn bè sẽ lo buồn*". **Kẻ ấy phải bị già, khi già đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.**

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với kẻ phàm phu không học, phải bị bệnh và bệnh đến...

...phải bị chết và chết đến...

...phải bị hoại diệt và hoại diệt đến...

...phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến; khi tiêu diệt đến, kẻ ấy không suy tư: "*Không phải chỉ một mình ta bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không*

làm ta ưa thích; thân ta trở thành xấu xí; công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn". Kẻ ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, sâu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, **đây gọi là kẻ phạm phu không học, bị mũi tên sâu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.**

5. Với vị Thánh đệ tử có học, này các Tỷ-kheo, *phải bị **già** và già đến; khi già đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già, và già đến. Và nếu phải bị già và già đến, ta lại sâu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến; kẻ thù sẽ hoan hỷ; bạn bè sẽ lo buồn". Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sâu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.*

Này các Tỷ-kheo, *đây gọi là vị Thánh đệ tử có học, được nhủ lên là mũi tên sâu muộn có tẩm thuốc độc, mà kẻ phạm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sâu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình được hoàn toàn tịch tịnh.*

6. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử có học, *phải bị **bệnh** và bệnh đến...*

*...phải bị **chết** và chết đến...*

*...phải bị **hoại diệt** và hoại diệt đến...*

*...phải bị **tiêu diệt** và tiêu diệt đến; khi tiêu diệt đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến; kẻ thù sẽ hoan hỷ; bạn bè sẽ lo buồn". Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.*

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học, được nhắc lên là mũi tên sâu muện có tẩm thuốc độc mà kẻ phạm phu không học bị bắn trúng, tự mình làm ưu não. Không sầu muện, không bị bắn tên, vị Thánh đệ tử làm cho mình hoàn toàn tịch tịnh.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

*Chớ sầu, chớ than khóc,
Lợi ích được thật ít,
Biết nó sâu, nó khổ,
Kẻ địch tự vui sướng.*

*Do vậy, bậc Hiền trí,
Giữa các sự bất hạnh,
Không hoảng hốt rung sợ,
Biết phân tích, lợi ích.
Kẻ địch bị khổ não,
Thấy sắc diện không đổi,
Với tụng niệm vẫn chú,
Với lời thật khéo nói,
Với bố thí chân chánh,
Với truyền thống khéo giữ.
Chỗ nào được lợi ích,
Chỗ ấy gần tinh cần.
Nếu biết lợi không được,
Cả ta và người khác,
Không sầu, biết chịu đựng,
Mong vị ấy nghĩ rằng:
Nay ta phải làm gì?*

22 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh AMBATTHA – 3 Trường I, 159

KINH AMBATTHA – Bài kinh số 3 – Trường I, 159

1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn đang du hành tại nước Kosala (Câu tát la), cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị và đến tại một làng Bà-la-môn ở Kosala tên là Icchànankala. Tại đây, Thế Tôn ở tại Icchànankala trong khu rừng tên là Icchànankala.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi ở tại Ukkattha, một chỗ dân cư đông đúc, cây cỏ, ao nước, ngũ cốc phong phú, vốn là đất đai của vua, sau vua Pasenadi (Ba tư nặc) cấp cho để hưởng một phần lợi tức.

2. Bà-la-môn Pokkharasàdi nghe đồn: Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến Icchànankala, ở tại Icchànankala trong khu rừng tên

là Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài đã tự chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết, Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

3. Lúc bấy giờ, thanh niên Ambattha là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Vệ-đà với tự vựng, lễ nghi, giữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Vị này độc đáo về ba minh và được công nhận như vậy khiến các thân giáo sư phải nói: "Điều gì ta biết, người cũng biết; điều gì người biết, ta cũng biết".

4. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

– "Này Ambattha thân yêu, Sa-môn Gotama

là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích ca, nay đang du hành tại nước Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị, đã đến tại Icchànakala trú tại Icchànakala. Những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: "Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thế Tôn. Ngài đã chứng ngộ thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với các chúng Sa-môn Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, tự chứng ngộ rồi hiển thị cho mọi loài được biết. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa văn đầy đủ, trình bày phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Nếu được yết kiến một vị A-la-hán như vậy thì rất quý".

Này Ambattha thân yêu, hãy đi đến gặp Sa-môn Gotama, và tìm hiểu lời đồn về Tôn giả Gotama là như vậy hay không phải như vậy. Nhờ vậy, chúng ta sẽ được biết về Tôn giả Gotama".

5. - Làm thế nào con được biết về Tôn giả Gotama, được biết lời đồn về Tôn giả Gotama như vậy là đúng hay không, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, hay không phải như vậy?

- Ambattha thân yêu, theo truyền thống của chúng ta về ba mươi hai tướng của vị đại nhân, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn trong hai con đường, không có đường nào khác. Nếu là tại gia, sẽ thành vị

Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy châu báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, ma ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống, thống lãnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với chánh pháp, không dùng gậy, không dùng dao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, quét sạch mê lầm ở đời. Nay Ambattha thân yêu, ta đã cho con chú thuật. Con đã nhận những chú thuật ấy.

6.- Thừa vâng.

Thanh niên Ambattha vâng theo lời của Bà-la-môn Pokkharasàdi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi, hướng thân về phía hữu, cỡi xe ngựa cái và cùng một số đông thanh niên khác đi đến khu rừng Icchànakala. Đi xe đến chỗ còn đi được xe, Ambattha liền xuống xe đi bộ và đến tại tịnh xá.

7. Lúc bảy giờ một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Thanh niên Ambattha liền đến các Tỷ-kheo ấy và hỏi: "Các Hiền giả, nay Tôn giả Gotama ở tại chỗ nào? Chúng tôi đến đây để yết kiến

Tôn giả Gotama".

8. Các Tỷ-kheo liền nghĩ: "Thanh niên Ambattha này thuộc một gia đình có danh tiếng, là đệ tử của Bà-la-môn Pokkharasàdi, một vị cũng có danh tiếng. Một cuộc đối thoại như vậy giữa Thế Tôn và con một quý tộc như kia, không có khó khăn gì". Những Tỷ-kheo ấy nói với thanh niên Ambattha: "Này Ambattha, tịnh xá đóng cửa kia là chỗ ở của Ngài. Hãy đến đó một cách yên lặng, không vượt qua hành lang, đăng hăng và gõ vào thanh cửa, Thế Tôn sẽ mở cửa cho ông".

9. Thanh niên Ambattha liền đi đến tịnh xá đóng cửa ấy một cách yên lặng, không vượt quá hành lang, đăng hăng và gõ vào thanh cửa. Thế Tôn mở cửa và thanh niên Ambattha bước vào. Các thanh niên khác cũng bước theo, nói những lời chào đón hỏi thăm xã giao với Thế Tôn và ngồi xuống một bên, còn thanh niên Ambattha thời đi qua đi lại, thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhát gừng trong khi Thế Tôn đang ngồi.

10. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Có phải, đối với các bậc Bà-la-môn trưởng

lão, đứng tuổi, các bậc giáo sư và tổ sư, người cũng nói chuyện như vậy, như người đã đi qua lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi, hay đứng lại thốt ra những lời hỏi thăm nhất gừng trong khi Ta đang ngồi?

- Không phải vậy, này Gotama. Phải đi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đi. Phải đứng mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang đứng. Phải ngồi mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang ngồi. Phải nằm mà nói chuyện với một vị Bà-la-môn, này Gotama, nếu vị ấy đang nằm. Chỉ với những vị Sa-môn hèn hạ, trọc đầu, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân của bà con ta, thì ta mới nói chuyện như vậy, như với người, Gotama".

11. - Này Ambattha, hình như người đến đây với một ý định gì? Người hãy khéo tác ý đến mục đích đã đưa người đến đây. Thanh niên Ambattha này thật vô giáo dục, dầu nó tự cho là có giáo dục. Như vậy là vô giáo dục, có gì khác nữa!

12. Thanh niên Ambattha bị Thế Tôn gọi là vô giáo dục như vậy, liền phẫn nộ, tức tối, muốn nhục mạ Thế Tôn, phỉ báng Thế Tôn, công kích Thế Tôn, và nghĩ: "Sa-môn Gotama có ác ý đối với ta", liền nói

với Thế Tôn:

- Nay Gotama, thô bạo là dòng họ Thích ca; này Gotama, ác độc là dòng họ Thích ca; này Gotama, khinh suất là dòng họ Thích ca; này Gotama hung dữ là dòng họ Thích ca. Là đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, dòng họ Thích ca không kính nhường Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không lẽ, thật không đúng pháp, khi dòng họ Thích ca này, những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần đầu tiên đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

13. - Nay Ambattha, dòng họ Thích ca đã làm gì phật lòng người?

- Nay Gotama, một thời ta đi đến Kapilavatthu (Ca tỳ la vệ) có việc phải làm cho thầy ta là Bà-la-môn Pokkharasàdi, và đến tại công hội trường của dòng họ Thích. Lúc bấy giờ một số đông dòng họ Thích ca và thanh niên Thích ca đang ngồi trên ghế cao tại công hội trường. Chúng cười với nhau, dùng ngón

tay thọc cù nôn với nhau, ta nghĩ chắc chắn ta là mục tiêu cho chúng đùa giỡn với nhau, lại không ai mời ta ngồi. Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp, khi chúng Thích ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không cúng dường Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy thanh niên Ambattha lần thứ hai đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

14. - Nay Ambattha, cũng như con chim cáy, con chim cáy con có thể tự hát thỏa thích trong tổ của nó. Nay Ambattha, Kapilavatthu thuộc dòng họ Thích ca. Thật không xứng để cho Ambattha phải phật lòng vì một vấn đề nhỏ mọn này.

15. - Nay Gotama, có bốn giai cấp: Sát đế ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Thủ-đà-la. Nay Gotama, trong bốn giai cấp này, ba giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đà-la là để hầu hạ hạng Bà-la-môn . Nay Gotama, như vậy thật không phải lẽ, thật không đúng pháp khi chúng Thích-ca này là những hạng đê tiện, thuộc thành phần đê tiện, lại không kính nhường Bà-la-môn, không cung kính Bà-la-môn, không lễ bái Bà-la-môn, không tôn trọng Bà-la-môn .

Như vậy, thanh niên Ambattha lần thứ ba đã buộc tội dòng họ Thích ca là đê tiện.

16. Lúc bảy giờ Thế Tôn nghĩ: "Thanh niên Ambattha này đã phỉ báng dòng họ Thích-ca đê tiện một cách quá đáng. Nay ta phải hỏi dòng họ của nó". Rồi Thế Tôn hỏi thanh niên Ambattha:

- Dòng họ ngươi là gì?

- Nay Gotama, dòng họ ta là Kanhàyaana.

- Nay Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của ngươi về quá khứ, thời dòng họ Thích ca là thầy của ngươi. **Và ngươi là con của một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.**

Nay thanh niên Ambattha, tổ tiên của Thích ca là vua Okkàka. Thuở xưa, này Ambattha, vua Okkàka muốn trao vương vị cho hoàng tử con bà hoàng hậu chính mà vua thương yêu, bèn đuổi ra khỏi nước những người con đầu của mình là Okkàmukha, Karandu, Hatthiniya, Sinipura. Bị tẩn xuất khỏi nước, những hoàng tử này đến sống tại một khu rừng lớn bên một hồ nước, trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Vì sợ huyết thống của mình bị lẫn lộn với huyết thống khác, các vị hoàng tử này ăn nằm với những người chị của mình.

Này Ambattha, một hôm vua Okkàka nói với vị đại thần tùy tùng: "Này các khanh, các hoàng tử hiện nay ở đâu?" - "Bạch Đại vương, có một khu rừng lớn, bên một hồ nước trên sườn núi Hy-mã-lạp-sơn. Nay các hoàng tử ở tại chỗ ấy. Các hoàng tử, vì sợ huyết thống của mình lẫn lộn huyết thống khác nên ăn nằm với những người chị của mình".

Này Ambattha, vua Okkàka liền cảm hứng thốt lời tụng hân hoan: **"Các hoàng tử thật là những Sakya (cứng như lõi cây sồi), các hoàng tử thật là những Sakya xuất chúng"**. Này Ambattha, từ đó trở đi, các hoàng tử được gọi là Sakya và vua Okkàka là vua tổ của dòng họ Thích-ca.

Này Ambattha, vua ấy có một nữ tỳ lên là Disà. Nữ tỳ này sinh hạ một người con da đen. Vừa mới sinh, Kanha liền nói: "Này mẹ, hãy rửa cho con; này mẹ hãy tắm cho con; này mẹ hãy gội sạch đồ bất tịnh này. Và con sẽ giúp ích cho mẹ". Này Ambattha, vì người ta gọi những ác quỷ là ác quỷ nên người ta cũng gọi Kanha là ác quỷ. Chúng nói như thế này: "Đứa trẻ này, vừa mới sanh đã nói. Một Kanha vừa mới sinh". Này Ambattha, từ đó trở đi chữ Kanhàyanà được biết đến. Và Kanha là tổ phụ của dòng họ Kanhàyana. Này Ambattha, nếu theo phụ mẫu hệ của người về quá khứ, thời dòng họ Thích-

ca là thầy của người, và người là con một nữ tỳ của dòng họ Thích ca.

17. Khi Thế Tôn nói vậy, những thanh niên nói với Thế Tôn:

- Này Gotama, chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Này Gotama, thanh niên Ambattha sinh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này.

18. Thế Tôn liền nói với những thanh niên ấy.

- Nếu những thanh niên các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha không được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha không thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha không phải là bậc đa văn, thanh niên Ambattha không phải là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha không phải là nhà bác học, thanh niên Ambattha không thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này", thời thanh niên Ambattha hãy đứng ra một bên và để các thanh niên biện luận với Ta về vấn đề này. Nếu các người nghĩ: "Thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh

niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Gotama về vấn đề này", thời các người hãy đứng ra một bên và để thanh niên Ambattha biện luận với ta về vấn đề này.

19. - Nay Gotama, thanh niên Ambattha được sanh vào quý tộc, thanh niên Ambattha thuộc con nhà danh giá, thanh niên Ambattha là bậc đa văn, thanh niên Ambattha là nhà hùng biện giỏi, thanh niên Ambattha là nhà bác học, thanh niên Ambattha có thể biện luận với Tôn giả Gotama về vấn đề này. Chúng tôi sẽ đứng im lặng. Thanh niên Ambattha sẽ cùng với Gotama biện luận về vấn đề này.

20. Thế Tôn liền nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, câu hỏi hợp lý này được đem ra hỏi người dầu không muốn, người cũng phải trả lời. Nếu người không trả lời, hoặc trả lời tránh qua một vấn đề khác, hoặc giữ im lặng, hoặc bỏ đi, thời ngay tại chỗ, **đầu người sẽ bị bể ra làm bảy mảnh.** Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là

tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Nghe nói vậy thanh niên Ambattha giữ im lặng. Lần thứ hai Thế Tôn nói với thanh niên Ambattha:

- Nay Ambattha, nhà ngươi nghĩ thế nào? Ngươi có nghe các nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

Lần thứ hai thanh niên Ambattha giữ im lặng. Thế Tôn lại nói với thanh niên Ambattha:

- Ambattha, nay ngươi phải trả lời, nay không phải thời ngươi giữ im lặng nữa. Nay Ambattha ai được Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba một câu hỏi hợp lý mà không trả lời, thời đầu của người ấy sẽ bị bể ra làm bảy mảnh tại chỗ.

21. Lúc bấy giờ, thần Dạ xoa Vajirapàni đang cầm một chùy sắt to lớn, cháy đỏ, sáng chói đứng trên đầu của thanh niên Ambattha với ý định: "Nếu Thế Tôn hỏi đến lần thứ ba, một câu hỏi hợp lý mà thanh niên Ambattha không trả lời, thời ta sẽ đánh bể đầu nó ra làm bảy mảnh". Chỉ có Thế Tôn và thanh niên Ambattha mới thấy thần Dạ xoa Vajirapàni. Thanh niên Ambattha thấy vị thần ấy liền sợ hãi, hoảng hốt, lông dựng ngược, chỉ tìm sự che chở nơi Thế Tôn, chỉ tìm sự hỗ trợ nơi Thế Tôn, liền cúi rạp mình

xuống và bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama đã nói gì? Mong Tôn giả Gotama nói lại cho.

- Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có nghe các vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, giáo sư và tổ sư nói đến nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà không? Ai là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà?

- Tôn giả Gotama, con đã có nghe, đúng như Tôn giả Gotama đã nói. Chính từ đó nguồn gốc của dòng họ Kanhàyanà. Vị ấy là tổ phụ của dòng họ Kanhàyanà.

22. Khi nghe nói vậy, các thanh niên liền la hét lớn:

- Người ta nói thanh niên Ambattha là tiện sanh, người ta nói thanh niên Ambattha là con dòng không phải quý phái; người ta nói thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ của dòng họ Thích-ca; người ta nói dòng họ Thích-ca là chủ của thanh niên Ambattha. Chúng tôi không nghĩ rằng Sa-môn Gotama mà lời nói bao giờ cũng chân thực, lại không phải là người có thể tin được.

23. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Các thanh niên đã phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con

một nữ tỳ rồi. Nay Ta hãy giải tỏa cho Ambattha".
Rồi Thế Tôn nói với các thanh niên:

- Các thanh niên, các người chớ có phỉ báng quá đáng thanh niên Ambattha là con một nữ tỳ. Kanha ấy trở thành một tu sĩ vĩ đại. Vị này đi về miền Nam, học các chú thuật Phạm thiên, rồi về yết kiến vua Okkaka và yêu cầu gả công chúa Khuddarupi cho mình. Vua Okkaka vừa giận, vừa tức, mắng rằng: "Người là ai, con đưa nữ tỳ của ta mà dám xin con gái Khuddarupi của ta", và vua liền lấp tên vào cung. Nhưng vua không thể bắn tên đi, cũng không thể cắt mũi tên xuống. Khi bấy giờ, các thanh niên thị giả, các đại thần và tùy tùng đến thưa với ẩn sĩ Kanha:

- "Đại đức, hãy để cho vua an toàn! Đại đức, hãy để cho vua được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, và nếu nhà vua bắn mũi tên xuống đất, thời toàn thể quốc độ nhà vua sẽ bị hạn, khô héo!"

- "Đại đức hãy để cho vua được an toàn! Hãy để cho quốc độ được an toàn!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn! Nhưng nếu nhà vua bắn tên lên trời, thời toàn thể quốc độ sẽ không mưa trong bảy năm!"

- "Đại đức, hãy để cho nhà vua được an toàn, hãy để cho quốc độ được an toàn! Và hãy để cho trời mưa!"

- "Nhà vua sẽ được an toàn, quốc độ sẽ được an toàn và trời sẽ mưa. Nhưng vua hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử cũng sẽ được an toàn!".

Khi bấy giờ, các thị giả trẻ tuổi, các đại thần nói với Okkàka: "Okkàka hãy nhắm cây cung đến phía thái tử. Một sợi lông của thái tử sẽ được an toàn".

Vua Okkàka nhắm cây cung đến phía thái tử và một sợi lông của thái tử cũng được an toàn. Vua Okkàka hoảng sợ, khiếp đảm sự trừng phạt, thuận cho con gái Khuddàrùpi. Đây các thanh niên, chớ có phỉ báng thanh niên Ambattha một cách quá đáng là con của một nữ tỳ. Kanha là một vị ẩn sĩ vĩ đại.

24. Khi bấy giờ, Như Lai nói với thanh niên Ambattha:

- "Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Một thanh niên Sát-đế-ly cưới một thiếu nữ Bà-la-môn. Do sự sum họp ấy, một người con trai được sinh. Một người sanh từ một thanh niên Sát-đế-ly và một thiếu nữ Bà-la-môn có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa

những người Bà-la-môn không?"

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng món đồ ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy các chú thuật hay không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Và những người Sát-đế-lỵ có quán đánh cho người ấy để thành một Sát-đế-lỵ không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao không?

- Vì nó không được sinh (là Sát đế ly) từ mẫu hệ.

25. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây một thanh niên Bà-la-môn cưới một thiếu nữ Sát-đế-ly.

Do sự sum họp này, một người con trai được sanh. Một người sanh từ một thanh niên Bà-la-môn và một thiếu nữ Sát-đế-ly có thể thọ lãnh chỗ ngồi hay nước giữa những Bà-la-môn hay không?

- Tôn giả Gotama, có thể thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng theo thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, chúng mở cửa.

- Và những người Sát-đế-ly có làm lễ quán đảnh cho người ấy để thành một Sát-đế-ly không?

- Tôn giả Gotama, thưa không.

- Tại sao vậy?

- Tôn giả Gotama, vì không được sinh (là Sát đế ly) từ phụ hệ.

26. - Nay Ambattha, nếu so sánh đàn bà với đàn bà, đàn ông với đàn ông, thì giai cấp Sát đế ly là ưu, Bà-la-môn là liệt.

Nay Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây, giả sử do một nguyên nhân gì những người Bà-la-môn cạo đầu một người Bà-la-môn, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố. Người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả, không được.

- Và những người Bà-la-môn, có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết hay dùng các món ăn cúng dường, hay đồ ăn cúng cho thiên thần hay đồ ăn gửi đến như một tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, không có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, không dạy.

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, đóng cửa.

27. - Ambattha, nhà người nghĩ thế nào? Ở đây giả sử do một nguyên nhân gì, những người Sát đế ly cao đầu một người Sát đế ly, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, người ấy có được thọ lãnh chỗ ngồi và nước uống giữa những người Bà-la-môn không?

- Tôn giả Gotama, được thọ lãnh.

- Và những người Bà-la-môn có mời người ấy dự tiệc cúng cho người chết, hay dùng những món ăn cúng dường, hoặc đồ ăn cúng cho thiên thần, hay đồ ăn gửi đến như những tặng phẩm không?

- Tôn giả Gotama, có mời.

- Và những người Bà-la-môn có dạy người ấy các chú thuật không?

- Tôn giả Gotama, có dạy:

- Có đóng cửa giữa người ấy với những người đàn bà của chúng, hay mở cửa?

- Tôn giả Gotama, mở cửa.

- Nay Ambattha, đến như vậy là sự đọa lạc tội cùng của người Sát-đế-ly, đã bị những người Sát-đế-ly cạo đầu, đánh người ấy với một bị tro, tẩn xuất người ấy ra khỏi nước hay thành phố, như vậy, nay Ambattha, **khí người Sát-đế-ly bị đọa lạc tội cùng, các Sát đế ly vẫn giữ phần ưu thắng và các Bà-la-môn vẫn ở địa vị hạ liệt.**

28. - Nay Ambattha, bài kệ này do **Phạm thiên Sanam Kumàra thuyết:**

"Đối với chúng sanh tin tưởng ở giai cấp, Sát-đế-ly chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian.

Những vị nào giới hạnh và trí tuệ đầy đủ, vị này chiếm địa vị tối thắng giữa Người và chư Thiên".

(Xong tụng phẩm thứ nhất).

1. - Tôn giả Gotama, nghĩa chữ Giới hạnh trong bài kệ ấy là gì? Nghĩa chữ Tuệ trong bài kệ ấy là gì?

- Này Ambattha, một vị đã thành tựu vô thượng trí đức không có luận nghị đến sự thọ sanh, không có luận nghị đến giai cấp hay không có luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay người không bằng ta". Chỗ nào nói đến cưới hỏi hay rước dâu đi, hay cả hai, chỗ đó mới có luận nghị đến sự thọ sanh, luận nghị đến giai cấp hay luận nghị đến ngã mạn với lời nói: "Người bằng ta hay không bằng ta".

Này Ambattha, những ai còn chấp trước lý thuyết thọ sanh, còn chấp trước lý thuyết giai cấp, còn chấp trước lý thuyết kiêu mạn, hoặc còn chấp trước cưới hỏi rước dâu, những người ấy còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức. Này Ambattha, không chấp trước lý thuyết thọ sanh, không chấp trước lý thuyết giai cấp, không chấp trước lý thuyết kiêu mạn, không chấp trước cưới hỏi, đưa dâu, người ấy tức chứng ngộ vô thượng trí đức.

2. - Tôn giả Gotama, thế nào là Giới đức trong bài kệ ấy? Thế nào là Trí tuệ trong bài kệ ấy?

- Ở đây, này Ambattha, Như Lai xuất hiện, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc:

... (xin xem kinh Sa-môn quả, từ số 40 đến số 98 tới câu: "Không có đời sống nào khác nữa" chỉ khác danh từ xưng hô và câu kết từng đoạn. Như đoạn này, câu kết là "Như vậy, này Ambattha, là vị Tỷ-kheo thành tựu giới hạnh".)

- Này Ambattha, **như vậy gọi là Tỷ-kheo thành tựu trí tuệ, thành tựu giới đức, thành tựu giới đức và trí tuệ**. Này Ambattha, không có sự thành tựu trí đức nào khác siêu việt hơn, cao thượng hơn sự thành tựu trí đức này.

3. Này Ambattha, có bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu **vô thượng trí đức này. Thế nào là bốn?**

- Này Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, lại mang dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: **"Ta chỉ ăn trái cây rừng mà sống"**. Nhất định **người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức**. Này Ambattha, đó là nguyên nhân thứ nhất đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa, này Ambattha ở đây có vị Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, và chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, lại mang theo cuộc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyên: "Ta chỉ ăn củ, rễ và trái cây để sống". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ hai đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

- Lại nữa, nay Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống và chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, lại **nhện lửa tại cuối làng hay sống thờ lửa ấy**. Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu thượng trí đức. Nay Ambattha đó là nguyên nhân thứ ba đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.
- Lại nữa Ambattha, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt được pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, chưa thấu đạt pháp tôn thờ lửa, lại **xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường, sống và nguyên: "Từ bốn phương nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta**

sẽ cúng dường, tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta". Nhất định người này chỉ xứng đáng là thị giả của vị đã thành tựu trí đức. Nay Ambattha, đó là nguyên nhân thứ tư đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

Này Ambattha đó là bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này.

4. Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Người và thầy người có được xem là đã thành tựu vô thượng trí đức này không?

- Bạch không, Tôn giả Gotama. Con và thầy con là gì, Tôn giả Gotama, để có thể so sánh với sự thành tựu vô thượng trí đức. Tôn giả Gotama, con và thầy con còn rất xa sự thành tựu vô thượng trí đức.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, nhà người có đem theo dụng cụ của nhà đạo sĩ, đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn trái cây rụng mà sống?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Này Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô

thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, người có mang theo cuốc và giỏ đi vào rừng sâu và nguyện: "Ta và thầy ta chỉ ăn rễ và trái cây để sống không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống, người có nhen lửa tại cuối làng hay cuối xóm và sống thờ lửa ấy với thầy người không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Tuy người và thầy người chưa thấu đạt sự thành tựu vô thượng trí đức này, chưa thấu đạt pháp ăn trái cây rừng để sống, chưa thấu đạt pháp ăn củ, rễ và trái cây để sống và chưa thấu đạt sự thờ lửa, người và thầy người có xây dựng một ngôi nhà có bốn cửa tại ngã tư đường với lời nguyện: "Từ bốn phương, nếu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào lại, thì ta sẽ cúng dường tùy theo khả năng, tùy theo sức lực của ta không?"

- Bạch không, Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha, như vậy người và thầy người còn khiếm khuyết sự thành tựu vô thượng trí đức này, còn khiếm khuyết bốn nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu vô thượng trí đức này, Ambattha, thế mà những lời này lại do thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi thốt ra: "Những hạng Sa-môn giả hiệu, đầu trọc, dê tiện, đen đui, sanh từ nơi chân bà con ta là ai mà có thể đàm luận với những Bà-la-môn tinh thông ba tập Vệ đà". Một vị tự mình chưa thành tựu được những pháp đưa đến sự thất bại (cho những pháp cao thượng hơn). Nay Ambattha, người xem, thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

6. Nay Ambattha, Bà-la-môn Pokkharasàdi hưởng thọ sự cung cấp của vua Pasenadi nước Kosala. Vua Pasenadi nước Kosala cũng không cho phép thầy người diện kiến. Nếu vua hội nghị với thầy người thì chỉ nói thầy người ngang qua một tấm màn. Nay Ambattha, tại sao vua Pasenadi nước Kosala lại không cho phép thầy người diện kiến, người mà vua cung cấp thực phẩm thuần tịnh chân chánh. Nay Ambattha, người xem thầy của người, Bà-la-môn Pokkharasàdi đã lỗi lầm như thế nào?

7. Nay Ambattha, người nghĩ thế nào? Như vua Pasenadi nước Kosala hoặc ngồi trên cỗ voi, hoặc

ngồi trên lưng ngựa, hoặc đứng trên lưng ngựa, hoặc đứng trên tấm thảm xe cùng các vị đại thần hay vương tử, luận bàn quốc sự. Nếu vua rời khỏi chỗ ấy hay đứng qua bên, một người Thủ đà hay đầy tớ của một người Thủ đà đến. Người này cũng đứng tại chỗ ấy, cũng luận bàn quốc sự và nói: "Vua Pasenadi nước Kosala đã nói như vậy". **Dẫu người ấy nói như lời nói của vua, luận bàn như lời luận bàn của vua, người ấy có thể là vua hay là vị phó vương không?**

- "Không thể được, Tôn giả Gotama".

8. Nay Ambattha, nhà ngươi cũng vậy. Thuở xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật, đã hát, đã nói lên, đã suu tầm, những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka (A-sá-ca), Vàmaka (Bà-ma), Vàmadeva (Bà-ma-đề-bà), Vessàmitta (Tì-bà-thảm-sá), Yamataggi (Gia-bà-đề-bà), Angirasa (Ương-kỳ-la). Bhàradvāja (Bạt-la-đà-thảm-xà), Vasettha (Bà-ma-sá) Kassapa (Ca-diếp), Bhagu (Bà-cửu). *Dẫu người có thể nói "Ta, một đệ tử, học thuộc lòng những chú thuật của các vị ấy", chỉ với điều kiện này, người có thể được xem là một vị ẩn sĩ hay đã chứng địa vị của một ẩn sĩ không?* Việc này không thể có

được.

9. Ambattha, người nghĩ thế nào? Người có được nghe những vị Bà-la-môn, trưởng lão, tôn túc, những vị giáo sư và tổ sư nói đến không? Thuở xưa những vị ẩn sĩ, giữa các Bà-la-môn, những tác giả của chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn, cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ẩn sĩ ấy tên là Atthaka, Vàmaka, Vàmadeva, Vessàmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhàradvaja, Vàsettha, Kassapa, Bhagu. *Những vị ấy có khéo tắm, khéo chải chuốt, tóc và râu khéo sửa soạn, trang điểm với vòng hoa và ngọc, mặc toàn đồ trắng, tận hưởng và tham đắm năm món dục lạc, như người và thầy của người hiện nay không?*

- Không có vậy. Tôn giả Gotama.

10. - *Các vị ẩn sĩ ấy có dùng com nấu từ gạo trắng thượng hạng mà các hạt đen được gạn bỏ ra, dùng các món canh, các món đồ ăn nhiều loại không, như người và thầy người hiện nay không?*

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- *Hay các vị ấy được những thiếu nữ có đường*

eo và thắt lưng có tua hầu hạ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy đi trên những xe do những con ngựa cái có bờm, đuôi được bện và dùng những dây roi và gậy dài như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

- Hay những vị ấy sống được che chở trong những thành lũy có những chiến hào bao bọc, có những cửa thành hạ xuống, có những chiến sĩ mang gươm dài hộ vệ như người và thầy người hiện nay không?

- Không có vậy, Tôn giả Gotama.

Như vậy, này Ambattha, người và thầy người không phải là một ẩn sĩ, không giống đời sống của nhà ẩn sĩ. Này Ambattha, nếu có gì nghi ngờ, có gì phân vân về Ta, hãy hỏi Ta và Ta sẽ trả lời.

11. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi tịnh xá và bắt đầu đi kinh hành. Thanh niên Ambattha đi theo sau Thế Tôn đang đi kinh hành và tìm đếm ba mươi hai tướng

tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

12. Khi bảy giờ, Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Ambattha này thấy ở nơi ta gần đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của vị đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài".

Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Ambattha thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán. Lúc bảy giờ, thanh niên Ambattha liền nghĩ rằng: "Sa-môn Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, không phải không đầy đủ". Và nói với Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay chúng tôi xin đi, chúng tôi rất bận, có nhiều việc cần phải làm".

- Nay Ambattha, hãy làm những gì người nghĩ là phải thời.

Rồi thanh niên Ambattha leo lên xe do ngựa cái kéo và ra đi.

13. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Pokkharasàdi ra khỏi

Ukkattha với một đại chúng Bà-la-môn, ngồi tại hoa viên của mình và chờ đợi thanh niên Ambattha. Khi thanh niên Ambattha đi đến hoa viên, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ đến tại chỗ Bà-la-môn pokkharasàdi đang ngồi. Đến xong, thanh niên Ambattha đánh lễ Bà-la-môn Pokkharasàdi và ngồi xuống một bên. Sau khi thanh niên Ambattha ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói:

14. - Này Ambattha thân mến, người đã thấy Sa-môn Gotama chưa?

- Chúng con thấy Tôn giả Gotama rồi.

- Này Ambattha thân mến, có phải Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác?

- Tôn giả Gotama đúng với tin đồn đã truyền đi, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama là như vậy, chớ không phải khác. Tôn giả Gotama đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của vị đại nhân, chớ không phải thiếu.

- Này Ambattha thân mến, con có cùng với Tôn giả Gotama đàm luận không?

- Con có đàm luận với Tôn giả Gotama.

- Nay Ambattha thân mến, cuộc đàm luận ấy như thế nào?

Thanh niên Ambattha liền thuật cho Bà-la-môn Pokkharasàdi rõ tất cả cuộc hội đàm với Tôn giả Gotama.

15. Nghe nói như vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với thanh niên Ambattha:

- Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta. Người ta nói những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục. Nay Ambattha, người càng công kích Tôn giả Gotama bao nhiêu, lại càng bị Tôn giả Gotama lật tẩy chúng ta bấy nhiêu. Người thật là nhà học giả đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà đa văn đốn mạt của chúng ta! Người thật là nhà tinh thông ba quyển Vệ đà đốn mạt của chúng ta! Người ta nói, những ai có sự cư xử như vậy, khi thân hoại mạng chung, sẽ phải sanh vào cõi ác, đọa xứ, địa ngục.

Bà-la-môn Pokkharasàdi tức giận, bực bội, dùng chân đá thanh niên Ambattha bổ lộn nhào rồi lập tức muốn đi gặp đến Thế Tôn.

16. Khi ấy, những người Bà-la-môn này thưa với Bà-la-môn Pokkharasàdi: "Hôm nay thì giờ đã quá trễ để đi thăm Sa-môn Gotama. Ngày mai Tôn giả Pokkharasàdi hãy đi thăm Sa-môn Gotama".

Tuy vậy, Bà-la-môn Pokkharasàdi vẫn cho làm các món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm tại nhà riêng, chở trên các xe, và dưới ánh sáng của những ngọn đuốc từ Ukkattha đi ra và đi đến khóm rừng Icchànankala. Vị này đi xe cho đến chỗ còn đi xe được rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn. Khi đi đến, liền nói với Thế Tôn những lời hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Pokkharasàdi nói với Thế Tôn:

17. - Tôn giả Gotama, đệ tử của chúng tôi, thanh niên Ambattha có đến đây không?

- Nay Bà-la-môn, đệ tử ngươi, thanh niên Ambattha có đến đây.

- Tôn giả Gotama, Ngài có cùng với thanh niên Ambattha đàm luận không?

- Nay Bà-la-môn, ta có đàm luận với thanh niên Ambattha.

- Tôn giả Gotama, cuộc đàm luận của Ngài

với thanh niên Ambattha như thế nào?

Cuộc đàm luận với thanh niên Ambattha như thế nào, Thế Tôn kể lại tất cả cho Bà-la-môn Pokkharasàdi.

Nghe nói vậy, Bà-la-môn nói với Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, thanh niên Ambattha thật là ngu si! Tôn giả Gotama, hãy tha thứ cho thanh niên Ambattha!

- Này Bà-la-môn, cầu cho thanh niên Ambattha được hạnh phúc.

18. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi tìm đếm ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, hai tướng là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài.

19. Lúc bấy giờ Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy gần đủ ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân ở nơi Ta, trừ hai tướng. Đối với hai tướng tốt của bậc đại nhân, nghi hoặc sanh, do dự

sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Pokkharasàdi thấy tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai, rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vàng trán.

Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi nghĩ rằng: "Sa môn Gotama có đầy ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân, không phải không đầy đủ", liền nói với Thế Tôn: "Hôm nay xin mời Tôn giả Gotama cùng chúng Tỷ-kheo đến dùng cơm với con". Thế Tôn nhận lời với sự im lặng.

20. Khi Bà-la-môn Pokkharasàdi được biết Thế Tôn đã nhận lời liền báo thì giờ cho Thế Tôn: Tôn giả Gotama, cơm đã sẵn sàng. Khi ấy Thế Tôn buổi sáng đắp y, đem theo y bát, và cùng với chúng Tỷ-kheo đi đến cư xá của Bà-la-môn Pokkharasàdi. Khi đi đến, liền ngồi trên chỗ soạn sẵn. Bà-la-môn Pokkharasàdi tự tay làm cho Thế Tôn thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm, còn các thanh niên Bà-la-môn thì tiếp đãi chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Pokkharasàdi, sau khi biết Thế Tôn dùng cơm đã xong, đã rửa tay và bát, liền lấy một ghế ngồi thấp khác và ngồi xuống một bên.

21. Thế Tôn liền thứ lớp giảng pháp cho Bà-la-môn Pokkharasàdi đang ngồi một bên nghe, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Pokkharasàdi đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã chứng ngộ, tức là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Pokkharasàdi: **"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt"**.

22. Khi ấy Bà-la-môn Pokkharasàdi, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Pokkharasàdi liền bạch Phật:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp đã được Tôn giả

Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con, xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như Tôn giả Gotama đến thăm các gia đình cư sĩ khác ở Ukkattha, mong Tôn giả Gotama cũng đến thăm các gia đình Pokkharasàdi. Tại đây, các thanh nam hay thanh nữ Bà-la-môn sẽ đánh lễ Thế Tôn Gotama, hoặc đứng dậy, hoặc mời chỗ ngồi, hoặc mời nước, hoặc khiến tâm hoan hỷ. Như vậy chúng sẽ hưởng hạnh phúc, lợi ích trong một thời gian lâu dài.

- Nay Bà-la-môn lời người nói thật là chí thiện.

23 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh BRAHMAYU – 91 Trung II, 643

KINH BRAHMAYU (Brahmayu sutta)

– Bài kinh số 91 – Trung II, 643

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Brahmayu trú tại Mithila (Di-tát-la) già yếu, niên cao, mập lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngũ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng.

Bà-la-môn Brahmayu có nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca) đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị". Tiếng đồn tốt

đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. **Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy! "**

Lúc bấy giờ đệ tử của Bà-la-môn Brahmayu là thanh niên Uttara... một vị tinh thông ba tập Veda... (như trên)... và Đại nhân tướng. Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo thanh niên Uttara:

– Này Uttara thân mến, Sa-môn Gotama này là Thích tử... Chánh Đẳng Giác... (như trên)... Thật tốt đẹp thay được yết kiến một vị A-la-hán như vậy. Uttara thân mến, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến **hãy tìm hiểu Sa-môn Gotama, có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này**. Chính nhờ Ông mà chúng ta biết về Tôn giả Gotama. Ta cũng vậy, tùy theo điều Ông nói, ta sẽ

biết Tôn giả Gotama có phải là Tôn giả Gotama như tiếng đã đồn, hay là không phải, hay là Tôn giả Gotama như thế này, hay là không phải như thế này.

Này Uttara thân mến, theo Thánh điển của chúng ta được truyền lại về ba mươi hai Đại nhân tướng, những ai có ba mươi hai tướng ấy sẽ chọn một trong hai con đường, không có con đường nào khác: Nếu là tại gia, sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương chinh phục mọi quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Bảy món báu này là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu và thứ bảy là tướng quân báu. Và vị này có hơn một ngàn con trai, là những vị anh hùng, oai phong lẫm liệt, chiến thắng ngoại quân. Vị này sống thống lĩnh quả đất cùng tận cho đến đại dương, và trị vì với Chánh pháp, không dùng gậy, không dùng đao. Nếu vị này xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị này sẽ chứng quả A-la-hán, Chánh Đẳng Giác quét sạch mê lầm ở đời. Này Uttara thân mến, ta đã cho con chú thuật, Ông đã nhận những chú thuật ấy.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Uttara vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu, giữ thân hướng về phía hữu, rồi ra đi du

hành đến Thế Tôn ở Videha, tuần tự du hành đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Uttara tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Thanh niên Uttara thấy trên thân Thế Tôn phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Thế Tôn nghĩ rằng: "Thanh niên Uttara này thấy ở nơi Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng. Đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến thanh niên Uttara thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn. Và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến, liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi thanh niên Uttara suy nghĩ: "*Sa-môn Gotama có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng. Vậy ta hãy theo sát Sa-môn Gotama để dò xem các uy nghi (của Ngài)*". Rồi thanh niên Uttara trong bảy tháng theo sát Thế Tôn như bóng không bao giờ rời hình.

Rồi thanh niên Uttara, sau bảy tháng, khởi hành đi đến Mithila ở Videha, tuần tự du hành đi đến Mithila, rồi đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, đánh lễ Bà-la-môn Brahmayu rồi ngồi xuống một bên. Bà-la-môn Brahmayu nói với thanh niên Uttara đang ngồi một bên:

– Này Uttara thân mến, có phải tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, có phải Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác?

– Tiếng đồn về Tôn giả Gotama là đúng như vậy, không phải khác, Tôn giả Gotama là như vậy, không phải khác.

❖ **Và Tôn giả Gotama ấy có đầy đủ ba mươi hai Đại nhân tướng.**

1. Tôn giả Gotama có lòng bàn chân bằng phẳng. Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.
2. Dưới hai bàn chân Tôn giả Gotama, có hiện ra hình bánh xe, với ngàn tăm xe, với trục xe vành xe, với các bộ phận hoàn toàn đầy đủ.
3. Tôn giả Gotama có gót chân thon dài.
4. Tôn giả Gotama có ngón tay, ngón chân dài.

5. Tôn giả Gotama có tay chân mềm mại.
6. Tôn giả Gotama tay chân có màn da lưới.
7. Tôn giả Gotama có mắt cá tròn như con sò.
8. Tôn giả Gotama có ống chân to như con dê rừng.
9. Tôn giả Gotama đứng thẳng, không cong lưng xuống có thể rờ đầu gối với hai bàn tay.
10. Tôn giả Gotama có tướng mã âm tàng.
11. Tôn giả Gotama có màu da như đồng, màu sắc như vàng.
12. Tôn giả Gotama có da trơn mượt khiến bụi không có thể bám dính vào.
13. Tôn giả Gotama có lông da mọc từng lỗ lông một, mỗi lỗ chân lông có một lông.
14. Tôn giả Gotama có lông mọc xoáy tròn thẳng lên, mỗi sợi lông đều vậy, màu xanh đậm như thuốc bôi mắt, xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt.
15. Tôn giả Gotama có thân hình cao thẳng.
16. Tôn giả Gotama có bảy chỗ tròn đầy.
17. Tôn giả Gotama có nửa thân trước như thân con sư tử.
18. Tôn giả Gotama không có lỗm khuyết xuống

giữa hai vai.

19. Tôn giả Gotama có thân thể cân đối như cây bàng. Bề cao thân ngang bằng bề dài hai tay rải rộng, bề dài hai tay rải rộng ngang bằng bề cao của thân.
 20. Tôn giả Gotama có bán thân trên vuông tròn.
 21. Tôn giả Gotama có vị giác hết sức sắc bén.
 22. Tôn giả Gotama có quai hàm như con sư tử.
 23. Tôn giả Gotama có bốn mươi răng.
 24. Tôn giả Gotama có răng đều đặn.
 25. Tôn giả Gotama có răng không khuyết hở.
 26. Tôn giả Gotama có răng cửa trơn láng.
 27. Tôn giả Gotama có tướng lưỡi rộng dài.
 28. Tôn giả Gotama có giọng nói tuyệt diệu như tiếng chim ca-lăng- tần-già (karavika).
 29. Tôn giả Gotama có hai mắt màu xanh đậm.
 30. Tôn giả Gotama có lông mi con bò cái.
 31. Tôn giả Gotama, giữa hai lông mày, có sợi lông trắng mọc lên mịn màng như bông nhẹ.
 32. Tôn giả Gotama có nhục kế trên đầu.
- Đây là Đại nhân tướng của Đại nhân Tôn giả Gotama.

- Khi Tôn giả Gotama đi, Ngài bước chân mặt trước, không đặt chân xuống quá xa, không rút chân lên quá gần, không bước quá mau, không bước quá chậm, khi đi đầu gối không va chạm đầu gối, khi đi mắt cá không va chạm mắt cá; Ngài đi không co bắp vế lên, không duỗi bắp vế xuống, không đưa bắp vế vào trong, không đưa bắp vế ra ngoài. Khi đi Tôn giả Gotama chỉ di động phần thân ở dưới, và không đi, dùng toàn thân lực. Khi ngó quanh, Tôn giả Gotama ngó quanh với toàn thân.
- Khi đi không có ngưỡng mặt lên, không cúi mặt xuống, không có ngó quanh, và chỉ ngó xuống khoảng một tầm (yugamattam, bề dài một cái cày). Xa hơn, tri kiến được mở rộng (anavatam: không bị che đậy).
- Khi đi vào nhà, (Tôn giả Gotama) không ngửa thân về phía sau, không cúi thân về phía trước, không đưa thân về phía trong, không đưa thân về phía ngoài; vị ấy quay lưng không quá xa ghé ngò, không quá gần ghé ngò; ngò trên ghé, không nắm chặt thành ghé, không gieo thân ngò xuống ghé.
- Khi ngò trong nhà. Ngài không rung tay, không rung chân, không ngò tréo đầu gối với nhau, tréo mắt cá với nhau, không ngò tay

chống cảm. Khi ngồi trong nhà, không có sợ hãi, không có run rẩy, không có dao động, không có hoảng hốt. Như vậy Tôn giả Gotama ngồi, không sợ hãi, không run sợ, không dao động, không hoảng hốt, lông tóc không dựng ngược, Thiền tịnh độc cư.

- Khi Ngài nhận cơm, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận cơm không quá ít, không quá nhiều.
- Ngài ăn đồ ăn vừa phải (với cơm), không có bỏ miếng cơm, chỉ lựa miếng ăn. Tôn giả Gotama đưa miếng cơm quanh miệng hai ba lần rồi mới nuốt, không hột cơm nào được vào trong thân không bị nghiền nát, và không một hột cơm nào còn lại trong miệng trước khi ăn miếng cơm khác. Tôn giả Gotama không thưởng thức vị ăn khi ăn đồ ăn, không thưởng thức lòng tham vị.
- Tôn giả Gotama ăn đồ ăn có đầy đủ tám đức tánh, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, Ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không

cho khởi lên các cảm thọ mới, và Ta sẽ không lỗi lầm, sống được an ổn".

- Ngài ăn xong lấy nước rửa bát, không chúc bình bát lên, không chúc bình bát xuống, không xoay bình bát vào phía trong, không xoay bình bát ra phía ngoài, nhận nước không quá ít, không quá nhiều. Ngài rửa bát không sanh tiếng động, rửa bát không xoay tròn bình bát, không có đặt bình bát xuống đất rồi rửa tay, khi hai tay rửa xong, bình bát cũng rửa xong, khi bình bát rửa xong, hai tay cũng rửa xong. Ngài đổ nước bình bát, không quá xa, không quá gần, không vẩy nước cùng khắp.
- Khi ăn xong, Ngài đặt bình bát xuống đất, không quá xa, không quá gần, không phải không nghĩ đến bình bát, cũng không quá lo cho bình bát. Khi ăn xong, Ngài ngồi im lặng một lát nhưng không để quá thì giờ nói lời tùy hỷ (công đức). Ngài nói lời tùy hỷ (công đức), không chỉ trích bữa ăn ấy, không mong bữa ăn khác; trái lại, Ngài với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Ngài sau khi với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Ngài đi không quá mau, không quá chậm. Ngài

đi không phải (như muốn) lánh xa hội chúng ấy.

- Tôn giả Gotama đắp y không kéo lên quá cao trên thân, không kéo xuống quá thấp, không dính sát vào thân, không có lơi ra khỏi thân, gió thổi không thoát y khỏi thân Tôn giả Gotama; bụi nhóp không dính trên thân Tôn giả Gotama.
- Đi đến tu viện, Ngài ngồi trên ghế đã soạn sẵn, sau khi ngồi liền rửa chân, và Tôn giả Gotama không sống chú tâm vào công việc làm đẹp hai chân. Ngài ngồi kiết già, lưng thẳng, và đặt niệm trước mặt. Ngài không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai. Tôn giả Gotama ngồi, tâm hướng đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể giới.
- Đi đến tu viện, Ngài thuyết pháp cho hội chúng, không tán dương hội chúng ấy, không chỉ trích hội chúng ấy, trái lại với pháp thoại khai thị hội chúng ấy, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.
- Tiếng nói thoát ra từ miệng Tôn giả Gotama có tám đức tánh: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động. Khi Tôn giả Gotama giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói

không vượt ra khỏi hội chúng. Hội chúng sau khi được Tôn giả Gotama khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, và ra đi vẫn quay nhìn lại, không muốn rời bỏ.

Chúng con thấy Tôn giả Gotama đi. Chúng con thấy (Tôn giả) đứng. Chúng con thấy (Tôn giả) ngồi im lặng trong nhà. Chúng con thấy (Tôn giả) ăn trong nhà. Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, ngồi im lặng. Chúng con thấy (Tôn giả) sau khi ăn xong, nói lời tùy hỷ (công đức). Chúng con thấy (Tôn giả) đi trở về tu viện. Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện ngồi im lặng. Chúng con thấy (Tôn giả) đi đến tu viện thuyết pháp cho hội chúng. Như vậy, và như vậy là Tôn giả Gotama ấy và lại còn nhiều hơn như vậy nữa.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và ba lần nói lời cảm hứng sau đây:

– Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Đánh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác! Có thể tại một chỗ nào, thời gian nào, chúng tôi sẽ đi đến gặp Tôn giả Gotama ấy. Có lẽ sẽ có một

cuộc nói chuyện.

Rồi Thế Tôn, tuần tự du hành ở Videha và đi đến Mithila. Ở đấy, Thế Tôn trú tại rừng xoài Makhadeva ở Mithila. Các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila nghe nói: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đang du hành ở Videha, cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị đã đến Mithila và hiện trú ở rừng xoài Makhadeva, tại Mithila. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "... (như trên)... được yết kiến một vị A-la-hán như vậy! " Rồi các Bà-la-môn, Gia chủ ở Mithila đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; một số chấp tay hướng vái Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số xưng danh họ rồi ngồi xuống một bên; một số im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Bà-la-môn Brahmayu nghe như sau: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Mithila và trú ở Mithila tại rừng xoài Makhadeva". Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến rừng xoài Makhadeva cùng với một số đông thanh niên Bà-la-môn. Khi đến không xa rừng xoài bao nhiêu,

Bà-la-môn Brahmayu khởi lên ý nghĩ: "Thật không thích đáng cho ta đến yết kiến Sa-môn Gotama mà không báo trước". Rồi Bà-la-môn Brahmayu bảo một người thanh niên:

– Này Thanh niên, hãy đi đến Sa-môn Gotama, sau khi đến hãy nhân danh ta hỏi thăm Sa-môn Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú và thưa như sau: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu, niên cao, lạc lớn, đã đến tuổi trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, tuổi đã đến một trăm hai mươi, một vị đọc tụng Thánh điển, chấp trì chú thuật, tinh thông ba tập Veda, với tự vựng, lễ nghi, ngữ nguyên và thứ năm là các cổ truyện, thông hiểu từ ngữ và văn phạm, thâm hiểu Thuận thế luận và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống tại Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên ấy vâng đáp Bà-la-môn Brahmayu, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền đứng một bên. Đứng một bên, thanh niên ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu hỏi thăm Tôn giả Gotama có ít bệnh, ít nã, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú: "Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Brahmayu già yếu... (như trên)... và Đại nhân tướng. Thưa Tôn giả, đối với các Bà-la-môn, Gia chủ sống ở Mithila, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tài sản, Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện chú thuật (manta), Bà-la-môn Brahmayu được xem là tối thượng về phương diện tuổi tác và danh vọng. Vị ấy muốn yết kiến Tôn giả Gotama".

– Nay Thanh niên, nay Bà-la-môn Brahmayu hãy làm những gì vị ấy nghĩ là hợp thời.

Rồi vị thanh niên ấy đi đến Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến, liền thưa với Bà-la-môn Brahmayu:

– Tôn giả đã được Sa-môn Gotama chấp nhận. Nay Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn. Hội chúng ấy thấy Bà-la-môn Brahmayu từ xa đi đến, sau khi thấy liền tránh chỗ hai bên vì vị này được nhiều người biết đến và có danh vọng. Bà-la-môn Brahmayu nói với hội chúng ấy:

– Thôi vừa rồi, các Tôn giả, hãy ngồi trên chỗ ngồi của mình. Ở đây, tôi sẽ ngồi gần Sa-môn Gotama.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Brahmayu tìm xem ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn. Bà-la-môn Brahmayu thấy phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng trên thân Thế Tôn, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Rồi Bà-la-môn Brahmayu nói với Thế Tôn những bài kệ sau đây:

*Tôn giả Gotama!
Ba hai Đại nhân tướng,
Con được nghe nói đến,*

*Hai tướng con không thấy
Trên thân của Tôn giả,
Tôn giả, mã âm tàng,
Bậc tối thượng loài Người,
Ngài có hay không có?
Hay là tướng nữ nhân?
Hay lưỡi Ngài quá ngắn?
Hay lưỡi Ngài rộng dài?
Để con như thật biết.
Hãy đưa lưỡi Ngài ra,
Mong bậc Đại Tiên Nhân,
Trừ nghi cho chúng con,
Vì an lạc hiện tại,
Vì hạnh phúc tương lai,
Chúng con xin được phép,
Hỏi điều muốn được biết.*

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Bà-la-môn Brahmayu này thấy trên thân Ta phần lớn ba mươi hai Đại nhân tướng, trừ hai tướng, đối với hai Đại nhân tướng ấy, nghi hoặc sanh, do dự sanh, chưa được thỏa mãn, chưa được hài lòng, tức là mã tướng âm tàng và tướng lưỡi rộng dài". Thế Tôn liền dùng thần thông khiến Bà-la-môn Brahmayu thấy được tướng mã âm tàng của Thế Tôn, và Thế Tôn le lưỡi, rờ đến, liếm đến hai lỗ tai; rờ đến liếm đến hai lỗ mũi, và dùng lưỡi che khắp cả vùng trán.

Rồi Thế Tôn trả lời Bà-la-môn Brahmayu với bài kệ:

*Ba hai Đại nhân tướng,
Ông đã được nghe đến,
Đều có trên thân Ta,
Hiện giả, chớ có nghi!
Điều cần biết, đã biết,
Điều cần tu, đã tu,
Điều cần trừ, đã trừ,
Do vậy, Ta là Phật.
(Này Bà-la-môn!)
Vĩ an lạc hiện tại,
Vĩ hạnh phúc tương lai,
Ông được phép vấn hỏi,
Những điều Ông muốn biết.*

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau:
"Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai".

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn?

*Thế nào thông Vệ-đà?
Thế nào là ba minh?
Thế nào gọi cát tường?
Thế nào là ứng cúng?
Thế nào bậc Viên mãn?
Thế nào bậc Mâu-ni?
Thế nào gọi Phật-đà?*

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

*Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú,
Đoạn tận được tái sanh,
Thắng trí được viên thành,
Vị ấy gọi Mâu-ni.*

*Ai biết tâm thanh tịnh,
Giải thoát mọi tham dục,
Sanh tử đều đoạn tận,
Phạm hạnh được viên thành,
Thông đạt nhưt thiết pháp,
Vị ấy xưng Phật-đà.*

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay sờ xung quanh và tự xưng danh:

– Thừa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vì
diệu: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tôi đa như vậy". Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

– Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghế của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bốn
thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình
bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc
và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phân khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là
Khổ, Tập, Diệt, Đạo. *Cũng như tấm vải thuần bạch,*
được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm,
cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần
ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu:

"Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt". Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư. Bà-la-môn Brahmayu liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con xin trọn đời quy ngưỡng! Mong Tôn giả Gotama ngày mai nhận lời mời của con đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Bà-la-môn Brahmayu khi được biết Thế Tôn đã nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Bà-la-môn Brahmayu sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi đã sửa soạn tại trú xá của mình các món ăn

thượng vị, loại cứng và loại mềm, liền báo thì giờ cho Thế Tôn: "Tôn giả Gotama, nay đã đến giờ, cơm đã sẵn sàng". Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, lấy y bát, đi đến trú xá của Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Bà-la-môn Brahmayu tự tay làm cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, thỏa mãn bằng những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày liền khởi sự du hành ở Videha.

Sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, Bà-la-môn Brahmayu mệnh chung. Một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– *Bà-la-môn Brahmayu đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì, tương lai tái sanh thế nào?*

– Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu là bậc hiền triết. Vị ấy theo Pháp đúng với Chánh pháp, không có phiền nhiễu Ta với những kiện cáo về Chánh pháp (Dhammadhikaranam). Này các Tỷ-kheo, Bà-la-môn Brahmayu **sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, được hóa sanh, từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không có trở lui đời này nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

24 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh Như Lai Thuyết 1 – Tương V, 610

Như Lai Thuyết 1 – *Tương V*, 610

1) Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

-- Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là **con đường Trung đạo**, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) *Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác*

thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?

Chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về **Khổ**, này các Tỷ-kheo. *Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.*

6) Đây là Thánh đế về **Khổ tập**, này các Tỷ-kheo, *chính là ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.*

7) Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, *chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.*

8) Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt**, này các Tỷ-kheo, chính là con đường **Thánh đạo Tám ngành**, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Này các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về Khổ tập, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe,

nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

11) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải **chứng ngộ**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, đối với các pháp... quang sanh.

12) Nay các Tỷ-kheo,

- Đây là Thánh đế về **Con Đường đưa đến khổ diệt**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải **tu tập**, đối với các pháp... quang sanh.
- Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong **bốn Thánh đế** này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy,

trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) **Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đến này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy**, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: *"Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa"*.

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, **Tôn giả Kondanna** khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: *"Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt"*.

16) Và khi **Pháp luân này** được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay **vô thượng Pháp luân** này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận,

Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba...

.... chư Thiên Yà mà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đạo xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây:
"Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Như Lai Thuyết 2 – Tương V, 616

1) ...

2) -- Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ** này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.*
- *Thánh đế về **Khổ cần phải liễu tri** này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước đến nay các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về **Khổ đã được liễu tri** này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.*

3) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ tập này**, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe.... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.*

4) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Khổ diệt này**, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*

5) Này các Tỷ-kheo,

- *Thánh đế về **Con Đường đưa đến Khổ diệt** này, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*

- *Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.*
- *Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước các Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.*

25 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh Ràhula – Tương IV, 181

Ràhula – *Tương IV*, 181

1) Một thời Thế Tôn ở trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anàthapindika.

2) Rồi Thế Tôn trong khi độc cư Thiền tịnh, các tư niệm sau đây được khởi lên: "Đã thuần thực là các pháp đưa đến giải thoát được chín muồi cho Ràhula. Vậy Ta hãy giảng dạy cho Ràhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc".

3) Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sàvatthi để khát thực, khát thực xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, gọi Tôn giả Ràhula:

-- Này Ràhula, hãy cầm tọa cụ đi đến rừng Andha để nghỉ trưa.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ràhula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ, và đi sau lưng Thế Tôn.

4) Lúc bảy giờ, rất nhiều ngàn Thiên nhân đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ giảng dạy cho Ràhula những lời dạy cuối cùng đưa đến đoạn tận các lậu hoặc".

5) Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andha và ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn dưới gốc cây. Rồi Tôn giả Ràhula, sau khi đánh lễ Thế Tôn liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ràhula đang ngồi xuống một bên:

6) -- Ông nghĩ thế nào, này Ràhula, *mắt là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc?*

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- *Sắc là thường hay vô thường?...*

Nhãn thức là thường hay vô thường?...

Nhãn xúc là thường hay vô thường?...

Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chăng nếu quán cái ấy: " Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi "?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

7-8) -- Tai... Mũi...

9-10) Lưỡi... Thân...

11) *Ý là thường hay vô thường?*

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy là: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?*

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

-- *Các pháp* là thường hay vô thường?...

Ý thức là thường hay vô thường?...

Ý xúc là thường hay vô thường?...

Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại; có hợp lý chẳng nếu quán cái ấy: "Cái này là của tôi. Cái này là tôi. Cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

12) -- Thấy vậy, này Ràhula, vị Đa văn Thánh đệ tử nhàm chán đối với mắt, nhàm chán đối với các sắc,

nhàm chán đối với nhãn thức, nhàm chán đối với nhãn xúc. Phàm duyên nhãn xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì, nhàm chán đối với pháp ấy... nhàm chán đối với **tai**... nhàm chán đối với **mũi**... nhàm chán đối với **lưỡi**... nhàm chán đối với **thân**... nhàm chán đối với **ý**, nhàm chán đối với pháp, nhàm chán đối với ý thức, nhàm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên cảm thọ gì, tưởng gì, hành gì, thức gì, nhàm chán đối với pháp ấy. **Do nhàm chán, vị ấy ly tham**. Do ly tham, vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

13) Thế Tôn thuyết như vậy. Tôn giả Ràhula hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, tâm Tôn giả Ràhula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và hàng nhiều ngàn chư Thiên khởi lên pháp nhãn ly trần vô cấu: "Phàm các pháp gì được sanh khởi, tất cả đều bị đoạn diệt".

26 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh TRƯỜNG TRẢO – 74 Trung II, 345

KINH TRƯỜNG TRẢO (**Dighanakha sutam**)

– Bài kinh số 74 – Trung II, 345

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu), trong hang Sukarakhata. Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha (Trường Thảo) đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền đứng một bên. Đứng một bên, du sĩ ngoại đạo Dighanakha nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama, tôi có lý thuyết như sau, tôi có tri kiến như sau: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú".

– Nay Aggivessana, tri kiến: "Tất cả đều không làm cho tôi thích thú", tri kiến ấy không làm Ông thích thú?

– Tôn giả Gotama, nếu tri kiến ấy làm tôi thích thú, thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy.

– Nay Aggivessana, nếu số đông người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ không từ bỏ tri kiến ấy, họ chấp thủ một tri kiến khác. Nay Aggivessana, nếu thiểu số người ở trong đời đã nói như sau: "Thời đây cũng giống như vậy, thời đây cũng giống như vậy", thời họ sẽ từ bỏ tri kiến ấy và không chấp thủ một tri kiến khác.

Này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú". Nay Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Nay Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú".

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất

cả đều làm cho tôi thích thú," tri kiến này của họ là gần với tham dục, gần với triền phược, gần với hoan lạc, gần với đắm trước, gần với chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", tri kiến này của họ là gần với không tham dục, gần với không phiền trước, gần với không hoan lạc, gần với không chấp thủ.

Khi được nói vậy, du sĩ ngoại đạo Dighanakha thưa với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama tán dương quan điểm của tôi, Tôn giả Gotama hết sức tán dương quan điểm của tôi.

– Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "*Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú*". Cái gì trong tri kiến này làm họ thích thú là gần tham dục, gần phiền trước, gần hoan lạc, gần đắm trước, gần chấp thủ. Cái gì trong tri kiến này làm họ không thích thú là gần không tham dục, gần không triền phược, gần không hoan lạc, gần không đắm trước, gần không chấp thủ.

Ở đây, này Aggivessana, những Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm tôi thích thú". Ở đây, **người có trí suy nghĩ như sau**: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm tôi thích thú", **và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này** và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", như vậy là đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú", và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". **Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này.** => Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận => khi nào có tranh luận thời có chống đối => khi nào có chống đối thời có bức mình" => Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bức mình nên từ bỏ tri kiến này, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Tất cả đều làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối

ngịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch với hai hạng người này. Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận; khi nào có tranh luận thời có chống đối; khi nào có chống đối thời có bức mình". Như vậy, vì này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bức mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

Ở đây, này Aggivessana, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú". Ở đây, người có trí suy nghĩ như sau: "Nếu ta nói tri kiến này của ta: "Một phần làm tôi thích thú, một phần làm tôi không thích thú", và nếu ta cố chấp, kiên chấp tri kiến này và nói: "Đây là sự thật ngoài ra là hư vọng", thì như vậy, ta đối nghịch với hai hạng người: Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi thích thú" và Sa-môn hay Bà-la-môn này có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Tất cả đều làm cho tôi không thích thú". Ta sẽ đối nghịch

với hai hạng người này => Khi nào có đối nghịch thời có tranh luận => khi nào có tranh luận thời có chống đối => khi nào có chống đối thời có bức mình" => Như vậy, vị này vì thấy sự đối nghịch, tranh luận, chống đối và bức mình, nên từ bỏ tri kiến ấy, không chấp thủ tri kiến khác. => Như vậy là sự đoạn trừ những tri kiến này, như vậy là sự hủy bỏ những tri kiến này.

☞ Nhưng này Aggivessana, thân này có sắc, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phân toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, cần phải được quán sát là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Khi vị ấy quán sát thân này là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã => thời thân, thân dục, thân ái, thân phục tòng được đoạn diệt.

☞ Này Aggivessana, có ba thọ này; lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

– Này Aggivessana, trong khi cảm giác lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác khổ thọ, không

cảm giác bất khổ bất lạc thọ chỉ cảm giác lạc thọ.

- Nay Aggivessana, trong khi cảm giác khổ thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chỉ cảm giác khổ thọ.
- Nay Aggivessana, trong khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, chính khi ấy không cảm giác lạc thọ, không cảm giác khổ thọ, chỉ cảm giác bất khổ bất lạc thọ.
- ➔ Nay Aggivessana, lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.
- ➔ Nay Aggivessana, khổ thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.
- ➔ Nay Aggivessana, bất khổ bất lạc thọ là vô thường, hữu vi, do duyên sanh, bị đoạn diệt, bị hủy hoại, bị suy tàn, bị tiêu diệt.

Thấy vậy, nay Aggivessana, vị Đa văn Thánh đệ tử *yếm ly lạc thọ, yếm ly khổ thọ, yếm ly bất khổ bất lạc thọ => Do yếm ly, vị ấy không có tham dục => Do không tham dục, vị ấy được giải thoát => Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã*

diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm. Sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". **Với tâm giải thoát như vậy, này Aggivessana, Tỷ-kheo không nói thuận theo một ai, không tranh luận với một ai, chỉ nói theo từ ngữ đã được dùng ở đời, không có chấp thủ** (từ ngữ ấy).

Lúc bấy giờ Tôn giả Sariputta đứng sau lưng Thế Tôn và đang quạt Thế Tôn. Rồi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như sau: "*Thế Tôn đã thuyết cho chúng ta sự đoạn trừ các pháp ấy nhờ thắng trí. Thiện Thệ đã thuyết cho chúng ta sự từ bỏ các pháp ấy nhờ thắng trí*". Khi Tôn giả Sariputta suy nghĩ như vậy, tâm (của Tôn giả) được giải thoát các lậu hoặc, không còn chấp thủ.

Còn đối với du sĩ ngoại đạo Dighanakha, pháp nhãn ly trần, vô cầu được khởi lên: "**Phạm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy được đoạn diệt**". Rồi du sĩ ngoại đạo Dighanakha thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tín, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những

gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

27 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - Kinh UÙ BA LY – 56 Trung II, 79

KINH UÙ BA LY (Upali sutam)

– Bài kinh số 56 – *Trung II, 79*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Nalanda, trong rừng Pavarikamba. Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta trú tại Nalanda cùng với đại chúng Nigantha (Ly Hệ Phái). Rồi Nigantha Dighatapassi (Trường Khổ Hạnh Giả), sau khi đi khát thực ở Nalanda, ăn xong, trên con đường khát thực trở về, đi đến rừng Pavarikamba, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, nói lên những lời hỏi thăm Thế Tôn. Sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu, vị này đứng một bên. Thế Tôn nói với Nigantha Dighatapassi đang đứng một bên:

– Nay Tapassi, có những ghé ngồi. Nếu ông muốn, hãy ngồi xuống.

Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi lấy

một ghé thấp, rồi ngồi xuống một bên. Và Thế Tôn nói với Nigantha Dighatapassi đang ngồi một bên:

– *Này Tapassi, Nigantha Nataputta chủ trương có bao nhiêu nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?*

– Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta không có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp. Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta có thông lệ chủ trương phạt, phạt.

– *Này Tapassi, Nigantha Nataputta chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?*

– Này Hiền giả Gotama, Nigantha Nataputta chủ trương có ba loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân phạt, khẩu phạt, ý phạt.

– *Này Tapassi, nhưng có phải thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác?*

– Hiền giả Gotama, thân phạt khác, khẩu phạt khác, ý phạt khác.

- *Này Tapassi, ba loại phạt này, được chia chẻ*

như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương loại phật nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân phật chẳng, khẩu phật chẳng, ý phật chẳng?

– Hiền giả Gotama, ba loại phật này được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Nigantha Nataputta chủ trương thân phật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

– Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.

– Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.

– Này Tapassi, có phải Ông nói thân phật?

– Hiền giả Gotama, tôi nói thân phật.

Như vậy Thế Tôn trong cuộc đàm thoại này đã làm Nigantha Dighatapassi xác nhận cho đến lần thứ ba quan điểm (của mình).

Khi nghe nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Thế Tôn:

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại phạt để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Nay Tapassi, Như Lai không có thông lệ chủ trương phạt, phạt. Nay Tapassi, **Như Lai có thông lệ chủ trương nghiệp, nghiệp.**

– Hiền giả Gotama, Hiền giả chủ trương có bao nhiêu loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp?

– Nay Tapassi, Ta chủ trương ba loại nghiệp để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, tức là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, nhưng có phải thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác?

– Nay Tapassi, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác.

– Hiền giả Gotama, ba loại nghiệp này, được chia chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Hiền giả chủ trương loại nghiệp nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Thân nghiệp chẳng, khẩu nghiệp chẳng, ý nghiệp chẳng?

– Này Tapassi, ba loại nghiệp này, được chia
chẻ như vậy, được phân biệt như vậy, **Ta chủ trương
ý nghiệp là tối trọng**, để tác thành ác ý, để diễn tiến
ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu
nghiệp không bằng được.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý
nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý
nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

– Hiền giả Gotama, có phải Hiền giả nói ý
nghiệp?

– Này Tapassi, Ta nói ý nghiệp.

Như vậy Nigantha Dighatapassi trong cuộc đàm
thoại này, sau khi đã làm Thế Tôn xác nhận cho đến
lần thứ ba quan điểm (của mình), liền từ chỗ ngồi
đứng dậy và đi đến chỗ Nigantha Nataputta.

Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta đang ngồi với
một đại chúng gia chủ rất đông, do Upali (Ưu-ba-ly)

người thuộc làng Balaka cầm đầu. Nigantha Nataputta thấy Nigantha Dighatapassi từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Nigantha Dighatapassi:

– Này Tapassi, Ông từ đâu đi đến, trong ban ngày (nóng bức) như thế này?

– Thưa Tôn giả, con từ Sa-môn Gotama đi đến đây.

– Này Tapassi, Ông có đàm luận gì với Sa-môn Gotama không?

– Thưa Tôn giả, con cùng với Sa-môn Gotama có cuộc đàm thoại.

– Này Tapassi, cuộc đàm thoại của ông với Sa-môn Gotama như thế nào?

Rồi Nigantha Dighatapassi kể lại cho Nigantha Nataputta nghe một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Sa-môn Gotama. Được nghe vậy, Nigantha Nataputta nói với Dighatapassi:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tapassi! Sa-môn Gotama đã được Nigantha Dighatapassi trả lời, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phật hèn kém có thể sáng chói, so

sánh với thân phật cường đại này được? Thân phật thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

Khi được nói vậy, **gia chủ Upali thưa với Nigantha Nataputta:**

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi! Sa-môn Gotama đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy, một đệ tử đa văn đã hiểu đúng đắn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phật hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phật cường đại này được? Thân phật thật tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

Thưa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Nếu Sa-môn Gotama làm con xác nhận như đã làm Tôn giả Tapassi xác nhận thời cũng như một người lực sĩ tay nắm chặt lông một con cừu có lông dài, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy con sẽ dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama.

Cũng như một người lực sĩ nấu rượu, sau khi nhận chìm một thùng rượu lớn xuống hồ nước sâu,

nắm một góc thùng, có thể kéo tới, dặc lui, vằn quanh; cũng vậy, con dùng lời nói với lời nói, kéo tới, dặc lui, vằn quanh Sa-môn Gotama.

Cũng như một lực sĩ nghiện rượu sống phóng đãng, sau khi nắm góc một cái sàng, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh; cũng vậy, con sẽ dùng lời nói với lời nói, lắc qua, lắc lại, lắc xoay quanh Sa-môn Gotama.

Và cũng như một con voi lớn sáu mươi tuổi, sau khi lặn xuống một hồ nước sâu, lại chơi trò phun nước; cũng vậy, con nghĩ, con sẽ chơi trò chơi phun nước với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, con sẽ đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này.

– Nay Gia chủ, hãy đi và luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này. Vì rằng, này Gia chủ, chỉ có ta hay Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, con không được hài lòng để Gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thừa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lời cuốn những đệ tử

ngoại đạo.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp Gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama; có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này chỉ có ta, Nigantha Dighatapassi, hay Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba... Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, con không được hài lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyễn sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama! Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Gia chủ, hãy đi luận chiến với Sa-môn Gotama trong cuộc đàm thoại này; chỉ có ta, Nigantha Dighatapassi và Ông mới có thể luận chiến với Sa-môn Gotama!

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Upali vâng đáp Nigantha Nataputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Nigantha Nataputta, thân hữu hướng về Nigantha Nataputta, và đi đến rừng xoài Pavarika, chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, không biết Nigantha Dighatapassi có đến tại đây không?

– Nay gia chủ, Nigantha Dighatapassi có đến tại đây.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi không?

– Nay Gia chủ, Ta có đàm thoại với Nigantha Dighatapassi.

– Bạch Thế Tôn, cuộc đàm thoại của Thế Tôn với Nigantha Dighatapassi như thế nào?

Rồi Thế Tôn kể lại cho gia chủ Upali một cách đầy đủ cuộc đàm thoại với Nigantha Dighatapassi, Khi nghe nói vậy, gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Tốt lành thay, tốt lành thay, Tôn giả Tapassi! Thế Tôn đã được Tôn giả Tapassi trả lời như vậy,

một đệ tử đa văn đã hiểu đúng dẫn lời dạy bậc Đạo sư. Làm sao một ý phạt hèn kém có thể sáng chói, so sánh với thân phật cường đại này được, vì thân phật thật là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Khẩu nghiệp không bằng được, ý nghiệp không bằng được.

– Này Gia chủ, nếu Ông có thể đàm luận y cứ trên sự thật, thời ở đây, có thể có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây có cuộc đàm thoại giữa chúng ta.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigantha, bệnh hoạn, đau khổ, bao bệnh, từ chối nước lạnh, chỉ uống nước nóng. Người này, vì không được nước lạnh nên mệnh chung. Này Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy tái sanh chỗ nào?*

– Bạch Thế Tôn, có hàng chư Thiên được gọi là Manosatta (Ý Trước thiên). Ở đây người ấy tái sanh. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, vì người ấy chấp trước ý nên mệnh chung.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ kỹ. Ông

hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tội trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được; ý phạt không bằng được.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người Nigantha được phòng hộ với sự phòng hộ của bốn loại chế giới, hoàn toàn tự chế ngự đối với nước, hoàn toàn chú tâm (vào sự chế ngự) đối với nước, hoàn toàn loại trừ đối với nước, hoàn toàn tham nhuần (với sự chế ngự) đối với nước. Vị này khi đi qua, khi đi lại, đã giết hại rất nhiều sinh vật nhỏ bé. Này Gia chủ, theo Nigantha Nataputta, người ấy thọ quả báo nào?*

– Bạch Thế Tôn, vì không có ý, nên Nigantha Nataputta xem không phải là một đại tội.

– *Này Gia chủ, nếu người ấy có cố ý thì như thế nào?*

– Bạch Thế Tôn, là một đại tội.

– *Này Gia chủ, ý thức (ấy), Nigantha Nataputta xem thuộc về loại gì?*

– Bạch Thế Tôn thuộc về ý phạt.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ. Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp với lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận, y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm thoại giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phạt mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phạt không bằng được, ý phạt không bằng được.

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có phải Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Nalanda này là phú cường và phồn thịnh, dân chúng đông đúc, nhân dân trù mật.

☞ *Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người đi đến, với thanh kiếm đưa cao, người này nói: "Trong một sát na, trong một giây phút, ta sẽ làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt". Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có thể trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt không?*

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người cũng không có thể, trong một sát na, trong một giây phút, làm cho tất cả mọi người ở tại Nalanda này thành một đồng thịt, thành một khối thịt, huống nữa là chỉ một người nhỏ bé sao có thể sáng chói (làm thành) được?

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn đến, có thần thông lực, có tâm tự tại. Vị này nói như sau. "Ta sẽ làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận". Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy, có thần thông lực, có tâm tự tại, có thể làm cho Nalanda này trở thành tro tàn với một tâm sân hận không?

– Bạch Thế Tôn, cho đến mười Nalanda, hai mươi, ba mươi Nalanda, bốn mươi Nalanda, năm mươi Nalanda, vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn ấy có thần thông lực, có tâm tự tại có thể làm cho các Nalanda ấy trở thành tro tàn với một tâm sân hận, huống nữa là một Nalanda nhỏ bé này, sao có thể chói sáng được (khỏi bị trở thành tro tàn được)?

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ, Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông! Lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông! Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có nói như vậy, nhưng chỉ có thân phật mới là tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp. Khẩu phật không bằng được, ý phật không bằng được.

☞ *Này Gia chủ. Ông nghĩ thế nào? Ông có nghe các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng như trước?*

– Bạch Thế Tôn con có nghe: Các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga đã trở lại thành rừng (như trước).

– Này Gia chủ, Ông nghĩ thế nào? Có thể Ông được nghe vì sao các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga trở thành rừng như trước?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe, các rừng Dandaka, Kalinga, Mejjha, Matanga trở lại thành rừng (như trước) vì tâm sân hận các vị ẩn sĩ.

– Gia chủ, Gia chủ! Sau khi suy nghĩ Ông hãy trả lời. Lời nói trước của Ông không phù hợp lời nói sau của Ông, lời nói sau của Ông không phù hợp lời nói trước của Ông. Thế mà này Gia chủ, Ông đã nói như sau: "Bạch Thế Tôn, con sẽ đàm luận y cứ trên sự thật. Mong rằng ở đây sẽ có cuộc đàm luận giữa chúng ta".

– Bạch Thế Tôn, với ví dụ đầu tiên, con đã hoan hỷ, con đã thỏa mãn. Nhưng vì con muốn nghe các vấn đáp sai biệt của Thế Tôn, nên con mới nghĩ đóng vai trò đối lập với Thế Tôn.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện, trình bày, giải thích. Vậy

nay con quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Nay Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông.

– Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ trương cờ lên và tuyên bố: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử chúng tôi". Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Gia chủ, hãy chín chắn suy tư. Chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như Ông". Bạch Thế Tôn, lần thứ hai, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Nay Gia chủ, đã từ lâu gia đình Ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với Ông!

– Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Gia chủ, đã từ lâu gia đình của Ông như là

giếng nước mưa nguồn cho các người Nigantha. Hãy cúng dường các món ăn cho những ai đến với các Ông". Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Sa-môn Gotama đã nói: "Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho các đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử những người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí những người khác không được phước lớn. Chỉ bố thí cho những đệ tử của Ta mới có phước lớn, bố thí cho những đệ tử những người khác không có phước lớn". Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các vị Nigantha. Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn **thuận thứ thuyết pháp** cho gia chủ Upali, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô các dục lạc, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết gia chủ Upali tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phần khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa rất dễ thấm màu nhuộm.

Cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với gia chủ Upali: **"Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt"**. Rồi gia chủ Upali, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp bậc Đạo sư. Gia chủ Upali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Nay Gia chủ, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Gia chủ Upali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi đi về trú xá của mình, sau khi đến bèn nói với người giữ cửa như sau:

– Từ nay trở đi, này người gác cửa, ta sẽ đóng cửa đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu có vị Nigantha nào đến, Ông hãy nói vị ấy như sau: "Tôn giả hãy đứng lại, chớ bước vào! Từ nay trở đi, Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ

cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Và có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả"

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali.

Nigantha Dighatapassi nghe như sau: "Gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama". Rồi Nigantha Dighatapassi đi đến chỗ Nigantha Nataputta ở, sau khi đến liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Và có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, tôi có nghe gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể

có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

– Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi và tìm biết gia chủ Upali có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

– Nay Tapassi, hãy đi và tìm biết gia chủ Upali có trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigantha Dighatapassi đi đến trú xá của gia chủ Upali. Người giữ cửa thấy Nigantha Dighatapassi ở đường xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigantha Dighatapassi:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với nam Nigantha, nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Nếu Tôn giả cần đồ ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Nay Hiền giả, ta không cần đồ ăn.

Nói xong, Nigantha Dighatapassi đi trở lui, đến chỗ Nigantha Nataputta ở, sau khi đến, liền thưa với

Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thưa Tôn giả, tôi không được hài lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyền thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo". Thưa Tôn giả, nay gia chủ Upali của Tôn giả đã bị huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali.

Lần thứ hai... (như trên)... Lần thứ ba, Nigantha Dighatapassi nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, sự thật là gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Về vấn đề này, tôi đã không đồng ý với Tôn giả và đã nói: "Thưa Tôn giả, tôi không được yên lòng để gia chủ Upali luận chiến với Sa-môn Gotama. Thưa Tôn giả, Sa-môn Gotama là một huyền thuật sư. Sa-môn Gotama biết được huyền thuật lôi cuốn những đệ tử các ngoại đạo. Thưa Tôn giả, nay gia chủ Upali của Tôn giả đã bị

huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn".

– Nay Tapassi, không thể có sự kiện, không thể có trường hợp gia chủ Upali trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Có thể có sự kiện Sa-môn Gotama trở thành đệ tử của gia chủ Upali. Nay Tapassi, ta sẽ đi và tìm biết gia chủ Upali đã trở thành đệ tử Sa-môn Gotama hay không.

Rồi Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đi đến trú xá của gia chủ Upali. Người giữ cửa thấy Nigantha Nataputta từ xa đi đến, khi thấy vậy liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, hãy đứng ở đây, chớ có bước vào! Từ nay trở đi, gia chủ Upali đã trở thành đệ tử của Sa-môn Gotama. Cửa sẽ đóng đối với các nam Nigantha, các nữ Nigantha. Cửa sẽ không đóng đối với các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ của Thế Tôn. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả cần các món ăn, hãy đứng ở đây. Có người sẽ đem ra ở đây cho Tôn giả.

– Nay người giữ cửa, hãy đi đến gia chủ Upali, sau khi đến, hãy thưa với gia chủ như sau: "Thưa Tôn giả, Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả".

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp Nigantha Nataputta, đi đến gia chủ Upali, sau khi đến liền thưa với gia chủ Upali:

– Thừa Tôn giả, có Nigantha Nataputta cùng với đại chúng Nigantha đang đứng ở ngoài ngưỡng cửa và muốn yết kiến Tôn giả.

– Nay Người giữ cửa, hãy vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali, sau khi cho vào soạn các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa, đi đến gia chủ Upali, sau khi đến, liền nói với gia chủ Upali:

– Thừa Tôn giả, các chỗ ngồi trong căn phòng chính giữa có cửa đã được sửa soạn. Tôn giả hãy làm những gì Tôn giả nghĩ là phải thời.

Rồi gia chủ Upali đi đến căn phòng chính giữa có cửa, sau khi đến tại chỗ ngồi nào là tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, sau khi ngồi trên chỗ ấy, liền bảo người gác cửa:

– Nay Người giữ cửa, hãy đi đến Nigantha Nataputta: "Thưa Tôn giả, gia chủ Upali có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người giữ cửa vâng đáp gia chủ Upali, đi đến Nigantha Nataputta, sau khi đến, liền nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, Gia chủ Upali có nói: "Thưa Tôn giả, nếu muốn, Tôn giả hãy vào".

Rồi Nigantha Nataputta với đại chúng Nigantha đi đến căn phòng ở giữa, có cửa.

Gia chủ Upali lúc trước mỗi khi thấy Nigantha Nataputta từ xa đi đến, sau khi thấy liền đi ra nghinh tiếp vào tại chỗ nào có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, liền lấy thượng y lau chỗ ngồi ấy, giữ lấy và mời Nigantha Nataputta ngồi trên chỗ ngồi ấy. Nhưng tại chỗ có chỗ ngồi tối thượng, tối tôn, tối cao và tối thắng, gia chủ Upali lại ngồi trên chỗ ngồi ấy và nói với Nigantha Nataputta:

– Thưa Tôn giả, có những chỗ ngồi. Nếu muốn, Tôn giả hãy ngồi.

Khi nghe nói vậy, Nigantha Nataputta nói với gia chủ Upali:

– Này Gia chủ, Ông thật là điên cuồng. Này Gia chủ, Ông thật là ngu si. Ông nói: "Thưa Tôn giả, tôi sẽ đi luận chiến với Sa-môn Gotama". Sau khi đi, Ông đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị. Này Gia chủ, ví như người đi với hai cao hoàn, đi về với cao hoàn bị thiên. Này Gia chủ, như người đi với hai con mắt, đi về với hai con mắt bị khoét. Cũng vậy, này Gia chủ, Ông nói: "Thưa Tôn giả, con sẽ đi luận chiến với Sa-môn Gotama, sau khi đi đã trở về bị trói buộc trong lưới lớn luận nghị". Này Gia chủ, Ông đã bị huyền thuật của Sa-môn Gotama lôi cuốn rồi.

– Thưa Tôn giả, vì diệu thay, huyền thuật lôi cuốn này! Tốt lành thay, huyền thuật lôi cuốn này! Thưa Tôn giả, nếu bà con huyết thống thân yêu của tôi được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho các bà con huyết thống của tôi. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sát đế ly được huyền thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc hạnh phúc lâu dài cho tất cả các vị Sát-đế-ly. Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Bà-la-môn... (như trên)... nếu tất cả các người Vessa (Phệ-xá)... Thưa Tôn giả, nếu tất cả các người Sudda (Thủ-đà) được huyền

thuật này lôi cuốn, thời thật là an lạc, và hạnh phúc lâu dài cho tất cả các người Sudda. Thưa Tôn giả, nếu thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người được huyền thuật này lôi cuốn, thời như vậy là an lạc, hạnh phúc lâu dài cho thế giới với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, với chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người.

Thưa Tôn giả, tôi sẽ nói cho Tôn giả ví dụ này. Ở đây, những người có trí nhờ ví dụ sẽ biết rõ ý nghĩa của lời nói.

Thưa Tôn giả, thuở xưa có người Bà-la-môn đã về già tuổi đã lớn, bậc trưởng lão, có người vợ còn trẻ, trong tuổi thanh xuân, (người vợ này) đang mang thai, sắp đến kỳ sinh nở. Thưa Tôn giả, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một khỉ con đực để cùng chơi với con tôi".

Thưa Tôn giả, được nói vậy, người Bà-la-môn nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con đực mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng

chơi với đứa con gái của mình".

Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ con đực để cùng chơi với con tôi". Thưa Tôn giả, lần thứ hai, người Bà-la-môn ấy nói với cô vợ trẻ: "Này mình, hãy chờ cho đến khi mình sanh. Nếu mình sanh con trai, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con đực mang về để cùng chơi với đứa con trai của mình. Còn nếu mình sanh con gái, tôi sẽ đi chợ mua một con khỉ con cái và mang về để cùng chơi với đứa con gái của mình".

Thưa Tôn giả, lần thứ ba, người vợ trẻ nói với người Bà-la-môn ấy: "Này Bà-la-môn, hãy đi phố mua một con khỉ con đực để cùng chơi với con tôi". Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình nên đi chợ mua một con khỉ đực, đem về và nói với cô vợ trẻ: "Này mình, đây là con khỉ con đực, tôi mua ở chợ và mang về, hãy để nó cùng chơi với con của mình".

Thưa Tôn giả, khi nghe nói vậy cô vợ trẻ ấy nói với người Bà-la-môn: "Này Bà-la-môn hãy đi, đem con khỉ con đực này đến Rattapani con người thợ nhuộm, sau khi đến hãy nói với Rattapani con người thợ nhuộm: *"Này bạn Rattapani, tôi muốn con khỉ*

đực này được nhuộm với màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh và cả hai phía được làm thành mềm dịu"

Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy vì quá yêu thương, quá ái luyến cô vợ trẻ của mình đem con khỉ con đực này đi đến Rattapani con người thợ nhuộm, khi đến xong liền nói với Rattapani, con người thợ nhuộm: "Này bạn Rattapani, tôi muốn con khỉ đực này được nhuộm màu vàng, được khéo đập, khéo ủi xung quanh, và cả hai phía được làm thành mềm dịu". Thưa Tôn giả, được nói vậy, Rattapani con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn kia: "*Này Tôn giả, con khỉ con đực này có thể nhuộm được, nhưng không có thể đập được, ủi được, không có thể làm thành mềm dịu*".

Cũng vậy, thưa Tôn giả, là lý thuyết của những Nigantha ngu si, lý thuyết này có thể ăn nhuộm đối với những người ngu si, *chớ không ăn nhuộm đối với người có trí*.

Thưa Tôn giả, người Bà-la-môn ấy, sau một thời gian, lấy một cặp áo mới, đi đến chỗ Rattapani, con người thợ nhuộm, sau khi đến, nói với Rattapani, con người thợ nhuộm: "Này Rattapani, tôi muốn nhuộm cặp áo mới này với màu nhuộm màu vàng, được đập

và ỉi xung quanh, và cả hai phía được làm thành mềm dịu". Thừa Tôn giả, được nói vậy, Rattapani con người thợ nhuộm nói với người Bà-la-môn ấy: *"Thừa Tôn giả, cặp áo mới này của Tôn giả có thể nhuộm được, có thể đập và ỉi xung quanh và có thể làm thành mềm dịu"*.

Cũng vậy, thừa Tôn giả, là lý thuyết của Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, có thể ăn nhuộm đối với người có trí, không phải đối với người ngu si, có thể đập được, ỉi được, và có thể khiến trở thành mềm dịu".

– Nay Gia chủ, quần chúng này gồm cả các vua chưa được biết như sau: "Gia chủ Upali là đệ tử của Nigantha Nataputta". Này Gia chủ, nay chúng tôi xem Gia chủ là đệ tử của ai?

Được nói vậy, gia chủ Upali từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và nói với Nigantha Nataputta:

– Thừa Tôn giả, hãy nghe, tôi là đệ tử của ai:

*Bậc Trí sáng suốt,
Đoạn trừ si ám.
Phá tan hoang vu,
Chiến thắng địch quân.*

Đau khổ đoạn diệt,
Tâm an bình tĩnh.
Giới đức trưởng thành,
Tuệ đức viên minh.
Phiền não nội tịnh,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Do dự đoạn trừ,
Biết vừa, biết đủ,
Thế lợi tuyệt không,
Tâm tư hoan hỷ,
Làm Sa-môn hạnh,
Sanh ở nhân gian,
Thân này sau cùng,
Làm người nhân thế.
Bậc Thánh cao nhất,
Rời trần ly cấu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Không tâm do dự,
Khéo hành thiện xảo.
Bậc trì giới luật,
Điều ngự tối thượng.
Là Vô Thượng Sĩ,

Sáng chói hào quang,
Nghĩ hoặc đoạn trừ,
Soi sáng mọi nơi.
Kiêu mạn đoạn tận,
Vô nhân anh hùng.
Tôi thật chính là
Đệ tử Thế Tôn.

Ngài bậc Nguru Vương,
Âm tư vô lượng,
Thâm sâu khôn lường
Bậc thánh Mâu ni,
Tác thành an ổn,
Bậc có Trí tuệ,
An trú Pháp vị,
Tự phòng hộ thân,
Vượt qua tham ái,
Bậc Giải Thoát Trí.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Ngài bậc Long Vương,
Sống xa thế tục.
Kiết sử đoạn trừ,
Siêu đẳng giải thoát.
Biện tài từ tốn,
Trong sạch thanh tịnh,

Cờ xí triệt hạ,
Tham ái đoạn trừ,
Điều ngự nhiếp phục,
Hý luận diệt tận.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.

Đệ thất tiên nhân.
Không tin lời đồn.
Ba minh thành tựu,
Đạt quả Phạm thiên.
Tắm sạch thân tâm,
Văn cú thông đạt.
Khinh an yên ổn,
Tránh trí chứng đắc.
Công phá thành trì,
Thiên chủ Đế thích.
Tôi chính thật là,
Đệ tử Thế Tôn.

Ngài bậc Thánh Giả,
Tự tu tự tập.
Chứng điều phải chứng,
Thuyết giảng hiện tại,
Chánh niệm tỉnh giác,
Thiền quán tinh tế
Không thiên tà dục,

*Không nuôi tâm hận.
Giao động không còn,
Thân tâm tự tại.
Tôi chính thật là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Sống theo chánh đạo,
Trầm tư Thiền tưởng,
Nội tâm không nhiễm,
Thanh tịnh trong sạch,
Không trước không chấp,
Không nguyện không cầu,
Độc cư độc tọa,
Chứng tối thượng vị,
Đã vượt qua dòng,
Giúp người vượt qua.
Tôi thật chính là
Đệ tử Thế Tôn.*

*Bậc chứng tịch tịnh,
Trí tuệ vô biên,
Trí tuệ quảng đại,
Tham ái đoạn tận.
Ngài là Như Lai,
Ngài là Thiện Thệ,
Không người sánh bằng,
Không ai đồng đẳng,*

*Giàu đức tự tin,
Viên mãn thành tựu.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

*Tham ái đoạn tận,
Giác ngộ chánh giác,
Khỏi mù tiêu tan,
Ô uế trừ sạch
Xứng đáng cúng dường,
Dạ xoa thanh tịnh.
Vô thượng Thánh nhân,
Không thể cân lường
Đại nhân Đại giác
Đạt đến danh xưng.
Tôi thật chính là,
Đệ tử Thế Tôn.*

– Này Gia chủ, Ông chất chứa những ưu điểm này về Sa-môn Gotama từ bao giờ?

– Thưa Tôn giả, ví như một đồng hoa, có nhiều loại khác nhau; người làm vòng hoa thiện xảo hay người đệ tử làm vòng hoa có thể kết thành một vòng hoa có những loại hoa sai biệt. Cũng vậy, thưa Tôn giả, Thế Tôn có nhiều đức tánh, có hàng trăm đức tánh. Thưa Tôn giả, và **ai lại không tán thán những bậc đáng tán thán!**

Vì Nigantha Nataputta không thể nghe lời tán thán Thế Tôn, nên ngay tại chỗ ấy đã thở ra huyết nóng.

28 Phàm pháp gì được tập khởi lên, đều bị tiêu diệt - TIÊU Kinh GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA – 147 Trung III, 623

TIÊU KINH GIÁO GIỚI LAHÀULA (Cula Rahulovada sutta)

– Bài kinh số 147 – Trung III, 623

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm) tại tinh xá ông Anathapindika. Rồi Thế Tôn trong khi nhàn tịnh độc cư, khởi lên tư niệm sau đây: "Đã thuần thực là những pháp đã đưa đến giải thoát cho Rahula. Vậy Ta hãy huấn luyện Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc". Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Thế Tôn cho gọi Tôn giả Rahula và nói:

– Này Rahula, hãy cầm tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến Andhavana để nghỉ ban ngày.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rahula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Lúc bấy giờ hàng ngàn chư Thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng: "Hôm nay, Thế Tôn sẽ huấn luyện cho Tôn giả Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc".

Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rahula đang ngồi một bên:

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

_Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? **Sắc** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? **Nhãn thức** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

– Bạch Thế Tôn, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?"

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn

– Này Rahula. Ông nghĩ thế nào? **Nhãn xúc** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức**; pháp được khởi lên ấy là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thừa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Tai** là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– **Mũi** là thường hay vô thường?... (như trên)...
Lưỡi là thường hay vô thường?... (như trên)... **Thân**
là thường hay vô thường... (như trên)... **Ý** là thường
hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Pháp là
thường hay vô thường?

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Ý thức là
thường hay vô thường?

– (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Ý xúc là
thường hay vô thường?

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Nay Rahula, Ông nghĩ thế nào? **Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức**, các pháp (được khởi lên) ấy là thường hay vô thường?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Nay Rahula, **do thấy vậy**, vị Đa văn Thánh đệ tử **yếm ly con mắt**, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly pháp (được khởi lên) ấy. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân, yếm ly các xúc, .. yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc. Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly các pháp (được khởi lên) ấy. **Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết:** "Ta đã được giải thoát ". Và vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không

còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của Tôn giả Rahula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và đối với hàng ngàn chư Thiên ấy, được khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cấu: "**Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị diệt tận**".

29 Phá hoà hợp Tăng - Kinh PHÁ HÒA HỢP TĂNG – Tăng IV, 339

PHÁ HÒA HỢP TĂNG – Tăng IV, 339

1. - Phá hoà hợp tăng, phá hoà hợp tăng, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là phá hoà hợp Tăng?

2. - Ở đây, này Upáli, các Tỷ-kheo:

1. *Thuyết phi pháp là pháp.*
2. *Thuyết pháp là phi pháp.*
3. *Thuyết phi luật là luật.*
4. *Thuyết luật là phi luật.*
5. *Thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết.*
6. *Thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết.*
7. *Thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành.*
8. *Thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành.*
9. *Thuyết điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt.*
10. *Thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.*

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất cộng yết-ma, họ tuyên đọc giới bốn Pátimokkha khác biệt. Cho đến như vậy, này Upàli, là chúng Tăng bị phá hoại.

HÒA HỢP TĂNG – Tăng IV, 339

1. - Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp. Bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp?

2. - Ở đây, này Upàli, các Tỷ-kheo:

1. *Thuyết phi pháp là phi pháp.*
2. *Thuyết pháp là pháp.*
3. *Thuyết phi luật là phi luật.*
4. *Thuyết luật là luật.*
5. *Thuyết điều là điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết.*
6. *Thuyết điều là điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai có nói, có thuyết.*
7. *Thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường không sở hành.*
8. *Thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành.*

9. *Thuyết điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai không chế đặt.*
10. *Thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt.*

Với mười sự này, các Tỷ-kheo không phá hoại, các Tỷ-kheo không chia rẽ, các Tỷ-kheo không hành bất cộng yết-ma, các Tỷ-kheo không tuyên đọc giới bốn Pàtimkka khác biệt. Cho đến như vậy, này Upàli, là Tăng chúng được hòa hợp.

QUẢ CỦA PHÁ HÒA HỢP TĂNG – Tăng IV, 340

1. - *Phá hoại Tăng hòa hợp, đem lại kết quả gì?*
2. - Này Ànanda, **đem lại tội ác kéo dài đến một kiếp.**
3. - *Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp?*
4. - Này Ananda, **bị nấu trong địa ngục một kiếp.**

*Kẻ phá hòa hợp Tăng
Bị rơi vào đọa xứ,
Bị rơi vào địa ngục
Kéo dài đến một kiếp;
Ưa thích sự bất hòa,*

An trú trên phi pháp,
An ổn các khó ách,
Lại xa lìa, từ bỏ;
Ai phá sự hòa hợp,
Của Tăng chúng Tỷ-kheo,
Trong một kiếp, người ấy,
Bị địa ngục nung nấu.

QUẢ DO HÒA HỢP TĂNG ĐƯA LẠI – Tăng IV, 341

- 1.- *Bạch Thế Tôn, với chúng Tăng bị phá, làm cho hòa hợp lại, đem đến kết quả gì?*
2. - Nay Ànanda, **dem đến phạm công đức!**
3. - *Bạch Thế Tôn, thế nào là phạm công đức?*
4. - Nay Ànanda, **trong một kiếp, được sống hoan hỷ ở Thiên giới.**

Sống an lạc là người,
Làm hòa hợp chúng Tăng;
Sống an lạc là người,
Giúp chúng Tăng hòa hợp;

*Ưu thích sự hòa hợp,
An trú trên Chánh pháp.
Ai khiến cho chúng Tăng,
Được sống trong hòa hợp,
Trong một kiếp, người ấy
Sống hoan hỷ Thiên giới.*

30 Phá hoà hợp tăng - 4 lý do - Kinh PHẠM TỘI 1 – Tăng II, 273

PHẠM TỘI 1 – *Tăng II, 273*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ànanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ànanda đang ngồi xuống một bên:

- Nay Ànanda, sự tranh chấp ấy đã được chấm dứt chưa?

- Từ đâu, bạch Thế Tôn, sự tranh chấp ấy sẽ chấm dứt được? Bàhiya, vị đồng trú với Tôn giả Anuruddha hoàn toàn đứng về phía hòa hợp tăng. Do vậy, Tôn giả Anuruddha nghĩ rằng không nên nói một lời nào.

- Nay Ànanda, có khi nào Anuruddha lại can thiệp vào những vấn đề tranh chấp giữa chúng Tăng? Phải chăng, nay Ànanda, khi nào có vấn đề tranh chấp gì khởi lên, chính hai Thầy Sàriputta và Moggallàna làm chấm dứt tất cả tranh chấp ấy?

2. Nay Ànanda, do thấy bốn lợi ích này, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng. Thế nào là bốn?

Ở đây, nay Ànanda, kẻ ác Tỷ-kheo, do theo ác giới, theo ác pháp không trong sạch, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn, không hành Phạm hạnh nhưng tự xưng là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đầy ứ dục vọng, một đồng rác dơ bẩn. Vị ấy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh ... một đồng rác dơ bẩn; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Nay Ànanda, do thấy lợi ích thứ nhất này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

3. Lại nữa, nay Ànanda, Tỷ-kheo có tà kiến, thành tựu với chấp thủ biên kiến, vị ấy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là có ác tri kiến, chấp thủ tri kiến; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Nay Ànanda, do thấy lợi ích thứ hai này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

4. Lại nữa, nay Ànanda, ác Tỷ-kheo có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có tà mạng, nuôi sống mình

với tà mạng; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Nay Ànanda, do thấy lợi ích thứ ba này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

5. Lại nữa, nay Ànanda, ác Tỷ-kheo tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị kinh miệt; Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị kinh miệt; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta". Nay Ànanda, do thấy lợi ích thứ tư này, ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

Do thấy bốn lợi ích này, nay Ànanda, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với pháp hòa hợp Tăng.

31 Phá sạch các dị thuyết của ngoại đạo - ĐẠI KINH PHÁP HÀNH – 46 Trung I, 679

ĐẠI KINH PHÁP HÀNH (Mahadhammasamadana sutta)

– Bài kinh số 46 – *Trung I*, 679

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá Ông Anathapindika. Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– Này các Tỷ-kheo, phần lớn các loài hữu tình có dục như thế này, có ước vọng như thế này, có nguyện vọng như thế này: "*Ôi, mong rằng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tiêu diệt!*"

Mong rằng các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng!"

Này các Tỷ-kheo, dầu cho các loài hữu tình ấy có dục như vậy, có ước vọng như vậy, có nguyện vọng như vậy, nhưng các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý được tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Người có biết vì nguyên nhân gì không?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này! Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ hành trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

⇒ Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến các bậc Chân nhân, không

thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, **không biết rõ** các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận.

⇒ Vì không biết rõ các pháp nên phục vụ, không biết rõ các pháp không nên phục vụ, không biết rõ các pháp nên thân cận, không biết rõ các pháp không nên thân cận, vì này **phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận.**

⇒ Vì này vì phục vụ các pháp không nên phục vụ, không phục vụ các pháp nên phục vụ, vì thân cận các pháp không nên thân cận, không thân cận các pháp nên thân cận, **cho nên** các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, **là vì người ấy không có trí đối với pháp này.**

Và này các Tỷ-kheo,

⇒ Vì Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thực

pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, **biết rõ** các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận.

⇒ Vì biết rõ các pháp nên phục vụ, biết rõ các pháp không nên phục vụ, biết rõ các pháp nên thân cận, biết rõ các pháp không nên thân cận, vì này **phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận.**

⇒ Vì này vì phục vụ các pháp nên phục vụ, không phục vụ các pháp không nên phục vụ, thân cận các pháp nên thân cận, không thân cận các pháp không nên thân cận, **cho nên** các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý được tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, **là vì vì ấy có trí đối với pháp này.**

Này các Tỷ-kheo, có **bốn pháp hành**. Thế nào là bốn?

- Có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.
- Có pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

- Có pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.
- Có pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Do **vô trí** với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này*. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. **Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.**

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Do **vô trí với pháp này, do si mê nên không biết như chân**: "Đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên phục vụ pháp này, không tránh né pháp này*. Vì phục vụ pháp này, vì không tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy này các Tỷ-kheo, là

vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc. Do **vô trí** với pháp này, do si mê nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên không phục vụ pháp này, tránh né pháp này*. Vì không phục vụ pháp này, tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc. Do **vô trí** với pháp này, do si mê, nên không tuệ tri như chân: "Đây là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc". Do vô trí với pháp này, do si mê, do không tuệ tri như chân, *nên không phục vụ pháp này, tránh né pháp này*. Vì không phục vụ pháp này, vì tránh né pháp này, nên đối với vị này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tăng trưởng; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý bị tiêu diệt. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy không có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện*

tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Do **có trí** với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chơn: "Pháp hành này hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chơn, vị này *không phục vụ pháp này, tránh né pháp này.* Do không phục vụ pháp này, do tránh né pháp này, *nên các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý bị tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng.* Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.* Do **có trí** với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chơn: "Pháp hành này hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chơn, vị này *không phục vụ* pháp này, tránh né pháp này. Do không phục vụ pháp này, do tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là *pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.* Do **có trí** đối với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chơn: "Pháp này hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc". Do có trí đối

với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này **phục vụ** pháp này, không tránh né pháp này. Do phục vụ pháp này, không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là **pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc**. Do **có trí** với pháp này, do tâm sáng suốt, vị này tuệ tri như chân: "Pháp hành này hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc". Do có trí với pháp này, do tâm sáng suốt, do tuệ tri như chân, vị này **phục vụ** pháp này, không tránh né pháp này. Do phục vụ pháp này, do không tránh né pháp này, các pháp bất khả ái, bất khả lạc, bất khả ý tiêu diệt; các pháp khả ái, khả lạc, khả ý tăng trưởng. Vì sao vậy? Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vì vị ấy có trí đối với pháp này.

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành **hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ**?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ, với ưu, **sát sanh**, và do duyên sát sanh, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu **lấy của không cho**, và do duyên lấy của không cho, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu sống

theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời vọng ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời ác ngữ, và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, nói lời phù phiếm và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, có tâm tham ái, và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu có tà kiến, và do duyên tà kiến cảm thọ khổ ưu. Vì ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo cũng khổ.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, sát sanh và do duyên sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, lấy của không cho và do duyên lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, sống theo tà hạnh trong các dục, và do duyên sống theo tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời vọng ngữ, và do duyên nói lời

vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời hai lưỡi, và do duyên nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời ác ngữ và do duyên nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, nói lời phù phiếm, và do duyên nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tâm tham ái và do duyên có tâm tham ái, cảm thọ lạc và hỷ, với lạc, với hỷ, có tâm sân hận, và do duyên có tâm sân hận, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có tà kiến, và do duyên có tà kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vì này sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với khổ với ưu, từ bỏ sát sanh, và do duyên từ bỏ sát sanh cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ tà hạnh trong các dục, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu từ bỏ nói lời vọng ngữ và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ

bỏ nói lời ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ nói lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm tham ái, và do duyên từ bỏ tâm tham ái, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tâm sân hận, và do duyên từ bỏ tâm sân hận, cảm thọ khổ ưu; với khổ, với ưu, từ bỏ tà kiến, và do duyên từ bỏ tà kiến, cảm thọ khổ ưu. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lạc, với hỷ, từ bỏ sát sanh và do duyên từ bỏ sát sanh, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ lấy của không cho, và do duyên từ bỏ lấy của không cho, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ các tà hạnh trong các dục, và do duyên từ bỏ các tà hạnh trong các dục, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời vọng ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời vọng ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói lời hai lưỡi, và do duyên từ bỏ nói lời hai lưỡi, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ ác ngữ, và do duyên từ bỏ nói lời ác ngữ, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, từ bỏ nói

lời phù phiếm, và do duyên từ bỏ nói lời phù phiếm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có tham ái, và do duyên không có tham ái, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, không có sân tâm và do duyên không có sân tâm, cảm thọ lạc và hỷ; với lạc, với hỷ, có chánh kiến và do duyên chánh kiến, cảm thọ lạc và hỷ. Vì vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là pháp hành hiện tại lạc và tương lai quả báo cũng lạc.

Này các Tỷ-kheo, *ví như trái bí đắng có tẩm thuốc độc*. Rồi một người đến muốn sống, muốn không chết, ưa lạc, hiềm ghét khổ, và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, trái bí đắng này có tẩm thuốc độc, nếu bạn muốn, hãy ăn. Trong khi ăn, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người ấy có thể ăn không có suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi ăn, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi ăn, người ấy bị chết, hay bị đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ.

Này các Tỷ-kheo, *ví như một bình đồng đựng*

nước uống, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn ưa lạc, hiềm ghét khổ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, bình đồng đựng nước uống này, có sắc, có hương, có vị, và nước uống ấy có tẩm thuốc độc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết". Người kia có thể uống, không suy nghĩ, không từ bỏ. Trong khi uống, người ấy được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là *pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ.*

Này các Tỷ-kheo, ***ví như nước đái quỷ được trộn nhiều loại thuốc.*** Rồi có người đi đến, bị bệnh hoạn đản, và có người nói với người đó như sau: "Này bạn, nước đái quỷ này được trộn với nhiều loại thuốc. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người ấy có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người ấy không được thích thú về sắc, về hương, về vị. Nhưng sau khi uống, người ấy được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống

như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại khổ, tương lai quả báo lạc.

Này các Tỷ-kheo, **ví như lạc, mật, thực tô và đường trộn lẫn với nhau**. Rồi có người đi đến bị bệnh kiết lỵ. Và có người nói với người ấy như sau: "Này bạn, đây là lạc, mật, thực tô và đường trộn lẫn với nhau. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, bạn sẽ được an lạc". Người kia có thể uống, sau khi suy nghĩ, không có từ bỏ. Trong khi uống, người kia được thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống, người kia được an lạc. Này các Tỷ-kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc.

Này các Tỷ-kheo, **ví như trong tháng cuối mùa mưa, vào mùa thu, mùa gặt hái, khí bầu trời quang đãng, không có mây, và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, hực sáng và rực sáng**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo cũng lạc** này, sau khi phá sạch các dị thuyết của các Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường, chói sáng, hực sáng và rực sáng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy

hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

32 Phát lộ sám hối - Sự lớn mạnh trong giới luật của bậc Thánh - Kinh BHADDALI – 65 Trung II, 215

KINH BHADDALI (**Bhaddali sutam**)

– Bài kinh số 65 – Trung II, 215

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Savatthi, Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, **Ta ăn chỉ ngồi một lần** (Ekasanabhojana). Này các Tỷ-kheo, do Ta ăn chỉ ngồi một lần, Ta cảm thấy ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng, có sức và lạc trú.

Này các Tỷ-kheo, hãy ăn chỉ ngồi một lần. Này các Tỷ-kheo, hãy ăn chỉ ngồi một lần, và các Ông sẽ cảm thấy ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng, có sức và lạc trú.

Khi được nói vậy, Tôn giả Bhaddali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con không có thể ăn chỉ ngồi một lần. Bạch Thế Tôn, nếu con ăn chỉ ngồi một lần, thời con cảm thấy như là hối tiếc, như là hối hận.

– Vậy này Bhaddali, khi nào Ông được mời, hãy ăn tại chỗ một phần ăn, rồi đem về một phần ăn để ăn sau. Như vậy, này Bhaddali, Ông có thể ăn như vậy và sống qua ngày không?

– Như vậy, bạch Thế Tôn, con cũng không có thể ăn được. Bạch Thế Tôn, nếu con có ăn như vậy, con vẫn cảm thấy như là hối tiếc, như là hối hận.

Rồi Tôn giả Bhaddali, trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, tuyên bố sự bất lực (của mình). Rồi Tôn giả Bhaddali, trong ba tháng tròn, không diện kiến Thế Tôn vì không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Sau một thời gian, một số đông Tỷ-kheo đang làm y cho Thế Tôn (Civarakamma) và nói rằng: "Sau khi làm y xong, sau ba tháng này, Thế Tôn sẽ du hành". Rồi Tôn giả Bhaddali đến tại chỗ các vị Tỷ-kheo ấy, sau khi đến, nói lên với các Tỷ-kheo ấy

những lời chào hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Những Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Bhaddali đang ngồi một bên:

– Này Hiền giả Bhaddali, tám y này đang được làm cho Thế Tôn. Sau khi làm y xong, sau ba tháng này, Thế Tôn sẽ du hành. Này Hiền giả Bhaddali, hãy khéo tư niệm đến trường hợp đặc biệt này (Desakam). Chớ để về sau, lại càng khó khăn hơn cho Hiền giả.

– Thừa vâng, chư Hiền.

Tôn giả Bhaddali vâng đáp các Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhaddali bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm để có thể phòng hộ trong tương lai.

– Này Bhaddali, thật sự một lỗi lầm đã chiếm

đoạt Ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, Ông đã tuyên bố sự bất lực của Ông.

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này: "Thế Tôn trú tại Savatthi, Thế Tôn sẽ biết ta như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư". Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này: "Một số đông Tỷ-kheo đến an cư vào mùa mưa ở Savatthi. Các vị ấy sẽ biết ta như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư". Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddali trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này: "Một số đông Tỷ-kheo-ni đến an cư vào mùa mưa ở Savatthi. Các vị ấy sẽ biết ta như sau: "... (như trên)...

... một số đông nam cư sĩ trú ở Savatthi, sẽ biết ta như sau: ... (như trên)...

... một số đông nữ cư sĩ trú ở Savatthi, sẽ biết ta

như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư". Nay Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

Này Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được điều này: "Một số đông Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo đến an cư vào mùa mưa ở Savatthi. Các vị ấy sẽ biết ta như sau: "Tỷ-kheo tên Bhaddali là đệ tử của Sa-môn Gotama, một bậc Thượng tọa, không có thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư". Nay Bhaddali, trong thời ấy, Ông không ý thức được như vậy.

– Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm để có thể phòng hộ trong tương lai.

– Này Bhaddali, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt Ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Ta chế định, Ông đã tuyên bố sự bất lực của Ông.

Này Bhaddali, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có Tỷ-kheo Câu Phân Giải thoát. Ta nói với vị ấy như sau: "Này Tỷ-kheo, hãy đến và tự làm cầu cho Ta qua khỏi đám bùn". Vị ấy tự đến làm cầu, hay tránh né thân chỗ khác, hay nói: "Không"?

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Bhaddali, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có vị Tỷ-kheo tuệ giải thoát... thân chứng... kiến chí... tín thắng giải... tùy pháp hành... tùy tín hành. Ta nói với vị ấy như sau: "Này Tỷ-kheo, hãy đến và tự làm cầu cho Ta qua khỏi đám bùn". Vị ấy tự đến làm cầu, hay tránh né thân chỗ khác, hay nói: "Không"?

– Không phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Bhaddali, Ông nghĩ thế nào? Này Bhaddali, trong thời gian ấy Ông có phải là câu phân giải thoát, hay huệ giải thoát hay thân chứng, hay kiến chí, hay tín thắng giải, hay tùy pháp hành, hay tùy tín hành?

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Này Bhaddali, có phải trong thời gian ấy, Ông trống không, rỗng không, phạm lỗi?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Thế Tôn chế định, con đã tuyên bố sự bất lực của con. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm này là một lỗi lầm, để có thể phòng hộ trong tương lai.

– Nay Bhaddali, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt Ông, thật là ngu ngốc, thật là si mê, thật là bất thiện. Trong khi chúng Tỷ-kheo chấp hành học giới đã được Ta chế định, Ông đã tuyên bố sự bất lực của Ông.

Nay Bhaddali, nếu Ông sau khi thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, chúng ta sẽ chấp nhận cho Ông. Vì rằng nay Bhaddali, **như vậy là sự lớn mạnh trong giới luật của bậc Thánh**, nghĩa là bất cứ ai, sau khi thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, phải như pháp phát lộ và phòng hộ trong tương lai.

☞ Ở đây, nay Bhaddali, có Tỷ-kheo **không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.** Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm, ngoài trời, đồng rơm. Và ta có thể chứng được thượng

nhân pháp, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh". Vị ấy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm, ngoài trời, đồng rơm. Khi vị ấy sống viễn ly như vậy, bậc Đạo Sư quở trách, các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát quở trách, chư Thiên quở trách, tự mình quở trách mình. Vị này bị bậc Đạo Sư quở trách, bị các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát quở trách, bị chư Thiên quở trách, bị tự mình quở trách mình, nên không chứng được thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tại sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

☞ Nhưng ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm, ngoài trời, đồng rơm. Và ta có thể chứng được thượng nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh". Vị ấy sống tại một trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, sườn núi, chỗ hoang dã, hang núi, nghĩa địa, rừng lâm ngoài trời, đồng rơm. Khi vị ấy sống viễn ly như vậy, bậc Đạo Sư không quở

trách, các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi quán sát không quả trách, chư Thiên không quả trách, tự mình không quả trách mình. Vị này không bị bậc Đạo Sư quả trách, không bị các đồng Phạm hạnh sau khi quán sát quả trách, không bị chư Thiên quả trách, không bị mình quả trách mình, nên chứng được thương nhân pháp, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Tại sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

- Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.
- Và lại nữa, này Bhaddali, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.
- Và lại nữa này Bhaddali, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy,

này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

- Và lại nữa, này Bhaddali, Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.
- Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm đến túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời,..., vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.
- Vị ấy với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, dẫn tâm hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh là người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người

may mắn, kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ? Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.

- Vị ấy với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", ... biết như thật: "Đây là con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc" biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc". Nhờ biết như vậy, như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa". Vì sao vậy? Sở dĩ như vậy, này Bhaddali, là vì vị ấy thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Bhaddali bạch Thế Tôn:

➡ *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây (chúng Tăng) luôn luôn kết tội Tỷ-kheo? Bạch Thế*

Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì ở đây, (chúng Tăng) không luôn luôn kết tội Tỷ-kheo như vậy?

- Nay Bhaddali, ở đây, có Tỷ-kheo thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phần nộ, sân hận, và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, nay Bhaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Nay chư Hiền, Tỷ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phần nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, chớ có giải tội ấy một cách mau chóng". Như vậy, nay Bhaddali, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.
- Nhưng ở đây, nay Bhaddali, lại có Tỷ-kheo, thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội,

khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phần nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này thường hay phạm giới tội, phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phần nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, hãy giải tội ấy một cách mau chóng". Như vậy, này Bhaddali, các Tỷ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

- Ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phần nộ, sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, không có lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói

"Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Tỷ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, hiện khởi phần nộ, sân hận và bất mãn không xử sự chơn chánh, không có tự lắng dịu, không có chấm dứt giới tội, không có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, chớ có giải tội một cách mau chóng". Như vậy, này Bhaddali, các Tỷ-kheo sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, không giải tội ấy một cách mau chóng.

- Nhưng ở đây, này Bhaddali, lại có Tỷ-kheo không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phần nộ sân hận và bất mãn, không xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Ở đây, này Bahaddali, các Tỷ-kheo nghĩ như sau: "Chư Hiền, Tỷ-kheo này không thường phạm giới tội, không phạm nhiều giới tội, khi bị các Tỷ-kheo nói, không

tránh né câu hỏi này bằng một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không hiện khởi phần nộ, sân hận và bất mãn, xử sự chơn chánh, có tự lắng dịu, có chấm dứt giới tội, có nói: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ?" Tốt lành thay, nếu chư Tôn giả, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo này, hãy giải tội này một cách mau chóng". Như vậy này Bhaddali, các Tỷ-kheo, sau khi điều tra nhiều lần Tỷ-kheo ấy, giải tội ấy một cách mau chóng.

- Ở đây, này Bhaddali, có Tỷ-kheo còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "*Chư Hiền, Tỷ-kheo này còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỷ-kheo này, chúng ta hãy dừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy đoạn diệt*". Ví như, này Bhaddali, một người chỉ có một mắt, các thân hữu bà con huyết thống bảo vệ con mắt còn lại ấy và suy nghĩ như sau: "Chớ để cho con mắt còn lại này bị đoạn diệt". Cũng vậy, này Bhaddali, ở đây Tỷ-kheo còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Ở đây, này Bhaddali, các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Chư

Hiền, Tỷ-kheo này còn sống (trong Tăng chúng) với một ít lòng tin, với một ít lòng thương. Nếu chúng ta thường hay kết tội Tỷ-kheo này, chúng ta hãy đừng để cho chút ít lòng tin, chút ít lòng thương của vị ấy bị đoạn diệt".

Này Bhaddali, do nhân này, do duyên này, ở đây (chúng Tăng) luôn luôn kết tội Tỷ-kheo. Do nhân này, do duyên này, ở đây, (chúng Tăng) không luôn luôn kết tội vị Tỷ-kheo.

➡ *Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, lúc xưa các học giới tuy ít hơn, nhưng các Tỷ-kheo đã ngộ nhập chánh trí nhiều hơn. Bạch Thế Tôn, lại do nhân gì, do duyên gì, ngày nay các học giới nhiều hơn, nhưng các Tỷ-kheo ngộ nhập chánh trí ít hơn?*

— Này Bhaddali, khi các loài hữu tình bị thối thất, khi điều pháp bị diệt mất, thời các học giới có nhiều hơn và các vị Tỷ-kheo ngộ nhập chánh trí ít hơn.

— Này Bhaddali, khi nào một số hữu lậu pháp (Asavattaniyadhamma) chưa hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo Sư vẫn không chế định một học giới cho các đệ tử. Và này Bhaddali, ở đây, chỉ khi nào một số hữu lậu

pháp hiện khởi trong Tăng chúng, chỉ khi ấy bậc Đạo Sư mới chế định một số học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy.

- Nay Bhaddali, ở đây, khi nào Tăng chúng chưa lớn mạnh, khi ấy một số hữu lậu pháp chưa hiện khởi trong Tăng chúng. Và nay Bhaddali, chỉ khi nào Tăng chúng đã được lớn mạnh, thời ở đây một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo Sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy.
- Nay Bhaddali, ở đây, khi nào Tăng chúng chưa đạt được quyền lợi tối thượng...
- ... chưa đạt được danh xưng tối thượng...
- ... chưa đạt được đa văn...
- ... chưa đạt được địa vị kỳ cựu, khi ấy một số hữu lậu pháp chưa hiện khởi trong Tăng chúng. Và nay Bhaddali, ở đây, chỉ khi nào Tăng chúng đã đạt được địa vị kỳ cựu, thời ở đây một số hữu lậu pháp hiện khởi trong Tăng chúng, khi ấy bậc Đạo Sư mới chế định học giới cho các đệ tử để đối trị lại các pháp hữu lậu ấy.

Nay Bhaddali, các Ông còn số ít, khi Ta giảng cho các Ông pháp môn ví dụ lương chủng mã. Nay Bhaddali, Ông có nhớ không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Ở đây, này Bhaddali, do nhân gì, Ông xem sự việc xảy ra như vậy?

– Bạch Thế Tôn, vì con trong một thời gian dài, đã không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc Đạo Sư.

– Này Bhaddali, không phải chỉ có nhân như vậy, chỉ có duyên như vậy. Vì rằng, trong một thời gian khá dài, này Bhaddali, Ta biết tâm Ông với tâm của Ta (Ta biết rằng): **Khi Ta thuyết pháp, kẻ ngu si này không có để tâm, không có tác ý, không dùng nhứt thiết tâm để tư niệm, không có nghe pháp với (hai) tai sẵn sàng.**

Và này Bhaddali, Ta sẽ giảng cho Ông **pháp môn ví dụ lương chủng mã**. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Bhaddali, vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

☞ **Này Bhaddali, ví như một người điều mã sư thiện xảo, có nhận được một con lương mã hiền thiện:**

- Trước hết phải huấn luyện con ngựa ấy cho quen với dây cương. Trong khi huấn luyện nó cho quen với dây cương, nếu nó có vùng vầy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự, vì chưa quen sự huấn luyện trước kia chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường tiếp tục, được thuần thực về phương diện ấy.
- Nay Bhaddali, khi con lương mã hiền thiện do huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục đã được thuần thực về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại huấn luyện thêm con ngựa ấy cho quen với yên ngựa. Trong khi huấn luyện nó cho quen với yên ngựa, nếu nó có vùng vầy, nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự vì chưa quen sự huấn luyện trước đây chưa làm, con ngựa ấy do sự huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, được thuần thực về phương diện ấy.
- Nay Bhaddali, khi con lương mã hiền thiện do huấn luyện thường xuyên, do huấn luyện tiếp tục, đã được thuần thực về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại huấn luyện thêm con ngựa ấy cho quen với sự diễn hành, đi vòng quanh, đi đầu móng chân, chạy phi, hí, các trò chơi vương giả, vương lực, tối thượng tốc lực, tối thượng nhanh nhẹn, tối thượng thiện hành.

Trong khi huấn luyện cho nó quen với tối thượng tốc lực, tối thượng nhanh nhẹn, tối thượng thiện hành, nếu nó có vùng vầy nhảy chồm, nhảy ngược, chống cự vì chưa quen sự huấn luyện trước đây chưa làm. Con ngựa ấy do sự huấn luyện thường xuyên, do sự huấn luyện tiếp tục, được thuần thực về phương diện ấy.

- Nay Bhaddali, khi con lương mã hiền thiện, do huấn luyện thường xuyên, do huấn luyện tiếp tục, đã được thuần phục về phương diện ấy, thời người điều mã sư lại giúp thêm con ngựa ấy về phần sắc đẹp và trang sức. Nay Bhaddali, con lương mã, hiền thiện được thành tựu mười đặc tánh này trở thành xứng đáng cho bậc vua chúa, trở thành báu vật của vua, được liệt vào một ấn tượng của vua.

☞ Cũng vậy, nay Bhaddali, một Tỷ-kheo thành tựu được mười pháp trở thành đáng được kính trọng, đáng được tôn kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Thế nào là mười? Ở đây, nay Bhaddali, Tỷ-kheo:

- Thành tựu vô học chánh tri kiến,

- Thành tựu vô học chánh tư duy,
- Thành tựu vô học chánh ngữ,
- Thành tựu vô học chánh nghiệp,
- Thành tựu vô học chánh mạng,
- Thành tựu vô học chánh tinh tấn,
- Thành tựu vô học chánh niệm,
- Thành tựu vô học chánh định,
- Thành tựu vô học chánh trí,
- Thành tựu vô học chánh giải thoát.

Này Bhaddali, Tỷ-kheo thành tựu mười pháp này trở thành đáng được kính trọng, đáng được tôn kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhaddali hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

33 Phát tâm đồng mãnh - Kinh SONG TÂM – 19 Trung I, 261

KINH SONG TÂM (Dvedhavitakkasutta)

– Bài kinh số 19 – *Trung I*, 261

Tôi nghe như vậy:

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- "Chư Tỷ-kheo".

- "Thưa vâng", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

– Chư Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh Giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: **"Ta sống suy tư và chia hai suy tâm"**.

Chư Tỷ-kheo, phàm có dục tâm nào, sân tâm nào, hại tâm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tâm nào, vô sân tâm nào, vô hại tâm nào,

Ta phân thành phần thứ hai.

Chư Tỷ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tâm khởi lên, Ta tuệ tri: *"Dục tâm này khởi lên nơi Ta, và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn"*.

- Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tâm này đưa đến tự hại", *dục tâm được biến mất*,
- Chư Tỷ-kheo, khi ta suy tư: "Dục tâm đưa đến hại người", dục tâm được biến mất.
- Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tâm đưa đến hại cả hai", dục tâm được biến mất.
- Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", dục tâm được biến mất.

Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tâm.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sân tâm khởi lên... (như trên)

... hại tâm khởi lên. Ta tuệ tri: *"Hại tâm này khởi lên nơi Ta, và hại tâm này đưa đến tự hại, đưa đến*

hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tâm này đưa đến tự hại"... "Hại tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", hại tâm biến mất. Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tâm.

Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tâm, vị ấy từ bỏ ly dục tâm. Khi tâm đã nặng về dục tâm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tâm. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về sân tâm... (như trên)... về hại tâm, vị ấy từ bỏ vô hại tâm. Khi tâm đã đặt nặng về hại tâm thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tâm.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trổ hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chặn chúng. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc.

Chư Tỷ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và

thấy sự viển ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi ly dục tâm khởi lên, Ta tuệ tri như vậy: "Ly dục tâm này khởi lên nơi Ta và ly dục tâm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát (về ly dục tâm) không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỷ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát (về ly dục tâm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát (về ly dục tâm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi.

Và Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỷ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô sân tâm khởi lên... (như trên)

... vô hại tâm khởi lên. Ta tuệ tri như vậy: "Vô hại tâm này khởi lên nơi Ta và vô hại tâm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỷ-kheo, nếu ban đêm... không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi.

Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân Ta mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động, tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỷ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về ly dục tâm, vị ấy từ bỏ dục tâm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tâm, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tâm.

Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vô sân tâm... (như trên)

... nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về bất hại tâm, vị ấy từ bỏ hại tâm. Khi tâm đã đặt nặng về bất hại tâm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về bất hại

tâm.

Chư Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng hè, khi tất cả lúa gạo đã cắt vào kho thóc, một người mục đồng chặn giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, và người ấy nghĩ: "Đây là những con bò".

Chư Tỷ-kheo, cũng vậy ở đây, có việc cần phải làm, và Ta nghĩ: "Đây là những pháp".

Chư Tỷ-kheo, **Ta phát tâm đồng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm.** Chư Tỷ-kheo, **Ta ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất,** một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Diệt tâm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh như vậy... (giống như trang...

đến trang...). Chư Tỷ-kheo, đó là minh thứ ba Ta đã chứng được cuối đêm canh thứ ba; vô minh được đoạn trừ, minh sanh khởi, bóng tối được đoạn trừ, ánh sáng sanh khởi, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Chư Tỷ-kheo, giống như trong khu rừng rậm rạp có một hồ nước lớn thâm sâu, và một đoàn nai lớn sống gần một bên. Có một người đến, không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn, khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, đưa đến hoan hỷ, người ấy sẽ chặn đóng con đường này lại, sẽ mở con đường nguy hiểm, sẽ đặt con mồi đực, sẽ đặt con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy, sau một thời gian đoàn nai lớn ấy gặp ách nạn và hao mòn dần. Chư Tỷ-kheo, có một người đến, muốn đoàn nai ấy được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn, khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, người ấy sẽ mở con đường này, sẽ đóng con đường nguy hiểm lại, sẽ đem con mồi đực đi, sẽ hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỷ-kheo, như vậy đoàn nai lớn ấy sau một thời gian sẽ được tăng trưởng, hưng thịnh, thành mãn.

Chư Tỷ-kheo, Ta nói ví dụ ấy để giải thích ý

nghĩa như sau:

- Chư Tỷ-kheo, hồ nước lớn, thâm sâu chỉ cho các dục.
- Chư Tỷ-kheo, đoàn nai lớn chỉ cho các loài hữu tình.
- Chư Tỷ-kheo, con người không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn, khỏi các ách nạn chỉ cho ác ma.
- Chư Tỷ-kheo, con đường nguy hiểm chỉ cho con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định.
- Chư Tỷ-kheo, con mồi đực chỉ cho hỷ và tham.
- Chư Tỷ-kheo, con mồi cái chỉ cho vô minh.
- Chư Tỷ-kheo, còn người muốn chúng được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.
- Con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ chỉ cho con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh

niệm, Chánh định.

- Chư Tỷ-kheo, như vậy Ta mở con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ, Ta đóng con đường nguy hiểm, Ta mang đi con mồi đực, Ta hủy bỏ con mồi cái.

Chư Tỷ-kheo, những gì vị Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử vì lòng thương tưởng họ, những điều ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng các Người. Chư Tỷ-kheo, đây là các gốc cây, đây là các chỗ trồng. Hãy Thiên định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy Thế Tôn.

34 Phân biệt rõ - Người bất chánh và người chơn chánh - TIÊU Kinh MÃN NGUYỆT – 110 Trung III, 145

TIÊU KINH MÃN NGUYỆT (Culapunnama sutta)

– Bài kinh số 110 – Trung III, 145

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Pubbarama (Đông Viên) Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ trong ngày Bố-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăm rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng và bảo các Tỷ-kheo:

❖ **Này các Tỷ-kheo, một người bất chánh (asappurisa) có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này", hay không?**

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo

không thể có sự tình, không thể có sự kiện, một người bất chánh có thể biết một người bất chánh:
"Người bất chánh là vị này."

Này các Tỷ-kheo, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

– Bạch Thế Tôn, không biết được

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, **không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh:** "Người chơn chánh là vị này".

➤ Người bất chánh, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

– Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **đầy đủ pháp bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh **bất tín, vô tầm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ.** Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **giao du với những người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh giao du với người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **suy tư như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **tư lường như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh tư lường tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh tư lường như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **nói năng như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **hành động như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh hành động như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh **có tà kiến như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh có tà kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại".. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người bất chánh **bố thí như người bất chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bố thí một cách vô lễ, bố thí không phải tự tay, bố thí không có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật không cần dùng, bố thí không nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh bố thí như người bất chánh.

➔ Đây các Tỷ-kheo, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố thí như người bất chánh như vậy, **sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh.**

➔ Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh? Địa ngục hay là bàng sanh.

❖ **Này các Tỷ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?**

– Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Sự tình này xảy ra là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này".

Nhưng này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

– Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo! Này các Tỷ-kheo, có sự tình này là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này".

➤ Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tầm, có lòng quý nghe nhiều, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

- Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **suy tư như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.
- Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **tư lường như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh **nói năng như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.
- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **hành động như người chơn chánh**? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn

chánh hành động như người chơn chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **có chánh kiến như bậc chơn chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh **bố thí như người chơn chánh?** Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

➔ Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có

chánh kiến như người như người chơn chánh
như vậy, bổ thí như người chơn chánh như vậy,
**sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào
cảnh giới của những người chơn chánh.**

➔ Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của
những người chơn chánh? Đại tánh của chư
Thiên hay đại tánh của loài Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

35 Phân biệt rõ - Pháp phân biệt - Kinh TỰ HOAN HỖ – 28 Trường II, 415

KINH TỰ HOAN HỖ
– Bài kinh số 28 – Trường II, 415

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời, Thế Tôn ở tại Nàlandà, trong rừng Pàvārikambavana. Lúc bảy giờ, tôn giả Sàriputta đến tại chỗ Thế Tôn ở, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Khi ngồi xuống một bên, tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn!

- Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện **giác ngộ**.

- **Này Sàriputta, lời nói của Ngươi thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Ngươi thật là rống tiếng rống con sư tử khi Ngươi nói:** "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, một vị Bàlamôn nào có thể vĩ đại hơn Thế

Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ"

Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **quá khứ**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **tương lai**, các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của tất cả các vị Thế Tôn - **giới đức** chư vị Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **trí tuệ** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** chư vị Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Này Sàriputta, có phải Ngươi đã được biết, trong **hiện tại Ta** là vị Alahán, Chánh Đẳng Giác, với tâm của Ngươi biết được tâm của Thế Tôn - **giới đức** Thế Tôn là như vậy, **Pháp** là như vậy... **an trú** là như vậy... **giải thoát** Thế Tôn là như vậy?

- Bạch Thế Tôn, **không**!

- Nay Sàriputta, hãy xem! Người không có trí tuệ biết được tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác ở quá khứ, ở hiện tại và ở tương lai! **Vậy sao**, này Sàriputta, lời nói của Người tuyên bố thật là đại ngôn, thật là gan dạ, Người thật đã rống tiếng rống con sư tử khi Người nói: "Bạch Thế Tôn, con tin tưởng Thế Tôn đến nỗi con nghĩ rằng, ở quá khứ, ở tương lai cũng như ở hiện tại, không thể có một vị Samôn, vị Bàlamôn khác nào có thể vĩ đại hơn Thế Tôn, sáng suốt hơn Thế Tôn, về phương diện giác ngộ."

2. *Bạch Thế Tôn, con không có trí tuệ để được biết tâm tư của chư vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai. **Bạch Thế Tôn, nhưng con biết truyền thống về Chánh pháp.***

Bạch Thế Tôn, như vị vua có một thành trì ở biên cảnh, có hào lũy kiên cố, có thành quách tháp canh kiên cố và chỉ có một cửa thành ra vào. Cửa thành có vị giữ cửa thông minh, biết tài và giàu kinh nghiệm, ngăn chặn những người lạ, chỉ cho vào những ai quen biết. Người này, trong khi đi tuần tiểu xung quanh thành, có thể không thấy hết các chấp nối và khe hở của tường, nhỏ cho đến một con mèo thể đi qua được. Nhưng người ấy chỉ cần biết rằng các sinh vật to lớn hơn muốn đi vào hay đi ra thành

này, tất cả đều phải đi vào hay đi ra cửa này.

Bạch Thế Tôn, cũng vậy con biết truyền thống về Chánh pháp.

- Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, tất cả những bậc Thế Tôn này đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Tất cả những vị Alahán, Chánh Đẳng Giác trong thời vị lai, tất cả những bậc Thế Tôn này sẽ diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, sẽ khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, sẽ như thật tu hạnh Bảy Giác chi và sẽ chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- Bạch Thế Tôn, và nay Thế Tôn, bậc Alahán, Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ Năm Triền cái, những nhiễm tâm khiến trí tuệ yếu ớt, đã khéo an trú tâm vào Bốn Niệm xứ, đã như thật tu hạnh Bảy Giác chi, đã chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác.

Và nay, ở đây, con một thời yết kiến Thế Tôn để nghe pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, **hắc pháp và bạch pháp** đều được đề cập, đối chiếu.

Bạch Thế Tôn, nờ Thế Tôn Thuyết pháp cho con, mỗi pháp lại cao thượng, thâm thúy hơn pháp trước, hắc pháp và bạch pháp đều được đề cập, đối chiếu như vậy, nên trong sự thâm hiểu Chánh pháp, một pháp được con thâm hiểu trọn vẹn, đó là lòng tin của con vào vị Bốn Sư - Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng và chúng Tăng đã khéo hành trì.

3. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng:
Thế Tôn thuyết pháp về các Thiện pháp.

Ở đây những **thiện pháp** là:

- **Bốn Niệm xứ,**
- **Bốn Chánh cần,**
- **Bốn Như ý túc,**
- **Năm Căn,**
- **Năm Lực,**
- **Bảy Giác chi,**

- ***Thánh đạo tám ngành.***

Bạch Thế Tôn, ở đây vị Tỷ kheo tận diệt các lậu hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại, Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát vô lậu này.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng đối với các thiện pháp.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các thiện pháp.

4. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về sự trình bày các Nhập xứ.**

Bạch Thế Tôn, **sáu nội xứ và ngoại xứ**, tức là:

- Mắt và sắc,
- Tai và tiếng,
- Mũi và hương,
- Lưỡi và vị,
- Thân và xúc,

- Ý và pháp.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thương về sự trình bày các Nhập xứ.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay một Bàlamôn nào khác có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề trình bày các Nhập xứ.

5. Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thương:
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Nhập thai.

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại nhập thai:**

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như *hai*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng

người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *ba*.

- Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ *tư*.

Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thường về vấn đề nhập thai.

6. Bạch Thế Tôn, lại nữa, **điểm này thật là vô thường:**
Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề sai khác trong sự Ký tâm.

Bạch Thế Tôn có ***bốn loại ký tâm*** sai khác như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có hạng **tự tỏ lộ bằng hình tướng**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của Ngươi là như vậy, tâm của Ngươi là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng **tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên**: "Ý của Ngươi là như thế này, ý của

Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *hai*.

- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi Người, phi nhân hay chư Thiên, mà **tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy:** "Ý của Người là như thế này, ý của Người là như vậy, tâm của Người là như thế này. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác." Như vậy là loại ký tâm thứ *ba*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có loại không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, cũng không tự tỏ lộ, sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm và tư duy, **nhưng khi chúng được định, không tầm, không tứ, có thể biết được tâm người khác với tâm của mình:** "**Tùy ước nguyện hợp ý hành của Tôn giả này, vị này sẽ hướng tâm đến tâm này.** Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thì sự tỏ lộ là như vậy, không phải gì khác". Như vậy là loại ký tâm thứ *tư*.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề ký tâm sai khác.

7. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Kiến định** (dassanasamāpatti).

Bạch Thế Tôn, có ***bốn loại kiến định*** như thế này:

- Ở đây bạch Thế Tôn, có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy, vị ấy quan sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tửu, tim gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Như vậy là kiến định thứ *nhất*.
- Lại nữa bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Với tâm nhập định như vậy,

vị ấy quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đỉnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da. Như vậy là kiến định thứ hai.

- Lại nữa bạch Thế Tôn,... vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ ba.
- Lại nữa, bạch Thế Tôn,... Hơn nữa, vị ấy vượt qua sự quán sát bộ xương của người ấy còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da, quán sát giòng tâm thức của người ấy, không gián đoạn, như là không an trú cả đời này và cả đời sau. Như vậy là kiến định thứ tư.

Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề kiến định.

8. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Phân loại các loại Người.**

Bạch Thế Tôn, có **bảy loại Người** như thế này:

- Câu giải thoát,
- Tuệ giải thoát,
- Thân chứng,
- Kiến chí,
- Tín thắng giải,
- Tùy pháp hành,
- Tùy tín hành.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề phân loại loài Người.

9. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tinh cần.**

Bạch Thế Tôn có **Bảy Giác chi** như thế này:

- Niệm Giác chi,
- Trạch pháp Giác chi,
- Tinh tấn Giác chi,

- Hỷ Giác chi,
- Khinh an Giác chi,
- Định Giác chi,
- Xả Giác chi.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề tinh cần.

10. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô thượng: **Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Tiến bộ trong sự tu hành** (Patipàda = đạo hành). Bạch Thế Tôn, có **bốn loại đạo hành** như thế này -

- Hành trì khổ chứng ngộ chậm,
- Hành trì khổ chứng ngộ mau,
- Hành trì lạc chứng ngộ chậm,
- Hành trì lạc chứng ngộ mau.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ chứng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì cả hai phương diện đều được xem là hạ liệt, vừa khổ vừa chậm.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì khổ, chứng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì khổ nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc, chúng ngộ chậm: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này vì chậm nên được gọi là hạ liệt.

Bạch Thế Tôn, ở đây, thế này là hành trì lạc chúng ngộ mau: Bạch Thế Tôn, sự hành trì này cả hai phương diện đều được xem là cao thượng, vừa lạc vừa mau.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề đạo hành (tiến bộ trên đường tu hành).

11. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Chánh hạnh trong ngôn ngữ.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, một người không những không nói những lời liên hệ đến nói láo, mà cũng phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu và lời ly gián, trái lại nói lời từ hòa, sáng suốt, đáng được giữ gìn, và nói đúng thời.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về chánh hạnh trong ngôn ngữ.

12. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Giới hạnh của con người.**

Bạch Thế Tôn, ở đây, có người chân thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi câu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn cảnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, chánh niệm, ngôn từ lành lợi, hành vi gan dạ, chịu đựng, biết điều, không tham dục, tỉnh giác cẩn trọng.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề giới hạnh của con người.

13. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Sự sai biệt trong sự giảng dạy.**

Bạch Thế Tôn, có **bốn loại giảng dạy.**

- Bạch Thế Tôn, **Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy**, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy, biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ chứng **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận

khô đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy, hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh và ở tại cảnh giới ấy nhập Niết bàn, không còn về lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết người khác: Người này theo sự giảng dạy hành trì như thế này, sẽ **diệt trừ các lậu hoặc**, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, vô lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề sai biệt trong sự giảng dạy.

14. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về Giải thoát trí của người khác.**

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự Chánh tư duy biết người khác: Người này diệt trừ ba kiết sử, sẽ chứng quả **Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, nhất định sẽ được giác ngộ.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này sẽ diệt trừ ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, sẽ

chúng quả **Nhất lai**, phải sanh đời này một lần nữa, sẽ diệt tận khổ đau.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này **diệt trừ năm hạ phần kiết sử**, sẽ được hóa sanh, tự chỗ ấy nhập Niết bàn, không còn phải trở lại đời này.
- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhờ tự chánh tư duy biết được người khác: Người này, **diệt trừ các lậu hoặc**, tự tri tự chứng, đạt đạo và an trú ngay trong đời hiện tại vô lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề giải thoát trí của người khác.

15. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thường trú luận.**

Bạch Thế Tôn, có **ba loại Thường trú luận** như thế này.

- Bạch Thế Tôn ở đây có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai

đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời, nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, tuổi thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói rằng: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành hoại kiếp. Nhưng trong tương lai tôi không được biết thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ nhất.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, có vị Sa môn hay Bà la môn nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, bốn thành kiếp hoại

kiếp, năm thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp, nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này."* Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ hai.

- Lại nữa, bạch Thế Tôn, ở đây, vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp,

nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này." Như vậy vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Vị ấy nói: *"Trong thời quá khứ, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp. Trong tương lai, tôi biết được thế giới là trong hoại kiếp hay trong thành kiếp. Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vĩnh chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sống lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú."* Đó là Thường trú luận thứ ba.

Bạch Thế Tôn, như vậy là tôi thượng về vấn đề Thường trú luận.

16. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Túc mạng trí.** Bạch Thế Tôn, ở đây có vị Samôn hay Bàlamôn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ như một

đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp thành kiếp. Nhớ rằng: *"Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh tại chỗ kia. Tại chỗ kia tôi đã sống với tâm như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này."* Như vậy, vị ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. Bạch Thế Tôn, có những chư Thiên, mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ ngã thể nào được có trong quá khứ, hoặc có sắc hay không sắc, hoặc có tướng hay không tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, chúng nhớ đến đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Túc mạng trí.

17. Lại nữa, bạch Thế Tôn, điểm này thật là vô

thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Sanh tử trí của các loài hữu tình. Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm... nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh kiến, tạo các nghiệp theo Chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này". Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, như vậy là tối thượng về vấn đề Sanh tử trí của các loại hữu tình.

18. Lại nữa, bạch Thế Tôn, **điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề Thần túc**

thông.

Bạch Thế Tôn, có **hai loại thần thông** như thế này.

- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh".
- Bạch Thế Tôn, có loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là loại **thần thông hữu lậu**, hữu dư y, được gọi là "không phải Thánh"?*

- Ở đây, bạch Thế Tôn, có vị Sa môn hay Bà la môn, nhờ nhất tâm, nhờ cần mẫn, nhờ bất phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy chứng được nhiều loại Thần túc thông sai khác. Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân. Hiện hình biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với bàn tay chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông hữu lậu, hữu dư y, được

gọi là "không phải Thánh ".

*Bạch Thế Tôn, thế nào là **thần thông vô lậu**, vô dư y, được gọi là "bậc Thánh?"*

- Ở đây, bạch Thế Tôn vị Tỷ kheo, nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng không đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng không đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Đối với sự vật không đối nghịch và đối nghịch, ta sẽ an trú với tướng đối nghịch", và ở đây vị ấy an trú với tướng đối nghịch.
- Nếu vị ấy muốn: "Loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, ta sẽ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", và ở đây vị ấy trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Bạch Thế Tôn, như vậy là thần thông vô lậu, vô dư

y, và được gọi là "bậc Thánh".

Bạch Thế Tôn, như vậy là vô thượng về các loại Thần túc thông.

Tất cả điểm này, Thế Tôn đã biết, và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Samôn hay Bàlamôn nào khác, có thể chứng biết hơn Thế Tôn về vấn đề các loại Thần túc thông.

19. Bạch Thế Tôn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh tấn, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự tiến bộ của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tôn chứng đạt.

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không có đam mê các dục lạc, dục lạc này là đê tiện, hèn hạ, thuộc phạm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.
- Thế Tôn cũng không đam mê tu hành khổ hạnh, khổ hạnh này là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích.

► Thế Tôn có thể đạt được nếu Ngài muốn, một cách dễ dàng, một cách đầy đủ, sự hạnh phúc ngay

trong hiện tại, do *bốn Thiền định* đem lại.

- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, còn sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy, con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào còn lớn hơn, sáng suốt hơn Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi như vậy con trả lời không.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời quá khứ, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời vị lai, có vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?*" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời có.
- "*Này Hiền giả Sàriputta, trong thời hiện tại, có*

vị Samôn hay Bàlamôn nào có thể bằng Thế Tôn về vấn đề giác ngộ?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con trả lời **không**.

➡ Bạch Thế Tôn, nếu có ai hỏi con: "Vì sao, Tôn giả Sàriputta một mặt thì xác nhận là có, một mặt xác nhận là không có?" Bạch Thế Tôn, được hỏi vậy con sẽ trả lời:

- "Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn, tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời quá khứ, có vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói, từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "Trong thời vị lai, có các vị Alahán, Chánh Đẳng Giác bằng Ta về phương diện giác ngộ."
- Này Hiền giả, trước mặt Thế Tôn tôi có nghe nói từ nơi Ngài tôi có ghi nhận: "**Không** có trường hợp, không có sự kiện trong một thế giới, **hai vị** Alahán, Chánh Đẳng Giác cùng xuất hiện ở đời, không trước, không sau. Sự kiện như vậy **không** thể xảy ra".

Bạch Thế Tôn, có phải khi được hỏi và trả lời như

vậy, con đã nói lên đúng ý với Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm Thế Tôn? Có phải con đã trả lời thuận pháp, đúng pháp? Có phải không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích phê bình?

- Nay Sàriputta, được hỏi và trả lời như vậy, Người đã nói lên đúng ý với Ta, không có sai lạc, không có hiểu lầm Ta. Người đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích, phê bình.

20. Được nghe nói vậy, Tôn giả Udàyi bạch Thế Tôn:

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; **trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ**. Bạch Thế Tôn, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình chứng được đầu chỉ có một pháp, họ đã dương cò (giống trống) lên rồi.

Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

- Hãy ghi nhận, này Udàyi! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ. Này Udàyi, nếu có một du sĩ ngoại đạo nào, tự thấy mình dầu chỉ có một pháp như vậy, họ đã dương cờ (giống trống) lên rồi. Này Udàyi hãy ghi nhận! Như Lai thiếu dục như vậy, tri túc như vậy, nghiêm túc như vậy; trong khi Như Lai có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy, mà không tự mình tỏ lộ.

21. Rồi Thế Tôn bảo tôn giả Sàriputta:

*- Vậy Sàriputta, Người phải luôn luôn thuyết pháp **phân biệt** này cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, các Nam cư sĩ và các Nữ cư sĩ. Này Sàriputta, nếu có những kẻ ngu nào còn nghi ngờ hay ngần ngại đối với Như Lai, nếu họ được nghe **pháp phân biệt** này, nghi ngờ hay ngần ngại của họ đối với Như Lai sẽ được diệt trừ.*

Như vậy, tôn giả Sàriputta nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với Thế Tôn. Do vậy, danh từ "**Sam pasàdaniyam, Tự hoan hỷ**" được dùng cho câu trả lời này.

36 Phân biệt rõ - Thật và Giả mạo Chánh pháp - Kinh PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660

PHÁP TÓM TẮT – Tăng III, 660

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, tại Mahàvana, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahàpajàpatì Gotamì đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahàpajàpatì Gotamì bạch Thế Tôn:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

2. - Này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. "Những pháp này đưa đến **tham dục**, không phải ly tham.
2. Đưa đến **hệ phược**, không đưa đến ly hệ phược.
3. Đưa đến **tích tập**, không đưa đến không tích tập.
4. Đưa đến **dục lớn**, không đưa đến ít dục.
5. Đưa đến **không biết đủ**, không đưa đến biết đủ.
6. Đưa đến **tụ hội**, không đưa đến nhàn tịnh.

7. Đưa đến **biếng nhác**, không đưa đến tinh tấn.
8. Đưa đến **khó nuôi dưỡng**, không đưa đến dễ nuôi dưỡng".

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhưt hướng rằng**: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

3. Và này Gotamì, những pháp nào bà biết:

1. "Những pháp đưa đến **ly tham**, không đưa đến tham dục.
2. Đưa đến **ly hệ phược**, không đưa đến hệ phược.
3. Đưa đến **không tích tập**, không đưa đến tích tập.
4. Đưa đến **ít dục**, không đưa đến dục lớn.
5. Đưa đến **biết đủ**, không đưa đến không biết đủ.
6. Đưa đến **nhàn tịnh**, không đưa đến tụ hội.
7. Đưa đến **tinh tấn**, không đưa đến biếng nhác.
8. Đưa đến **dễ nuôi dưỡng**, không đưa đến khó nuôi dưỡng".

Này Gotamì, **hãy thọ trì nhưt hướng rằng**: "Đó là phải Pháp, đó là phải Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo Sư".

37 Phân biệt rõ - Tốt xấu, thiện ác rõ ràng - Kinh CHỨNG NHÂN – Tăng III, 235

CHỨNG NHÂN – Tăng III, 235

1- Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

Thế nào là sáu?

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thối đạo",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến hay thù thắng",
- Không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- Làm việc không chu toàn
- Và làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

3. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

4. Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thời đoạn",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú",
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến"
- Như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập",
- **Làm việc có chu toàn,**
- **Làm việc có lợi ích.**

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, đều thuộc loại xứ nào.

38 Phân biệt rõ - Kinh PHI PHÁP – Tăng IV, 542

PHI PHÁP – Tăng IV, 542

1. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và phi mục đích này, cần phải hiểu biết;
- Pháp và mục đích cần phải hiểu biết.
- Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp và phi mục đích?

2. Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích?

3. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm,

chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp và mục đích.

4. Và nay các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết; pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu biết phi pháp và phi mục đích, sau khi hiểu biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy là do duyên này được nói đến.

KHÔNG PHẢI MỤC ĐÍCH – Tăng IV, 543

1. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết,
- Phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết.
- Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là Pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?

Nay các Tỷ-kheo,

1. **Tà kiến**, là phi pháp.
2. Chánh kiến là pháp.
3. Những pháp ác bất thiện nào do duyên tà kiến được sanh, đây là phi mục đích.
4. Những pháp thiện do duyên chánh kiến đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
5. **Tà tư duy**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
6. Chánh tư duy là pháp.
7. Những pháp ác bất thiện nào do duyên tà tư duy được sanh, đây là phi mục đích.
8. Những pháp thiện do duyên chánh tư duy đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
9. **Tà ngữ**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
10. Chánh ngữ là pháp.
11. Các pháp ác bất thiện do duyên tà ngữ sanh khởi, đây là phi mục đích.
12. Những pháp thiện do duyên chánh ngữ đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.
13. **Tà nghiệp**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
14. Chánh nghiệp là pháp.
15. Những pháp ác bất thiện do duyên tà nghiệp được sanh khởi, đây là phi mục đích.
16. Những pháp thiện do duyên chánh nghiệp đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
17. **Tà mạng**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
18. Chánh mạng là pháp.

19. Những pháp ác bất thiện do duyên tà mạng sanh khởi, đây là phi mục đích.
20. Những thiện pháp do duyên chánh mạng đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
21. **Tà tinh tấn**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
22. Chánh tinh tấn là pháp.
23. Những pháp ác bất thiện do duyên tà tinh tấn sanh khởi, đây là phi mục đích.
24. Những thiện pháp do duyên chánh tinh tấn đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
25. **Tà niệm**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
26. Chánh niệm là pháp.
27. Những pháp ác bất thiện do duyên tà niệm sanh khởi, đây là phi mục đích.
28. Những thiện pháp do duyên chánh niệm đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
29. **Tà định**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
30. Chánh định là pháp.
31. Những pháp ác bất thiện do duyên tà định được sanh, đây là phi mục đích.
32. Những thiện pháp do duyên chánh định đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
33. **Tà trí**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
34. Chánh trí là pháp.
35. Những pháp ác bất thiện do duyên tà trí được sanh khởi, đây là phi mục đích.

36. Những thiện pháp do duyên chánh trí đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
37. **Tà giải thoát**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
38. Chánh giải thoát là pháp.
39. Những pháp ác bất thiện do duyên tà giải thoát sanh khởi, đây là phi mục đích.
40. Và những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

3. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu phi pháp và pháp, sau khi hiểu phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành. Được nói như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

PHI PHÁP – *Tăng IV, 546*

1. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết; phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thuyết như vậy xong, bậc Thiệt Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và bước vào tinh xá.

2. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng đây, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi? "

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Tôn giả Ānanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ānanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì".

3. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi

thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ānanda:

- Thừa hiền giả Ānanda. Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Này Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi", ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi? Rồi thừa Hiền giả, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Tôn giả Ānanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói

lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ānanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì". Thừa Tôn giả Ānanda, hãy phân tích cho.

4. Chư Hiền, cũng ví như một người cần thiết lõi cây, tìm lõi cây, đi khắp mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng: "Phải tìm lõi cây ở nơi cành lá". Cũng vậy, là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng: "Cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này". Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Phạm thiên, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp chủ. Thế Tôn giải thích quý vị như thế nào, quý vị hãy như vậy thọ trì.

5. Hiền giả Ānanda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Phạm thiên, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bất tử, vị Pháp chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế

Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Hiền giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Hiền giả Ànanda có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Hiền giả Ànanda giải thích, nếu không có sự gì phiền muộn.

6. Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ giảng.

- Thừa vâng Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda giảng như sau:

- Thừa chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Và *này chư Hiền, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?*

7. Tà kiến, này chư Hiền, là phi pháp; chánh kiến là pháp, những pháp ác bất thiện gì do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện gì đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy, là phi pháp; chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp; chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp; chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp; chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm là phi pháp; chánh niệm là pháp...

Tà định là phi pháp; chánh định là pháp...

Tà trí là phi pháp; chánh trí là pháp...

Tà giải thoát là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Và những pháp ác bất thiện nào do duyên tà giải thoát khởi lên, đây là phi mục đích, và những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Thưa các Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố này một cách vắn tắt mà không phân tích ý nghĩa

một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Thưa các Hiền giả, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa rộng rãi như vậy. Thưa chư Hiền, nếu chư Hiền muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

8. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành".

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp cần phải hiểu biết... hãy như thế ấy mà thực hành". Với lời tuyên bố vắn tắt của Thế Tôn, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? " Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Tôn giả Ànanda với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda và hỏi ý nghĩa này". Bạch Thế Tôn, ý nghĩa của chúng được Tôn giả Ànanda khéo phân tích với những lý do như thế này, với những chữ như thế này, với những câu văn như thế này.

9. Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Hiền giả Ànanda! Đại tuệ là Hiền giả Ànanda! Này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy đến hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như đã được Ànanda trả lời. Đây là ý nghĩa của lời ấy, hãy như vậy thọ trì .

AJITA – Tăng IV, 553

1. Bấy giờ có du sĩ Ajita đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Ajita nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có người đồng Phạm hạnh là vị Hiền trí, vị này có nghĩ đến năm trăm tâm xứ. Với những tâm xứ ấy, các người ngoại đạo khi bị cật nạn, biết rằng: "Chúng tôi đang bị cật nạn".

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thọ trì **những căn bản địa của bậc Hiền trí** không?

- Bạch Thế Tôn, nay đến thời, bạch Thiện Thệ, nay đến thời Thế Tôn thuyết. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp và lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời đúng pháp bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

6. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết;
- Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết;
- Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

7. **Tà kiến**, nay các Tỷ-kheo, là phi pháp, chánh kiến là pháp, do duyên tà kiến, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh kiến, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy là phi pháp, chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp, chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp, chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp, chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp, chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm, là phi pháp, chánh niệm là pháp...

Tà định, là phi pháp, chánh định là pháp...

Tà trí, là phi pháp, chánh trí là pháp...

Tà giải thoát, là phi pháp, chánh giải thoát là pháp. Do duyên tà giải thoát, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích. Do duyên chánh giải thoát, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

39 Phân tích của trí tuệ - Kinh PHẨM THIỀN ĐỊNH – Tăng I, 88

PHẨM THIỀN ĐỊNH – Tăng I, 88

1-70.

1. - Như một ai, này các Tỷ-kheo, với tâm biến mãn cùng khắp biển lớn, có thể bao gồm tất cả các con sông bé nhỏ đổ vào biển cả. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai tu tập, làm cho sung mãn **Thân hành niệm**, cũng bao gồm tất cả thiện pháp, gồm những pháp thuộc về **Minh phần**.

2-8. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm**. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn ... đưa đến chứng ngộ quả minh và giải thoát.

9-12. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tâm tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các

pháp thuộc về mình phần đi đến tu tập, làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi tu tập, làm cho sung mãn một pháp này, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được chỉ tịnh, toàn bộ các pháp thuộc về mình phần đi đến tu tập, được làm cho viên mãn.

13. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi tu tập, khi làm cho sung mãn một pháp này, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh ... bị đoạn tận.

14-15. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh, đưa đến tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi tu tập, khi làm cho sung mãn một pháp này, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh ... đưa đến tăng trưởng, quảng đại.

16-21. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh được đoạn tận, minh sanh khởi, ngã mạn được đoạn tận, các tùy miên được nhổ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là **thân hành niệm**. Khi một

pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh bị đoạn tận... các kiết sử bị đoạn tận.

22-23. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích của trí tuệ, đưa đến Niết-bàn không có chấp thủ. Một pháp ấy là gì? Chính là thân hành niệm. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích... không có chấp thủ.

24-26. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới, sự thông đạt của nhiều giới sai biệt, sự vô ngại giải của nhiều giới. Một pháp ấy là gì? Chính là thân hành niệm. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt ... sự vô ngại giải của nhiều giới.

27-30. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu, đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất lai, đưa đến sự chứng ngộ quả Bất lai, đưa đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu ... quả A-la-hán.

31-46. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ, đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến đại trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? **Chính là thân hành niệm**. Khi một pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ... đưa đưa đến trí tuệ thể nhập.

47-48. Những vị này không hưởng được **bất tử**, này các Tỷ-kheo, là những vị không thực hiện **thân hành niệm**. Những vị này hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị thực hiện thân hành niệm.

49-50. Những vị này không chia sẻ **bất tử**, này các Tỷ-kheo, là những vị không chia sẻ **thân hành niệm**. Những vị này chia sẻ bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị chia sẻ **thân hành niệm**.

51-52. ***Bất tử bị đoạn tận***, này các Tỷ-kheo, đối với những ai đoạn tận thân hành niệm. Bất tử không bị

đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không đoạn tận thân hành niệm.

53-54. *Bất tử bị khiếm khuyết*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai khiếm khuyết thân hành niệm. Bất tử được viên thành, này các Tỷ-kheo, đối với những ai viên thành thân hành niệm.

55-56. *Bất tử bị xao lãng bỏ phế*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai bỏ phế thân hành niệm. Bất tử không bị xao lãng bỏ phế, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không bỏ phế thân hành niệm.

57-58. *Bất tử bị vong thất*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai vong thất thân hành niệm. Bất tử không bị vong thất, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không vong thất **thân hành niệm**.

59-60. *Bất tử không được thực hiện*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thực hiện thân hành niệm. Bất tử được thực hiện, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thực hiện thân hành niệm.

61-62. *Bất tử không được tu tập*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không tu tập thân hành niệm. Bất tử được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với những ai tu tập thân hành niệm.

63-64. *Bất tử không được làm cho sung mãn*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không làm cho sung mãn thân hành niệm. Bất tử được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đối với những ai làm cho sung mãn thân hành niệm.

65-66. *Bất tử không được thắng tri*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thắng tri thân hành niệm. Bất tử được thắng tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thắng tri thân hành niệm.

67-68. *Bất tử không được liễu tri*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không liễu tri thân hành niệm. Bất tử được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai liễu tri thân hành niệm.

69-70. *Bất tử không được chứng ngộ*, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không chứng ngộ thân hành niệm. Bất tử được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với những ai chứng ngộ thân hành niệm.

Thế Tôn thuyết như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

40 Phân tích luận - Ta chủ trương phân tích - Kinh SUBHA – 99 Trung II, 793

KINH SUBHA (Subha sutta)

– Bài kinh số 99 – Trung II, 793

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú ở Savatthi, tại nhà một gia chủ vì một vài công vụ. Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú tại nhà gia chủ, nói với vị gia chủ ấy:

– Này Gia chủ, tôi nghe như sau: "Savatthi không phải không có các bậc A-la-hán lui tới". Hôm nay chúng ta nên đến chiêm ngưỡng vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào?

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn hiện trú tại Savatthi, Jetavana, tinh xá ông Anathapindika. Thưa Tôn giả, hãy đi đến chiêm ngưỡng Thế Tôn ấy.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng theo lời gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn đã nói như sau: "Người tại gia thành tựu chánh đạo thiện pháp. Người xuất gia không thành tựu chánh đạo thiện pháp". Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?*

– Nay thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta không tán thán tà đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành tà đạo, do nhân duyên hành tà đạo, không thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta tán thán chánh đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia. Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành chánh đạo, do nhân duyên hành chánh đạo, thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

– *Thưa Tôn giả Gotama, do dịch vụ nhiều, công tác nhiều, tổ chức nhiều, lao lực nhiều, nên nghiệp sự của kẻ tại gia có quả báo lớn. Do dịch vụ ít, công tác ít, tổ chức ít, lao lực ít nên nghiệp sự của kẻ xuất gia không có quả lớn. Ở đây, Tôn giả Gotama, có nói gì?*

– **Này Thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương pháp phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.**

- *Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự (Kammatthanam) với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.*
- *Này Thanh niên Bà-la-môn có nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.*
- *Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.*
- *Này Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.*

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp

sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Và đây Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn? - Đây Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả

lớn.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, ng nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, ng nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, ng nghiệp sự của người xuất gia, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

➔ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ,

lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, **nghiệp sự của người xuất gia,** dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, **nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.**

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp được các Bà-la-môn chủ trương tác phước, đắc thiện, nếu Ông không thấy nặng nhọc, lành thay. Ông hãy nói về năm pháp ấy trong hội chúng này.

– Thưa Tôn giả Gotama, không có nặng nhọc gì cho con, khi ở đây có vị như Tôn giả, đang ngồi hay các vị giống như Tôn giả.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nói đi.

– Chân thực, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ nhất, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Khô hạnh, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ hai, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Phạm hạnh, thưa Tôn giả Gotama là pháp thứ ba, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Tung độc, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ tư, các Bà-la-môn chủ trương

pháp này tác phước, đắc thiện. [Thí xả](#), thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ năm, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp này tác phước, đắc thiện. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Có một Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Có một Đạo sư nào trong những Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư, vị ấy đã nói: "Sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh, và ngày nay những vị Ba La Môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka,

Vamaka, Vamadeva, Vessamita, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vesettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này".?

– Thừa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, không có một vị Bà-la-môn nào trong các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Không có một Đạo sư nào trong các Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư nào nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Những vị tu sĩ thời cổ trong các vị Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú... không có một vị nào đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này".

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, chúng tôi nghĩ lời nói của những Bà-la-môn trở thành

giống như một chuỗi người mù, người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta phẫn nộ, không hoan hỷ vì bị Thế Tôn dùng ví dụ một chuỗi người mù, liền mạt ly Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn và nói về Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama sẽ bị quả ác độc (papika).

Rồi nói với Thế Tôn như sau:

– Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna trú ở rừng Subhaga đã nói: "Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn tự cho đã chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh này". Lời nói này của vị ấy thật sự đáng chê cười, thật sự chỉ là lời nói suông, thật sự chỉ là trống không, thật sự chỉ là trống rỗng. Làm sao còn là người còn lại có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga có thể biết tâm tư cả Sa-môn, Bà-la-

môn với tâm tư của mình?

– Thừa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga, với tâm tư của mình không thể biết được tâm tư của Punnika, người đầy tớ gái của mình, làm sao lại có thể biết được tâm tư tất cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình?

– Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn một người sanh ra đã mù không thể thấy các sắc màu đen, màu trắng, không thể thấy các sắc màu xanh, không thể thấy các sắc màu vàng, không thể thấy các sắc màu đỏ, không thể thấy các sắc màu đỏ tía, không thể thấy những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không thể thấy các vì sao, không thể thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nói như sau: "*Không có các sắc màu đen, màu trắng, không có người thấy các sắc màu đen, màu trắng; không có các sắc màu xanh, không có người thấy các sắc màu xanh; không có các sắc màu vàng, không có người thấy các sắc màu vàng; không có các sắc màu đỏ, không có người thấy các sắc màu đỏ; không có các sắc màu đỏ tía, không có người thấy các sắc màu đỏ tía; không có những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không có người thấy cái gì bằng phẳng, không bằng phẳng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt*

trắng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy, do vậy nên không có". **Này Thanh niên Bà-la-môn, người ấy nói một cách chân chánh có nói như vậy không?**

– Thưa không vậy, Tôn giả Gotama. Có các sắc màu đen trắng, có người thấy các sắc màu đen trắng; có các sắc màu xanh, có người thấy các sắc màu xanh;... (như trên)... có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời". Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy. Do vậy, không có". Thưa Tôn giả Gotama, nếu người ấy nói một cách chân chánh thì sẽ không nói như vậy.

– Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga là người mù, không có mắt. Vị ấy có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Những vị Bà-la-môn giàu sang ở Kosala, như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, và thân phụ của Ông Todeyya, cái gì tốt hơn cho những vị ấy, lời nói

của các vị ấy được thể tục chấp nhận (sammusa) hay không được thể tục chấp nhận?

– Được thể tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được suy tư hay không suy tư?

– Cần phải được suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được phân tích, cân nhắc hay không cần phải phân tích, cân nhắc?

– Cần phải phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải liên hệ đến mục đích, hay không cần phải liên hệ đến mục đích?

– Cần phải liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Nếu là như vậy thời lời nói của Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga được thể tục chấp nhận hay không được thể

tục chấp nhận?

– Không được thể tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên là có suy tư, hay không suy tư?

– Không suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên có phân tích, cân nhắc, hay không phân tích cân nhắc?

– Không phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên liên hệ đến mục đích, hay không liên hệ đến mục đích?

– Không liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, có năm triền cái này. Thế nào là năm? Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm triền cái.

➔ Nay Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga đã bị trùm che, ngăn chặn, bao phủ, và bao trùm bởi năm triền cái này. Vì ấy biết được, thấy được, hay chứng tri được các pháp Thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; tiếng do tai nhận thức... hương do mũi nhận thức... vị do lưỡi nhận thức... xúc do thân nhận thức khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Nay Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm dục trưởng dưỡng.

➔ Nay Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga bị trói buộc, bị đam mê, bị tham trước bởi năm dục trưởng dưỡng này, thụ hưởng chúng mà không thấy sự nguy hiểm, không soi thấu sự thoát ly khỏi chúng. Vì ấy thật sự biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như

vậy không xảy ra.

❖ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Trong những loại lửa này, loại lửa nào có ngọn, có màu sắc hay có ánh sáng? Ngọn lửa được đốt lên nhờ cỏ và củi khô, hay ngọn lửa được đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô?*

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có sự kiện có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, thì ngọn lửa ấy có ngọn, có sắc và có ánh sáng.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, không có sự kiện, không có trường hợp có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, trừ phi dùng thần thông.

➔ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do năm dục trưởng dưỡng đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên nhờ cỏ và củi khô.*

➔ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô.*

Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại?

Ở đây, nay thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất. **Hỷ này, nay Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.**

Lại nữa, nay Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ,... chứng và trú Thiền thứ hai. **Hỷ này, nay Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.**

❖ *Này thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp tác phước, đắc thiện nào có kết quả lớn hơn?*

– Thừa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện này. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp thí xả (caga) tác phước, đắc thiện có quả báo lớn.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một tể đàn lớn được một vị Bà-la-môn lập lên và có hai vị Bà-la-môn đi đến và nghĩ như sau: "Chúng ta sẽ thọ hưởng đại tể đàn của vị Bà-la-môn với danh tánh thế này". Ở đây, một vị Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Mong rằng trong phòng ăn, ta sẽ được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất; còn vị Bà-la-môn kia, trong phòng

ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất". Nay Thanh niên Bà-la-môn, sự kiện này xảy ra. Người Bà-la-môn ấy trong phòng ăn có thể được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn người Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Vị Bà-la-môn kia nghĩ như sau: "Vị Bà-la-môn ấy, trong phòng ăn, được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn ta, trong phòng ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Vị ấy phẫn nộ, không hoan hỷ. *Nay Thanh niên Bà-la-môn, các Bà-la-môn chủ trương quả dị thực gì cho người Bà-la-môn này?*

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không bố thí với ý nghĩ: "Do bố thí này, người kia phẫn nộ, không hoan hỷ. Các Bà-la-môn bố thí chỉ vì lòng ái mẫn".

– *Sự kiện là như vậy, nay Thanh niên Bà-la-môn, thời đây có phải là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn?*

– Sự kiện là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thời đây là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn.

❖ *Nay Thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy*

chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này.
Ông thấy năm pháp này nhiều nhất ở đâu, ở
những người tại gia, hay ở những người xuất gia?

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những người xuất gia, có ít ở những người tại gia.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng, liên tục, không nói lời chân thật. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục, nói lời chân thật.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều.

Thưa Tôn giả Gotama, năm pháp tác phước, đặc thiện này được các vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những

vị xuất gia, có ít ở những vị tại gia.

❖ *Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp tác phước, đắc thiện này được các vị Bà-la-môn chủ trương, Ta nói những pháp này là những tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm tu tập không hận, không sân.*

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo nói lời chân thật, vị ấy nghĩ: "Ta nói lời chân thật", chúng được nghĩa tín thọ (atthavedam), chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp. Ta nói sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn vị Tỷ-kheo sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều vị ấy nghĩ rằng: "Ta thí xả nhiều", chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp, Ta nói rằng sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân. Này Thanh niên Bà-la-môn những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện này, Ta nói các pháp ấy là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha

Todeyyaputta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nghe như sau: "Sa-môn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên".

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Làng Nalakara có gần đây không? Có phải làng Nalakara không xa ở đây?

– Thưa vâng, Tôn giả, làng Nalakara ở gần đây. Làng Nalakara không xa ở đây.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người sanh trưởng tại làng Nalakara, chưa rời khỏi làng Nalakara, và có người tới hỏi người ấy con đường đưa đến làng Nalakara. Này Thanh niên Bà-la-môn, người sanh trưởng tại làng Nalakara ấy phân vân hay ngập ngừng khi được hỏi về con đường đến làng Nalakara?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, vì người ấy sanh trưởng tại làng Nalakara. Người ấy biết rõ tất cả con đường đưa đến làng Nalakara.

– Tuy vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, rất có thể người sanh trưởng tại làng Nalakara này khi được

hỏi con đường đưa đến làng Nalakara còn có thể phân vân hay ngập ngừng. Nhưng Như Lai thì không vậy, khi được hỏi về Phạm thiên giới, hay về con đường đưa đến Phạm thiên giới, Như Lai không phân vân hay ngập ngừng. Và này Thanh niên Bà-la-môn, Ta biết Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới, và Ta cũng biết phải thành tựu như thế nào để được sanh vào Phạm thiên giới.

– Thừa Tôn giả Gotama, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Tốt lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho con, con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– *Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên?*

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ,

cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Nay Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. *Ví như, nay Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn.* Cũng vậy, nay Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Nay Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Lại nữa, nay Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Nay Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành

động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. *Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn*; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Này Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Gotama, nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con xin đi, chúng con có nhiều công việc phải làm.

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Lúc bảy giờ Bà-la-môn Janussoni, với cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đi ra khỏi Savatthi để nghỉ trưa. Bà-la-môn Janussoni thấy thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta từ xa đi lại, sau khi thấy, liền nói với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

– Tôn giả Bharadvaja đi từ đâu lại, quá sớm như vậy?

– Thưa Tôn giả, tôi vừa từ Sa-môn Gotama lại.

– Nay Tôn giả Bharadvaja, Tôn giả nghĩ thế nào? Tôn giả có nghĩ Sa-môn Gotama là bậc có trí, có trí tuệ sáng suốt (pannaveyyattiyam) không?

– Thưa Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama? Chỉ có vị nào như Ngài mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Bharadvaja thật đã tán thán Sa-môn Gotama với sự tán thán tối thượng.

– Nhưng tôi là ai mà tôi lại tán thán Sa-môn Gotama? Tán thán bởi những người được tán thán là Sa-môn Gotama, là bậc tối thượng giữa các hàng Thiên Nhân. **Thưa Tôn giả, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, Sa-môn Gotama nói rằng năm pháp ấy là tư cụ cho tâm, nghĩa là đề tu tập, trở thành không hận, không sân.**

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn, Janussoni bước xuống cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đắp áo vào một phía bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và thốt ra lời cảm hứng như sau: "Lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala! Tốt đẹp, lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala được Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú ở trong nước!

41 Phân tích luận và Nhất hướng luận - Thế Tôn là người phân tích luận - Kinh VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

*(Thế Tôn là người phân tích luận; cư sĩ
Vajjiyamàhita; nên hay không nên làm - Chánh tư
duy)*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà trên bờ ao Gaggara. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, vào buổi sáng sớm đi ra khỏi Campà, đến yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các Tỷ-kheo đang tu tập về ý, các Tỷ-kheo đang tu tập về ý đang thiền tịnh. Vậy hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp, ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Vajjiyamàhita từ xa đi đến, khi thấy vậy, liền

dẫn dò bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các tôn giả, chớ làm ồn, các Tôn giả, **gia chủ Vajjiyahita** này đang đến, một đệ tử của Sa-mô Gotama, trong những đệ tử của Sa - môn Gotama, có gia đình mặt áo trắng ở Campà. Gia chủ Vajjiyamàhita là một trong những vị ấy, các vị ấy ưa ít ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

3. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Vajjiyahita đang ngồi một bên:

- *Có đúng sự thật chăng này Gia chủ, sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?*

- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ.
- Thừa các Tôn giả, Thế tôn **chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán.**
- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy

Thế Tôn là người phân tích luận, không phải là người nhất hướng luận (nói một chiều).

4. Được nói vậy, một du sĩ nói với gia chủ Vajjiyamàhita: *"Thôi chờ ở đây, này Gia chủ, Gia chủ tán thán Sa-môn Gotama và Sa-môn Gotama là người hư vô, một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng.*

- Ở đây, thưa các Tôn giả, tôi nói với các Tôn giả đúng pháp: *"Đây là thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là bất thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là thiện, đây là bất thiện, Thế Tôn đã định nghĩa. Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng. Thế Tôn không phải là người chủ trương hư vô, không phải là người không có định nghĩa rõ ràng".* Khi được nói vậy, các du sĩ ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời.

5. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói nên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Vajjiyamàhita, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo như thế nào, tất cả đều thuật lại cho Thế Tôn rõ.

6. - Lành thay, lành thay, này Gia chủ, những kẻ ngu si thường thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp.

Này Gia chủ,

1. Ta không nói rõ rằng, tất cả khô hạnh cần phải hành trì.
2. Ta không nói rằng, tất cả khô hạnh không nên hành trì.
3. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì cần phải được chấp trì.
4. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì không nên chấp trì.
5. Ta cũng không nói rằng tất cả sự tinh cần, cần phải tinh cần.
6. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự tinh cần không nên tinh cần.
7. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ.
8. Ta cũng không nói rằng tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ.
9. Ta cũng không nói rằng tất cả sự giải thoát nên giải thoát.
10. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự giải thoát không nên giải thoát.

7. Này Gia chủ,:

1. Phàm hành trì **khổ hạnh** nào, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tồn giảm, khổ hạnh ấy, Ta nói, không nên hành trì.
2. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tồn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, khổ hạnh ấy Ta nói nên hành trì.
3. Phàm chấp hành **chấp trì** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tồn giảm, chấp trì ấy, Ta nói, không nên chấp hành.
4. Phàm chấp hành chấp trì nào, các pháp bất thiện tồn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời chấp hành chấp trì ấy, Ta nói nên chấp trì.
5. Phàm **tinh cần** nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tồn giảm, thời tinh cần ấy, Ta nói rằng, không nên tinh tấn.
6. Phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tồn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời tinh cần ấy, Ta nói nên tinh tấn.
7. Phàm từ bỏ **từ bỏ** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tồn giảm, thời từ bỏ ấy, Ta nói, không nên từ bỏ.
8. Phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tồn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời từ bỏ ấy, Ta nói, nên từ bỏ.
9. Phàm giải thoát sự **giải thoát** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tồn giảm, thời giải thoát ấy, Ta nói, không nên giải thoát.

10. Phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, thời giải thoát ấy, Ta nói nên giải thoát.

Rồi gia chủ Vajjiyamàhita sau khi được Thế Tôn với một pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8. Rồi Thế Tôn, sau khi gia chủ Vajjiyamàhita ra đi không bao lâu, bảo các Tỷ-kheo:

- Phàm Tỷ-kheo nào, đã lâu ngày với trần cấu ít trong Pháp và Luật này, vị ấy hãy như vậy bài bác các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bài bác nhờ Chánh pháp, như gia chủ Vajjiyamàhita đã làm.

42 Phân vân chọn lựa - Kinh VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

*(Thế Tôn là người phân tích luận; cư sĩ
Vajjiyamàhita; nên hay không nên làm - Chánh tư
duy)*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà trên bờ ao Gaggara. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, vào buổi sáng sớm đi ra khỏi Campà, đến yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các Tỷ-kheo đang tu tập về ý, các Tỷ-kheo đang tu tập về ý đang thiền tịnh. Vậy hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp, ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Vajjiyamàhita từ xa đi đến, khi thấy vậy, liền dặn dò bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các tôn giả, chớ làm ồn, các Tôn giả, **gia chủ Vajjiyahita** này đang đến, một đệ tử của Sa-mô Gotama, trong những

đệ tử của Sa - môn Gotama, có gia đình mặt áo trắng ở Campà. Gia chủ Vajjiyamàhita là một trong những vị ấy, các vị ấy ưa ít ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

3. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Vajjiyahita đang ngồi một bên:

- Có đúng sự thật chăng này Gia chủ, sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?

- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ.
- Thừa các Tôn giả, Thế tôn **chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán.**
- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy **Thế Tôn là người phân tích luận, không phải là người nhất hướng luận (nói một chiều).**

4. Được nói vậy, một du sĩ nói với gia chủ Vajjiyamàhita: *"Thôi chờ ở đây, này Gia chủ, Gia chủ tán thán Sa-môn Gotama và Sa-môn Gotama là người hư vô, một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng.*

- Ở đây, thưa các Tôn giả, tôi nói với các Tôn giả đúng pháp: *"Đây là thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là bất thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là thiện, đây là bất thiện, Thế Tôn đã định nghĩa. Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng. Thế Tôn không phải là người chủ trương hư vô, không phải là người không có định nghĩa rõ ràng".* Khi được nói vậy, các du sĩ ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời.

5. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói nên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Vajjiyamàhita, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo như thế nào, tất cả đều thuật lại cho Thế Tôn rõ.

6. - Lành thay, lành thay, này Gia chủ, những kẻ ngu si thường thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp.

Này Gia chủ,

11. Ta không nói rõ rằng, tất cả khổ hạnh cần phải hành trì.
12. Ta không nói rằng, tất cả khổ hạnh không nên hành trì.
13. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì cần phải được chấp trì.
14. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì không nên chấp trì.
15. Ta cũng không nói rằng tất cả sự tinh cần, cần phải tinh cần.
16. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự tinh cần không nên tinh cần.
17. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ.
18. Ta cũng không nói rằng tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ.
19. Ta cũng không nói rằng tất cả sự giải thoát nên giải thoát.
20. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự giải thoát không nên giải thoát.

7. Này Gia chủ,:

11. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, khổ hạnh ấy, Ta nói, không nên hành trì.

12. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, khổ hạnh ấy Ta nói nên hành trì.
13. Phàm chấp hành **chấp trì** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, chấp trì ấy, Ta nói, không nên chấp hành.
14. Phàm chấp hành chấp trì nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời chấp hành chấp trì ấy, Ta nói nên chấp trì.
15. Phàm **tinh cần** nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời tinh cần ấy, Ta nói rằng, không nên tinh tấn.
16. Phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời tinh cần ấy, Ta nói nên tinh tấn.
17. Phàm từ bỏ **từ bỏ** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời từ bỏ ấy, Ta nói, không nên từ bỏ.
18. Phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời từ bỏ ấy, Ta nói, nên từ bỏ.
19. Phàm giải thoát sự **giải thoát** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời giải thoát ấy, Ta nói, không nên giải thoát.
20. Phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, thời giải thoát ấy, Ta nói nên giải thoát.

Rồi gia chủ Vajjiyamàhita sau khi được Thế Tôn với một pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8. Rồi Thế Tôn, sau khi gia chủ Vajjiyamàhita ra đi không bao lâu, bảo các Tỷ-kheo:

- Phàm Tỷ-kheo nào, đã lâu ngày với trần cấu ít trong Pháp và Luật này, vị ấy hãy như vậy bài bác các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bài bác nhờ Chánh pháp, như gia chủ Vajjiyamàhita đã làm.

43 Phép màu - Không có thần lực nào để ra lệnh.. - Kinh CẤP THIẾT – Tăng I, 435

CẤP THIẾT – Tăng I, 435

1. - **Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này, người nông phu gia chủ cần phải làm.** Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống, sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết mà người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh): "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trở hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín".

Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự hướng dẫn của thời tiết được mọc lên, được trở hạt và được chín.

2. **Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm.** Thế nào là ba?

- *Chấp hành tăng thượng giới học,*
- *Chấp hành tăng thượng tâm học,*
- *Chấp hành tăng thượng tuệ học.*

Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

- ➔ Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, **không có thần lực hay không có uy lực (để ra lệnh):** "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy".
- ➔ Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới, để học tập tăng thượng tâm, để học tập tăng thượng tuệ, mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

- "Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tâm học.
- Sắc bén là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Thầy cần phải học tập.

44 Phú Lôu Na - Kinh GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA – 145 Trung III, 601

KINH GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA (**Punnovada sutta**)

– Bài kinh số 145 – Trung III, 601

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Punna (Phú-lâu-na), vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể, sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Punna, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Punna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Nay Punna, có **những sắc** do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo **hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy**, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, **dục hỷ sanh**; và này Punna, **Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ**. Nay Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Punna. Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Punna, có **những sắc** do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo **không hoan hỷ**, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời **dục hỷ diệt**. Nay Punna, Ta nói rằng, **từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ**. Nay Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận

thức; có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Nay Punna, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Này Punna, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt, có một quốc độ tên là Sunaparanta (Tây Phương Du-na Quốc), con sẽ sống tại đây.

– Này Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Này Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Này Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta **lấy tay đánh đập Ông**, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta **lấy các cục đất ném đánh Ông**, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy gậy ném đánh ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna... **lấy gậy đánh đập Ông**... Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước

Sunaparanta lấy gậy đánh đập con... "... Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta" ... Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, ... **lấy dao đánh đập Ông...**
Ông nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao đánh đập con.. "... Vì rằng họ không lấy dao sắc bén đoạt hai mạng ta". Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước **Sunaparanta lấy dao sắc bén đoạt hai mạng Ông...**
Ông nghĩ thế?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta sẽ lấy dao sắc bén đoạt hai mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: "**Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy**". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– **Lành thay, lành thay, này Punna! Này Punna, Ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi Ông có được đầy đủ **sự nhiếp phục và an tịnh** này. Này**

Punna, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Punna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunaparanta. Tiếp tục du hành, (Tôn giả Punna) đi đến nước Sunaparanta. Tại đây, Tôn giả Punna sống trong nước Sunaparanta.

Rồi Tôn giả Punna nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Punna mệnh chung.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện nam tử Punna ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy là thế nào?

– Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy

không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp.
Này các Tỷ-kheo, **Thiện nam tử Punna đã nhập
Niết-bàn.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy
hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

45 **Phương diện - Cả hai phương diện đều có lợi - Kinh KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG – 60 Trung II, 145**

KINH KHÔNG GÌ CHUYỂN HƯỚNG (**Apannaka sutam**)

– Bài kinh số 60 – Trung II, 145

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala với Đại chúng Tỷ-kheo và đến tại Sala, một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Sala được nghe tiếng đồn như sau: "Sa-môn Gotama, giòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đang du hành giữa dân chúng Kosala với Đại chúng Tỷ-kheo, đã đến Sala". Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: *"Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời, loài Người. Khi đã chứng ngộ. Ngài còn tuyên thuyết*

điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy".

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Sala đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, một số người đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người yên lặng ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Bà-la-môn gia chủ ở tại Sala đang ngồi xuống một bên:

– Này các Gia chủ, các Ông có vị Đạo sư khả ý nào mà các Ông có lý do đặt được lòng tin không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có vị Đạo sư khả ý nào để chúng con có lý do đặt được lòng tin.

☞ **Này các Gia chủ, nếu các Ông không có một vị Đạo sư khả ý nào, thì hãy lấy pháp không gì chuyển hướng này mà thực hành.** Này các Gia chủ, pháp không gì chuyển hướng này được khéo thọ trì, khéo thành tựu, sẽ đưa đến hạnh phúc an lạc lâu dài cho các Ông.

Và này các Gia chủ, thế nào là pháp "không gì chuyển hướng"?

- ❖ Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có những lập thuyết như sau, có những quan điểm như sau: "**Không có (kết quả của) bốn thứ**, không có (kết quả của) lễ hy sinh, không có (kết quả của) tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thực hành, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã tự chứng ngộ với thắng trí".
- ❖ Nhưng này các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói đối nghịch với các vị Sa-môn, Bà-la-môn kia, những vị này nói như sau: "**Có (kết quả của) bốn thứ**, có (kết quả của) lễ hy sinh, có (kết quả của) tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thực hành, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào, có phải

những vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy nói những lời đối nghịch với nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có (kết quả của) bố thí, không có (kết quả của) lễ hy sinh, không có (kết quả của) tế tự, không có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh, trên đời không có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". => Đối với những vị này sự kiện này sẽ chờ đợi xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

– **Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng không có đời sau, thời đó là một tà kiến.**

- Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng không có đời sau, thời đó là tà tư duy.
 - Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời đó là tà ngữ.
 - Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng không có đời sau, thời tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau.
 - Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là không có đời sau, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.
- ➔ Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.
- ➔ Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy các ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

👉 Ở đây, này các Gia chủ, **vị có trí suy nghĩ như sau:**

- ➔ "Nếu không có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn. Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng

chung sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại bị những người có trí quả trách: "**Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương hư vô luận**".

- ➔ Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có (kết quả của) bố thí, có (kết quả của) lễ hy sinh, có (kết quả của) tế tự, có kết quả, quả báo của các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trên đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, và những vị này tuyên bố về đời này và về đời sau, sau khi đã chứng ngộ với thắng trí". => Đối với những vị này, sự kiện này sẽ chờ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý

ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những vị Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

- **Vì rằng có đời sau, nếu có quan điểm nào nói rằng có đời sau, thời đó là một chánh kiến.**
- Vì rằng có đời sau, nếu có ai suy tư rằng có đời sau, thời đó là chánh tư duy.
- Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau thời đó là chánh ngữ.
- Vì rằng có đời sau, nếu có ai nói rằng có đời sau, thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có đời sau.
- Vì rằng có đời sau, nếu có ai thuyết phục người khác là có đời sau, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người.
- Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì.
- Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết

phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

✎ Ở đây, này các Gia chủ, **vị có trí suy nghĩ như sau:**

- ➔ Nếu có đời sau, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn cho đời sau không có đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: **"Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương hữu luận"**.
- ➔ Còn nếu có đời sau, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, "pháp không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn bởi vị này chấp nhận cả hai phía, bỏ qua hai phía bất thiện pháp.
- ❖ Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu,

gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây ra sợ hãi, hay khiến người gây ra sợ hãi, sát sanh, lấy của không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, **hành động như vậy không có tội ác gì**. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, cũng không vì vậy có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bỏ thí, khiến người bỏ thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng **không vì vậy có phước báo**, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo".

- ❖ Nay các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói những lời đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn kia. Các vị này nói như sau: "Tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi, hay khiến người gây sợ hãi, sát sanh, lấy của

không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giựt, tư thông vợ người, nói láo, **hành động như vậy là có tội ác**. Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chồng thịt, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu khiến người đốt nấu, thì do nhân duyên này có tội ác, có gây ra sự tiếp tục của tội ác. Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng, bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, thì do nhân duyên này, có phước báo, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo. Bố thí, điều phục, tự chế, nói thật, đều **có phước báo**, có tạo thành sự tiếp tục của phước báo".

Và này các Gia chủ, các ông nghĩ thế nào, có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói lời đối nghịch với nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, có những Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm,... (như trên)... không đưa đến phước báo". => Đối với những vị này, sự

kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

- **Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng không có tác dụng, thời đó là một tà kiến.**
 - Vì rằng có tác dụng, nếu ai có suy tư rằng không có tác dụng, thời đó là tà tư duy.
 - Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời đó là tà ngữ.
 - Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng không có tác dụng, thời tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng.
 - Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là không có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.
- Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.

→ Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy những ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau: Nếu không có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự ngã cảm thấy an toàn. Nếu có tác dụng, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn không có tác dụng đi nữa, nếu lời nói của các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này, ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách: "Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không tác dụng". Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quả trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy pháp "không gì chuyển hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ qua phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Tự làm hay khiến người làm... (như trên)... có đưa đến phước báo". Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này,

thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thật hành theo. Vì sao vậy? Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

- Vì rằng có tác dụng, nếu có quan điểm nào nói rằng có tác dụng, thời đó là chánh kiến.
- Vì rằng có tác dụng, nếu có ai suy tư rằng có tác dụng, thời đó là chánh tư duy.
- Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng, thời đó là chánh ngữ.
- Vì rằng có tác dụng, nếu có ai nói rằng có tác dụng thời không tự mâu thuẫn đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có tác dụng.
- Vì rằng có tác dụng, nếu có ai thuyết phục người khác là có tác dụng, thời sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người.
- Như vậy trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì.
- Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự

không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: Nếu có tác dụng, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn tác dụng không có đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại được những người có trí tán thán: "Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương có tác dụng". Còn nếu có tác dụng, thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người trí tán thán; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy, pháp "không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía, và bỏ qua phía bất thiện pháp.

❖ Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: **"Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh, vô nhân vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không**

có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ. Các chúng sanh ấy hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của họ".

- ❖ Nay các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn đối nghịch với những Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Những vị này đã nói như sau: "**Có nhân có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô**; không có nhân, không có duyên các loài hữu tình bị nhiễm ô. Có nhân, có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh. Có lực, có tinh tấn, có nhân lực, có sự cố gắng của người. Tất cả loài chúng sanh, tất cả loài hữu tình, tất cả sanh loại, tất cả sanh mạng đều không phải không tự tại, không có lực, không có tinh tấn. (Không phải) các chúng sanh ấy bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh bởi sự tình cờ, bởi bản tánh của họ. (Không phải) họ hưởng thọ khổ lạc y theo sáu loại thác sanh của họ".

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào? Có phải

những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói lên những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không có nhân, không có duyên... (như trên)... họ cảm thọ khổ lạc..". Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba thiện pháp thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, và sau khi chấp nhận ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, các vị này sẽ thực hành theo. Vì sao vậy? Những Sa-môn, Bà-la-môn này không thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

- **Vì rằng có nhân, nếu có quan điểm nào nói rằng không có nhân, thời đó là một tà kiến.**
- Vì rằng có nhân, nếu có ai suy tư rằng không có nhân thời đó là tư duy.
- Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng không có nhân, thời đó là tà ngữ.
- Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng không có nhân, thời tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán

đã biết được có nhân.

- Vì rằng có nhân, nếu có ai thuyết phục người khác là không có nhân, thời sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy chống lại diệu pháp, người ấy khen mình chê người.
- Như vậy, trước khi thiện giới của người ấy bị từ bỏ, các ác giới đã được chấp trì.
- Và tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, sự đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục chống lại diệu pháp, sự khen mình chê người, như vậy những ác bất thiện pháp sai biệt này khởi lên do duyên tà kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, người có trí suy nghĩ như sau: Nếu không có nhân, thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, tự cảm thấy an toàn. Nếu có nhân thời vị này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nếu muốn không có nhân đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn, Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách. "Người này theo ác giới, có tà kiến, chủ trương không nhân". Còn nếu có nhân, thời vị này, cả hai mặt đều gặp sự bất hạnh: ngay trong hiện tại, bị những người có trí quở trách; sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, pháp "không có chuyên hướng" này bị chấp trì, bị thực hành sai lạc, bởi vị này chỉ có chấp nhận một phía, và bỏ qua

phía thiện pháp.

Ở đây, này các Gia chủ, những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có nhân, có duyên... (như trên)... họ cảm thọ hưởng lạc". Đối với những vị này, sự kiện này chờ đợi sẽ xảy ra: Sau khi từ bỏ ba ác pháp này, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, và sau khi chấp nhận ba thiện pháp này, thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, các vị này thực hành theo. Vì sao vậy? Vì những Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự cấu uế của các bất thiện pháp, sự thoát ly, sự lợi ích và sự thanh tịnh của các thiện pháp.

- **Vì rằng có nhân, nếu có quan điểm nào nói rằng có nhân, thời đó là chánh kiến.**
- Vì rằng có nhân, nếu có ai suy tư rằng có nhân, thời đó là chánh tư duy.
- Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng có nhân, thời đó là chánh ngữ.
- Vì rằng có nhân, nếu có ai nói rằng có nhân, thời không tự mâu thuẫn, đối nghịch với các vị A-la-hán đã biết được có nhân.
- Vì rằng có nhân, nếu có ai thuyết phục người khác là có nhân, thời sự thuyết phục ấy thuận

với diệu pháp, và vì sự thuyết phục ấy thuận với diệu pháp, vị ấy không khen mình chê người.

- Như vậy, trước khi ác giới của vị ấy được từ bỏ, các thiện giới đã được chấp trì. Và chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, sự không đối nghịch với các bậc Thánh, sự thuyết phục thuận với diệu pháp, sự không khen mình chê người, như vậy những thiện pháp sai biệt này khởi lên, do duyên chánh kiến.

Ở đây, này các Gia chủ, vị có trí suy nghĩ như sau: Nếu có nhân, thời vị này sau khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Nếu muốn không có nhân đi nữa, nếu lời nói của các Sa-môn; Bà-la-môn ấy là đúng sự thật, thời vị này ngay trong hiện tại, được những người có trí tán thán: "Người này theo thiện giới, có chánh kiến, chủ trương có nhân". Còn nếu có nhân thời vị này cả hai mặt đều gặp sự may mắn: ngay trong hiện tại, được những người có trí tán thán, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, pháp "không gì chuyển hướng" này được chấp trì, được thực hành đúng đắn, bởi vị này chấp nhận cả hai phía và bỏ qua phía bất thiện pháp.

❖ Này các Gia chủ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

có luận thuyết như sau, có quan điểm như sau:
"Không thể có một vô sắc toàn diện".

- ❖ Lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn, đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn ấy. Các vị này đã nói như sau: **"Có thể có một vô sắc toàn diện".**

Này các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào? Có phải những vị Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn, đối nghịch nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan niệm như sau: "Không thể có một không sắc toàn diện", ta không có thấy như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một không sắc toàn diện", ta không có biết như vậy. Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: "Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm," thối như vậy không xứng đáng với ta. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một không sắc toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn

sẽ tái sinh tại chỗ các chư Thiên có sắc do ý sở thành. Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một không sắc toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sinh tại chỗ các chư Thiên không sắc, do tưởng sở thành. Do duyên với cái gì có sắc, chấp gậy, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ đều được thấy. Nhưng sẽ không có những sự việc này trong một không sắc toàn diện". Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yểm ly, sự ly tham, sự diệt tận các sắc pháp.

- ❖ Nay các Gia chủ, có một số Sa-môn. Bà-la-môn có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: **"Không thể có một sự hữu diệt (Bhavanirodha) toàn diện"**.
- ❖ Nay các Gia chủ, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn nói lời mâu thuẫn đối nghịch với các Sa-môn, Bà-la-môn. Các vị này đã nói như sau: **"Có thể có một sự hữu diệt toàn diện"**.

Nay các Gia chủ, các Ông nghĩ thế nào? Có phải những Sa-môn, Bà-la-môn này nói những lời mâu thuẫn đối nghịch nhau?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này các Gia chủ, một người có trí suy nghĩ như sau: "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có sự hữu diệt toàn diện", ta không có thấy như vậy. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện", ta không có biết như vậy. Và nếu ta không biết, không thấy mà chỉ chấp nhận một bên và tuyên bố: "Đây là sự thật, ngoài ra đều là mê lầm", thì như vậy không xứng đáng với ta. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào, có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ tái sanh chỗ các chư Thiên không sắc do tưởng sở thành. Còn nếu những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có một sự hữu diệt toàn diện", nếu lời nói của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đúng sự thật, thì sự kiện này xảy ra: Ta chắc chắn sẽ nhập Niết-bàn ngay trong hiện tại. Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Không thể có một sự hữu diệt toàn diện", thì quan điểm này của các vị ấy gần với tham ái, gần với kiết sử, gần với ái lạc, gần với chấp trước, gần với chấp thủ.

Còn những Sa-môn, Bà-la-môn nào có lập thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Có thể có sự hữu diệt toàn diện", thời quan điểm này của những vị ấy là gần với ly tham, gần với không kiết phược, gần với không ái lạc, gần với không chấp trước, gần với không chấp thủ". Do suy tư như vậy, vị ấy thành tựu sự yếm ly, sự vô tham, sự diệt tận đối với các hữu.

❖ **Này các Gia chủ, có bốn hạng người này có mặt ở trong đời.**

Thế nào là bốn?

- Ở đây, này các Gia chủ, có người tự hành khổ mình chuyên tâm tự hành khổ mình.
- Ở đây, này các Gia chủ, có người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.
- Ở đây, này các Gia chủ, có người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.
- Ở đây, này các Gia chủ, có người vừa tự không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị này không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại, không có tham dục, không có

khao khát, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thò, tự ngã trú vào Phạm thể.

➔ *Và này các Gia chủ, thế nào là người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình?*

Ở đây, này các Gia chủ, có người sống lỏa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay cho sạch... (như kinh Kandarakasuttam số 51)... Như vậy người ấy dưới nhiều hình thức, sống chuyên tâm hành khổ thân mình. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

➔ *Và này các Gia chủ, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?*

Ở đây, này các Gia chủ, có người là người đồ tể giết trâu bò, là người đồ tể giết heo... (như trên)... và những người làm các nghề ác độc khác. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

➔ *Và này các Gia chủ, thế nào là người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?*

Ở đây, này các Gia chủ, có người làm vua, thuộc

giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh... (như trên)... vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người vừa tự hạnh khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

➔ *Và này các Gia chủ, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; ngay trong hiện tại không có tham dục, không có khao khát, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, thân trú vào Phạm thế?*

Ở đây, này các Gia chủ, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri... (như trên)... sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ... Thiền thứ hai.... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm

đến tức mạng mình. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... (như trên)... như vậy vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc định tĩnh như vậy, vị ấy dẫn tâm hướng tâm đến lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: Đây là khổ,... (như trên)... biết như thật: Đây là con đường đưa đến sự đoạn trừ các lậu hoặc. Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết: "Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm, đã làm sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa".

Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; ngay trong hiện tại, không có tham dục, không có khao khát, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Khi được nói vậy, các Bà-la-môn, gia chủ trú ở Sala bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama chấp nhận cho chúng con làm những người cư sĩ. Từ nay cho đến mạng chung, chúng con xin trọn đời quy ngưỡng.

46 Phương pháp - Làm đúng phương pháp thì mới đạt được quả vị - Kinh PHÙ-DI – 126 Trung III, 353

KINH PHÙ-DI (Bhùmiya sutam)

– Bài kinh số 126 – Trung III, 353

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhumija vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhumija, sau khi đến nói lên với Tôn giả Bhumija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Jayasena thưa với Tôn giả Bhumija:

– Thưa Tôn giả Bhumija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành

Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị". Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhumija có nói gì, và có lập luận gì?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mắt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, **Thế Tôn có giải thích như sau:**

- "Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (ayoniso), thời không đạt được quả vị;
- Nếu không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
- Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị;
- Nếu không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng thời không đạt được quả vị.
- Còn nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;

- Nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
- Nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị;
- Nếu không có và không không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị".

Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhumija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường.

Rồi vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhumija, dùng với bát ăn (thalipaka) của mình.

Rồi Tôn giả Bhumija, sau bữa ăn khát thực trở về đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhumija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đáp

y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, bạch Thế Tôn, vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn vương tử Jayasena nói với con như sau: "Thưa Tôn giả Bhumija, một số Sa-môn, Bà-la-môn, ... bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với vương tử Jayasena, như sau: "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... ". , ... Tôi nghĩ rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tầm thường". *Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc lời Thế Tôn với điều không đúng sự thực, nhưng con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích?*

– Thật vậy, này Bhumija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, Ông nói đúng lời Thế Tôn nói, Ông không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, Ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

➔ Nay Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời không đạt được quả vị. **Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.**

*Ví như, này Bhumija, **một người cần dầu**, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu. Sau khi **đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu)**. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. **Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này***

Bhumija, để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện... Nếu người ấy có và không có ước nguyện... Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, nó không lấy được sữa. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sữa. Cũng vậy, này Bhumija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt

được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm cầu sanh tô, sau khi đổ nước vào một cái ghè, rồi lấy que khuấy đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện... nếu người ấy có và không có ước nguyện... nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái ghè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô. Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa. Người ấy đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que ướt và có nhựa, nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một

khúc que uớt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện, nếu người ấy không có và không không có ước nguyện đem phân trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que uớt và có nhựa, thời người ấy không lấy được lửa. Vì sao vậy? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhumija, có những Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thời họ không thể đạt được quả vị. Vì có sao? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

➔ Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. **Vì có sao? Đây là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.**

Ví như, này Bhumija, một người cần dầu, cầu tìm dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu). Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thời người ấy lấy được dầu. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được dầu. Cũng vậy, này Bhumija những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp có thể đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa. Và người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ. Nếu người ấy có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Nếu người ấy không có

ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sữa.

Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... (như trên)... có chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô; sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh, thời người ấy lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy, đánh, người ấy lấy được sanh tô. Vì có sao? Nay Bhumija, đây là phương pháp để lấy được sanh tô.

Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-

môn nào có chánh kiến... có chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, có một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa. Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì có sao? Này Bhumija, đây là phương pháp để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt kết quả vị. Vì sao vậy? Này Bhumija, đây là phương pháp đưa đến

quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, này Bhumija, khởi đến từ nơi Ông cho vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhumja hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

47 Phương pháp phân tích của Bồ-tát - Kinh TÙY PHIỀN NÃO – 128 Trung III, 379

KINH TÙY PHIỀN NÃO (Upakkilesa sutta)

– Bài kinh số 128 – Trung III, 379

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiêu-thường-di), tại tịnh xá Ghosita (Cù-sur-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến

các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ:

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khát thực trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ:

*Giữa quần chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng?*

*Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả dãn,
Dẫn đi đâu, ai biết?*

"Nó mắng tôi, đánh tôi!

*Nó hại tôi, cướp tôi!"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"Nó mạng tôi, đánh tôi!
Nó hại tôi, cướp tôi!"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.*

*Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Từ bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

*"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Nhưng ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.*

*Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,
Sao các Ông không vậy?*

*Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,*

*Đả thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.*

*Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.
Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.*

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Này Tỷ-kheo, có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực, có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty-la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyện tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và

Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên:

– Nay các Anuruddha, các Ông có được an lành không? Có được sống yên vui không? Đi khát thực có khỏi mệt nhọc không?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– Nay các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Nay các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm?

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau: **"Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này"**. Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, **chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm**.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau: "Thật lợi ích thay cho ta! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy!" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau: "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con

từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– *Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không?*

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– *Này các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con, ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ dư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghè nước uống, ghè nước rửa chân, hay ghè

nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, *các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không?*

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhân thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các

sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Nghi hoặc** khởi lên nơi Ta. Vì có nghi hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghi hoặc không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp?**" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Không tác ý** khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng

dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Hôn trầm, thùy miên**, khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thùy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý và hôn trầm, thùy miên không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự sợ hãi** khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". *Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nhảy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi.* Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý hôn trầm, thùy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự phẩn chấn** (ubbilla) khởi lên nơi

Ta. Vì có sự phẩn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miệng một kho tàng, và trong một lần tìm được nắm cửa miệng kho tàng, do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên.* Cũng vậy, này các Anuruddha, phẩn chấn khởi lên nơi Ta. Vì có phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Dâm ý** (duttullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Sự tỉnh cần quá độ** khởi lên nơi Ta, và vì có tỉnh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng

với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cây khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.* Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Tinh cần quá yếu đuối** khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. *Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cây quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy.* Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẩn chấn, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Ái dục** khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục..

với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau: "**Sai biệt tưởng** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau: "**Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp** khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc.. (như trên)... các tưởng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, **sau khi biết được nghỉ hoặc là một phiên não của tâm,** Ta đoạn trừ nghỉ

hoặc, phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phân chân.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tướng sai biệt... sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp: cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:** *"Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các*

sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày?"* Về vấn đề này, này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau**: *"Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng. Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".*

Này các Anuruddha, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời

không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên...; khi nào biết được sợ hãi...; khi nào biết được phân chấn...; khi nào biết được dâm ý...; khi nào biết được tinh cần quá độ...; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối...; khi nào biết được dục ái...; khi nào biết được tưởng sai biệt...; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, **Ta suy nghĩ như sau:**
"Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định". Rồi này các Anuruddha:

- Ta tu tập định có tâm, có tứ;
- Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ;
- Ta tu tập định không tâm không tứ;
- Ta tu tập định có hỷ;
- Ta tu tập định không có hỷ;
- Ta tu tập định câu hữu với lạc;
- Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, **khi nào Ta tu tập định có tâm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tâm chỉ có**

tứ; khi nào Ta tu tập định không có tâm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, **thời tri kiến khởi lên nơi Ta:** *"Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu".*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy

48 Phương pháp tu tập - Kinh KANDARAKA – 51 Trung II, 9

KINH KANDARAKA (Kandaraka sutam)

– Bài kinh số 51 – *Trung II, 9*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Campa, trên bờ hồ Gaggara cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Pessa, con trai người huấn luyện voi và Du sĩ Kandaraka đi đến chỗ Thế Tôn ở Pessa, con trai người huấn luyện voi sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Còn du sĩ Kandaraka nói lên với Thế Tôn những lời hỏi thăm, sau khi nói lên những lời hỏi thăm thân hữu rồi đứng một bên. Du sĩ Kandaraka đứng một bên, sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang giữ im lặng, thật im lặng, liền bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Chúng Tỷ-kheo này được Tôn giả Gotama chọn chánh hướng dẫn.

Tôn giả Gotama, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng

Giác trong thời quá khứ, không biết quý vị Thế Tôn ấy đã có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Tôn giả Gotama chọn chánh hướng dẫn?

Tôn giả Gotama, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong tương lai, không biết quý vị Thế Tôn ấy sẽ có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy sẽ chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Tôn giả Gotama chọn chánh hướng dẫn?

– Thật sự là vậy, này Kandaraka! Thật sự là vậy, này Kandaraka! Này Kandaraka, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những vị Thế Tôn ấy đã có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Ta chọn chánh hướng dẫn.

Này Kandaraka, các vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời tương lai, những vị Thế Tôn ấy sẽ có một chúng Tỷ-kheo tuyệt diệu như vậy, mà quý vị ấy chọn chánh hướng dẫn, như nay chúng Tỷ-kheo được Ta chọn chánh hướng dẫn.

Này Kandaraka, trong chúng Tỷ-kheo này, có những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ

hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chánh trí.

Này Kandaraka, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là bậc hữu học, giới luật kiên trì, giới hanh kiên trì, sáng suốt, hanh nghiệp sáng suốt, sống với tâm khéo an trú Bốn Niệm Xứ.

Thế nào là bốn? Ở đây này Kandaraka, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu trên đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời.

Được nghe nói vậy, Pessa, con trai người huấn luyện voi bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bốn Niệm Xứ này đã được Thế Tôn khéo trình bày, để chúng sanh được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được diệt trừ, để chánh lý được thành đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.

Bạch Thế Tôn, **chúng con là hàng tại gia, mặc**

đồ trắng, thỉnh thoảng chúng con sống khéo an trú tâm vào **Bốn Niệm Xứ này.** Ở đây, Bạch Thế Tôn, chúng con sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; chúng con sống quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; chúng con sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời; chúng con sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để nhiếp phục tham ưu trên đời.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hiểu được hạnh phúc và sự bất hạnh của chúng sanh trong khi loài người sống trong sự rối ren như vậy, trong sự cạn bã như vậy, trong sự xảo quyết như vậy.

Bạch Thế Tôn, rối ren thay như loài người. Bạch Thế Tôn, cởi mở thay như loài thú vật. Bạch Thế Tôn, con có thể nhiếp phục con voi, một cách khiến con voi ấy mỗi khi đi hay đến Campa, liền trình bày mọi sự gian dối, giả dối, xảo trá, xảo quyết. Nhưng bạch Thế Tôn, những người đầy tớ của chúng con, những người phục dịch, những người làm công, thân hành họ làm một cách, khẩu hành họ làm một cách khác, ý hành họ làm một cách khác nữa.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn biết được hạnh phúc và sự bất hạnh của chúng sanh, trong khi loài người sống trong sự rối ren như vậy, trong sự cặn bã như vậy, trong sự xảo quyệt như vậy. Bạch Thế Tôn, rối ren thay như loài người! Bạch Thế Tôn, cỏi mở thay, như loài thú vật!

– Thật như vậy, này Pessa! Thật như vậy, này Pessa! Này Pessa, rối ren thay, như loài người! Cỏi mở thay, như loài thú vật!

☞ Này Pessa, có **bốn hạng người** này có mặt ở trên đời. Thế nào là bốn?

- Có người **tự hành khổ mình**, chuyên tâm tự hành khổ mình.
- Có người **hành khổ người**, chuyên tâm hành khổ người.
- Có người **vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người**.
- Có người **vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người**. Người ấy không hành khổ mình, không chuyên

tâm hành khổ mình, không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

☞ Nay Pessa, bốn hạng người này, hạng người nào, được tâm Ông thích ý nhất?

- Bạch Thế Tôn, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, hạng người này tâm con *không thích ý*.
- Bạch Thế Tôn, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này tâm con *không thích ý*.
- Bạch Thế Tôn, hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này tâm con *không thích ý*.
- Bạch Thế Tôn, hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người không tự hành khổ mình không hành khổ người, ngay trong hiện tại không có tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể, hạng người này, tâm con thích ý.

☞ Nay Pessa, vì sao Ông không thích ý ba hạng người này?

- Bạch Thế Tôn, hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, hạng người này hành khổ mình, hành hạ mình, trong khi tự ao ước lạc, nhằm chán khổ; do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.
- Bạch Thế Tôn, hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này, hành khổ người khác, hành hạ người khác, trong khi người khác ao ước lạc, nhằm chán khổ; do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.
- Bạch Thế Tôn, hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người, hạng người này hành khổ, hành hạ mình và người khác, trong khi mình và người khác ao ước lạc, nhằm chán khổ; do vậy, tâm con không thích ý hạng người này.
- Nhưng bạch Thế Tôn, người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong

hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể; do vậy, tâm con thích ý hạng người này.

Và này, bạch Thế Tôn, chúng con phải đi, chúng con có nhiều công vụ, có nhiều công việc phải làm.

– Này Pessa, Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Pessa, con trai người huấn luyện voi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi Pessa, con trai người huấn luyện voi ra đi không được bao lâu, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Pessa, con trai người huấn luyện voi là bậc có trí; Pessa, con trai người huấn luyện voi là người có đại trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, *nếu Pessa, con trai người huấn luyện voi ngồi thêm một chút nữa, cho đến khi Ta phân tích rộng rãi hơn bốn hạng người này, thời anh ta sẽ thu đạt được nhiều lợi ích.* Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, Pessa, con trai người huấn luyện voi như vậy cũng đã thu đạt được nhiều lợi ích.

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn phân tích rộng rãi hơn bốn hạng người này. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo léo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

☞ *Này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lỏa thể sống phóng túng không theo lễ nghi, liêm tay cho sạch, đi khát thực không chịu bước tới, đi khát thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nôi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn, không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang giao cấu người đàn ông, không nhận đồ ăn đi

quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, ăn thịt, không uống rượu nấu, rượu men. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, hay chỉ nhận ăn hai miếng... hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy nhà, hay vị ấy chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát,... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa,... bảy ngày một bữa. Như vậy vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn cỏ hoang, ăn lúa tặc, ăn lúa hoang, ăn da vụn, ăn rong nước, ăn bột tám, ăn váng gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ hay ăn phân bò. Vị ấy ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tầm liệm rồi quăng đi, mặc vải phân tảo y, mặc vỏ cây tirita làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện bằng từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo vỏ cây, mặc áo bằng tám gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cừu. Vị ấy là người sống nhô râu tóc, là người chuyên sống theo hạnh nhô râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chỗ hỏ, chuyên sống theo hạnh ngồi chỗ hỏ, một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường

gai, sống một đêm tám ba lần, theo hạnh xuống nước tắm (để gột sạch tội lỗi).

Như vậy dưới nhiều hình thức, vị ấy sống tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình.

☞ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?*

Ở đây, các Tỷ-kheo, có người giết trâu bò, là người giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, thợ đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và những người làm các nghề độc ác khác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

☞ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh, hay một Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây dựng một giảng đường mới về phía Đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da thô, toàn thân bôi thực tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người

vợ chính và một Bà-la-môn tế tự. Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lát cỏ. Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc; bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai; và vị Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba. Sữa từ vú thứ tư dùng để tế lửa. Còn con nghé con thì sống với đồ còn lại. Vị vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số nghé đực để tế lễ, hãy giết một số nghé cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu để tế lễ, hãy chặt một số cây để làm cột tế lễ, hãy thu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ. Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

☞ *Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người, hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy*

mát lạnh, cảm thấy lạc thọt, tự ngã trú vào Phạm thể?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này là Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên bố điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng ấy, người ấy suy nghĩ: *"Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình"*. Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ, hay bỏ tài sản

lớn, bỏ bà con quyền thuộc nhỏ, hay bỏ bà con quyền thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

- Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết xấu hổ, sợ hãi, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.
- Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy từ bỏ đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt.
- Vị ấy từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời.
- Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chuyện chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

- Vị ấy từ bỏ nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người; vị ấy nói những lời nói như vậy.
- Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói pháp, nói luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, hợp lý có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.
- Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, trang sức, và các thời trang; từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ không nhận vàng và bạc; từ bỏ không nhận các hạt sống; từ bỏ không nhận thịt sống, từ bỏ không nhận đàn bà con gái; từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ không dùng người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà

hạnh như hồi lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

- Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh, cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo.

⇒ **Vị ấy thành tựu Thánh Giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc thọ không khuyết phạm.**

- Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự các nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt.
- Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...
- Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng, những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy,

hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

⇒ **Vị ấy thành tựu Thánh Hộ Trì Các Căn này nội tâm hưởng lạc thọ không uế nhiễm.**

- Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác;
- Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác;
- Khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác;
- Khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác;
- Khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác;
- Khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác;
- Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

⇒ **Vị ấy thành tựu Thánh Chánh Niệm Tỉnh Giác này nội tâm hưởng lạc thọ.**

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm. Sau khi ăn xong và đi khát thực trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

- Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham.
- Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.
- Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.
- Từ bỏ trạo cử, hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá.
- Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

 **Vị ấy sau khi từ bỏ năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt:**

- ⇒ Vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.
- ⇒ Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.
- ⇒ Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân

cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.

⇒ Vị ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với **tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động** như vậy, vị ấy hướng tâm đến **túc mạng trí**. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, hai mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: *"Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây"*. Như vậy vị ấy nhớ đến những đời sống quá khứ, cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử

dụng, vững chắc, bất động như vậy, **vị ấy hướng tâm đến sanh tử trí của chúng sanh**. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Vị ấy nghĩ rằng: *"Thật sự những vị chúng sanh này thành tựu những ác hạnh về thân, thành tựu những ác hạnh về lời nói, thành tựu những ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, Thiên giới, trên đời này"*. Như vậy, vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy tuệ tri rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều **do hạnh nghiệp của họ**.

Với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử

dụng, vững chắc, bất động như vậy, **vị ấy hướng tâm đến lậu tận trí**. Vị ấy tuệ tri như thật: "**Đây là Khổ**", tuệ tri như thật: "**Đây là Khổ tập**", tuệ tri như thật: "**Đây là Khổ diệt**", tuệ tri như thật: "**Đây là con Đường đưa đến khổ diệt**" tuệ tri như thật: "**Đây là những lậu hoặc**", tuệ tri như thật: "**Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc**", tuệ tri như thật: "**Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc**", tuệ tri như thật: "**Đây là con Đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc**" Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tư thân đã giải thoát như vậy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát". Vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có trở lui đời sống này nữa".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

49 Phương Đông, Tây, Nam, Bắc - Kinh A-SÁ-NANG-CHI – 32 Trường II, 549

KINH A-SÁ-NANG-CHI (ATANATIYA SUTTANA) – Bài kinh số 32 – Trường II, 549

Như vậy tôi nghe.

1. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), núi Gijjhakūṭa (Linh Thứu). **Bốn Thiên vương** sau khi sắp đặt trần giữ bốn phương với đại quân Yakkha (Dạ-xoa), đại quân Gandhabba (Càn-thát-bà), đại quân Kumbhanda (Cừu-bàn-trà) và đại quân Nāga (Na-già), án ngữ bốn phương, bảo trì bốn phương, trong đêm tối thâm sâu, với hào quang tuyệt diệu chói sáng toàn thể núi Linh Thứu, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Các vị Dạ-xoa, có vị đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên những lời chúc tụng, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên; có vị nói lên tên họ rồi ngồi xuống một bên; có vị im lặng, rồi ngồi xuống một bên.

2. Sau khi ngồi xuống một bên, **đại vương Vessavana (Tỳ-sa-môn)** bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn có những thượng phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn,
- Bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn; bạch Thế Tôn, có những trung phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- Bạch Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn, có những hạ phẩm Dạ-xoa tin tưởng Thế Tôn.
- Bạch Thế Tôn, **nhưng phần lớn các Dạ-xoa không tin tưởng Thế Tôn. Vì sao vậy?** Bạch Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp để từ bỏ sát sanh, thuyết pháp để từ bỏ trộm cắp, thuyết pháp để từ bỏ tà dâm, thuyết pháp để từ bỏ nói láo, thuyết pháp để từ bỏ không uống các loại rượu. Bạch Thế Tôn, tuy vậy phần lớn các Dạ-xoa đều không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cắp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói láo, không từ bỏ uống các loại rượu. Đối với họ, Pháp ấy không được ưa thích, không được đón mừng.
- Bạch Thế Tôn, có những đệ tử của Thế Tôn, sống trong chốn thâm sâu cùng cốc, ít tiếng, ít

động, có gió mát từ ngoài đồng thổi, che dấu không cho người thấy, thích hợp tịnh tu. Tại chỗ ấy, có những thượng phẩm Dạ-xoa không tin tưởng lời dạy Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hãy học chú Atànàtiyarakkha (A-sá-nang-chi Hộ Kinh) để họ được lòng tin, để các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa.

Thế Tôn im lặng chấp thuận.

3. Rồi đại vương Vessavana, biết được Thế Tôn đã chấp thuận, trong giờ phút ấy, đọc lên **bài Atànàtiya Hộ Kinh**:

- *Đảnh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi),
Sáng suốt và huy hoàng!*
- *Đảnh lễ đấng Sikhi (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài!*
- *Đảnh lễ Vessabha (Tỳ-xá-bà),
Thanh tịnh, tu khổ hạnh!*
- *Đảnh lễ Kakusandha (Câu-lâu-tôn),
Vị nhiếp phục ma quân!*
- *Đảnh lễ Konàgamana, (Câu-na-hàm)
Bà-la-môn viên mãn!*
- *Đảnh lễ Kassapa (Ca-diếp),
Vị giải thoát muôn mặt!*
- *Đảnh lễ Angirasa,*

**Vị Thích tử huy hoàng,
Đã thuyết chơn diệu pháp,
Diệt trừ mọi khổ đau!**

Ai yếm ly thế giới,
Nhìn đời đúng như chơn,
Vị ấy không hai lỗi,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
- Cùng đánh lễ Gotama,
Lo an lạc Nhơn Thiên
Trì giới đức viên mãn!
Bậc vĩ đại thanh thoát!

4.

Mặt trời sáng mọc lên,
Vầng thái dương tròn lớn,
Khi mặt trời mọc lên,
Đêm tối liền biến mất.

Khi mặt trời mọc lên
Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu.
Ở đây mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy
Là phương Purimà, **(phương Đông).**

Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ loài Càn-thát-bà,
Danh gọi **Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương)**.

Càn-thát-bà hầu quanh,
Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhor cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".

Họ được gọi Peta,
 Nói hai lưỡi, sau lưng,
 Sát sanh và tham đắm,
 Đạo tặc và man trá,
 Dân chúng gọi phương ấy,
 Là **phương Dakkhinà (phương Nam).**

Vị trị vì phương ấy,
 Bạc đại vương, danh xưng,
 Chủ loài Kumbhanda (Cưu-bàn-trà)
Danh gọi Virùlhaka (Tỳ-lâu-lặc).

Kumbhanda hầu quanh,
 Hưởng múa hát của họ.
 Vua này có nhiều con,
 Ta nghe chỉ một tên,
 Tám mươi và mười một,
 Đại lực, danh Inda.
 Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
 Thuộc giòng họ mặt trời.
 Từ xa, họ lễ Phật,
 Bạc vĩ đại thanh thoát.
 "Đánh lễ bậc Siêu Nhân!
 Đánh lễ bậc Thượng nhân!
 Thiện tâm nhìn chúng con,
 Phi nhor cũng lễ Ngài".
 Đã nhiều lần, nghe hỏi,

*Nên đánh lễ như vậy,
"Quý vị xin đánh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đánh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đánh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".*

6.

***Mặt trời sáng lặn xuống,**
Vàng thái dương trong lớn.
Khi mặt trời lặn xuống.
Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống,
Liền được gọi là đêm.
Biển cả hải triều động,
Như hồ nước thâm sâu,
Ở đây mọi người biết,
Chính biển cả hải triều,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương **Pacchimà (phương Tây).**
Vị trí vì phương ấy,
Bậc đại vương, danh xưng.
Chủ các loài Nàgà,
Danh Virùpakka (Tỳ-lâu-bác-xoa).
Loài Nàgà hầu quanh,*

*Hưởng múa hát của họ.
Vua này có nhiều con,
Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nơon cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".*

7.

Bắc Lô Châu (Uttarakurù) an lạc
Đại Neru (Tu-di) đẹp đẽ.
Tại đây, mọi người sống

*Không sở hữu, chấp trước.
Họ không gieo hột giống,
Không cần phải kéo cày.
Loài người được thọ hưởng
Lúa chín khỏi nhọc công.
Loại gạo không cám trấu,
Thanh tịnh có hương thơm,
Được nấu chín trên đá,
Và họ ăn gạo ấy.
Chỉ cõi loài bò cái,
Đi phương này phương khác.
Chỉ dùng các loài thú
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn bà kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo,
Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo,
Đi phương này phương khác.
Họ lên trên các xe,
Đi khắp mọi phương hướng,
Để phục vụ vua mình.
Họ cỡi xe voi kéo,
Xe ngựa, xe chur Thiên,
Đối với vua danh xưng,*

*Có lâu đài, có kiêu,
Nhiều thành phố của vua,
Được xây giữa hư không.
Các thành Atànàtà,
Kusinàtà, Parakusinàtà, Nàttapuriyà,
Parakusitannàtà
Kapivanta thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác,
Như Janogha, Navanavatiya,
Ambara, Ambaravatiya,
Alakamandà,
Là kinh đô của vua,
Chỗ Kuvera ở.*

Vị vua đáng kính này,

Kinh đô tên Visàrà.

Do vậy Kuvera,

Được danh Vessavana.

*Các sứ quán được tên:
Tatolà, Tattalà, Tatotalà,
Ojasi, Tejasi, Tatojasi,
Vua Sùra, Arittha, Nemi.
Đây có vùng nước lớn,
Từ đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanì.
Tại đây mưa đổ xuống,
Được tên Dharanì.
Tại đây có giảng đường,*

Tên Bhagalavati,
Chỗ Dạ-xoa tập hội.
Tại đây nhiều cây trái,
Trên cây chim tụ họp,
Các loại công, loại cò,
Diệu âm chim Kokilà,
Ở đây, chim Jiva,
Kêu tiếng "Hãy sống đi",
Và tiếng chim kêu lên,
"Hãy khởi tâm thích thú".
Nhiều loại chim sai khác,
Ở rừng và ở hồ,
Với con vẹt ồn ào,
Và con chim Mynah,
Các loại chim thần thoại,
Gọi là Dandamànavakà.
Hồ sen Kuvera,
Chiếu sáng tất cả trời,
Dân chúng gọi phương ấy,
Là phương Uttarà (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy,
Bậc đại vương danh xưng,
Chủ các loài Dạ-xoa,
Được gọi **Kuvera.**
Các Dạ-xoa hầu quanh,
Hưởng múa hát của chúng.
Vua này có nhiều con,

*Ta nghe chỉ một tên,
Tám mươi và mười một,
Đại lực, danh Inda.
Họ chiêm ngưỡng Thế Tôn,
Thuộc giòng họ mặt trời.
Từ xa, họ lễ Phật,
Bậc vĩ đại thanh thoát.
"Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng nhân!
Thiện tâm nhìn chúng con,
Phi nhơn cũng lễ Ngài".
Đã nhiều lần, nghe hỏi,
Nên đảnh lễ như vậy,
"Quý vị xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ,
Gotama chiến thắng!
Đảnh lễ Gotama,
Bậc trí đức viên mãn".*

8. Tôn giả, **Hộ Kinh Atànàtiya này che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.**

Khi một vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ nào sẽ học Hộ Kinh Atanatiya này một cách chín

chấn, rõ ràng, nếu có loài phi nhân nào, Dạ-xoa, Dạ-xoa-ni, con trai Dạ-xoa, con gái Dạ-xoa, đại thần Dạ-xoa-ni, tùy tùng của Dạ-xoa, hay lao công của Dạ-xoa; hoặc Càn-thát-bà... hoặc Cưu-bàn-trà (Kumbhanda)... hoặc Nàga... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ khi vị này đi; đứng gần, khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, thời này Tôn giả, vị phi nhân ấy trong làng hay trong đô thị sẽ không được ai đón mừng hay kính trọng. Nay Tôn giả, phi nhân ấy, trong kinh đô Alakamada của Ta sẽ không tìm được đất đai hay chỗ ở. Vị phi nhân ấy sẽ không được đi dự hội giữa các Dạ-xoa. Nay Tôn giả, vị phi nhân ấy sẽ không được cưới hỏi. Nay Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dùng những lời nói hỗn láo xác xược đối với vị ấy. Nay Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ dìm đầu vị ấy xuống. Nay Tôn giả, các hàng phi nhân sẽ chẻ đầu vị ấy ra làm bảy mảnh.

9. Nay Tôn giả, có hàng phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Chúng không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Nay Tôn giả, các phi nhân này được xem là thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, như các đại tướng cướp vua xứ Magadha bị chinh phục. Cũng vậy, các vị này không nghe lời các vị đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần của các vị đại vương. Này Tôn giả, các vị đại tướng cướp này được xem là kẻ thù nghịch của vua xứ Magadha. Cũng vậy, này Tôn giả, có những vị phi nhân hung bạo, dữ tợn, khủng khiếp. Các vị này không nghe lời các đại vương, không nghe lời đình thần của các vị đại vương, không nghe lời các vị giúp việc cho các đình thần các vị đại vương. Này Tôn giả, các vị phi nhân này được xem là kẻ thù nghịch của các bậc đại vương.

Này Tôn giả, nếu có vị phi nhân nào, Dạ-xoa hay Dạ-xoa-ni nào... đi theo vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ hay Nữ cư sĩ khi vị này đi, đứng gần khi vị này đứng; ngồi khi vị này ngồi; nằm khi vị này nằm với tâm niệm độc ác, vị này hãy nói lên, kêu lên, van lên với các những vị Dạ-xoa ấy, đại Dạ-xoa ấy, quân sư, đại quân sư ấy: "*Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra*".

10. Những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sư, đại quân sư nào được kêu gọi ở đây:

*Inda, Soma, và Varuna,
Bhàradvaja, Pajàpati,
Candana, Kàmasettha,
Kinnughandu, Nighandu,
Panàda và Opamanna,
Devanita và Matali,
Cittasena và Gandhabba.
Vua Nala, Janesabha,
Sàtàgira Hemavata,
Punnuaka, Karatiya, Gula,
Sivakat và Mucalinda
Vessàmitta, Yugandhara,
Gopàla và Suppagedha,
Hirì, Settì và Mandiya,
Pancàla Canda, Alavaka,
Pajjunna, Sumana, Sumukha,
Dadhimukha Mani Mànicara, Dìgha,
Atha và Serissaka.*

Những vị này là những Dạ-xoa, đại Dạ-xoa, quân sư, đại quân sư cần phải được nói lên, kêu lên, van lên: "Dạ-xoa này bắt tôi, Dạ-xoa này tấn công tôi, Dạ-xoa này đả thương tôi, Dạ-xoa này hại tôi, Dạ-xoa này làm hại tôi, Dạ-xoa này không thả tôi ra".

11. Nay Tôn giả, đây là Hộ Kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ngăn không cho ai làm hại các Tỷ-kheo, Tỷ-

kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ và khiến các vị này sống an lạc.

- Thừa Tôn giả, nay chúng tôi cần phải đi, chúng tôi có nhiều việc, có nhiều bổn phận.

- Đại vương, Đại vương hãy làm điều gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Rồi bốn vị đại vương, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi biến mất tại đấy.

Các vị Dạ-xoa ấy, từ chỗ ngồi đứng dậy, có vị đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên những lời hỏi thăm xã giao với Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị chấp tay hướng đến Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ; có vị nói lên tên họ của mình rồi biến mất tại chỗ; có vị im lặng biến mất tại chỗ.

12. Rồi Thế Tôn sau khi đêm đã mãn, liền gọi các vị Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, khi hôm, Bốn vị đại vương cùng với đại quân sư Dạ-xoa:

*"Đánh lễ Vipassi (Tỳ-bà-thi)
Sáng suốt và huy hoàng;*

*Đảnh lễ đáng Sikhi, (Thi-khí)
Có lòng thương muôn loài...*

Này Tôn giả, đó là hộ kinh Atànàtiyà che chở, hộ trì, ... (như trên) ... rồi biến".

13. Này các Tỷ-kheo, hãy học Hộ Kinh Atànàtiyà này, hãy thuộc lòng Kinh Atànàtiyà này. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Nam cư sĩ, Nữ cư sĩ được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi ai làm hại, được sống thoải mái hạnh phúc.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ thọ trì lời dạy Thế Tôn.

50 Phương Đông, Tây, Nam, Bắc - Kinh XÀ-NI-SA – 18 Trường II, 53

KINH XÀNISA
(*JANAVASABHA SUTTANTA*)
– Bài kinh số 18 – Trường II, 53

I

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Nàdika (bộ lạc Na-đề-ca) tại Ginjakàvasatha (nhà làm bằng gạch). Lúc bấy giờ, Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của những tín đồ đã sống, đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh như bộ lạc Kàsi (Ca-thi), Kosala (Câu-tát-la), Vajjì (Bạt-kỳ), Malla (Mạt-la), Ceti (Chi-đề), Vansa (Bạt-sa), Kuru (Câu-lâu), Pancàla (Ban-giá-la), Maccha (Bà-sá-la) Sùrasena (Mậu-ba-tây-na):

- Vị này sanh ra tại chỗ này! Vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdika đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở

Nàdikà, đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ tận diệt khổ đau. Hơn năm trăm vị Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung, với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác.

2. Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sinh của những tín đồ đã từ trần và đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sinh ra tại chỗ này. Vị kia sinh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (Thiên giới) từ đó nhập niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy, lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

3. Tôn giả Ananda được nghe: " Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sinh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, mallà, Ceti, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn 50 vị tín đồ Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được đoạn trừ, được hóa sanh (thiên giới) từ đó nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nādikā đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được diệt trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nādikā được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc".

4. Rồi tôn giả Ananda suy nghĩ: " Nhưng ở tại Magadha (Ma-kiệt-đà), có nhiều tín đồ đã tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga (Ương-già) và Magadha đều trống không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp và tin tưởng Tăng, và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và sự mệnh chung của họ.

Lành thay nếu gọi được một câu trả lời về họ, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại có vua Seniya Bimbisàra (Tu-ni-du Tần-bà-sa) xứ Magadha sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như pháp, dùng chánh pháp trị nước, đã làm cho chúng ta sung sướng, vị này mệnh chung. Chúng ta đã sống thật hạnh phúc dưới thời vua sống như Pháp và dùng Chánh pháp trị nước này. Vị vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay, nếu gọi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin và từ đó được sanh lên thiện giới. Lại nữa Thế Tôn chứng quả Bồ-đề tại Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bồ-đề ở Magadha thì sao Ngài lại không nói đến về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha? Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha thì các vị này sẽ đau buồn và nếu các vị này đau buồn thì sao Thế Tôn có thể không trả lời được? "

5. Sau khi đã suy nghĩ một mình, yên lặng, vì các tín đồ ở Magadha, tôn giả Ananda sáng hôm sau thức dậy đến tại chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn con có nghe: Thế Tôn thường hay tuyên bố về vấn đề tái sinh của những tín đồ đã từ trần, đã mệnh chung trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc Kàsi, Kosala, Vajjì, Malla, Ceit, Vamsa, Kuru, Pancàla, Macchà, Sùrasena: " Vị này sanh ra tại chỗ này, vị kia sanh ra tại chỗ kia. Hơn năm mươi vị tín đồ ở Nàdikà đã mệnh chung với năm hạ phần kiết sử đã được nhập Niết-bàn không còn trở lại đời này nữa. Hơn chín mươi vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, với tham, sân, si được giảm thiểu, chứng quả Nhất Lai, sau khi trở lại đời này một lần nữa sẽ diệt tận khổ đau. Hơn năm trăm vị ở Nàdikà đã từ trần, đã mệnh chung với ba kiết sử đã được đoạn trừ, chứng quả Dự lưu, nhất định không đọa ác đạo, đạt đến Chánh Giác ". Các vị tín đồ ở Nàdikà được nghe Thế Tôn hỏi đáp như vậy lấy làm hoan hỷ, tín thọ, an lạc.

6. Bạch Thế Tôn, nhưng ở tại Magadha có nhiều tín đồ này tu hành lâu ngày và đã từ trần, mệnh chung, nhiều đến nỗi người ta tưởng hai xứ Anga và

magadha đều trông không vì số tín đồ từ trần mệnh chung. Những vị này tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ. Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của họ. Lành thay nếu gọi được một câu trả lời về họ, và như vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên Thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại có vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha, sống như Pháp, dùng Chánh pháp trị nước, có lòng thương tưởng các vị Bà-la-môn, Gia chủ, dân chúng thị thành và dân chúng thôn quê. Vua này được dân chúng xưng tán như sau: " Vị vua sống như Pháp, và dùng Chánh pháp cai trị nước này. Vị Vua này cũng tin tưởng Phật, tin tưởng Pháp, tin tưởng Tăng và giới luật đầy đủ ". Và dân chúng cũng nói: " Cho đến khi mệnh chung, vua Seniya Bimbisàra xứ Magadha luôn luôn tán dương Thế Tôn ". Nhưng Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của vị vua này. Lành thay nếu gọi được câu trả lời về vị vua này, nhờ vậy nhiều người sẽ khởi lòng tin, và từ đó được sanh lên thiên giới. Bạch Thế Tôn, lại nữa Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha. Thế Tôn đã chứng quả Bò-đề ở Magadha, thời sao Ngài không nói về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha. Nếu Thế Tôn không nói gì về sự từ trần và mệnh chung của các tín đồ ở Magadha, thời các vị này sẽ đau buồn, và nếu các vị này đau buồn thời sao Thế Tôn có thể không

thể trả lời được?

Tôn giả Ananda, vì các tín đồ ở Magadha, sau khi đã trình lên trước Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ ra đi.

7. Sau khi tôn giả Ananda đi ra không bao lâu, Thế Tôn liền đắp y vào buổi sáng, tay cầm y bát, đi vào Nàdikà để khát thực. Khi khát thực ở Nàdikà xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực về và rửa chân, Ngài vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ, tư duy chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào? " Thế Tôn thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, sau khi tịnh niệm, bước ra khỏi ngôi nhà bằng gạch, rồi ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, dưới bóng ngôi nhà.

8. Rồi Tôn giả Ananda đến tại chỗ Thế Tôn ở, lúc đến xong, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngó thật là an tịnh; diện sắc của Thế Tôn như là sáng chói nhờ các căn thật sự thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hôm nay an

trú có được hoan hỷ không?

9. - Nay Ananda, sau khi Thầy, vì các tín đồ ở Magadha đã nói trước mặt Ta như vậy và đứng dậy ra về, Ta đi khát thực ở Nādikā xong, sau bữa ăn, khi đi khát thực về và rửa chân, Ta vào ngôi nhà bằng gạch, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: " Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các vị Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào? " Rồi Ta thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các Hiền nhân tín đồ ở xứ Magadha này. Nay Ananda, lúc bấy giờ một vị Dạ-xoa (Yakkha) ân mình lớn tiếng nói rằng: " Bạch Thế Tôn, con tên là Janavasabha. Bạch Thiện Thệ, con là Janavasabha ". *Nay Ananda, Ngươi từ trước đã từng được nghe ai tên là Janavasabha (Xà-ni-sa) chưa?*

- Bạch Thế Tôn, còn từ trước chưa từng được nghe ai tên Janavasabha. Bạch Thế Tôn, khi con nghe tên Janavasabha, con có cảm giác râu tóc bị dựng ngược, Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: " Vị Dạ-xoa này không phải là hạng tầm thường, vì đã mang tên Janavasabha ".

10. - Nay Ananda, khi những lời ấy được nói xong, vị Dạ-xoa ấy hiện ra trước mặt Ta, nhan sắc thật phi

thường và lần thứ hai, vị ấy nói:

“ – Bạch Thế Tôn, con là Bimbisàra! Bạch Thiện Thệ, con là Bimbisàra! Bạch Thế Tôn, **nay là lần thứ bảy** con được sanh vào dòng họ vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên Vương). Con chết đi trong địa vị làm vua ở nhơn gian, nay được sanh trên thiên giới, làm bậc phi nhân.

*Từ đây đến bảy lần,
Từ kia đến bảy lần,
Mười bốn lần tái sanh,
Như vậy con biết được,
Đời quá khứ của con.*

Bạch Thế Tôn, từ lâu con không còn đọa lạc vào ác thú vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

« - Thật hy hữu thay, Hiền giả Dạ- xoa Janavasabha! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả Dạ - xoa Janavasabha đã nói với Ta: « Bạch Thế Tôn, đã lâu con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai ». *Do nguyên nhân gì, Hiền giả Dạ-xoa Janavasabha tự biết mình đã đạt được địa vị cao thượng, thù thắng như vậy? »*

11. « - Bạch Thế Tôn, không gì khác ngoài giáo lý

của Ngài! Bạch Thiện Thệ, không gì khác ngoài giáo lý của Ngài! Từ khi con nhất hướng quy y và tín ngưỡng Thế Tôn, từ khi ấy con không còn đọa lạc vào ác thú, vì con đã hiểu được ác thú, và nay con muốn trở thành bậc Nhất Lai.

Bạch Thế Tôn, con được vua Vessavana (Tỳ sa môn Thiên vương) nhờ con đi đến vua Virùlhaka (Tăng Trưởng thiên vương) có chút công việc, giữa đường con thấy Thế Tôn vào ngôi nhà bằng gạch suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở Magadha: "Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của họ, vận mạng của họ. Các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng thế nào?"

Bạch Thế Tôn! Không thể kỳ diệu sao được khi con đối mặt tự thân nghe từ miệng vua Vessavana nói với hội chúng của mình, các Hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mệnh như thế nào? Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: "Ta sẽ đến yết kiến Thế Tôn! Ta sẽ đề cập vấn đề với Thế Tôn!". Bạch Thế Tôn, đó là hai nguyên nhân khiến con đến yết kiến Thế Tôn!

12. " Bạch Thế Tôn, trong những ngày xưa, những ngày xa xưa, nhân **đêm trăng rằm Bồ-tát** (Uposatha) **trong tháng nhập an cư mùa mưa**, toàn thể chư Thiên ở cõi Tàvatimsà (Tam thập tam thiên)

ngồi họp hội tại Thiện Pháp đường (Sudhamma). Xung quanh có Đại Thiên chúng ngồi khắp mọi phía, tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi.

- Đại vương **Dhatarattha (Trì Quốc Thiên vương)** vua ở phương Đông, ngồi xây mặt hướng Tây, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virùlhaka (Tăng Trưởng Thiên vương)**, vua ở phương Nam ngồi xây mặt hướng Bắc, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Virùpakkha (Quảng Mục Thiên vương)** vua ở phương Tây, ngồi xây mặt hướng Đông, trước mặt Thiên chúng.
- Đại vương **Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương)**, vua ở phương bắc, ngồi xây mặt hướng Nam, trước mặt Thiên chúng.

Bạch Thế Tôn, khi nào toàn thể chư Thiên ở cõi Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiện Pháp đường xung quanh có Đại thiên chúng ngồi khắp mọi phía, và tại bốn phương hướng có bốn vị đại vương ngồi, như vậy là thứ tự chỗ ngồi của những vị này, rồi đến chỗ ngồi của chúng con.

Bạch Thế Tôn, **chư Thiên nào trước sống Phạm hạnh**

theo Thế Tôn và nay nếu sanh lên cõi Tam thập tam thiên, những vị này thắng xa chư Thiên khác về thân sắc và danh tiếng. Bạch Thế Tôn chư Thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh: "Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt".

13. "Bạch Thế Tôn, lúc bấy giờ Thiên chủ Đê thích (Sakka Inda) thấy chư thiên ở Tam thập tam thiên hoan hỷ, liền tùy hỷ nói lên bài kệ như sau:

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đê-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh,
Nay sanh tại cõi này.*

*Họ thắng về quang sắc,
Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

Chư Tam thập tam thiên,

*Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đánh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

" Bạch Thế Tôn, chư Thiên ở Tam thập tam thiên lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: " Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt ".

14. " Bạch Thế Tôn, rồi với mục đích gì chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi hội họp tại Thiên Pháp đường, các vị này suy tư thảo luận về mục đích ấy. Và tùy thuộc về mục đích ấy, bốn vị đại vương được thuyết giảng. Theo mục đích ấy, bốn vị đại vương được khuyến giáo, bốn vị này đều đứng một bên chỗ ngồi của mình.

*Các đại vương chấp nhận
Lời giảng dạy khuyến giáo.
Thanh thoát và an tịnh,
Đứng bên chỗ mình ngồi.*

15. " Bạch Thế Tôn, rồi từ phương Bắc, một ánh sáng vi diệu khởi lên, một hào quang hiện ra, trắng xa oai lực của chư Thiên. Bạch Thế Tôn rồi Thiên chủ Sakka nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên: " Nay các Thiên hữu, theo các hiện tượng được thấy, ánh

sáng khởi lên, hào quang hiện ra như vậy báo hiệu Phạm thiên sẽ xuất hiện. Vì hiện tượng báo hiệu Phạm thiên xuất hiện là ánh sáng khởi lên và hào quang hiện ra ".

*Theo hiện tượng được thấy,
Phạm thiên sẽ xuất hiện.
Hiện tượng đáng Phạm thiên,
Là hào quang vi diệu.*

16. " Bạch Thế Tôn, rồi chư Thiên ở Tam thập tam thiên ngồi xuống trên ghế của mình và nói: " Chúng tôi sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ".

Cũng vậy, bốn vị đại vương ngồi xuống trên ghế ngồi của mình và nói: "Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào sau khi được biết, chúng tôi sẽ đi gặp vị ấy ". Sau khi nghe vậy, chư Thiên ở Tam thập tam thiên đều đồng một lòng một ý: " Chúng ta sẽ tìm hiểu hậu quả của hào quang này là thế nào, sau khi được biết, chúng ta sẽ đi gặp vị ấy ".

17. " Bạch Thế Tôn, khi **Phạm thiên Sanamkumāra (Thường Đồng hình Phạm thiên)** xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, ngài xuất hiện với một hóa tướng thô xấu.

Bạch Thế Tôn, vì khi Phạm thiên tự nhiên hiện hóa, sắc tướng không đủ thù thắng để chư Thiên ở Tam thập tam thiên khâm phục.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, **như một hình tượng bằng vàng chói sáng** hơn thân hình con người, cũng vậy bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra hiện ra trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, vị này thắng xa chư Thiên khác về sắc tướng và danh xưng.

Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện trước chư Thiên ở Tam thập tam thiên, không một vị Thiên nào trong chúng này đánh lễ, đứng dậy hoặc mời vị Phạm thiên ngồi. Tất cả đều yên lặng, chấp tay, không ngồi trên chỗ ngồi của mình và nghĩ: "Nay, nếu Phạm thiên Sanamkumàra muốn gì với vị Thiên nào, thời hãy ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên ấy ". Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, như vị vua Sát-đế-ly vừa mới làm lễ quán đảnh và lên vương vị, vị ấy sẽ vô cùng sáng khoái, vô cùng hoan hỷ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, Phạm thiên

Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) ngồi trên chỗ ngồi của vị Thiên nào, vị Thiên ấy sẽ vô cùng sáng khoái, sẽ vô cùng hoan hỷ.

18. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra xuất hiện với hình tượng thô xấu, **hiện thành một đồng tử tên là Pancasikha (Ngũ Kế)** trước mặt chư Thiên ở Tam thập tam thiên. Bay bổng lên trời, vị này ngồi kiết-già giữa hư không. Bạch Thế Tôn, như một vị lực sĩ ngồi kiết-già trên một chỗ ngồi được trải bằng phẳng hay trên một mặt đất phẳng bằng, cũng vậy bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra bay bổng trên trời, ngồi kiết-già trên hư không, thấy được sự an tịnh của chư Thiên ở Tam thập tam thiên liền nói lên sự hoan hỷ của mình bằng bài kệ sau đây:

*Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

*Thấy Thiên chúng tân sanh
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm hạnh
Hay sanh tại cõi này.*

Chúng thắng về quang sắc

*Thọ mạng và danh xưng,
Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.*

*Chư Tam thập tam thiên
Cùng Đế-thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai
Cùng Chánh pháp vi diệu.*

19. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung lời nói của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, **tiếng nói của Phạm thiên Sanamkumàra có tám đặc điểm sau đây: lưu loát, dễ hiểu, dịu ngọt, nghe rõ ràng, sung mãn, phân minh, thâm sâu và vang động.** Bạch Thế Tôn, khi Phạm thiên Sanamkumàra giải thích cho hội chúng với tiếng nói của mình, tiếng nói không vượt ra khỏi đại chúng. Bạch Thế Tôn, một tiếng nói có tám đặc điểm như vậy gọi là **Phạm âm.**

20. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra, tự hiện hóa ba mươi ba hóa thân, mỗi thân ngồi kiết già trên mỗi chỗ ngồi của chư Thiên ở Tam thập tam thiên và nói với chư Thiên, này như sau:

◎ "- Này Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, Quý

vị nghĩ thế nào? Thế Tôn phục vụ cho hạnh phúc chúng sanh, an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người.

☞ Chư Thiên hữu, những ai **quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và giữ trọn giới luật**, những vị này khi thân hoại mệnh chung:

- Một số được sanh lên Thiên chúng Parinimiitta-Vasavati (Tha Hóa Tự tại thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Nimmànaratì (Hóa Lạc thiên);
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tusitā (Đâu-suất thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Yàmà (Dạ-ma-thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Tà-vatimsà (Tam thập tam thiên),
- Một số được sanh lên Thiên chúng Catumàràjikà (Tứ Thiên vương thiên),
- Những ai phải điền vào cho đủ số hạ phẩm nhất được sanh vào chúng Gandhabba (Càn-thát-bà).

21. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra. Bạch Thế Tôn, giọng nói của Phạm thiên Sanamkumàra về vấn đề này được nói một cách khiến mỗi vị Thiên nghĩ rằng: " Vị ngồi trên chỗ ngồi của ta, chỉ vị ấy nói mà thôi ".

*Chỉ một Phạm thiên nói,
Mọi hóa thân đều nói,
Chỉ một vị im lặng,
Tất cả đều im lặng.*

*Chư Tam thập tam thiên,
Cùng Đế-thích nghĩ rằng:
Chỉ vị ngồi chỗ ta,
Chỉ vị ấy riêng nói.*

22. " Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra thâu nhiếp tất cả thân thành một thân, sau khi thâu nhiếp, liền ngồi trên chỗ ngồi của Thiên chủ Sakka và nói với Thiên chúng ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? **BỐN PHÁP THẦN TỨC** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Cháng Đăng Giác, khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thực, để thần thông được thi thiết.

Thế nào là bốn? Ở đây, vị Tỷ-kheo tu tập thần túc, câu hữu dục, thiền định tinh cần hành... tinh tấn thiền định... tâm thiền định... tu tập thần túc, câu hữu với tư duy thiền định, tinh cần hành.

Bốn pháp thần túc này đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác khéo léo giải thích để thần thông được sung mãn, để thần thông được thuần thực, để thần thông được thi thiết.

Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều sẽ tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này. Này các Thiện hữu, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại thưởng thức thần túc thông dưới một hay nhiều hình thức, tất cả đều tu tập và phát triển bốn pháp thần túc này.

Này chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị có thấy ở nơi tôi thần lực như vậy không?

" - Có như vậy, Phạm thiên!

" - Chư Thiện hữu, tôi nhờ tu tập và phát triển bốn

thần túc này mà nay thành tựu đại thần lực như vậy, đại uy đức như vậy.

23. "Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ "- Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, quý vị nghĩ thế nào? **BA CON ĐƯỜNG TẮT** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ. Thế nào là ba?

→ " Chư Thiên hữu, ở đây có người thân cận dục lạc, thân cận bất thiện pháp. Sau một thời gian, vị này được nghe **Thánh pháp**, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Và khi **nghe được Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp** và tùy pháp vị này sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp.

→ Nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiên hữu,

như từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy, Chư thiện hữu nhờ sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ nhất hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

24. " Chư Thiện hữu, lại nữa:

→ Ở đây có người thân hành thô lậu, chưa được an tịnh, khẩu hành thô lậu... ý hành thô lậu chưa được an tịnh, sau một thời gian vị này được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành thô lậu của vị này... ý hành thô lậu của vị này được an tịnh.

→ Nhờ thân hành, khẩu hành, ý hành thô lậu của vị này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên. Chư Thiện hữu, nhờ từ thoải mái, hỷ duyệt sanh, cũng vậy chư Thiện hữu, nhờ thân hành thô lậu của vị này được an tịnh, khẩu hành... ý hành thô lậu của vị

này được an tịnh, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiện hữu, đó là con đường tắt thứ hai hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác Chứng ngộ.

25. " Chư Thiện hữu, lại nữa:

→ Ở đây có người **không như thật biết**: "Đây là **thiện**", không như thật biết: "Đây là bất thiện", không như thật biết: "Đây là có tội", "Đây là không tội ", "Đây là hạ liệt ", "Đây là cao thượng ", "Đây là đen trắng đồng đều ". Sau một thời gian, vị này được nghe Thánh pháp, **như lý tác ý**, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp.

→ Sau khi được nghe Thánh pháp, như lý tác ý, chứng đắc Chánh pháp và tùy pháp, vị này như thật biết: "Đây là thiện", như thật biết: "Đây là bất thiện", như thật biết: "Đây là có tội", "đây là không tội", "đây cần phải thuận theo", "đây cần phải né tránh", "đây là hạ liệt", "đây là cao thượng", "đây là đen trắng đồng đều".

→ Nhờ biết như vậy, **nhờ thấy như vậy, vô minh của vị này được trừ diệt, minh được sanh**

khởi. Vị này nhờ vô minh được trừ diệt và minh sanh khởi, nên an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

→ Chư Thiên hữu, đó là con đường tắt ba hướng đến an lạc, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

"Chư Thiên hữu, **đó là ba con đường tắt** hướng đến an lạc đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

26. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiên hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào? **BỐN NIỆM XÚ** hướng đến chư thiên đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ.

Thế nào là bốn? Chư Thiên hữu, ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh

niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

→ Nhờ sống quán thân trên nội thân vị này được **chánh định và chánh an tịnh.**

→ Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, **tri kiến được sanh khởi đối với các thân khác ngoài tự thân.**

Vị Tỷ-kheo sống quán các cảm thọ từ nội thân... quán tâm...quán pháp đối với các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhờ sống quán pháp đối với các pháp, tâm được chánh định và chánh an tịnh. Nhờ tâm chánh định và chánh an tịnh ở nơi đây, tri kiến được sanh khởi, đối với các pháp khác.

" Chư Thiên hữu, **BỐN NIỆM XÚ** này hướng đến **CHƠN THIỆN** đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ ".

27. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, sau khi nói xong, Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

◎ " - Chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên, Quý vị nghĩ thế nào về **BẢY PHÁP ĐỊNH TƯ LƯƠNG** (Sa-màdhi-parikkhàra) **để tu hành chánh định, để kiện toàn thiền định**, đã được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác chứng ngộ?

▶ Thế nào là bảy? Như chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

▶ Chư Thiện hữu, **nhứt cảnh tánh của tâm do bảy chỉ này sửa soạn, được gọi là *Thánh chánh định cùng với các y chỉ và cùng với các tư lương.***

- Chư Thiện hữu, chánh tư duy **vừa đủ** để chánh tri kiến sanh khởi,
- Chánh ngữ vừa đủ để chánh tư duy sanh khởi,
- Chánh nghiệp vừa đủ để chánh ngữ sanh khởi,
- Chánh mạng vừa đủ để chánh nghiệp sanh khởi,
- Chánh tinh tấn vừa đủ để chánh mạng sanh khởi,
- Chánh niệm vừa đủ để chánh tinh tấn sanh

khởi,

- Chánh định vừa đủ để chánh niệm sanh khởi,
- Chánh trí vừa đủ để chánh định sanh khởi,
- Chánh giải thoát vừa đủ để chánh trí sanh khởi.

" Chư Thiện hữu, nếu có người nói lời chánh ngữ sau đây: *"Chánh pháp đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở "*. Nói như vậy là chánh ngữ. Chư Thiện hữu, vì chánh pháp thật sự đã được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người có trí tự mình giác hiểu, cửa bất tử được rộng mở.

" Chư Thiện hữu, **những ai tin tưởng Phật không có thoái chuyển, tin tưởng Pháp không có thoái chuyển, tin tưởng Tăng không có thoái chuyển, đầy đủ giới hạnh khiến bậc Thánh hoan hỷ, tất cả những vị được hóa sanh được Chánh pháp hướng dẫn.** Hơn **hai trăm bốn mươi vạn** vị cư sĩ ở Magadha đã từ trần mệnh chung, những vị này đều diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn đọa vào ác thú, chắc chắn đạt đến chánh giáo. Lại có những **vị Nhất**

lại:

Với hạng chúng sanh này
Ước lường phần công đức.
Không thể ước lượng được
Sợ phạm tội vọng ngữ.

28. " Bạch Thế Tôn, đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra.

Bạch Thế Tôn, được biết nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra, đại vương Vessavana khởi lên suy tư sau đây: ***"Chư Thiện hữu, thật là kỳ diệu! Chư Thiện hữu, thật là hy hữu, được có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, được một con đường đặc biệt như vậy"***.

" Bạch Thế Tôn, Phạm thiên Sanamkumàra tự tâm mình biết được tâm trí của đại vương Vessavana như vậy, liền thưa với đại vương:

" - Đại vương Vessavana nghĩ như thế nào? Trong thời quá khứ đã có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, đã được trình bày một con đường đặc biệt như vậy... Trong thời gian tương lai, sẽ có một Đại sư thù thắng như vậy, một pháp thoại thù thắng như vậy, sẽ được trình bày một

con đường đặc biệt như vậy ".

29. Đó là nội dung câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên.

- Đại vương Vessavana sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Phạm thiên Sanamkumàra nói với chư Thiên ở Tam thập tam thiên, liền nói với chúng của mình.
- Dạ-xoa Janavasabha sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của đại vương Vessavana nói với hội chúng, liền bạch lại với Thế Tôn.
- Thế Tôn sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Dạ-xoa Janavasabha, và sau khi tự mình chứng tri liền nói lại cho tôn giả Ananda.
- Tôn giả Ananda sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của Thế Tôn liền nói lại cho chúng Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ.
- Phạm hạnh này được hưng thịnh, được quảng bá, được truyền rộng cho đại chúng càng ngày càng đông, vì được khéo léo trình bày cho loài Người.

51 Phạm cung trống không - Kinh BA LÊ – 24 Trường II, 269

KINH BA LÊ
– Bài kinh số 24 – Trường II, 269

1. Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Malla (Mạt la), tại Anupiya (A dật di), một thành của bộ lạc Mallà. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực. Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.

2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly xa tử) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói:

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sumakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Nay Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn". **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!**

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông.

"- Nay Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chúng được các pháp thượng nhân thần thông" chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chúng được các pháp thượng nhân thần thông"

chăng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Ngươi: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn chủ Ta, Ta sẽ khiến cho Ngươi chứng được các pháp thượng nhân thần thông; Ngươi cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông." **Này kẻ ngu kia, như vậy thời Ngươi là ai và Ta là ai mà Ngươi nói chuyện từ bỏ.**

Này Sunakkhatta, **Ngươi nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy!

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục

đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta! như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới

sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của thế giới." Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới." Đây kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, **Người nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?**

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, **như vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Người?** Đây kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!

6. "- Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện

Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Nhu vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu." Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Ngươi đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là phước điền tối thượng ở đời". Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Ngươi tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Người biết; này Sunakkhatta Ta tin cho Người biết; sẽ có lời luận bàn về Người như sau: *"Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém".* Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Người như vậy.

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Này Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumu, tại thị trấn của bộ lạc Bumu tên là Uttaraka. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttaraka khát thực. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó** đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, **Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta**

thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không"?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lõa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?"

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại.**

Này Sunakkhatta, lõa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất.

Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bìrana. Nay Sunakkhatta, nếu Người muốn, hãy đến hỏi loa thể Korakkhattiya như sau: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?" Nay Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, loa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến loa thể Korakkhattiya và nói:

" - Này bạn Korakkhattiya, Sa-môn Gotama có nói như sau: "Loã thể Korakkhattiya sau bảy ngày trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana". Nay Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo."

Này Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày. Nhưng nay Bhaggava, loa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sanh thuộc loại Kàlakanjā, một

trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana.

9. Nay Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lõa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Birana." Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Birana tại nghĩa địa, đến lõa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Nay bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Nay Bhaggava, lõa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Nay bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kàlakanjā, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngựa xuống.

10. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lõa thể Korakkhattiya, có phải sự

việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con lẽ lỏa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Này Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesàli (Tỳ xá lý), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Kandaramasuka** ở tại Vesàli được

sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji. **Vị này có phát nguyên tuân theo bảy giới hạnh:**

- "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo;
- Trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm;
- Trọn đời ta tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesàli;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesà;
- Ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesàli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu

hỏi; lửa thê Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: *"Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A-la-hán Sa-môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời."*

13. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bahaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: Nay kẻ ngu kia, Ngươi vẫn tự nhận Ngươi là Thích tử không?

- Nay Sunakkhatta, có phải Ngươi đã đi đến lửa thê Kandaramasuka và hỏi câu hỏi? Lửa thê Kandaramasuka khi được Ngươi hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý. Rồi tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A la hán, Sa môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đau khổ lâu đời!"

- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

- Nay kẻ ngu kia, **Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi.** Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lửa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesàli và sẽ chết mất hết cả danh xưng.

Này Bhaggava, lửa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lửa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesàli và bị chết mất hết danh xưng. Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói

với Người về lửa thể Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

- Nay Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Nay kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào"!

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ luật này, như người phải rơi vào đọa xứ địa ngục.

15. Nay Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesàli, rừng

Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, **lỏa thể Patikaputta** sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesàli, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông của mình, nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn,ỏa thể Patikaputta (Ba kê tử) sống ở Vesàli, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở

Vesàli, thường tuyên bố như sau: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, lỡ thê Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ta sẽ bị bể tan.

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thệ hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Người lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói"?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: "Lỡ thê Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời

nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu ông ấy sẽ bị bẻ tan"! Bạch Thế Tôn, **lỗa thể Patikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!**

18. "- Này Sunakkhatta, **Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?**

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Patikaputta: "Lỗa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan". Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lỗa thể Patikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan!"

"- Này Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lỗa thể Patikaputta: "Lỗa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị bẻ tan." Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lỗa thể Patikaputta không có thể đến gặp mặt

Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan". **Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.** Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: *"Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục,"* **Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có tầm quý.** Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không nói sự thật! Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Này Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lừa thể Pàtikaputta. Lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lừa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông nghĩ rằng

ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesàli, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Ngươi muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesàli để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Vesàli, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Và chỗ nào có những Bà la môn có địa vị, những gia

chủ giàu sang, các Bà la môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết: "- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pàtikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đi đến vườn của Pàtikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta." Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, lỏa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ

Tindukkhànu.

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lỗa thể Pàtikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp lỗa thể Pàtikaputta và nói như sau: "Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần

thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần. "Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!".

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhanu, gặp lõa thể Pàtikaputta, sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pàtikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lõa thể Pàtikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến". Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lõa thể Pàtikaputta:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta sao lại như vậy? Hình

như mộng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mộng của Hiền giả?

"- Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến." Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Nay Bạn, tôi sẽ đến; nay Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, **khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy. Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ

bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

II

1. Nay Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lửa thề Pàtikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt lửa thề Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Nay bạn Pàtikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà la môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Ba la môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Nay Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần". Nay Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn

Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Ngày Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỗa thể Pàtikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". Ngày Hiền giả Pàtikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Ngày Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Ngày Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lỗa thể Pàtikaputta:

"- Ngày Hiền giả Pàtikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Ngày Bhaggava, khi được nói vậy, lỗa thể Pàtikaputta tuy nói: "Ngày Bạn, tôi sẽ đến; ngày Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Nay Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lỏa thể Pàtikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lỏa thể Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pàtikaputta với dây thừng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy. Lỏa thể Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Nay Bhaggava, lúc ấy Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lỏa thể Pàtikaputta đến Hội chúng này hay

không?"

Này Bhggava, rồi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti đi đến vườn các du sĩ Tindukkhànu, gặp mặt Lỏa thê Pàtikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pàtikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesàli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần." Này Hiền giả Pàtikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả. Này Hiền giả Pàtikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thê Pàtikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy... Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan". **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột Lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".**

Này Hiền giả Pàtikaputta hãy đến. **Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm**

cho Sa môn Gotama thất bại."

5. Nay Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti nói với lỏa thể Pàtikaputta:

"- Nay Hiền giả Pàtikaputta sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, được nói vậy, lỏa thể Pàtikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Nay Bhaggava, khi Jàliya, đệ tử của Dàrupatti biết được lỏa thể Pàtikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy,

liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pàtikaputta, **thuở xưa con sư tử vua các loài thú** suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pàtikaputta, **có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt. Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp**

bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyệt lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, đuổi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. **Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng. Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?**

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

8. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lõa thể Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Chó rừng nhìn tự thân,
Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rừng,*

*Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy, này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta dê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

*Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng dê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?*

"Cũng vậy này Hiền giả Pàtikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch

thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác. Bọn Pàtikaputta đề tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jàliya, đệ tử của Dàrupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lỏa thê Pàtikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lỏa thê Pàtikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, **Ta nói với hội chúng ấy:**

"- Nay các Hiền giả, lỏa thê Pàtikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan. **Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thê Pàtikaputta với dây thùng và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pàtikaputta sẽ bứt đứt dây thùng ấy. Lỏa thê Pàtikaputta không có thể**

không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp. Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ, Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây ta la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây ta la, khiến cho cháy sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, này Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lửa thể Pàtikaputta, đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?"

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa

thể Pàtikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?"

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện."

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Ngươi lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Ngươi như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ pháp luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Nay Bhaggava, **Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không**

rơi vào lầm lỗi.

→ Nay Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. **Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:**

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, **thế giới này chuyển**

hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua **Àbhassara (Quang Âm thiên)** ở tại đây, những loài hữu tình nào do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

- Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.
- Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"
- Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua

Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia. Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, **vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng:** *"Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này".*

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: *"Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hoá sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh sau"*.

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn.

Này các Hiền giả, **sự tình này có thể xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này.** Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. **Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.** Vị ấy nói rằng: "*Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!*"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

Các vị ấy nói như sau: "- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Này Bhaggava:

→ Một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Này các Hiền giả, có những hạng **chư Thiên gọi là Khiddàpadosikà (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc)**. Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu

dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ.

Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói: *"Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này"*. Nay các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do

nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "...

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,...
mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

19.

→ **Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:**

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: - "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được

hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng **chư Thiên** gọi là **Manopadosikà (nhiễm hoặc bởi tâm trí)**. Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ.

Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: *"Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi. Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm*

một mỗi. Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này". Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20.

→ Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà la môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời: "- Vâng".

Ta nói với quý vị ấy: "- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô

nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những **chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình**. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... **nên tâm nhập định**. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "**Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình**". Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời: "- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "

Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa. Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy. Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

21. Này Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa-môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư nguy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo. Sa môn Gotama đã tuyên bố: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*". Nhưng này Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "*Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh*."

Này Bhaggava, *Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"*

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo. Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Này Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai

khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được **thanh tịnh, giải thoát**. Nay Bhaggava, **hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để có thể đạt được thanh tịnh giải thoát, thời Bạch Thế Tôn, **ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

52 Phạm cung trống không - Kinh PHẠM VÕNG – 1 Trường I, 11

KINH PHẠM VÕNG – Bài kinh số 1 – Trường I, 11

1. Như vậy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ràjagaha (Vương Xá) và Nalandà cùng với đại chúng Tỷ-kheo khoảng năm trăm vị. Lúc bấy giờ có Suppiya du sĩ ngoại đạo cũng đi trên con đường giữa Ràjagaha và Nalandà cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Suppiya, du sĩ ngoại đạo dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời hoàn toàn tương phản nhau trong khi đi sau lưng đức Phật và chúng Tỷ-kheo.

2. Rồi Thế Tôn đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với chúng Tỷ-kheo. Suppiya, du sĩ ngoại đạo cũng đến nghỉ một đêm tại Ambalatthikà, nhà nghỉ mát của vua, cùng với đệ tử, thanh niên Brahmadata. Tại đây, du sĩ ngoại đạo

Suppiya cũng dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng, còn người đệ tử của du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata, lại dùng vô số phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò nói những lời tương phản nhau trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

3. Và khi đêm vừa mới tàn, một số lớn chư Tăng, sau khi thức dậy, đã ngồi họp tại một gian nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được bàn đến giữa chư Tăng:

- Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! Này các Hiền giả, thật hy hữu thay! Thế Tôn, đáng Toàn Tri, Toàn Kiến, đáng A-la-hán, bậc Chánh Đẳng Giác, đã thấu hiểu sự xu hướng sai khác của chúng sanh. Suppiya, kẻ du sĩ ngoại đạo này dùng vô số phương tiện hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng. Còn đệ tử du sĩ ngoại đạo Suppiya, thanh niên Brahmadata lại dùng vô số phương tiện, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán Tăng. Như vậy cả hai thầy trò đã nói những lời hoàn toàn tương phản trong khi đi sau lưng Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo.

4. Lúc bảy giờ Thế Tôn được biết câu chuyện đang bàn giữa chư Tăng, liền đến tại gian nhà hình tròn và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống,

Thế Tôn nói với các vị Tỷ-Kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, câu chuyện gì được bàn đến trong khi các người ngồi họp tại chỗ này? Vấn đề gì đã được bỏ dở chưa nói xong?

Nghe nói như vậy, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tại đây, khi đêm vừa mới tàn, chúng con sau khi dậy, ngồi họp tại nơi gian nhà hình tròn và giữa chúng con, câu chuyện sau đây được bàn đến: "Này các Hiền giả, thật kỳ diệu thay! ... (xem số 3). . Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo". Bạch Thế Tôn, đó là câu chuyện đang bàn đến nửa chừng của chúng con khi Thế Tôn đến!

5. - Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người chớ có vì vậy sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người sanh lòng công phần, tức tối, tâm sanh phiền muộn, thời như vậy sẽ có hại cho các người. Nếu có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, và nếu các người công phần và phiền muộn, thời các người có thể biết được lời nói của những kẻ ấy là đúng hay sai lạc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không thể được!

- Nay các Tỷ-kheo, khi có người hủy báng Ta, hủy báng Pháp hay hủy báng Tăng, các người phải nói rõ những điểm không đúng sự thật là không đúng sự thật: - "Nhu thế này, điểm này không đúng sự thật; như thế này, điểm này không chính xác; việc này không có giữa chúng tôi; việc này không xảy ra giữa chúng tôi".

6. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp, hay tán thán Tăng, thời các người không nên hoan hỷ, vui mừng, tâm không nên thích thú. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, mà nếu các người hoan hỷ, vui mừng và thích thú thời sẽ có hại cho các người. Nay các Tỷ-kheo, nếu có người tán thán Ta, tán thán Pháp hay tán thán Tăng, thời các người hãy công nhận những gì đúng sự thật là đúng sự thật: "Nhu thế này, điểm này đúng sự thật, như thế này, điểm này chính xác, việc này có giữa chúng tôi, việc này đã xảy ra giữa chúng tôi".

7. Nay các Tỷ-kheo, thật chỉ thuộc các vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phụ tán thán Như Lai.

❖ *Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những vấn đề*

không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phư tán thán Như Lai?

8. Sa-môn Gotama từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. - Này các Tỷ-kheo, **đó là lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.**

- Sa-môn Gotama từ bỏ lấy của không cho, tránh xa sự lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sự sống thanh tịnh không có trộm cướp. - Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.
- Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

9. Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phạm phư.

- Sa-môn Gotama từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói

hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi nói đến chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Sa-môn Gotama sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy. Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.
- Nay các Tỷ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói ỷ ngữ, tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

10. Sa-môn Gotama không làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ;

- Sa-môn Gotama dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận vàng và bạc.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận các hạt giống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận thịt sống.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận đàn bà, con gái.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận cừu và dê.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận gia cầm và heo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái.

- Sa-môn Gotama từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không phái người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không buôn bán.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường.
- Sa-môn Gotama từ bỏ các tà hạnh, như hối lộ, gian trá, lừa đảo.
- Sa-môn Gotama từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.
- - Nay các Tỷ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Xong Tiêu giới.

11. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối. Như các hạt giống từ rễ sanh, hạt giống từ ngành cây sanh, hạt giống từ đất sanh, hạt giống từ chiết cây sanh và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh. Còn Sa-môn Gotama thì không làm hại hột giống hay cây cối nào. - Nay các

Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

12. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật. Như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị. **Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cất chứa các vật trên.** - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

13. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chân chánh như múa, hát, nhạc, kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tung chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mĩ võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ các loại du hí không chân chánh như trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

14. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi

trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sập đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết, chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiếu trên không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

15. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế dài, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm khảm với lâu che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

16. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã

dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm. Như thoa dầu, đấm bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương, kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt, sáp mặt, vòng tay, tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, guơm, **lọng**, dép thêu, khăn đầu, ngọc, **phát trần**, vải trắng có viền tua dài. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

17. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống nói những câu chuyện vô ích, tầm thường như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hời hững, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, câu chuyện về hiện trạng của thế giới, hiện

trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Còn Sa-môn Gotama từ bỏ không nói những câu chuyện vô ích, tâm thường kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

18. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp, như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này? Người đã phạm vào tà kiến, tôi mới thật đúng chánh kiến; lời nói của tôi mới tương ưng, lời nói của người không tương ưng; lời nói của người không tương ưng, những điều đáng nói trước người lại nói sau, những điều đáng nói sau người lại nói trước, chủ kiến của người đã bị bài bác; câu nói của người đã bị thách đấu; người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy; nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lời bí". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những cuộc biện luận tranh chấp đã kể trên. -
Này các Tỷ-kheo, như vậy người phạm phu tán thán Như Lai.

19. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đưa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới, như cho các vua, cho các đại thần của vua, cho các vị Sát-

đề-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ, cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia; mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia". Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không cho đưa các tín tức và tự đứng làm môi giới. Như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

20. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, lấy lợi cầu lợi. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ không lừa đảo và siểm nịnh như trên. Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

Xong Trung giới.

21. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triêu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, té lửa, té muỗi, dùng miệng phun hột cải v. v... vào lửa, té vỏ lúa, té tấm, té gạo, té thực tô, té dầu, té máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu ma quỷ, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất, khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa

bồ cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa những tà hạnh kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

22. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống mình bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gươm kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng vũ khí, tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cút, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Này các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

23. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước: Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lui quân; vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái; vua ngoại bang sẽ tấn công, vua bản xứ sẽ triệt thoái; vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ bại trận; vua ngoại bang sẽ

thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự thất bại cho phe bên kia. Còn Sa-môn Gotama thì từ bỏ những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phàm phu tán thán Như Lai.

24. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực; mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng, mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động đất, sẽ có sấm trời, mặt trăng, mặt trời, các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, tinh thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương hướng sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có những kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng, mặt trời, các sao mọc, lặn, mờ, sáng, sẽ có kết quả như thế này. Còn Sa-môn Gotama thì tránh xa, không tự nuôi

sống bằng những tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

25. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như đoán trước sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ có hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà hạnh kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

26. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng. Như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rể, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để mượn hay tiêu tiền, dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai, dùng bùa chú làm cồng lười, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến cho người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến cho tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng, thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phúc, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các

tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

27. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương, để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phúc cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu, thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh đau mắt, làm thầy thuốc mổ xẻ, chữa bệnh cho con nít, cho uống thuốc làm bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc. Còn Sa-môn Gotama tránh xa các tà mạng kể trên. - Nay các Tỷ-kheo, như vậy kẻ phạm phu tán thán Như Lai.

Nay các Tỷ-kheo, đây là những vấn đề không quan trọng, nhỏ nhặt, chỉ thuộc giới luật mà kẻ phạm phu dùng để tán thán Như Lai.

Xong Đại giới.

28. Nay các Tỷ-kheo, lại có những pháp khác, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị chỉ những người trí mới nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

☐ Nay các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, không thể nhận hiểu bởi luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận hiểu. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến?

29. Nay các Tỷ-kheo có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, **chấp kiến về QUÁ KHỨ TỐI SƠ**, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, với mười tám luận chấp. Và y chỉ theo gì, căn cứ theo gì, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về phía quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng ra nhiều sở kiến sai khác với mười tám luận chấp?

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn,

chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã về thế giới là thường còn" với **bốn luận chấp**. Và *những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp?*

31. Nay các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, **nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định; khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô số trăm đời, vô số ngàn đời, vô số trăm ngàn đời**, nhớ rằng: "*Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ, khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi tôi được sanh tại chỗ này*". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ, với những đặc điểm và những chi tiết. **Người ấy nói rằng: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường**

trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi do nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo đó là lập trường thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những vị Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn.

32. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định, khi tâm nhập định, vì ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như một thành kiếp hoại kiếp, hai thành kiếp hoại kiếp, ba thành kiếp hoại kiếp, mười thành kiếp hoại kiếp nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này... còn những loại hữu tình kia lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy

chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận và chấp rằng, bản ngã và thế giới thường còn.

33. Trường hợp thứ ba, những Sa-môn hay Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và cho rằng bản ngã và thế giới là thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời này có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp hoại kiếp, hai mươi thành kiếp hoại kiếp, ba mươi thành kiếp hoại kiếp, bốn mươi thành kiếp hoại kiếp, năm mươi thành kiếp hoại kiếp; nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Từ chỗ ấy, chết đi, tôi lại được sanh đến chỗ kia. Tại chỗ kia, tôi đã sống với tên như thế này, giòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, lạc thọ khổ thọ như thế

này, tuổi thọ như thế này. Từ chỗ kia chết đi, tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá; còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú. Tại sao vậy? Vì rằng tôi nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định như vậy. Khi tâm nhập định như vậy, tôi nhớ được nhiều đời sống quá khứ, như mười thành kiếp, hoại kiếp... bốn mươi thành kiếp hoại kiếp". Nhớ rằng: "Khi được sanh tại chỗ ấy, tôi sống với tên như thế này... tôi được sanh tại chỗ này". Như vậy người ấy nhớ nhiều đời quá khứ với những đặc điểm và những chi tiết. Người ấy nói: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, trụ đá... còn những loại hữu tình kia thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường trú".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới thường còn.

34. Trường hợp thứ tư, những Sa-môn, Bà-la-môn y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Thường trú luận, và chấp bản ngã và thế giới thường còn?

Này các Tỷ-kheo, ở đời có Sa-môn hay Bà-la-môn, là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ của suy luận, và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá, còn những loại hữu tình kia thời lưu chuyển luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy chúng vẫn thường còn".

Này các Tỷ-kheo, đó là lập trường thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, với bốn luận chấp. Nếu có những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Thường trú luận, chấp rằng: "Bản ngã và thế giới là thường còn", chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai biết như vậy, Ngài lại biết hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri

ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm chứng được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

37. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy, Như Lai đã thắng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

1. Này các Tỷ-kheo, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương **một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác**, với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô

thường đối với một hạng hữu tình khác, với bốn luận chấp?

2. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu tình phần lớn sanh qua cõi Àbhassara (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

3. Nay các Tỷ-kheo, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành. Trong khi thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra, nhưng trống không. Lúc bấy giờ, một hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung trống rỗng ấy. Vị ấy ở tại đây, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

4. Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác, cũng đến tại chỗ này!" Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc

thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên, sanh qua Phạm cung để làm bạn với vị hữu tình kia. Những loại hữu tình ở đây cũng do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy, trong một thời gian khá dài.

5. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, vị hữu tình đầu tiên sanh qua nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Những loài hữu tình ấy do chính ta sanh ra. Tại sao vậy? **Vì chính do ta khởi niệm:** Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này - Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này". Các loài hữu tình đến sau cũng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì sao vậy? **Vì ta đã thấy vị này sanh trước ở đây rồi. Còn chúng ta thì sanh sau**".

6. Này các Tỷ-kheo, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy

sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn và được nhiều uy quyền hơn. Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn và được ít quyền hơn. **Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.** Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy. Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự Tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh. Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ và chịu sự biến dịch".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn

đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

7. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Khiddāpadosikā (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, các chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng.

8. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

9. Vị ấy nói rằng: "Những chư Thiên không bị nhiễm

hoặc bởi dục lạc, chúng sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm. Nhờ không thất niệm, nên những chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

10. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác?

Này các Tỷ-kheo, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikà (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí). Chúng sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân chúng mệt mỏi, tâm chúng mệt mỏi. Các hạng chư Thiên ấy thác sanh từ bỏ thân thể này của chúng.

11. Này các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong các vị hữu tình kia, khi thác sanh từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy, nhưng không nhớ xa hơn đời sống ấy.

12. Vị ấy nói rằng: "Những vị chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, chúng sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày không nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng không oán ghét nhau. Vì tâm trí chúng không oán ghét nhau, nên thân chúng không mệt mỏi, tâm chúng không mệt mỏi. Những hàng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của chúng, sống

thường hằng kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi". Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi. Chúng ta thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

13. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

Này các Tỷ-kheo, có Sa-môn, hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuộc theo thẩm sát, vị này tuyên bố như thế này: "Cái gọi là mắt, là tai, là mũi,

là lõi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường, không kiên cố, không thường trú, bị chuyển biến. Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn, bất biến, thường trú, không bị chuyển biến, thường hằng như vậy mãi mãi".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác.

14. Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

15. Này các Tỷ-kheo, Như Lai biết rằng: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài

lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ biết vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

16. Này các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên, **chấp thế giới là Hữu biên Vô biên** với **bốn luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp?

17. Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên**. Vị ấy nói rằng: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung

quanh. Vì sao vậy? Vì tôi, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là hữu biên. Do đó tôi biết rằng thế giới này là hữu biên, có một đường vòng chung quanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ theo đó, căn cứ theo đó, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên.

18. Trường hợp thứ hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên và vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, **vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là vô biên.** Vị ấy nói: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn". Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này là vô biên, không có giới hạn. Tại sao vậy? Vì tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức

niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống với tư tưởng thế giới là vô biên. Do đó tôi biết: "Thế giới này là vô biên, không có giới hạn".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, có một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

19. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy sống ở trong đời với tư tưởng thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới và thế giới là Vô biên về phía bề ngang. Vị ấy nói: "Thế giới này là hữu biên và vô biên". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên, có một đường vòng xung quanh, thì những vị ấy nói không đúng sự thật". Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn thì những vị ấy nói không đúng sự thật. Thế giới này vừa là hữu biên, vừa là vô biên. Tại sao vậy? Vì rằng, tôi nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ

không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, tôi sống ở trong đời với tư tưởng, thế giới là hữu biên về phía trên, phía dưới, và thế giới là vô biên về phía bề ngang. Do vậy tôi biết: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên.

20. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà suy luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị này tuyên bố như sau: "Thế giới này không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là hữu biên có giới hạn xung quanh", những vị ấy nói không đúng sự thật. Lại những Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này là vô biên không có giới hạn" những vị ấy cũng nói không đúng sự thật. Lại những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào đã nói: "Thế giới này vừa là hữu biên vừa là vô biên", những vị ấy cũng nói

không đúng sự thật. Thế giới này cũng không phải là hữu biên, cũng không phải là vô biên.

21. Đây các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Hữu biên Vô biên luận với bốn luận chấp**. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

22. Đây các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những

pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

23. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp.** Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp?

24. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện" không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể bị sai lầm. Nếu tôi sai lầm thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn sẽ thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ sai lầm, vì chán ghét sai lầm, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi hỏi đến vấn đề này hay vấn

đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

25. Trường hợp thứ hai, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn? (1)

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc tôi trả lời: "Đây là bất thiện", thời dục, tham, sân hoặc hận, khởi lên nơi tôi. Nếu dục, tham, sân hoặc hận khởi lên nơi tôi, như vậy tôi có thể chấp thủ. Nếu tôi chấp thủ, thì tôi bị

phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn, thời thành một chướng ngại cho tôi.

- Như vậy, vì sợ chấp thủ, vì chán ghét chấp thủ, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời ngụy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận, khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn.

(1) Hỏi một đường đáp một ngã (trườn uốn như con lươn).

26. Trường hợp thứ ba, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương ngụy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện". Vị ấy nghĩ: Tôi không như

thật biết: "Đây là thiện", không như thật biết: "Đây là bất thiện". Vì tôi không như thật biết "Đây là thiện", không như thật biết "Đây là bất thiện" và nếu tôi trả lời: "Đây là thiện" hoặc trả lời: "Đây là bất thiện", có những Sa-môn, Bà-la-môn, bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia, như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của chúng, chúng có thể đo tài, chất vấn và cật nạn tôi. Nếu chúng đo tài, chất vấn, cật nạn tôi, tôi có thể không giải đáp được cho chúng. Nếu tôi không giải đáp được cho chúng, thì tôi bị phiền muộn. Nếu tôi bị phiền muộn thời thành một chướng ngại cho tôi - Như vậy, vì sợ bị thử thách, vì chán ghét thử thách, nên vị ấy không trả lời: "Đây là thiện", cũng không trả lời: "Đây là bất thiện". Khi bị hỏi đến vấn đề này hay vấn đề khác, vị ấy dùng lời nguy biện trườn uốn như con lươn: "Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế". - Đây các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ ba, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

27. Trường hợp thứ tư, lại có những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì chủ trương nguy biện

luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biến trườn uốn như con lươn?

- Nay các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn, **Bà-la-môn đàn độn ngu si**. Vị này, vì đàn độn ngu si, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, liền dùng những lời nguy biến trườn uốn như con lươn: "Anh hỏi tôi có một thế giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế. Nếu anh hỏi tôi "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?", "Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?" , "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?", "Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và

ác?", "Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?", "Như Lai có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?", "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?". Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

-Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ tư, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn.

28. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương nguy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác, dùng những lời nguy biện trườn uốn như con lươn với bốn luận chấp. Nếu có những Sa-môn

hay Bà-la-môn nào chủ trương nguy biện luận, khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời nguy biện tròn uốn như con lươn, chúng sẽ chấp cả bốn luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

29. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

30. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn

chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với **hai luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

31. Nay các Tỷ-kheo, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình. Nay các Tỷ-kheo, sự tình này xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã và thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng tôi trước kia không có, nay tôi có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loài hữu tình".

Nay các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ nhất, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

32. Trường hợp thứ hai, những Sa-môn, Bà-la-môn, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn là nhà biện luận, là nhà thẩm sát. Do sự chia chẻ biện bác của suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát, vị ấy tuyên bố: "Bản ngã và thế giới vô nhân sanh".

Này các Tỷ-kheo, đó là trường hợp thứ hai, y chỉ như vậy, căn cứ như vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh.

33. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh, chúng sẽ chấp cả hai luận chấp trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

34. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy.

Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

35. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn **luận bàn về quá khứ tối sơ**, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp trên. Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hoặc Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác, chúng sẽ chấp cả **mười tám luận chấp** trên hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

36. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những

định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa. Và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. **Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.**

37. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **LUẬN BÀN VỀ TƯƠNG LAI**, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với **bốn mươi bốn luận chấp**. *Và những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai đề xướng nhiều ý kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp?*

38. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết** với **mười sáu luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, với mười sáu luận chấp?

- Những vị này chủ trương: "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",
- "Bản ngã cũng không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Bản ngã là hữu biên...",
- "Bản ngã là vô biên ...",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên",
- "Bản ngã cũng không hữu biên và cũng không vô biên ...",
- "Bản ngã là nhất tướng ...",
- "Bản ngã là dị tướng ...".
- "Bản ngã là thiếu tướng ...",
- "Bản ngã là vô lượng tướng ...",
- "Bản ngã là thuần lạc ...",

- "Bản ngã là thuần khổ ...",
- "Bản ngã là khổ lạc".
- Chúng chủ trương: "Bản ngã là không khổ không lạc, không có bệnh, sau khi chết có tướng".

39. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương hữu tướng sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn này chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chúng sẽ chấp cả mười sáu luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

40. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể phân biệt. Những pháp ấy Như Lai đã tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết. Và chính những pháp ấy, những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

TỤNG PHẨM THỨ HAI

1. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết** với tám luận chấp. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp?

2. Những vị này chủ trương:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết không có tướng",
- "Bản ngã không có sắc ...",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc ...",

- "Bản ngã không có sắc và cũng không không có sắc ...",
- "Là hữu biên ...", "Là vô biên ...",
- "Là hữu biên và vô biên ...".
- Các vị này chấp bản ngã là phi hữu biên và phi vô biên, không có bệnh, sau khi chết không có tướng.

3. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn này **chủ trương Vô tướng luận sau khi chết**, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với **tám luận chấp**.
 - Nay các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, **ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.**

4. Nay các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, chấp thủ như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài lại tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly

của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy nhưng ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

5. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng** với **tám luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng với tám luận chấp?

6. Những vị này chấp:

- "Bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng... ",
- "Bản ngã là vô sắc... ",
- "Bản ngã có sắc và cũng không có sắc... ",

- "Bản ngã là phi hữu sắc và cũng phi vô sắc... ",
- "Bản ngã là hữu biên... ",
- "Bản ngã là vô biên... ",
- "Bản ngã là hữu biên và vô biên... ".

7. Những vị này chấp rằng: **Bản ngã là phi hữu biên và cũng phi vô biên, không có bệnh**, sau khi chết phi hữu tướng phi vô tướng, với **tám luận chấp**. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng, chúng sẽ chấp cả tám luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

8. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. **Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh.** Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vi ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri vậy, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, nay các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu,

vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

9. Nay các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn, **chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chấp trước sự đoạn diệt, sự tiêu thất, sự hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp?

10. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hoặc Bà-la-môn chủ trương lý thuyết và ý kiến: "Vì bản ngã này có sắc, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh ra, khi thân hoại bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã này như thế hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy một số người chủ trương sự đoạn diệt, sự tiêu thất và sự hủy hoại của loài hữu tình.

11. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có, nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn

diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, thuộc dục giới, ăn các đồ ăn đoàn thực. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

12. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác có thiên tánh, có sắc, do ý tạo thành, mọi chi tiết tay chân lớn nhỏ đều đầy đủ, không khuyết một căn nào. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

13. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả sắc tướng, diệt trừ các tướng chống đối, không ức niệm

các dị tướng, nhận hiểu hư không là vô biên. - Đạt đến không vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

14. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả không vô biên xứ, nhận hiểu: Thức là vô biên. - Đạt đến Thức vô biên xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

15. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Thức vô biên xứ, nhận hiểu: không có sở hữu. - Đạt đến Vô sở hữu xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy

khi thân hoại bị hủy nát, tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

16. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thể không bị hoàn toàn đoạn diệt. Lại còn một bản ngã khác vượt ngoài tất cả Vô sở hữu xứ, nhận hiệu: Đây là tịch tịnh, đây là mỹ diệu. - Đạt đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Bản ngã ấy ông không biết, ông không thấy. Bản ngã ấy tôi biết, tôi thấy. Bản ngã ấy khi thân hoại, bị hủy nát tiêu diệt, sau khi chết không còn nữa, nên bản ngã ấy như thể hoàn toàn đoạn diệt". Như vậy có một số người chủ trương sự đoạn diệt, tiêu thất và hủy hoại của loài hữu tình.

17. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, **chủ trương Đoạn diệt luận**, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình với **bảy luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, nếu có những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu thất, hủy hoại của loài hữu tình, chúng chấp cả bảy luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

18. Này các Tỷ-kheo. Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy, Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết: và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

19. Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn **chủ trương HIỆN TẠI NIẾT BÀN LUẬN**, chấp trước sự **tối thượng hiện tại Niết Bàn** của loài hữu tình với **năm luân chấp**. Và những Sa-môn, Bà-la-

môn này, y chỉ gì, căn cứ gì, chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp?

20. Nay các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn chủ trương và quan niệm: "Khi nào bản ngã này tận hưởng, **sung mãn năm món dục lạc**, như thế bản ngã ấy đạt đến tối thượng Niết Bàn của loài hữu tình".

21. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng Niết Bàn. Vì có sao? Vì rằng tính của dục lạc và vô thường, khổ, biến dịch. Vì tánh của chúng là biến dịch, chuyển hóa, nên ưu, bi, khổ, muộn, não phát sanh. Khi nào bản ngã ấy ly các dục lạc, ly các ác pháp, đạt đến và an trú vào **đê nhất thiên**; thiên định này có tầm, có tứ, có hỷ và có lạc, do ly dục sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

22. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây thiên định ấy có tầm, có tứ nên gọi là thô tháo. Khi

nào bản ngã ấy có tầm và tứ, đạt đến và an trú **đệ nhị thiên**. Thiên định này nội tâm yên tĩnh, trí chuyên nhất cảnh, không tầm, không tứ, hỷ lạc do định sanh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

23. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy không tham hỷ, trú xả, chánh niệm, chánh trí, thân hưởng lạc mà các bậc thánh gọi là Hỷ niệm lạc trú - đạt đến và an trú **đệ tam thiên**". Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn. Như vậy, có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết-bàn của loài hữu tình.

24. Một vị khác lại nói: "Này ông, thật có bản ngã ấy như ông nói. Tôi không nói bản ngã ấy không có. Nhưng bản ngã ấy như thế, không phải hoàn toàn đạt đến tối thượng hiện tại Niết bàn. Vì có sao? Vì ở đây tâm thọ lạc nên gọi là thô tháo. Khi nào bản ngã ấy xả lạc và xả khổ, diệt trừ hỷ và ưu về trước, đạt đến và an trú vào **đệ tứ thiên**. Thiên này không khổ,

không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như thế, bản ngã ấy đạt đến tối thượng hiện tại Niết Bàn". Như vậy có người chủ trương tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình.

25. **Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp trước sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp.** Này các Tỷ-kheo, nếu có những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương Hiện tại Niết-bàn luận, chấp sự tối thượng hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình, những vị này sẽ chấp cả năm luận chấp trên, hay một trong năm luận chấp trên, ngoài ra không còn một luận chấp nào khác nữa.

26. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn không có chấp thủ.

→ Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp

sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý sông, té nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết; và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

27. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, sẽ đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Nay các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Chúng sẽ chấp bốn mươi bốn luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

28. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của

chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

29. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy luận bàn về quá khứ tối sơ và luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với **sáu mươi hai luận chấp**. Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa.

30. Này các Tỷ-kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: "Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy, sẽ đưa đến những cỗi thú như vậy, sẽ tác thành những định mệnh như vậy". Như Lai tuệ tri như vậy. Ngài tuệ tri hơn thế nữa, và Ngài không chấp sở tri ấy. Nhờ không chấp trước sở tri ấy, nội tâm được tịch tịnh. Ngài như thật tuệ tri sự tập khởi sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ.

31. Những pháp ấy, này các Tỷ-kheo, là những pháp sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ những người có trí mới có thể nhận biết. Những pháp ấy Như Lai tự chứng tri, giác ngộ và truyền thuyết, và chính những pháp ấy những ai như thật chân chánh tán thán Như Lai mới nói đến.

32. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

33. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.**

34. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

35. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện truôn uôn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

36. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

37. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá

khứ tối sơ, y cứ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

38. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

39. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

40. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh*

nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

41. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

42. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

43. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích*

thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.

44. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. *Chủ trương ấy là kinh nghiệm cá nhân, là sự không biết, không thấy, sự cảm thọ của những Sa-môn, Bà-la-môn, là sự kích thích, dao động, xuyên tạc của những vị bị tham ái chi phối.*

45. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

46. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. **Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).**

47. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

48. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi là do sự xúc chạm (của các căn).

49. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

50. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

51. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

52. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

53. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

54. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn biệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

55. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

56. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Chủ trương ấy phát

khởi do sự xúc chạm (của các căn).

57. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Chủ trương ấy phát khởi do sự xúc chạm (của các căn).

58. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp. **Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.**

59. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới, là thường còn đối với một hạng hữu tình và vô thường đối với một hạng hữu tình khác với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

60. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu biên Vô biên luận, chấp thế

giới là hữu biên vô biên với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

61. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Ngụy biện luận. Khi bị hỏi vấn đề này hay vấn đề khác dùng những lời ngụy biện trườn uồn như con lươn với bốn luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

62. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận, chấp bản ngã và thế giới do vô nhân sanh với hai luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

63. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, chấp kiến về quá khứ tối sơ, y chỉ về quá khứ tối sơ, đề xướng nhiều ý kiến sai khác với mười tám luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

64. Đây các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tướng sau khi chết với mười sáu luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ

trương trên, nếu không có cảm xúc.

65. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tướng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

66. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tướng Phi Vô tướng sau khi chết, chấp bản ngã phi hữu tướng phi vô tướng sau khi chết với tám luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

67. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương, trên, nếu không có cảm xúc.

68. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hiện tại Niết Bàn luận, chấp trước sự hiện tại Niết Bàn của loài hữu tình với năm luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

69. Nay các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-

la-môn, luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với bốn mươi bốn luận chấp. Các vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

70. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, luận bàn về tương lai, luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. Những vị này không có thể cảm thọ những chủ trương trên, nếu không có cảm xúc.

71. Này các Tỷ-kheo, ở đây có những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Ngụy biện luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, chủ trương Vô nhân luận; những Sa-môn, Bà-la-môn, luận bàn về quá khứ tối sơ, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô

tưởng luận sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương hiện tại Niết Bàn luận; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp. **Tất cả những vị này có những cảm thọ (những chủ trương trên) do sự xúc chạm qua sáu xúc xứ.**

Do duyên với những cảm thọ mà tham ái phát khởi; do duyên tham ái, thủ phát khởi; do duyên thủ, hữu phát khởi; do duyên hữu, sanh phát khởi, do duyên sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não phát khởi. Nay các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo như thật biết sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của sáu chỗ xuất xứ, vị ấy sẽ có một sự hiểu biết vượt ra ngoài những điều trên.

72. Nay các Tỷ-kheo, có những Sa-môn, Bà-la-môn nào luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến

sai khác tất cả **những vị này đều bị bao trùm bởi lưới của sáu mươi hai luận chấp này, dầu chúng nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.**

Này các Tỷ-kheo, cũng ví như người đánh cá lành nghề hay người học đánh cá vung lưới trên mặt hồ nước nhỏ có mắt sít sao. Người ấy nghĩ: "Những con cá lớn ở trong hồ nước nhỏ này, tất cả chúng đều bị bao phủ trong tấm lưới này, dầu chúng có nhảy vọt lên, chúng vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây". Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào, luận bàn về quá khứ tối sơ, hay luận bàn về tương lai, hay luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác, tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây.

73. **Này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, những cái khiến đưa đến đời sống khác đã bị chấm dứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người còn có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung, thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.**

Này các Tỷ-kheo, như nhánh có một chùm xoài bị chặt đứt, tất cả trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia. Cũng như vậy này các Tỷ-kheo, thân của Như Lai còn tồn tại, nhưng cái khiến đưa đến một đời sống khác đã bị chặt đứt. Khi thân của vị này còn tồn tại thời chư Thiên và loài Người có thể thấy thân ấy. Khi thân hoại mạng chung thời chư Thiên và loài Người không thể thấy được.

74. Khi nghe nói vậy, đại đức Ananda bạch đức Thế Tôn:

- Kỳ diệu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì, bạch Thế Tôn?

- Này Ananda, pháp môn này gọi là "Lợi Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Pháp Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Phạm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Kiếm Vông", hãy như vậy mà phụng trì; gọi là "Vô thượng Chiến thắng", hãy như vậy mà phụng trì.

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi kinh này được truyền thuyết, một ngàn thế giới đều rung động.

53 Phạm tội - 2 loại phạm tội - Kinh HY VONG – Tăng I, 160

HY VONG – Tăng I, 160

1.- Nay các Tỷ-kheo, có hai hy vọng này, **khó được từ bỏ**. Thế nào là hai?

- *Hy vọng được lợi dưỡng*
- *Và hy vọng được sống.*

Hai pháp này, là hai hy vọng khó được từ bỏ.

2. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, **khó tìm được ở đời**. Thế nào là hai?

- *Người thi ân trước*
- *Và người biết nhớ ơn đã làm.*

Hai hạng người này, nay các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời.

3. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, **khó tìm được ở đời**. Thế nào là hai?

- *Người thỏa mãn*
- *Và người làm người khác thỏa mãn.*

Hai hạng người này, khó tìm được ở đời.

4. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, **khó làm cho thỏa mãn**. Thế nào là hai?

- *Người cất chứa các lợi dưỡng*
- *Và người phung phí các lợi dưỡng.*

Hai hạng người này, là hai hạng người khó làm cho thỏa mãn.

5. Nay các Tỷ-kheo, có hai hạng người này, để làm cho thỏa mãn. Thế nào là hai?

- *Người không cất chứa các lợi dưỡng*
- *Và người không phung phí các lợi dưỡng.*

Hai hạng người này, là hai hạng người dễ làm cho thỏa mãn.

6. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến tham sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Tịnh tướng*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến tham sanh khởi.

7. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến sân sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Chướng ngại tướng*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến sân sanh khởi.

8. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến tà kiến sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và không như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi.

9. Nay các Tỷ-kheo, có hai duyên này, **khiến chánh kiến sanh khởi**. Thế nào là hai?

- *Tiếng nói của người khác*
- *Và như lý tác ý.*

Những pháp này, là hai duyên khiến chánh kiến sanh khởi.

10. Nay các Tỷ-kheo, có hai **tội phạm**. Thế nào là hai?

- *Tội phạm nhẹ*
- *Và tội phạm nặng.*

Hai pháp này, là hai tội phạm.

11. Nay các Tỷ-kheo, có hai tội phạm. Thế nào là hai?

- *Tội phạm thô trọng*
- *Và tội phạm không thô trọng.*

Hai pháp này, là hai tội phạm.

12. Nay các Tỷ-kheo, có hai tội phạm. Thế nào là hai?

- *Tội phạm có dư tàn*
- *Và tội phạm không dư tàn.*

Hai pháp này, là hai tội phạm.

54 Phải quấy rõ ràng - Kinh NHỮNG SỨC MẠNH – Tăng IV, 80

NHỮNG SỨC MẠNH – Tăng IV, 80

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn sức mạnh** này.
2. Thế nào là bốn? **Tuệ lực, tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.**
3. *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là **tuệ lực**?*
 1. Những pháp nào bất thiện được xem là bất thiện.
 2. Những pháp nào thiện được xem là thiện.
 3. Những pháp nào có tội được xem là có tội.
 4. Những pháp nào vô tội được xem là vô tội.
 5. Những pháp nào đen được xem là đen.
 6. Những pháp nào trắng được xem là trắng.
 7. Những pháp nào không nên thực hiện được xem là không nên thực hiện.
 8. Những pháp nào nên thực hiện được xem là nên thực hiện.
 9. Những pháp nào không xứng đáng bậc Thánh được xem là không xứng đáng bậc Thánh.
 10. Những pháp nào xứng đáng bậc Thánh được xem là xứng đáng bậc Thánh.

Những pháp ấy cần phải được khéo quán sát, khéo thâm sát với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

4. *Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực?*

1. *Những pháp nào bất thiện được xem là bất thiện.*
2. *Những pháp nào có tội được xem là có tội.*
3. *Những pháp nào đen được xem là đen.*
4. *Những pháp nào không nên thực hiện được xem là không nên thực hiện.*
5. *Những pháp nào không xứng đáng bậc Thánh được xem là không xứng đáng bậc Thánh.*

Đối với các pháp ấy, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm để đoạn tận.

1. *Những pháp nào thiện được xem là thiện.*
2. *Những pháp nào vô tội được xem là vô tội.*
3. *Những pháp nào trắng được xem là trắng.*
4. *Những pháp nào nên thực hiện được xem là nên thực hiện.*
5. *Những pháp nào xứng đáng bậc Thánh được xem là xứng đáng bậc Thánh.*

Đối với các pháp ấy, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm để chứng được. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn lực.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô tội lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử:

- Thành tựu **thân** nghiệp vô tội.
- Thành tựu **khẩu** nghiệp vô tội.
- Thành tựu **ý** nghiệp vô tội.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô tội lực.

6. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năng nhiếp lực?

Này các Tỷ-kheo, có bốn Nhiếp pháp này:

- **Bố thí.**
- **Ái ngữ.**
- **Lợi hành.**
- **Đồng sự.**

Này các Tỷ-kheo,

- **Tối thượng trong các loại bố thí, là pháp thí.**
- **Tối thượng trong các loại ái ngữ, là tiếp tục thuyết pháp cho những ai hy cầu và lắng tai nghe.**

- **Tối thượng trong các lợi hành**, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ lòng tin; đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ giới; đối với người xan tham khích lệ, đặt vào an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ.
- **Tối thượng trong đồng sự** là đồng sự giữa bậc Dư Lưu với bậc Dư Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Đây các Tỷ-kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn sức mạnh.

7. Thành tựu **bốn sức mạnh** ấy, này các Tỷ-kheo, **Thánh đế tử vượt qua năm sợ hãi**.

8. Thế nào là năm?

- Sợ hãi về sinh sống.
- Sợ hãi về tiếng đồn xấu.
- Sợ hãi về xấu hổ trong hội chúng.
- Sợ hãi về chết.
- Sợ hãi về ác thú.

9. Này các Tỷ-kheo, Thánh đế tử ấy thẩm sát như sau:

- *"Ta không sợ hãi sự sợ hãi sinh sống. Vì sao ta sẽ sợ sự sợ hãi về sinh sống? Ta có bốn lực này: tuệ lực, tinh tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực. Kẻ ác tuệ có thể sợ hãi sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ biếng nhác có thể sợ hãi sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tội có thể sợ hãi sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ không năng nhiếp có thể sợ hãi sự sợ hãi về sinh sống.*
- *Ta không có sợ sự sợ hãi về tiếng đồn xấu...*
- *Ta không có sợ sự sợ hãi về xấu hổ trong hội chúng...*
- *Ta không có sợ sự sợ hãi về chết...*
- *Ta không có sợ sự sợ hãi về ác thú. Vì sao Ta sẽ không có sợ sự sợ hãi về ác thú? Ta có bốn lực này: tuệ lực, tinh tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực. Kẻ ác tuệ lực có thể sợ hãi sự sợ hãi về ác thú; kẻ biếng nhác có thể sợ hãi sự sợ hãi về ác thú; kẻ có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tội có thể sợ hãi sự sợ hãi về ác thú; kẻ không năng nhiếp có thể sợ hãi sự sợ hãi về ác thú."*

Thành tựu bốn lực ấy, này các Tỷ-kheo, Thánh đệ tử vượt qua năm sợ hãi này.

55 Phải quấy rõ ràng - Kinh PHI PHÁP – Tăng IV, 542

PHI PHÁP – Tăng IV, 542

1. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và phi mục đích này, cần phải hiểu biết;
- Pháp và mục đích cần phải hiểu biết.
- Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp và phi mục đích?

2. Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích?

3. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm,

chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp và mục đích.

4. Và nay các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết; pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu biết phi pháp và phi mục đích, sau khi hiểu biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy là do duyên này được nói đến.

KHÔNG PHẢI MỤC ĐÍCH – Tăng IV, 543

1. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết,
- Phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết.
- Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành.

2. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là Pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?

Nay các Tỷ-kheo,

- 41. **Tà kiến**, là phi pháp.
- 42. Chánh kiến là pháp.
- 43. Những pháp ác bất thiện nào do duyên tà kiến được sanh, đây là phi mục đích.
- 44. Những pháp thiện do duyên chánh kiến đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
- 45. **Tà tư duy**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
- 46. Chánh tư duy là pháp.
- 47. Những pháp ác bất thiện nào do duyên tà tư duy được sanh, đây là phi mục đích.
- 48. Những pháp thiện do duyên chánh tư duy đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
- 49. **Tà ngữ**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
- 50. Chánh ngữ là pháp.
- 51. Các pháp ác bất thiện do duyên tà ngữ sanh khởi, đây là phi mục đích.
- 52. Những pháp thiện do duyên chánh ngữ đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.
- 53. **Tà nghiệp**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
- 54. Chánh nghiệp là pháp.
- 55. Những pháp ác bất thiện do duyên tà nghiệp được sanh khởi, đây là phi mục đích.
- 56. Những pháp thiện do duyên chánh nghiệp đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
- 57. **Tà mạng**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
- 58. Chánh mạng là pháp.

59. Những pháp ác bất thiện do duyên tà mạng sanh khởi, đây là phi mục đích.
60. Những thiện pháp do duyên chánh mạng đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
61. **Tà tinh tấn**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
62. Chánh tinh tấn là pháp.
63. Những pháp ác bất thiện do duyên tà tinh tấn sanh khởi, đây là phi mục đích.
64. Những thiện pháp do duyên chánh tinh tấn đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
65. **Tà niệm**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
66. Chánh niệm là pháp.
67. Những pháp ác bất thiện do duyên tà niệm sanh khởi, đây là phi mục đích.
68. Những thiện pháp do duyên chánh niệm đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
69. **Tà định**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
70. Chánh định là pháp.
71. Những pháp ác bất thiện do duyên tà định được sanh, đây là phi mục đích.
72. Những thiện pháp do duyên chánh định đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
73. **Tà trí**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
74. Chánh trí là pháp.
75. Những pháp ác bất thiện do duyên tà trí được sanh khởi, đây là phi mục đích.

76. Những thiện pháp do duyên chánh trí đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.
77. **Tà giải thoát**, này các Tỷ-kheo, là phi pháp.
78. Chánh giải thoát là pháp.
79. Những pháp ác bất thiện do duyên tà giải thoát sanh khởi, đây là phi mục đích.
80. Và những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

3. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu phi pháp và pháp, sau khi hiểu phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành. Được nói như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

PHI PHÁP – *Tăng IV, 546*

1. Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết; phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thuyết như vậy xong, bậc Thiệt Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và bước vào tinh xá.

2. Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi? "

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Tôn giả Ānanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ānanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì".

3. Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi

thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ānanda:

- Thừa hiền giả Ānanda. Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Này Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi", ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi? Rồi thừa Hiền giả, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Tôn giả Ānanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói

lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ànanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ànanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì". Thừa Tôn giả Ànanda, hãy phân tích cho.

4. Chư Hiền, cũng ví như một người cần thiết lõi cây, tìm lõi cây, đi khắp mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng: "Phải tìm lõi cây ở nơi cành lá". Cũng vậy, là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng: "Cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này". Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Phạm thiên, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bát tử, vị Pháp chủ. Thế Tôn giải thích quý vị như thế nào, quý vị hãy như vậy thọ trì.

5. Hiền giả Ànanda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị có mắt, trở thành vị có trí, trở thành Chánh pháp, trở thành Phạm thiên, vị thuyết giả, vị diễn giả, vị đem lại mục tiêu, vị trao cho bát tử, vị Pháp chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế

Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Hiền giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Hiền giả Ànanda có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt và giải thích rõ ràng ý nghĩa. Mong Hiền giả Ànanda giải thích, nếu không có sự gì phiền muộn.

6. Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ giảng.

- Thừa vâng Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ànanda. Tôn giả Ànanda giảng như sau:

- Thừa chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Và *này chư Hiền, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?*

7. Tà kiến, này chư Hiền, là phi pháp; chánh kiến là pháp, những pháp ác bất thiện gì do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện gì đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy, là phi pháp; chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp; chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp; chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp; chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm là phi pháp; chánh niệm là pháp...

Tà định là phi pháp; chánh định là pháp...

Tà trí là phi pháp; chánh trí là pháp...

Tà giải thoát là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Và những pháp ác bất thiện nào do duyên tà giải thoát khởi lên, đây là phi mục đích, và những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Thưa các Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố này một cách vắn tắt mà không phân tích ý nghĩa

một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành." Thưa các Hiền giả, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa rộng rãi như vậy. Thưa chư Hiền, nếu chư Hiền muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

8. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy cần phải thực hành".

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: "Phi pháp và pháp cần phải hiểu biết... hãy như thế ấy mà thực hành". Với lời tuyên bố vắn tắt của Thế Tôn, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi? " Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ànanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bất chước. Tôn giả Ànanda với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ananda và hỏi ý nghĩa này". Bạch Thế Tôn, ý nghĩa của chúng được Tôn giả Ànanda khéo phân tích với những lý do như thế này, với những chữ như thế này, với những câu văn như thế này.

9. Lành thay, lành thay, này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Hiền giả Ànanda! Đại tuệ là Hiền giả Ànanda! Này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy đến hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như đã được Ànanda trả lời. Đây là ý nghĩa của lời ấy, hãy như vậy thọ trì .

AJITA – Tăng IV, 553

1. Bấy giờ có du sĩ Ajita đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Ajita nói với Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có người đồng Phạm hạnh là vị Hiền trí, vị này có nghĩ đến năm trăm tâm xứ. Với những tâm xứ ấy, các người ngoại đạo khi bị cật nạn, biết rằng: "Chúng tôi đang bị cật nạn".

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, các Thầy có thọ trì **những căn bản địa của bậc Hiền trí** không?

- Bạch Thế Tôn, nay đến thời, bạch Thiện Thệ, nay đến thời Thế Tôn thuyết. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì!

- Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

2. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

3. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

4. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp bài xích, công kích lời đúng pháp và lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

5. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời đúng pháp bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! Vị Tôn giả thật là một Hiền trí! ".

6. Nay các Tỷ-kheo,

- Phi pháp và pháp, cần phải hiểu biết;
- Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết;
- Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

7. **Tà kiến**, nay các Tỷ-kheo, là phi pháp, chánh kiến là pháp, do duyên tà kiến, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh kiến, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy là phi pháp, chánh tư duy là pháp...

Tà ngữ là phi pháp, chánh ngữ là pháp...

Tà nghiệp là phi pháp, chánh nghiệp là pháp...

Tà mạng là phi pháp, chánh mạng là pháp...

Tà tinh tấn là phi pháp, chánh tinh tấn là pháp...

Tà niệm, là phi pháp, chánh niệm là pháp...

Tà định, là phi pháp, chánh định là pháp...

Tà trí, là phi pháp, chánh trí là pháp...

Tà giải thoát, là phi pháp, chánh giải thoát là pháp. Do duyên tà giải thoát, các pháp ác bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích. Do duyên chánh giải thoát, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Phi pháp và pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải hiểu biết. Phi mục đích và mục đích, cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

56 Phải quấy rõ ràng - Kinh VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

VAJJIYAMÀHITA – Tăng IV, 497

*(Thế Tôn là người phân tích luận; cư sĩ
Vajjiyamàhita; nên hay không nên làm - Chánh tư
duy)*

1. Một thời, Thế Tôn trú ở Campà trên bờ ao Gaggara. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, vào buổi sáng sớm đi ra khỏi Campà, đến yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các Tỷ-kheo đang tu tập về ý, các Tỷ-kheo đang tu tập về ý đang thiền tịnh. Vậy hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

2. Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp, ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Vajjiyamàhita từ xa đi đến, khi thấy vậy, liền dặn dò bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các tôn giả, chớ làm ồn, các Tôn giả, **gia chủ Vajjiyahita** này đang đến, một đệ tử của Sa-mô Gotama, trong những

đệ tử của Sa - môn Gotama, có gia đình mặt áo trắng ở Campà. Gia chủ Vajjiyamàhita là một trong những vị ấy, các vị ấy ưa ít ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

3. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Vajjiyahita đang ngồi một bên:

- Có đúng sự thật chăng này Gia chủ, sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?

- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ.
- Thừa các Tôn giả, Thế tôn **chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán.**
- Thừa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy **Thế Tôn là người phân tích luận, không phải là người nhất hướng luận (nói một chiều).**

4. Được nói vậy, một du sĩ nói với gia chủ Vajjiyamàhita: *"Thôi chờ ở đây, này Gia chủ, Gia chủ tán thán Sa-môn Gotama và Sa-môn Gotama là người hư vô, một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng.*

- Ở đây, thưa các Tôn giả, tôi nói với các Tôn giả đúng pháp: *"Đây là thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là bất thiện, thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. Đây là thiện, đây là bất thiện, Thế Tôn đã định nghĩa. Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng. Thế Tôn không phải là người chủ trương hư vô, không phải là người không có định nghĩa rõ ràng".* Khi được nói vậy, các du sĩ ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời.

5. Rồi gia chủ Vajjiyamàhita, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói nên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Vajjiyamàhita, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo như thế nào, tất cả đều thuật lại cho Thế Tôn rõ.

6. - Lành thay, lành thay, này Gia chủ, những kẻ ngu si thường thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp.

Này Gia chủ,

21. Ta không nói rõ rằng, tất cả khổ hạnh cần phải hành trì.
22. Ta không nói rằng, tất cả khổ hạnh không nên hành trì.
23. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì cần phải được chấp trì.
24. Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì không nên chấp trì.
25. Ta cũng không nói rằng tất cả sự tinh cần, cần phải tinh cần.
26. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự tinh cần không nên tinh cần.
27. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ.
28. Ta cũng không nói rằng tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ.
29. Ta cũng không nói rằng tất cả sự giải thoát nên giải thoát.
30. Ta cũng không nói rằng, tất cả sự giải thoát không nên giải thoát.

7. Này Gia chủ,:

21. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp **bất thiện** tăng trưởng, các pháp **thiện** tổn giảm, khổ hạnh ấy, Ta nói, không nên hành trì.

22. Phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, khổ hạnh ấy Ta nói nên hành trì.
23. Phàm chấp hành **chấp trì** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, chấp trì ấy, Ta nói, không nên chấp hành.
24. Phàm chấp hành chấp trì nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời chấp hành chấp trì ấy, Ta nói nên chấp trì.
25. Phàm **tinh cần** nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời tinh cần ấy, Ta nói rằng, không nên tinh tấn.
26. Phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời tinh cần ấy, Ta nói nên tinh tấn.
27. Phàm từ bỏ **từ bỏ** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời từ bỏ ấy, Ta nói, không nên từ bỏ.
28. Phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời từ bỏ ấy, Ta nói, nên từ bỏ.
29. Phàm giải thoát sự **giải thoát** nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời giải thoát ấy, Ta nói, không nên giải thoát.
30. Phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp **bất thiện** tổn giảm, các pháp **thiện** tăng trưởng, thời giải thoát ấy, Ta nói nên giải thoát.

Rồi gia chủ Vajjiyamàhita sau khi được Thế Tôn với một pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

8. Rồi Thế Tôn, sau khi gia chủ Vajjiyamàhita ra đi không bao lâu, bảo các Tỷ-kheo:

- Phàm Tỷ-kheo nào, đã lâu ngày với trần cấu ít trong Pháp và Luật này, vị ấy hãy như vậy bài bác các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bài bác nhờ Chánh pháp, như gia chủ Vajjiyamàhita đã làm.

57 Phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng - Kinh Mười Lực – Tương II, 56

Mười Lực – Tương II, 56

1). .. Trú Tại Sàvatthi.

2) Nay các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt.

3-4). ..

5) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, *Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn.*

6) Như vậy, nay các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, khai thị, hiển lộ, các buộc ràng được cắt đoạn, thật là đủ cho Thiện nam tử do lòng tin xuất gia có thể bắt đầu tinh tấn (hành trì và nguyện).

Như vậy, nay các Tỷ-kheo, với Pháp được Ta khéo thuyết, hiển thị, hiển lộ các buộc ràng được cắt đoạn. *Chắc chắn dầu chỉ còn lại da, gân và xương trên thân, dầu thịt, máu trở thành khô cạn, mong rằng*

tinh tấn lực sẽ được kiên trì để chúng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ trượng phu lực, nhờ trượng phu tinh tấn, nhờ trượng phu cần đồng.

7) - Khổ thay, này các Tỷ-kheo, là người sống biếng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm!

- An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần, tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp, và mục đích lớn được viên mãn!

8) - Này các Tỷ-kheo, ***không phải với cái hạ liệt có thể đạt được cái cao thượng.***

- Này các Tỷ-kheo, ***phải với cái cao thượng mới đạt được cái cao thượng.***

- Đáng được tán thán, này các Tỷ-kheo, là Phạm hạnh này với sự có mặt của bậc Đạo Sư. Do vậy, này các Tỷ-kheo, ***hãy tinh tấn lên để chúng đạt những gì chưa chứng đạt, để chúng đắc những gì chưa chứng đắc, để chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ.***

9) ***Có vậy, sự xuất gia này của chúng ta sẽ không phải trống không, có kết quả, có thành tích*** (Sa udraya). Và những vật dụng chúng ta thọ dụng như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh, dầu

cho những thứ này là khiêm tốn (vokàrà), đối với chúng ta sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn.

10) Như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập. Này các Tỷ-kheo, *thấy được tự lợi* là vừa đủ để tinh tấn không phóng dật.

Hay này các Tỷ-kheo, *khi thấy lợi tha* là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

Hay này các Tỷ-kheo, *thấy lợi cả hai*, là vừa đủ để tinh tấn, không phóng dật.

58 Phản tượng là được lạc thọ - Kinh MAGANDIYA – 75 Trung II, 353

KINH MAGANDIYA (Magandiya sutta)

– Bài kinh số 75 – Trung II, 353

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại thị trấn của dân chúng Kuru tên là Kammasadhamma, trên thảm cỏ trong nhà lửa của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Kammasadhamma để khát thực. Đi khát thực ở Kammasadhamma xong, sau bữa ăn, trên đường khi khát thực về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để nghỉ trưa. Sau khi đi sâu vào khu rừng ấy, Thế Tôn đến ngồi dưới một gốc cây để nghỉ trưa.

Rồi du sĩ Magandiya, trong khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc họ Bharadvaja. Du sĩ Magandiya thấy thảm cỏ đã soạn sẵn trong nhà lửa của vị Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, khi thấy vậy liền nói với Bà-la-môn

thuộc dòng họ Bharadvaja:

– Tắm tắm cỏ này trong nhà lửa của Tôn giả Bharadvaja đã được sửa soạn cho ai, hình như là chỗ nằm ngủ của một Sa-môn?

– Thừa Tôn giả Magandiya, có Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Sakya (Thích-ca). Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Chỗ nằm này được sửa soạn cho Tôn giả Gotama ấy.

– Thật sự, này Tôn giả Bharadvaja, chúng tôi thấy một sự bất hạnh khi chúng tôi thấy chỗ ngủ của Tôn giả Gotama, một vị phá hoại sự sống (bhunahuno).

– Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Này Magandiya, hãy thận trọng lời Ông nói. Nhiều vương tộc trí giả, nhiều Bà-la-môn trí giả, nhiều Cư sĩ trí giả, nhiều Sa-môn trí giả có lòng tin nơi Tôn giả Gotama ấy, và đã tu tập theo Thánh đạo, theo Pháp và theo (chí) Thiện.

– Này Tôn giả Bharadvaja, nếu chúng tôi thấy

mặt Tôn giả Gotama, chúng tôi sẽ nói như sau trước mặt vị ấy: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Nếu Tôn giả Magandiya hoan hỷ, tôi sẽ tin lại sự tình này cho Sa-môn Gotama biết.

– Tôn giả Bharadvaja hãy yên lòng, và hãy nói lên những điều gì đã được nói.

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe được câu chuyện giữa Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja và du sĩ Magandiya. Và Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độ cư đứng dậy, đi đến nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, sau khi đến liền ngồi trên thảm cỏ đã soạn sẵn. Rồi Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja đang ngồi một bên:

– Nay Bharadvaja, có phải có cuộc nói chuyện giữa du sĩ Magandiya với Ông về vấn đề thảm cỏ này?

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Bharadvaja hoảng hốt, lông tóc dựng ngược, bạch Thế Tôn:

– Chính là điều chúng con muốn thưa với Tôn giả Gotama và Tôn giả Gotama đã đoán trước chúng con.

Nhưng cuộc nói chuyện này giữa Thế Tôn và Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja nói chưa xong, du sĩ Magandiya, khi đi bộ ngao du cùng khắp, đến tại ngôi nhà lửa của Bà-la-môn thuộc dòng họ Bharadvaja, đến tại chỗ Thế Tôn, sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với Thế Tôn, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liên ngôi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với du sĩ Magandiya đang ngồi một bên:

– *Này Magandiya, con mắt ưa thích sắc, ái lạc sắc, hoan hỷ sắc, và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì con mắt và thuyết pháp để phòng hộ con mắt. Này Magandiya, có phải vì vậy mà Ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"*

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Này Magandiya, tai ưa thích tiếng... Này

Magandiya, mũi ưa thích hương... Đây Magandiya, lưỡi ưa thích vị... Đây Magandiya, thân ưa thích xúc... Đây Magandiya, ý ưa thích pháp, ái lạc pháp, hoan hỷ pháp và Như Lai nhiếp phục, thủ hộ, hộ trì ý và thuyết pháp để phòng hộ ý. Đây Magandiya, có phải vì vậy mà ông nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống?"

– Chính vì vậy, Tôn giả Gotama, mà tôi nói: "Sa-môn Gotama là người phá hoại sự sống". Vì sao vậy? Thánh điển của chúng tôi đã truyền lại như vậy.

– Ông nghĩ thế nào, này Magandiya? Ở đây, có người trước kia đam mê các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các sắc pháp, sau khi đoạn tận sắc ái, sau khi trừ diệt nhiệt nã đối với sắc pháp, người này trừ với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Đây Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Ông nghĩ thế nào? Đây Magandiya, ở đây, có người trước kia đam mê các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận

thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Người ấy sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các xúc, sau khi đoạn tận xúc ái, sau khi trừ diệt nhiệt nã đối với các xúc, người này trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Nay Magandiya, Ông có nói gì về người này?

– Không có gì, Tôn giả Gotama.

– Nay Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Magandiya, Ta có ba tòa lâu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Nay Magandiya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lâu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi lâu đài ấy. **Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng, sau khi**

đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, **chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục.** Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, **có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém,** ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một gia chủ hay con một người gia chủ, giàu sang, tài vật nhiều, sở hữu nhiều, sống thọ hưởng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trưởng dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Vì ấy, sau khi làm thiện thân hành, sau khi làm thiện khẩu hành, sau khi làm thiện ý hành, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, đời này, cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba. Vì ấy ở đây, trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiện dục trưởng dưỡng một

cách đầy đủ, một cách sung mãn. Vị ấy thấy người gia chủ hay con người gia chủ đang thọ hưởng năm dục trường dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Thiên tử ấy, được chúng Thiên nữ vây quanh, thọ hưởng năm thiên dục trường dưỡng một cách đầy đủ, một cách sung mãn, vị ấy có ước vọng được như người gia chủ ấy, hay con người gia chủ ấy; hay năm dục trường dưỡng thuộc loài Người, hay trở lui về với các dục thuộc loài Người?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama! Vì sao vậy? Vì thiên dục, thưa Tôn giả Gotama, là kỳ diệu hơn, là vi diệu hơn nhân dục.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia. Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn các dục trường dưỡng các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi chơn biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với

khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ, ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt thiên lạc được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi; với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc, được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Người ấy thấy một người bị bệnh cùi khác, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ước vọng được như người cùi kia, hố than hồng, hay sự thọ dụng được liệu không?

– Không, thưa Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, khi có bệnh thời cần thuốc trị bệnh, khi không bệnh, thời không cần thuốc trị bệnh.

– Cũng vậy, này Magandiya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, các dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc đo thân nhận thức, các xúc ấy là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Rồi Ta sau một thời gian, **sau khi như chon biết được sự tập khởi, sự diệt trừ, vi ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục, sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.** Rồi Ta thấy các chúng sanh khác chưa xả ly tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Magandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chúng đạt thiên lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây Ta không ham thích.

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hừng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt (hai) cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hừng. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

– Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc phạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã.

– Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã, hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã?

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt nã, và xưa kia, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau

khô, rất là nồng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thừa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân (đầy) những lở loét, với thân hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, **lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

– Cũng vậy, này Magandiya, **sự xúc chạm với các dục** trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nồng cháy, rất là nhiệt não. Và này Magandiya, **những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ.**

Ví như, này Magandiya, một người bị bệnh cùi thân (đầy) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Magandiya, người bị bệnh cùi với thân (đầy) lở loét, thân bị hư thối nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với các

*móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than
hừng chừng nào thời miệng các vết thương ấy lại
càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng
thêm thối nát, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu,
thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết
thương.*

Cũng vậy, này Magandiya, các chúng sanh
chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các
dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt,
chạy theo các dục. Này Magandiya, các chúng sanh,
chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các
dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt,
càng chạy theo dục chừng nào, thời dục ái các
chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt
não thiêu đốt, và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa
thích do duyên nắm dục trưởng dưỡng.

*Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Ông có thấy
hay nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng
thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn nắm dục
trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt
não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú
với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh không?*

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Lành thay, này Magandiya! Này Magandiya,

Ta cũng không thấy, cũng không nghe một vị vua hay vị đại thần của vua hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn năm dục trưởng dưỡng, dục ái chưa được đoạn tận, dục nhiệt não chưa được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh.

☞ Nhưng này Magandiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã sống, đang sống hay sẽ **sống với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh**, tất cả những vị này, sau khi như chơn biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục ấy, với dục ái được đoạn tận, với dục nhiệt não được trừ diệt, đã trú, đang trú hay sẽ trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm được an tịnh.

Rồi Thế Tôn, thời ấy nói lên cảm hứng ngũ như sau:

Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.

Khi được nghe vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Lời này được Tôn giả Gotama khéo nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Con cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, con cũng đã được nghe lời này, do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, lời nói này lời nói kia phù hợp nhau.

– Nhưng này Magandiya, điều mà Ông đã được nghe do các vị Tôn sư, đại Tôn sư các du sĩ đã nói:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng,*

Thế nào là không bệnh? Thế nào là Niết-bàn?

Khi được nói vậy, du sĩ Magandiya, tự lấy tay xoa bóp chân tay của mình và nói:

– Thế nào là không bệnh, thưa Tôn giả Gotama?

Thế nào là Niết-bàn, thưa Tôn giả Gotama? Tôi nay không bệnh, an lạc, không có bệnh tật gì ở tôi.

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh". Và người ấy tìm tám vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tám y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tám y ấy, sau khi lấy, đắp trên mình. Sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh".

Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Kẻ sanh ra đã mù kia, *do biết, do thấy, lấy tám y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình; người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay, tám vải trắng xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh, hay là do lòng tin người có mắt?"*

– Thừa Tôn giả Gotama, do không biết, không thấy, kẻ sanh ra đã mù kia lấy tấm y thô, dính dầu và đất ấy để rồi sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình, người ấy hoan hỷ thốt lên lời nói tự mãn: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh" là do lòng tin người có mắt.

– Cũng vậy, này Magandiya, các du sĩ mù lòa, không có mắt, không biết không bệnh, không thấy Niết-bàn nhưng nói lên câu kệ này:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.*

☞ Này Magandiya, câu kệ này trong thời quá khứ đã được các bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên:

*Không bệnh, lợi tối thắng,
Niết-bàn, lạc tối thắng.
Bát chánh là độc đạo,
An ổn và bất tử.*

Và câu kệ ấy này được dân dân lan tràn đến dân chúng phàm phu.

Nhưng này Magandiya, thân này trở thành bệnh

khô, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng và với thân trở thành bệnh khô, trở thành cục bướu, trở thành mũi tên, trở thành bất hạnh, trở thành bệnh chướng này, Ông nói: "Thưa Tôn giả Gotama, cái này là không bệnh ấy, cái này là Niết-bàn ấy". Như vậy, này Magandiya, Ông không có Thánh nhãn ấy, với Thánh nhãn ấy Ông có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn.

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thấy thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt không khởi lên, mắt không được sáng tỏ. Này Magandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải vị thầy thuốc ấy cảm thấy mệt mỏi, phiền não không?

– Thưa vâng, Tôn giả Gotama.

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", và Ông không biết không bệnh, không biết Niết-bàn thời **như vậy làm Ta mệt mỏi, làm Ta phiền não.**

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta để ta có thể biết không bệnh, có thể thấy Niết-bàn".

– Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thấy thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tám vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tám vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy. Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhor bản về phía trên, bài tiết các nhor bản về phía dưới, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi. Người ấy

sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạn trừ tham dục đối với tầm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng (của người kia): "Thật sự trong một thời gian dài, Ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tầm y thô, dính dầu và đất: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn".

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. **Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạn trừ;** và Ông có thể nghĩ như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ, chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ, chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ, chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ, chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

– Con có lòng tin Tôn giả Gotama như sau: "Tôn

giả Gotama có thể thuyết pháp cho ta khiến ta có thể từ chỗ ngồi này đứng dậy, không còn mù nữa".

– Vậy này Magandiya, hãy thân cận các vị chân nhân. Này Magandiya, do Ông thân cận các vị chân nhân, thời này Magandiya, Ông sẽ được nghe diệu pháp. Này Magandiya, do ông được nghe diệu pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp. Này Magandiya, do Ông sống đúng với Chánh pháp và tùy pháp, thời này Magandiya, Ông sẽ tự mình biết, tự mình thấy: "Đây là những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên. Ở đây, những bệnh chướng, những cục bướu, những mũi tên được trừ diệt, không có dư tàn". Do chấp thủ được diệt ở ta, nên hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt; do sanh diệt, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được diệt trừ. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này".

Khi được nghe nói vậy, du sĩ Magandiya bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối

để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được các Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Con xin xuất gia với Tôn giả Gotama, con xin thọ đại giới.

– Nay Magandiya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này phải sống **bốn tháng biệt trú**. Sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng Ta nhận thấy các tánh con người sai biệt nhau.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu những người xưa kia là ngoại đạo, nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này, phải sống bốn tháng biệt trú, sau khi sống bốn tháng biệt trú, các Tỷ-kheo nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, cho thọ đại giới; thời con sẽ xin sống biệt trú bốn năm, sau khi sống biệt trú bốn năm, nếu các Tỷ-kheo đồng ý, hãy cho con xuất gia, hãy cho con thọ đại giới để thành Tỷ-kheo.

Và du sĩ Magandiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Magandiya ở một mình an tịnh, không phóng dật, sống nhiệt tâm, cần mẫn. **Và không bao lâu, vị này**

chúng được mục đích tối cao mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Đó là mục đích của vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, sau đời này sẽ không có đời sống khác nữa". Tôn giả Magandiya hiểu biết như vậy.

Và Tôn giả Magandiya trở thành một vị A-la-hán nữa.

59 Phản ứng - Kinh LUYẾN ÁI – Tăng II, 228

LUYẾN ÁI – Tăng II, 228

1.- Nay các Tỷ-kheo, có bốn sự được sanh khởi này. Thế nào là bốn?

- Luyến ái sanh từ luyến ái,
- Sân sanh từ luyến ái,
- Luyến ái sanh từ sân,
- Sân sanh từ sân.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là luyến ái sanh từ luyến ái?

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, có người là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy khả lạc, khả hỷ, khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với ta, lại được các người khác đối xử khả lạc, khả hỷ, khả ý". Do đó người ấy khởi lên luyến ái đối với những người ấy. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là luyến ái sanh khởi từ luyến ái.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là sân sanh từ luyến ái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với ta, nhưng không được các người khác đối xử khả lạc, khả hỷ, khả ý". Do đó người ấy khởi lên lòng sân đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sân được sanh khởi từ luyến ái.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là luyến ái được sanh khởi từ sân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này không khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với ta. Và các người khác đối xử với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý". Do đó người ấy khởi lên luyến ái đối với các người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là luyến ái được sanh khởi từ sân.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lòng sân được sanh khởi từ lòng sân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rồi các người khác

đối với người ấy khả lạc, khả hỷ, khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý đối với ta. Và các người khác đối xử với người ấy khả lạc, khả hỷ, khả ý". Do đó người ấy khởi lên lòng sân đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sân được sanh khởi từ lòng sân.

Này các Tỷ-kheo, có bốn luyến ái này sanh ra.

6. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly các dục, ly các pháp bất thiện ... chứng đạt và an trú Sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ sân, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt.

7. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai ... Thiền thứ ba ... Thiền thứ tư. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ sân, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt.

8. Nay các Tỷ-kheo, trong thời gian Tỷ-kheo do **đoạn diệt các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát. **Luyện ái sanh ra từ luyện ái, luyện ái ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây tala, đã được làm không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.** Sân sanh ra từ luyện ái, sân ấy đã được đoạn tận ... không thể sanh khởi trong tương lai; luyện ái sanh ra từ sân, luyện ái ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây tala, đã được làm không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân sanh ra từ sân, sân ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây tala, đã được làm không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là **Tỷ-kheo không lôi cuốn, không phản ứng, không un khói, không bốc cháy, không sưng sờ.**

9. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo lôi cuốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **quán sắc từ tự ngã, hay quán tự ngã có sắc,** hay quán sắc trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong sắc; quán **thọ** từ tự ngã, hay quán tự ngã có thọ, hay quán thọ trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thọ; quán **tưởng** từ tự ngã, hay

quán tự ngã có tướng, hay quán tướng trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong tướng; quán các **hành** từ tự ngã, hay quán tự ngã có các hành, hay quán các hành trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong các hành; quán **thức** từ tự ngã, hay quán tự ngã có thức, hay quán thức trong tự ngã, hay quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo lôi cuốn.

10. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không lôi cuốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **không quán sắc từ tự ngã**, hay không quán tự ngã có sắc, hay không quán sắc trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong sắc; không quán thọ ... không quán tưởng ... không quán các hành ... không quán thức từ tự ngã, hay không quán tự ngã có thức, hay không quán thức trong tự ngã, hay không quán tự ngã ở trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không lôi cuốn.

11. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo phản ứng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo **mắng chửi** lại những ai mắng chửi, **nổi sân** lại những ai nổi sân, **gây hấn** lại những ai gây hấn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo phản ứng.

12. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phản ứng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không mắng chửi lại những ai mắng chửi, không nổi sân lại những ai nổi sân, không gây hấn lại những ai gây hấn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không phản ứng.

13. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo un khói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong đời này"; "Ta có mặt như vậy"; "Ta có mặt khác như vậy"; "Ta không phải thường hằng"; "Ta là thường hằng"; "Ta phải có mặt hay không?"; "Ta phải có mặt trong đời này?"; "Ta có mặt như vậy"; "Ta có mặt khác như vậy"; "Mong rằng ta có mặt"; "Mong rằng ta có mặt trong đời này"; "Mong rằng ta có mặt như vậy!"; "Mong rằng ta có mặt khác như vậy!"; "Ta sẽ có mặt"; "Ta sẽ có mặt trong đời này"; "Ta sẽ có mặt như vậy"; "Ta sẽ có mặt khác như vậy". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo un khói.

14. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không un khói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi nào không có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời cũng không có những ý nghĩ: "Ta

có mặt trong đời này"; "Ta có mặt như vậy"; "Ta có mặt khác như vậy"; "Ta không phải thường hằng"; "Ta là thường hằng"; "Ta phải có mặt hay không?"; "Ta phải có mặt trong đời này?"; "Ta có mặt như vậy"; "Ta có mặt khác như vậy"; "Mong rằng ta có mặt"; "Mong rằng ta có mặt trong đời này"; "Mong rằng ta có mặt như vậy!"; "Mong rằng ta có mặt khác như vậy!"; "Ta sẽ có mặt"; "Ta sẽ có mặt trong đời này"; "Ta sẽ có mặt như vậy"; "Ta sẽ có mặt khác như vậy". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không un khói.

15. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bốc cháy?

Khi nào có tư tưởng: "Với cái này, Ta có mặt", thời có những tư tưởng sau: "Với cái này, Ta có mặt trong đời này"; "Với cái này, Ta có mặt như vậy"; "Với cái này, Ta có mặt khác như vậy"; "Với cái này, Ta không phải thường hằng"; "Với cái này, Ta là thường hằng"; "Với cái này, Ta phải có mặt hay không?"; "Với cái này, Ta phải có mặt trong thế giới này?"; "Với cái này, Ta có mặt như vậy"; "Với cái này, Ta có mặt khác như vậy"; "Với cái này, mong rằng ta có mặt"; "Với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này"; "Với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy!"; "Với cái này, ta sẽ có mặt"; "Với cái này, ta sẽ có mặt

trong đời này"; "Với cái này, ta sẽ có mặt như vậy"; "Với cái này, ta sẽ có mặt khác như vậy". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bốc cháy.

16. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không bốc cháy?

Khi nào không có tư tưởng: "Với cái này, Ta có mặt", thời cũng không có những tư tưởng sau: "Với cái này, Ta có mặt trong đời này"; "Với cái này, Ta có mặt như vậy"; "Với cái này, Ta có mặt khác như vậy"; "Với cái này, Ta không phải thường hằng"; "Với cái này, Ta là thường hằng"; "Với cái này, Ta phải có mặt hay không?"; "Với cái này, Ta phải có mặt trong thế giới này?"; "Với cái này, Ta có mặt như vậy"; "Với cái này, Ta có mặt khác như vậy"; "Với cái này, mong rằng ta có mặt"; "Với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này"; "Với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy!"; "Với cái này, ta sẽ có mặt"; "Với cái này, ta sẽ có mặt trong đời này"; "Với cái này, ta sẽ có mặt như vậy"; "Với cái này, ta sẽ có mặt khác như vậy". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không bốc cháy.

17. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không có sừng sờ?

Ở đây, sự **kiêu mạn**: "Tôi là" của vị Tỷ-kheo được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây tala, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không có sừng sò.

60 Phần nộ - 4 hạng người - Kinh CÁC CON RẮN – Tăng II, 23

CÁC CON RẮN – Tăng II, 23

1. - Nay các Tỷ-kheo, có **bốn loại rắn**. Thế nào là bốn?

- Loại rắn có nọc độc, nhưng không ác độc;
- Loại ác độc nhưng không nọc độc;
- Loại có nọc độc và ác độc;
- Loại không có nọc độc, không có ác độc.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn loại rắn độc này.

2. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, có **bốn hạng người được ví dụ với các loại rắn** này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

- Hạng người có nọc độc nhưng không ác độc;
- Hạng người ác độc nhưng không nọc độc;
- Hạng người có nọc độc, có ác độc;
- Hạng người không có nọc độc, không có ác độc.

3. Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có nọc độc, nhưng không ác độc?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **rất mau phần nộ, nhưng phần nộ không tồn tại lâu dài.** Như vậy là hạng người có nọc độc, nhưng không ác độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn có nọc độc, nhưng không ác độc ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có ác độc, nhưng không có nọc độc?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không mau phần nộ, nhưng phần nộ tồn tại lâu dài.** Như vậy là hạng người có ác độc, nhưng không có nọc... giống như ví dụ ấy.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có nọc độc và có ác độc?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **rất mau phần nộ và phần nộ tồn tại lâu dài.** Như vậy là hạng người có nọc độc và có ác độc... giống như ví dụ ấy.

6. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có nọc độc và không có ác độc?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người **không mau phần nộ và phần nộ không tồn tại lâu dài.**

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có nọc độc, và không có ác độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn không có nọc độc, không có ác độc ấy, Ta nói rằng, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

61 Phần nộ - Kinh CHỮ VIẾT TRÊN ĐÁ, TRÊN ĐẤT, TRÊN NƯỚC – Tầng I, 517

CHỮ VIẾT TRÊN ĐÁ – TRÊN ĐẤT – TRÊN NƯỚC – *Tầng I, 517*

1. - Có ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

- Hạng người như chữ viết trên **đá**,
- Hạng người như chữ viết trên **đất**,
- Hạng người như chữ viết trên **nước**

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đá?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này tiếp tục lâu dài.
- Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên đá không bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, được tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đá.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đất?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này không tiếp tục lâu dài.
- Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên đất bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người luôn luôn phần nộ và phần nộ của người này không có tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đất.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên nước?

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người dầu bị nói một cách kịch liệt, dầu có bị nói một cách ác độc, dầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện, và hoan hỷ.
- Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên nước được mau chóng biến mất, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có người dầu bị nói một cách kịch liệt, dầu có bị nói một cách ác độc, dầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện, và hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên nước.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

62 **Phật tử - Con chánh tông của Thế Tôn** **- Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III,** **153**

KINH BÁT ĐOẠN **(Anupada sutta)**

– Bài kinh số 111 – Trung III, 153

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hiền trí;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Đại tuệ;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quảng tuệ;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hỷ tuệ (Hasupanna);
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Tiệp tuệ

(javanapanna);

- Nay các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Lợi tuệ (tikkhapanna);
- Nay các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quyết trạch tuệ (nibbedhikapanna).
- Nay các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sariputta quán bất đoạn pháp quán. Nay các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sariputta.

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Sariputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như **tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; các pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn.** Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi an trú, được Sariputta biết đến khi đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. **Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có**

hiều việc phải làm hơn nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba, như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý; những

pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư, như xả, bất khổ bất lạc thọ, thọ (passivedana?), vô quán niệm tâm (Cetaso anabhogo), thanh tịnh nhờ niệm, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; **những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn**, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không, vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như Thức vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập,

không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ, như Vô sở hữu xứ tướng, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không

có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và an trú **Diệt thọ tưởng** (định). Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. **Sariputta biết: "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sariputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa".**

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới,

được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát. Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "***Sariputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát***".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất". Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "***(Sariputta) là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất***".

Sariputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

63 Phật tử - Khi nào có thể nói TA LÀ CON CHÁNH TÔNG... - Kinh KHỞI THỂ NHÂN BỒN – 27 Trường II, 387

KINH KHỞI THỂ NHÂN BỒN – Bài kinh số 27 – Trường II, 387

Như vậy tôi nghe:

1. Một thời Thế Tôn trú tại Sàvatthi (Xá vệ), Pubbàrama (Thành Tín Viên lâm), ở lầu của Migàramātu (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ, Vāsettha và Bhàradvāja sống giữa các vị Tỷ kheo và muốn trở thành Tỷ kheo. Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu.

2. Vāsettha thấy Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi ngôi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Thấy vậy Vāsettha nói với Bhàradvāja:

- Nay bạn Bhàradvāja, Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh khởi dậy, bước xuống khỏi lầu, đi qua lại giữa trời, dưới bóng ngôi lầu. Nay bạn Bhàradvāja,

chúng ta hãy đến yết kiến Thế Tôn. Rất có thể chúng ta được nghe thời pháp từ Thế Tôn.

- Thưa vâng, Hiền giả!

Bhàradvāja vâng theo lời Vāsettha. Rồi cả Vāsettha và Bhàradvāja cùng đến gần Thế Tôn, khi đến xong đánh lễ Ngài và đi theo sau lưng Thế Tôn, khi Ngài đang đi qua đi lại.

3. Rồi Thế Tôn nói với Vāsettha:

- Này Vāsettha, Người sanh trưởng là Bà la môn và thuộc gia tộc Bà la môn, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình từ gia tộc Bà la môn. Này Vāsettha, người Bà la môn có chỉ trích Người, phỉ báng Người chăng?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn thật có chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

- Này Vāsettha, các vị Bà la môn dùng lời lẽ như thế nào để chỉ trích các Người, phỉ báng các Người, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện?

- Bạch Thế Tôn, các vị Bà la môn đã nói như sau: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ liệt. Chỉ có giai cấp Bà-la-môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên. Các Người đã từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện - giai cấp các Sa môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân. Làm vậy thật là không tốt, làm vậy thật là không hợp, khi các Người từ bỏ giai cấp tối thượng, cúi mình vào giai cấp hạ tiện, giai cấp Bà la môn trọc đầu, đê tiện, đen đui, giòng giống thuộc bàn chân". Bạch Thế Tôn, như vậy các vị Bà la môn chỉ trích chúng con, phỉ báng chúng con, với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện, chớ không phải không toàn diện.

4. - Nay Vasettha, **các người Bà la môn thật đã quên quá khứ khi họ nói:** "Bà la môn là giai cấp tối thượng, giai cấp khác là hạ tiện. Chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen. Chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy. Chỉ có Bà la môn mới là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm

thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

Này Vasettha, các nữ Bà-la-môn, vợ của các Bà-la-môn được thấy là có kinh nguyệt, có mang thai, có sanh con, có cho con bú. Và những Bà-la-môn ấy chính do thai sanh lại nói rằng: "Bà-la-môn là giai cấp tối thượng... là con cháu thừa tự của Phạm thiên".

5. Này Vasettha, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá và Sudda Thủ-đà-la.

— Này Vasettha, có người Sát-đế-ly sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tâm tham, có tâm sân, có tà kiến. Này Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện; những pháp ấy là có tội và được gọi là có tội; những pháp ấy không nên hành trì và được gọi là các pháp không nên hành trì; những pháp ấy không xứng Thánh pháp và được gọi là không xứng Thánh pháp; những pháp ấy là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát-đế-ly.

— Này Vasettha có người Bà-la-môn...

– Nay Vasettha có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la sát sanh... có tà kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là bất thiện và được gọi là bất thiện... là hắc pháp và hắc báo; những pháp ấy bị người có trí quả trách. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.

6. Nay Vasettha:

– Có người Sát đế ly không sát sanh, không lấy của không cho, không có tà hạnh, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tâm tham, không có tâm sân, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp ấy được người có trí tán thán. Ở đây, những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Sát đế ly.

– Nay Vasettha, có người Bà la môn...

– Nay Vasettha, có người Phệ xá...

– Nay Vasettha, có người Thủ đà la không sát sanh... không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Nay Vasettha, những pháp ấy là thiện và được gọi là thiện; những pháp ấy không có tội và được gọi là không có tội; những pháp ấy nên hành trì và được gọi là các pháp nên hành trì; những pháp ấy xứng Thánh pháp và được gọi là xứng Thánh pháp; những pháp ấy là bạch pháp và có bạch quả; những pháp được người có trí tán thán. Ở đây, **những pháp ấy được tìm thấy trong một số người Thủ đà la.**

7. Nay Vasettha, **vì rằng cả hai pháp hắc và bạch được chỉ trích và được tán thán bởi những người có trí, đều có mặt lẫn lộn trong bốn giai cấp này, nên ở đây, những Bà la môn nào nói rằng:** "*Bà la môn là giai cấp tối thượng, các giai cấp khác là hạ liệt; chỉ có giai cấp Bà la môn là da trắng, giai cấp khác là da đen; chỉ có Bà la môn là thuần túy, các giai cấp phi Bà la môn không phải như vậy; chỉ có Bà la môn là con chính tông của Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, do Phạm thiên sanh, do Phạm thiên tạo ra, là con cháu thừa tự của Phạm thiên.*" **Các vị có trí không thể chấp nhận như vậy.** Tại sao vậy? Nay Vasettha, vì rằng nếu có ai trong bốn giai cấp là một

vị Tỷ kheo, một vị A la hán, các lậu hoặc đã được diệt tận, phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt mục đích tối thượng, hữu kiết sử đã diệt, nhờ chánh trí đã được giải thoát, vì ấy sẽ được xem là tối thượng so sánh với bốn giai cấp, vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp. Nay Vasettha, Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

8. Nay Vasettha, đây là một chứng minh điển hình để biết vì sao Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

Nay Vasettha, vua Pasenadi (Ba tư nặc) nước Kosala biết rằng: "Sa môn Gotama xuất gia từ giòng họ liên hệ Sàkyà, tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với vua Pasenadi nước Kosala rất lễ độ phải phép. Cũng vậy vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng, đánh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép, vì vua nghĩ: "Có phải Sa môn Gotama là thiện sanh? Còn ta không phải thiện sanh; Sa môn Gotama có hùng lực, ta không có hùng lực; Sa môn Gotama có dáng mặt đẹp đẽ, còn ta có dáng mặt thô xấu; Sa môn Gotama là vị có nhiều thế lực, còn ta ít có thế lực?" **Vì rằng vua Pasenadi nước Kosala tôn trọng Pháp, cung kính Pháp,**

đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp, kính lễ Pháp nên vua tôn trọng, đảnh lễ, đứng dậy, chấp tay và đối xử với Như Lai rất lễ độ, phải phép. Này Vasettha, với chứng minh điển hình này, cần hiểu như thế nào Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, trong đời này và cả đời sau.

9. Này Vasettha, các Người, sanh sai biệt, danh sai biệt, tánh sai biệt, gia hệ sai biệt, đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nếu có ai hỏi: "Các vị là ai?", các Người cần trả lời: "**Chúng tôi là Sa môn, dưới sự lãnh đạo của Thích ca tử**".

➔ Này Vasettha, **ai có lòng tin Như Lai, lòng tin ấy được an trú, có căn để an trú và chắc chắn, một lòng tin không bị lôi kéo bởi** Sa môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một vị nào ở trên đời, **vị ấy có thể nói: "Ta là con chính tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra, là con cháu thừa tự của Pháp."** Vì sao vậy? Này Vasettha, **vì là những chữ đồng nghĩa với Như Lai là Pháp thân, là Phạm thân, là Pháp thể, là Phạm thể.**

10. Này Vasettha, có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển hoại. Trong khi thế giới chuyển hoại, các loại hữu

tình phần lớn **sinh qua cõi Àbhassara** (Quang Âm thiên). Ở tại đây, những loại chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài.

Này Vasettha, **có một thời đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành.**

Trong khi thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ Quang Âm thiên **thác sanh qua tại đây.** Những chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy một thời gia khá dài.

11. Này Vasettha, lúc bấy giờ:

- Vạn vật trở thành một thế giới toàn nước đen sẫm, một màu đen khiến mắt phải mù.
- Mặt trăng, mặt trời không hiện ra;
- Sao và chòm sao không hiện ra;
- Không có ngày đêm;
- Không có tháng và nửa tháng;
- Không có năm và thời tiết;
- Không có đàn bà, đàn ông.

- Các loài hữu tình chỉ được xem là loài hữu tình mà thôi.

Này Vasettha, đối với các loài hữu tình ấy, sau một thời gian rất lâu, vị đất tan ra trong nước. Như bọt nổi lên trên mặt cháo sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy như tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

12. Này Vasettha, có loài hữu tình, có tánh tham, nói: "Kìa xem, vật này là gì vậy?", lấy ngón tay nếm vị của đất. Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Này Vasettha, các loài hữu tình khác, theo gương hữu tình kia, lấy ngón tay nếm vị của đất.

- ⇒ Khi lấy ngón tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân và tham ái khởi lên. Rồi các hữu tình kia bắt đầu thương thức vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay nhỏ của họ, thời ánh sáng của họ biến mất.
- ⇒ Khi ánh sáng của họ biến mất, mặt trăng mặt trời hiện ra.
- ⇒ Khi mặt trăng, mặt trời hiện ra, thì sao và chòm sao hiện ra.

- ⇒ Khi sao và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra.
- ⇒ Khi ngày và đêm hiện ra, thì nửa tháng và tháng hiện ra.
- ⇒ Khi nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra.
- ⇒ Như vậy, này Vasettha, thế giới này bắt đầu thành trở lại.

13. Này Vasettha, những hữu tình ấy, thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

- Này Vasettha, vì các hữu tình ấy thưởng thức vị của đất, lấy đất làm chất ăn, lấy đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân của họ trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của họ trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp.
- Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."
- Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, vị của đất biến mất.
- Khi vị của đất biến mất, họ hội họp lại và kêu

than: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!", như ngày nay, khi loài Người có được vị ngon liền nói: "Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!" Như vậy họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

14. Nay Vasettha, khi **vị đất** đã biến mất với các hữu tình ấy, thời một loại **nấm đất** hiện ra. Như hình con rắn, chúng hiện ra như vậy. Loại nấm ấy có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của đất như mật ong thuần tính.

Này Vasettha, những hữu tình ấy bắt đầu ăn thứ nấm đất. Họ thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Này Vasettha, vì các chúng sanh ấy thưởng thức nấm đất, lấy nấm đất làm chất ăn, lấy nấm đất làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắc đẹp của chúng lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta". Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, nấm

đất biến mất.

Khi **nắm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra**. Như loại cây tre, chúng hiện ra như vậy. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây này giống như đề hồ hay thuần túy như tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh.

15. Nay Vasettha, các hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo này. Chúng bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì những hữu tình này bắt đầu thưởng thức loại cây leo, lấy cây leo làm chất ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu nên thân của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Ở đây các hữu tình có sắc đẹp khinh các hữu tình không có sắc đẹp: "Chúng ta có sắc đẹp hơn họ, họ không có sắc đẹp bằng chúng ta."

Do họ kiêu mạn và kiêu ngạo về sắc đẹp của họ, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, họ hội họp lại và kêu than: "Ôi, cái này thuộc của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta, nay cỏ và cây leo đã biến đi!"; như ngày nay khi loài Người được hỏi cái gì làm cho đau khổ, bèn trả lời: "Ôi, cái này thuộc

của chúng ta! Ôi hại thay cho chúng ta!" Như vậy, họ theo văn tự truyền thống của thời xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

16. Nay Vasettha, khi các loại cỏ, cây leo biến mất, thời **lúa xuất hiện** tại các khoảng trống, không có cám, không có vỏ, có mùi thơm và bột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều họ mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy, vào buổi sáng, lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, họ mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Nay Vasettha, những hữu tình ấy thường thức lúa mọc tại các khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu.

Nay Vasettha, vì các chúng sanh ấy thường thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, thân hình của họ trở thành cứng rắn hơn và sắp đẹp của họ lại càng sai biệt. **Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện; về phái nam, nam tánh xuất hiện.** Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng. Vì họ nhìn nhau kỹ lưỡng như vậy nên tình dục khởi lên, ái luyện đối với thân thể bắt đầu. **Do sự ái luyện, họ làm các hạnh dâm.**

Này Vasettha, lúc bấy giờ những chúng sanh ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò và nói: "Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy?"; như ngày nay, tại một số quốc độ, khi một cô dâu được rước đi, có người quăng bùn, có người quăng tro, có người quăng phân bò. Như vậy, chúng theo văn tự truyền thống xưa mà không biết ý nghĩa của nó.

17. Này Vasettha, lúc bấy giờ việc làm được xem là phi pháp này được xem là đúng pháp. Này Vasettha, lúc bấy giờ các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã áp một tháng hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy lúc bấy giờ chỉ trích mau chóng, vì hành động phi pháp, họ bắt đầu làm lâu, làm nhà để che dấu những hành động phi pháp của họ.

Này Vasettha, có loài hữu tình bản tánh biếng nhác tự nghĩ: "Sao ta lại tự làm ta mỗi một bằng cách đi tìm lúa buổi chiều cho buổi ăn chiều, buổi sáng cho buổi ăn sáng? Sao ta lại không tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều và buổi ăn sáng?" Này Vasettha, loài hữu tình ấy tìm lúa một lần cho cả buổi ăn chiều, cả buổi ăn sáng. Một hữu tình khác đến vị hữu tình

này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hãy đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần, cả cho buổi chiều và buổi sáng.

Này Vasettha, vị này noi theo vị hữu tình kia, đi tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, rồi một hữu tình khác đến vị hữu tình ấy và nói:

- Nay Bạn chúng ta hãy đi tìm lúa.

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả hai ngày rồi.

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho bốn ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, một vị hữu tình khác lại đến vị hữu tình này và nói:

- Nay Bạn, chúng ta hữu đi tìm lúa!

- Nay Bạn, tôi đã tìm lúa một lần đủ cho cả bốn ngày!

Này Vasettha, vị hữu tình này noi theo gương vị hữu tình kia, liền đi tìm lúa một lần đủ cho tám ngày.

- Nay Bạn, như vậy là tốt.

Này Vasettha, những vị hữu tình kia, bắt đầu tích trữ lúa để ăn, và cầm bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn; và cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm.

18. Nay Vasettha, các loài hữu tình ấy hội họp lại và than phiền:

- Nay các Bạn, các ác pháp đã hiện ra giữa các loài hữu tình. Chúng ta trước kia do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài. Đối với chúng ta, sau một thời gian khá dài, vị của đất hiện ra. Vị đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu bẻ đất từng cục bằng tay để ăn vị đất. Vì bắt đầu bẻ đất bằng tay từng cục để ăn, nên hào quang biến mất. Vì hào quang biến mất nên mặt trời, mặt trăng hiện ra. Vì mặt

trăng, mặt trời hiện ra nên các sao và chòm sao hiện ra. Vì các sao và chòm sao hiện ra, nên đêm, ngày hiện ra. Vì đêm, ngày hiện ra, nên nửa tháng và tháng hiện ra. Vì nửa tháng và tháng hiện ra, nên thời tiết và năm hiện ra. Chúng ta thường thức vị đất, lấy vị đất làm chất ăn, lấy vị đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Khi ác bất thiện pháp khởi lên giữa chúng ta, vị đất biến mất. Vì vị đất biến mất, nên nắm đất hiện ra. Nắm đất này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức nắm đất ấy, lấy nắm đất làm chất ăn, lấy nắm đất làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này khởi lên giữa chúng ta nên nắm đất biến mất. Vì nắm đất biến mất, nên cỏ và cây leo hiện ra. Cỏ và cây leo này có sắc, có hương và có vị. Chúng ta bắt đầu thường thức cỏ và cây leo ấy, lấy cỏ và cây leo làm chất ăn, lấy cỏ và cây leo làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp này xảy ra giữa chúng ta nên cỏ và cây leo biến mất. Vì cỏ và cây leo biến mất, nên lúa mọc tại khoảng trống hiện ra, không có cám, không có vỏ, thuần tịnh, có mùi thơm và hột trơn nhẵn. Chỗ nào vào buổi chiều, chúng ta mang đi để ăn chiều, thời tại chỗ ấy vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào vào buổi sáng, chúng ta mang đi để ăn sáng, thời tại chỗ ấy vào buổi chiều, lúa lại mọc lớn và chín, không có gián đoạn. Chúng ta thường thức lúa mọc tại khoảng

trồng, lấy lúa làm chất ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá dài. Vì các ác, bất thiện pháp ấy khởi lên giữa chúng ta, càm bắt đầu bọc hạt lúa trơn nhẵn và vỏ lúa bao bọc hạt lúa trơn nhẵn; và các cây lúa bị cắt không lớn lên được; và như vậy có sự gián đoạn. Và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Vậy nay, chúng ta hãy chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

Này Vasettha, các loại hữu tình ấy phân chia lúa và đắp đê làm bờ ruộng.

19. Này Vasettha, có vị hữu tình, bản tánh biếng nhác, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác và thưởng thức phần ấy. Người ta bắt người ấy và nói:

- Này Ngươi, Ngươi đã làm ác pháp, gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thưởng thức phần ấy. Nhà Ngươi chó có làm như vậy nữa.

- Thưa Bạn, vâng!

Này Vasettha, người này vâng theo lời nói của những người ấy. Này Vasettha, một lần thứ hai... Này Vasettha một lần thứ ba, người này gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và

thường thức phần ấy. Người ta bắt người này và nói:

- Nay Ngươi, Ngươi đã làm điều ác, vì Ngươi gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần không cho của người khác và thường thức phần ấy... Ngươi chớ có làm như vậy nữa.

→ Có người đập anh ta bằng tay, có người đập anh ta bằng đá, có người đập anh ta bằng gậy. Nay Vasettha, bắt đầu như vậy, lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt đánh đập xuất hiện.

20. Nay Vasettha, những loài hữu tình ấy hội họp lại và than khóc:

- Nay Tôn giả, ác pháp đã khởi lên giữa các loài hữu tình, trong hình thức lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, hình phạt xuất hiện. Chúng ta hãy đề cử một người. Người ấy sẽ tức giận khi đáng phải tức giận, khiển trách khi đáng phải khiển trách, hãy tàn xuất khi đáng phải tàn xuất. Chúng tôi sẽ dành cho Ngươi một phần lúa của chúng tôi.

- Xin vâng, các Tôn giả!

Nay Vasettha, vị hữu tình này vâng theo các vị hữu

tình kia, tức giận khi đáng tức giận, khiển trách khi đáng khiển trách, tấn xuất khi đáng tấn xuất. Và các vị hữu tình kia chia cho vị này một phần lúa.

21.

→ Đây Vasettha, *được lựa chọn bởi đại chúng*, tức là **Mahà-sammato**. Danh từ Mahà-sammato là danh từ đầu tiên được khởi lên.

→ Đây Vasettha, *"Vị chủ của ruộng vườn"* tức là **Khattiya**, là danh từ thứ hai được khởi lên".

→ *"Làm cho các người khác hoan hỷ bởi Pháp"*, tức là **Ràja** (vị vua). Ràja là danh từ thứ ba được khởi lên.

► Đây Vasettha, như vậy là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của Khattiya theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng ta ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, **một cách đúng pháp tắc (dhamma)**, không phải phi pháp. Đây Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

22. Đây Vasettha, một số các vị hữu tình suy nghĩ:

- Nay các Tôn giả, các ác, bất thiện pháp đã hiện ra giữa các loại hữu tình, như lấy của không cho, khiếm trách, nói láo, hình phạt, tấn xuất. Chúng ta hãy loại bỏ các ác, bất thiện pháp.

Vác vị ấy **loại bỏ các ác, bất thiện pháp, tức là Bràhmanà (Bà-la-môn), và chữ Bràhmanà là danh từ đầu tiên được khởi lên.** Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi họ xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong các khu rừng để tu thiền. Các người khác thấy vậy, nói như sau:

- Nay các Tôn giả, những loài hữu tình này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng và tu thiền trong những chòi bằng lá ấy. Đối với họ, than đở được dập tắt, khói được tiêu tan, cối và chày rơi ngã nghiêng, buổi chiều lo ăn buổi ăn chiều, buổi sáng lo buổi ăn sáng; họ đi vào làng, vào thị xã, vào kinh đô để khát thực. Khi xin được đồ ăn rồi, họ lại vào các chòi lá trong khu rừng để tu thiền. Nay Vasettha, họ **"Jhàyanti", tu thiền, tức là họ suy tư Jhàyakà. Jahàyakà là danh từ thứ hai được khởi lên.**

23. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Các người khác thấy vậy bèn nói:

"Này các Tôn giả, những loài hữu tình này, không thể tu thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, đã đi xuống xung quanh làng, xuống xung quanh thị xã để làm sách. Nay những vị này không tu thiền.

Này Vasettha, "Nadānima Jhāyanti" tức là ajjhāyaka, và ajjāyakā là chữ thứ ba được khởi lên (Các vị lập lại các tập Vedā). Nay Vasettha, thời ấy họ thuộc hạ cấp. Nay họ xem là cao thượng nhất.

Như vậy, nay Vasettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Bà-la-môn, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa những loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

24. Nay Vasettha, một số loài hữu tình này, theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác (Vissuta). Nay Vasettha, những ai theo pháp dâm dục, thiết lập ra các nghề nghiệp sai khác, như vậy gọi là Vessā. Danh từ Vessā được khởi lên.

Như vậy, này Vasettha là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Vessà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của họ là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

25. Này Vasettha, một số loài hữu tình còn lại lựa chọn săn bắn. Những ai sống săn bắn và theo các nghề hèn nhỏ, này Vasettha, được gọi là Suddà. Và danh từ Suddsà được khởi lên.

Như vậy, này Vasettha, là sự khởi lên nguồn gốc giới vực xã hội của các Suddà, theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Này Vasettha như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

26.

→ Này Vasettha, một thời có vị Khattiya (Sát đế ly) tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".

- Vị Bà la môn, tự trách pháp của mình, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa-môn".
- Vị Vessà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Vị Suddà, tự trách pháp của mình, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình: "Tôi sẽ sống làm người Sa môn".
- Nay Vàsettha, giai cấp Samana (Sa-môn) được khởi lên từ bốn giai cấp ấy. Nguồn gốc của Sa-môn là ở giữa các loài hữu tình ấy, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng pháp tắc, không phải phi pháp. Nay Vàsettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

27. Nay Vàsettha, vị Khattiya, làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nay Vàsettha, vị Bà la môn... Nay Vàsettha, vị Vessà... Nay Vàsettha, vị Suddà làm tà hạnh về thân, làm tà hạnh về miệng, làm tà hạnh về ý, có tà kiến. Do tà kiến, tà nghiệp làm nhơn duyên,

sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào khổ giới, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

28. Nay Vasettha, vị Khattiya làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà làm chánh hạnh về thân, chánh hạnh về miệng, chánh hạnh về ý, có chánh kiến. Do chánh kiến, chánh nghiệp làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới.

29. Nay Vasettha, vị Khattiya, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, tho lãnh lạc và khổ thọ. Nay Vasettha, vị Bà la môn... Nay Vasettha, vị Vessà... Nay Vasettha, vị Suddà, làm hai hạnh về thân, hai hạnh về miệng, hai hạnh về ý, có chánh kiến, có tà kiến lẫn lộn. Do chánh kiến tà kiến, chánh hạnh tà hạnh lẫn lộn làm nhơn duyên, sau khi thân hoại mạng chung, thọ lãnh lạc và khổ thọ.

30. Nay Vasettha, vị Khattiya, chế ngự về thân, chế

ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại. Nay Vasettha, vị Bà la môn... vị Vessà... Nay Vasettha vị Suddà, chế ngự về thân, chế ngự về miệng, chế ngự về ý, sau khi tu tập Bảy pháp Giác chi đã diệt trừ hoàn toàn (các ác pháp) ngay trong đời hiện tại.

31. Nay Vasettha, trong bốn giai cấp này, vị Tỷ kheo, là bậc A la hán, lậu hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, hữu kiết sử đã trừ diệt, chánh trí giải thoát. Vị ấy được gọi là tối thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh pháp, không phải phi pháp. Nay Vasettha, như vậy Pháp là tối thượng ở đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

32. Nay Vasettha, bài kệ sau đây được Phạm thiên Sanamkumàra (Thường Đồng hình Phạm thiên) tuyên thuyết:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát đế lý tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Nay Vasettha, bài kệ này được Phạm thiên

Sanamkumàra, khéo hát chớ không phải vụng hát, khéo nói chớ không phải vụng nói, đầy đủ ý nghĩa chớ không phải không đầy đủ, được Ta chấp nhận.

Này Vàsettha, Ta cũng nói như sau:

*Chúng sanh tin giai cấp,
Sát để ly tối thắng.
Ai đủ cả trí, đức,
Tối thắng giữa Nhân, Thiên.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Vàsettha và Bhàradvāja hoan hỷ tín thọ lời giảng Thế Tôn.

64 Phật tự thuyết - Kinh SÁU SÁU – 148 Trung III, 629

KINH SÁU SÁU (Chadhakka sutam)

– Bài kinh số 148 – Trung III, 629

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm) tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, Bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- **Sáu nội xứ** cần phải được biết.
- **Sáu ngoại xứ** cần phải được biết.
- **Sáu thức thân** cần phải được biết.
- **Sáu xúc thân** cần phải được biết.
- **Sáu thọ thân** cần phải được biết.
- **Sáu ái thân** cần phải được biết.

Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? **Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ**. Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến "**Sáu ngoại xứ** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? **Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ**. Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến "**Sáu thức thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến "**Sáu xúc thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến "**Sáu thọ thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến "**Sáu thọ thân** cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến "**Sáu ái thân** cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến "**Sáu ái thân** cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là

sáu sáu thứ sáu.

Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc

đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "**Tai** là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "**Mũi** là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "**Lưỡi**

là tự ngã"... nếu có ai nói rằng: "**Thân** là tự ngã"...

Nếu có ai nói rằng: "**ý** là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên

phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói: "Thọ là tự ngã", như vậy không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Vì rằng sự sanh.. Do vậy nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Này các Tỷ-kheo, nhưng **đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến.** Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" Ai quán các sắc là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc: "Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi". Ai quán ái:

"Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán tai:
"Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán mũi:
"Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi:
"Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán thân:
"Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý:
"Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán các
pháp: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán
ý thức: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai
quán ý xúc: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi".
Ai quán thọ: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi".
Ai quán ái: "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỷ-kheo, **đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến**. Ai quán mắt: ""Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán **sắc**: "Cái này không phải là của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán **nhãn thức**: "Cái này không phải của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán **nhãn xúc**: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán **thọ**: "Cái này không phải là của tôi... không phải tự ngã của tôi". Ai quán **ái**: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán tai: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán mũi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi".

Ai quán thân: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán các pháp: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý thức: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi".

❖ Nay các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

- Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà **hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị ấy tùy tăng.**
- Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà **sâu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng.**
- Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà **không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng.**

☞ Đây các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước, tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy

chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

❖ Đây các Tỷ-kheo do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

– Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

– Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

– Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

☞ Đây các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên

đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên cảm xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên,

có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử **yếm ly** mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức; yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng, yếm ly mũi, yếm ly các hương; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị; yếm ly thân, yếm ly các xúc; yếm ly ý, yếm ly các pháp; yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. **Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy giải thoát.** Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

65 Phỉ báng - 11 tai họa - Kinh TAI HỌA – Tăng IV, 648

TAI HỌA – Tăng IV, 648

(Nghịệp - nghịệp do phỉ báng các bậc Thánh)

1. Nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắng nhiếc, chỉ trích quở trách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội người ấy không gặp một trong mười một tai họa.

2. Thế nào là mười một?

1. Không chứng điều chưa chứng.
2. Đã chứng được thời mất đi.
3. Diệu pháp không được tỏ rõ.
4. Hay là tự kiêu trong diệu pháp.
5. Hay là không hoan hỷ sống Phạm hạnh.
6. Hay phạm một tội ô uế.
7. Hay từ bỏ Phạm hạnh và hoàn tục.
8. Hay là thọ bệnh nặng.
9. Hay là đạt đến điên cuồng loạn tâm.
10. Hay là bất tỉnh mệnh chung.
11. Sau khi thân hoại mạng chung rơi vào cõi dữ, ác thú đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắg nhểc, chỉ trích, quở trách các bậc Thánh là nhữg vị đồng Phạm hạnh, thừi khỏg có sự kiện, khỏg có cơ hội rằng người ấy khỏg gặp một trong mười một tai họa này.

66 Phỉ báng - 5 nguy hại - Kinh MĂNG NHIẾC – Tăng II, 715

MĂNG NHIẾC – Tăng II, 715

1. - Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, **măng nhiếc, mạ ly, các vị tu Phạm hạnh**, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại.

2. Thế nào là năm?

- Phạm tội bị tấn xuất, chặt đứt con đường hướng thượng;
- Hay phạm một tội nhiễm;
- Hay cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng;
- Khi mạng chung tâm bị mê loạn;
- Sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, măng nhiếc, mạ ly, các vị tu Phạm hạnh, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này.

**67 Phụ nữ - 2 điều chưa thỏa mãn - Kinh
PHẨM NGƯỜI – Tăng I, 144**

PHẨM NGƯỜI – *Tăng I, 144*

10. Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ.

68 Phụng sự - Người nào phụng sự... - Kinh ESUKARI – 96 Trung II, 739

KINH ESUKARI (**Esukari sutta**)

– Bài kinh số 96 – Trung II, 739

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá Vệ), rừng Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Bà-la-môn Esukari đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Esukari bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự: chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn, chủ trương cho Sát-đế-ly (Khattiya), chủ trương phụng sự cho Phệ-xá (Vessa: người buôn bán), chủ trương phụng sự cho Thủ-đà (Sudda: lao công).

➡ Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ

trương phụng sự cho Bà-la-môn như sau:

- Bà-la-môn phụng sự cho Bà-la-môn;
- hay Khattiya phụng sự cho Bà-la-môn;
- hay Vessa phụng sự cho Bà-la-môn,
- hay Sudda phụng sự cho Bà-la-môn.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Bà-la-môn.

➡ Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Khattiya như sau:

- Khattiya phụng sự cho Khattiya;
- hay Vessa phụng sự cho Khattiya;
- hay Sudda phụng sự cho Khattiya.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Khattiya.

➡ Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Vessa như sau:

- Vessa phụng sự cho Vessa;
- hay Sudda phụng sự cho Vessa.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn

chủ trương phụng sự cho Vessa.

➡ Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Sudda như sau:

- Sudda phụng sự cho Sudda. Vì rằng không còn ai khác có thể phụng sự cho Sudda.

Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương phụng sự cho Sudda.

❖ *Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự này. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì về vấn đề này?*

– Nhưng này các Bà-la-môn, có phải tất cả mọi người ở đời đồng ý với các Bà-la-môn khi họ chủ trương bốn loại phụng sự này?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama.

– *Này Bà-la-môn, ví như một người nghèo nàn, không có sở hữu, khốn khổ, dầu cho người không muốn, bị bắt nuốt miếng thịt: "Này người kia, Ông phải ăn miếng thịt này và Ông phải trả một số tiền".* Cũng vậy, này Bà-la-môn, dầu không được các Samôn, Bà-la-môn ấy chấp nhận, các Bà-la-môn chủ trương bốn loại phụng sự này.

- Đây Bà-la-môn, Ta không nói rằng, tất cả cần phải phụng sự.
- Nhưng đây Bà-la-môn, Ta cũng không nói rằng, tất cả không cần phải phụng sự.
- Vì rằng, đây Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn, Ta không nói rằng, người đó cần phải phụng sự.
- Nhưng đây Bà-la-môn, nếu có ai trong khi phụng sự, trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn. Ta nói rằng, người đó cần phải phụng sự.

☞ Và nếu đây Bà-la-môn, có người hỏi vị Khattiya như sau: *"Người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho Ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn? Và như vậy ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào?"*

Vị Khattiya, đây Bà-la-môn, **nếu trả lời chân chánh** cần phải đáp như sau: *"Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên*

nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi".

➡ Và này Bà-la-môn , nếu có người hỏi Bà-la-môn ... (như trên) ...

➡ Này Bà-la-môn , nếu có người hỏi Vessa...

➡ Và này Bà-la-môn, nếu có người hỏi Sudda như sau: "Người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không trở thành tốt hơn; hay người phụng sự cho ông, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không trở thành xấu hơn? Và như vậy, ông ở đây cần phải được phụng sự bởi người nào?"

Người Sudda, này Bà-la-môn, nếu trả lời chơn chánh cần phải đáp như sau: "Người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành xấu hơn, không tốt hơn, thì tôi không cần người ấy phụng sự tôi. Nhưng nếu người nào phụng sự tôi, do nguyên nhân phụng sự này trở thành tốt hơn, không xấu hơn, thì tôi cần người ấy phụng sự tôi".

→ Này Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì sanh trong một gia đình cao quý.

→ Này Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì

sinh trong một gia đình cao quý.

- Đây Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì nhan sắc thù thắng.
- Đây Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì nhan sắc thù thắng.
- Đây Bà-la-môn, Ta không nói tốt hơn vì tài sản thù thắng.
- Đây Bà-la-môn, Ta không nói xấu hơn vì tài sản thù thắng.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sinh trong một gia đình cao quý, sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến. Do vậy, Ta không nói tốt hơn vì sinh trong một gia đình cao quý.

Ở đây, này Bà-la-môn có người sinh trong một gia đình cao quý từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành xấu hơn vì sinh trong gia đình cao quý.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người với nhan sắc

thù thắng... (như trên)...

Ở đây, này Bà-la-môn, có người với tài sản thù thắng, sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... có tà kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành tốt hơn vì có tài sản thù thắng.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người với tài sản thù thắng từ bỏ sát sanh... (như trên)... có chánh kiến. Do vậy, Ta không nói trở thành xấu hơn vì có tài sản thù thắng.

→ Này Bà-la-môn, Ta không nói tất cả cần phải phụng sự.

→ Nhưng này Bà-la-môn, Ta cũng không nói tất cả không cần phải phụng sự.

→ **Này Bà-la-môn, người nào phụng sự, do nguyên nhân phụng sự này, lòng tin được tăng trưởng, giới được tăng trưởng, sự nghe được tăng trưởng, bố thí được tăng trưởng, trí tuệ được tăng trưởng, Ta nói người ấy cần phải phụng sự.**

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Esukari bạch Thế Tôn:

❖ *Thưa Tôn giả Gotama, [các Bà-la-môn chủ trương](#)*

bốn loại tài sản, chủ trương tài sản của người Bà-la-môn, chủ trương tài sản của người Khattiya, chủ trương tài sản của người Vessa, chủ trương tài sản của người Sudda.

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Bà-la-môn là khất thực. Nhưng khi người Bà-la-môn khinh thường tài sản khất thực, người ấy không làm bốn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Bà-la-môn.
- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Khattiya là cung và tên. Nhưng khi người Khattiya khinh thường tài sản cung và tên, người ấy không làm bốn phận của mình, và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Khattiya.
- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Vessa là canh nông và nuôi bò. Nhưng khi người Vessa khinh thường tài sản canh nông và nuôi bò, người ấy không làm bốn phận của mình, và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản

của Vessa.

- Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương tài sản của Sudda là **lưỡi liềm và đòn gánh**. Nhưng khi người Sudda khinh thường tài sản lưỡi liềm và đòn gánh, người ấy không làm bốn phận của mình và giống như người chăn bò lấy của không cho. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn, chủ trương tài sản của người Sudda.

Các Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, chủ trương bốn loại tài sản này. Ở đây, Tôn giả Gotama nói gì về vấn đề này?

– Nay Bà-la-môn, có phải tất cả mọi người ở đây đồng ý với các Bà-la-môn khi họ chủ trương bốn loại tài sản này?

– Không có vậy, thưa Tôn giả Gotama.

– Nay Bà-la-môn, ví như một người nghèo nàn, không có sở hữu, khốn khổ, dầu cho người đó không muốn, bị bắt nuốt miếng thịt: "Này người kia, Ông phải ăn miếng thịt này và Ông phải trả một số tiền". Cũng vậy, này Bà-la-môn, dầu không được các Bà-la-môn, Sa-môn ấy chấp nhận, các Bà-la-môn vẫn chủ trương bốn loại tài sản này.

→ **Này Bà-la-môn, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp vô thượng.**

Trong khi nhớ đến gia hệ thuở xưa của mình về phía cha và mẹ, chỗ nào một tự thể sanh ra, thời sẽ được chấp nhận tùy thuộc chỗ ấy.

- Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Khattiya, thời được chấp nhận là Khattiya.
- Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn, thời được chấp nhận là Bà-la-môn.
- Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Vessa, thời được chấp nhận là Vessa.
- Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Sudda, thời được chấp nhận là Sudda.

Này Bà-la-môn, như tùy thuộc duyên gì một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa được chấp nhận theo duyên ấy.

- *Nếu do duyên củi, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa củi.*
- *Nếu do duyên dăm bào, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa dăm bào.*

- *Nếu do duyên cỏ, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa cỏ.*
- *Nếu do duyên phân bò, một ngọn lửa được đốt lên, thời ngọn lửa ấy được chấp nhận là lửa phân bò.*

Cũng vậy, này Bà-la-môn, Ta chủ trương tài sản cho con người là Thánh pháp vô thượng.

Trong khi nhớ đến gia hệ thuở xưa của mình về phía cha và mẹ, chỗ nào một tự thể sanh ra, thời sẽ được chấp nhận tùy thuộc chỗ ấy. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Khattiya, thời được chấp nhận là Khattiya. Nếu tự thể được sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn... trong một gia đình Vessa... trong một gia đình Sudda, thời được chấp nhận là Sudda.

→ Nhưng này Bà-la-môn, nếu một người từ một gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình nhờ pháp và luật được Như Lai tuyên thuyết, (người ấy) từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham tâm, không có sân tâm, có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn, nếu một người từ một gia đình Bà-la-môn...

...từ một gia đình Vessa... từ một gia đình Sudda xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ pháp và luật được Như Lai tuyên thuyết (người ấy) từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn. Ông nghĩ thế nào? Trong lập trường này, chỉ có người Bà-la-môn mới có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân; người Khattiya không có thể được, người Vessa không có thể được, người Sudda không có thể được?

– Thừa không phải vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya, thừa Tôn giả Gotama, cũng có thể trong lập trường này, tu tập từ tâm, không hận, không sân. Người Bà-la-môn cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama; người Vessa cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama; người Sudda cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, thừa Tôn giả Gotama, trong lập trường này đều có thể tu tập từ tâm, không hận, không sân.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Khattiya, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... (như trên)... có

chánh kiến, người ấy thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Chỉ có người Bà-la-môn mới có thể lấy cào lung và bột tắm, đi đến sông, và tắm rửa cho sạch đất và bụi; người Khattiya không thể được; người Vessa không thể được; người Sudda không thể được?

– Thừa không phải vậy, Tôn giả Gotama. Người Khattiya, thừa Tôn giả Gotama, cũng có thể lấy cào lung và bột tắm, đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi, người Bà-la-môn cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama; người Vessa cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama; người Sudda cũng vậy, thừa Tôn giả Gotama. Tất cả bốn giai cấp, thừa Tôn giả Gotama, đều có thể lấy cào lung và bột tắm đi đến sông và tắm rửa cho sạch đất và bụi.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu từ một gia đình Khattiya, có người xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người này nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Bà-la-môn; này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình

Vessa; này Bà-la-môn, nếu một người từ gia đình Sudda, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có vị vua Khattiya đã làm lễ quán đảnh, cho hội họp một trăm người thuộc nhiều chủng tánh khác nhau và nói: "Quý vị hãy đến đây, quý vị nào thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh ra từ hoàng tộc, hãy đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, bằng cây saka, hay cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, quay cho bật lửa và sức nóng hiện ra. Còn những người thuộc gia đình Chiên-đà-la (hạ tiện), thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đồ phân, hãy đến đây, đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-la (eland: cây thu đủ thầu dầu), và quay cho bật lửa và sức nóng hiện ra".

Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ có ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận

của đồ quay lửa, làm bằng cây saka, hay cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, chỉ có lửa ấy mới có ngọn, mới có màu sắc, mới có ánh sáng, và chỉ có ngọn lửa ấy mới dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên và sức nóng được tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đồ phân, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy không có ngọn, không có màu sắc, không có ánh sáng, và ngọn lửa ấy không có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại?

– Không phải vậy, thưa Tôn giả Gotama. Ngọn lửa được nhen lên, sức nóng được tạo ra, thưa Tôn giả Gotama, từ người thuộc gia đình Khattiya, thuộc gia đình Bà-la-môn, sanh từ hoàng tộc, sau khi đem đến bộ phận trên của đồ quay lửa, làm bằng cây saka hay cây sala, hay cây salala, hay cây chiêm-đàn, hay cây sen, ngọn lửa ấy có ngọn, có màu sắc, có ánh sáng, ngọn lửa ấy dùng được vào các công việc do lửa đem lại; còn ngọn lửa được nhen lên, và sức nóng tạo ra từ người thuộc gia đình hạ tiện, thuộc gia đình săn bắn, thuộc gia đình làm đồ tre, thuộc gia đình làm xe cộ, thuộc gia đình đồ phân, sau khi đem đến bộ

phận trên của đồ quay lửa, làm bằng gỗ máng chó ăn, hay máng heo ăn, hay máng giặt đồ, hay củi khô từ cây y-lan, lửa ấy cũng có ngọn, cũng có màu sắc, cũng có ánh sáng, và ngọn lửa ấy có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại. Thưa Tôn giả Gotama, tất cả ngọn lửa đều có ngọn, đều có màu sắc, đều có ánh sáng, tất cả loại lửa đều có thể dùng được vào các công việc do lửa đem lại.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu có người từ gia đình Khattiya xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, người ấy từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp. Nếu có người từ gia đình Bà-la-môn... Nếu có người từ gia đình Vessa... Nếu có người từ gia đình Sudda, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhờ pháp và luật do Như Lai tuyên thuyết, người ấy từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy được xem là thành tựu chánh đạo, thiện pháp.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Esukari bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama! ... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con

trộn đời quy ngưỡng.

69 Pilindavaccha - Đệ nhất Được chư Thiên ái mộ - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 3 - Tầng I, 51

CÁC VỊ TỶ KHEO 3 – *Tầng I, 51*

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tôi thắng là **Ràhula**.
2. Trong các vị... xuất gia vì lòng tin, tôi thắng là **Ratthapàla**.
3. Trong các vị... đầu tiên nhận phiếu ăn cơm, tôi thắng là **Kunda Dhàna**.
4. Trong các vị... đầy đủ biện tài, tôi thắng là **Vangisa**.
5. Trong các vị... dễ mến toàn diện, tôi thắng là **Upasena Vangantaputta**.
6. Trong các vị... sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, tôi thắng là **Dabba Mallaputta**.
7. Trong các vị... được chư Thiên ái mộ, tôi thắng là **Pilindavaccha**.

8. Trong các vị... có thắng trí mau lẹ, tôi thắng là **Bàhiva Dàructriya**.
9. Trong các vị... thuyết giảng vi diệu, tôi thắng là **Kumara Kassapa**.
10. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được Vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Màhàkotthita**.

70 Pindola Bhàradvàja - Đệ nhất Rống tiếng rống con sư tử - Kinh CÁC VỊ TỠ KHEO 1 - Tăng I, 49

CÁC VỊ TỠ KHEO 1 – Tăng I, 49

1. Trong các đệ tử **Tỷ-kheo đã lâu ngày** của Ta, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Anna Kondanno** (A-nhã Kiền-trần-như).
2. Trong các vị... **đại trí tuệ**, tôi thắng là **Sàriputta**.
3. Trong các vị... **có thần thông**, tôi thắng là **Mahàmoggalàna**.
4. Trong các vị... **thuyết về hạnh đầu đà**, tôi thắng là **Mahākassapa**.
5. Trong các vị... **thiên nhãn**... tôi thắng là **Anuruddha**.
6. Trong các vị... thuộc gia đình quý tộc, tôi thắng là **Bhaddiva Kàligodhàputta**.
7. Trong các vị... có âm thanh vi diệu, tôi thắng là **Lakuntaka** (người lùn) Bhaddiya.

8. Trong các vị... **rống tiếng trống con sư tử**, tôi thắng là **Pindola Bhàradvaja**.
9. Trong các vị... **thuyết pháp**, tôi thắng là **Punna Mantàniputta**.
10. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, **thuyết giảng rộng rãi** những điều được nói lên một cách văn tắt, tôi thắng là **Mahàkaccàna**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 2 – *Tăng I*, 50

1. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, có thể **dùng ý hóa thân**, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Cullapanthaka**.
2. Trong các vị **thiện xảo về tâm thắng tiến** (không phải vivaddha của nguyên bản), tôi thắng là **Cullapanthaka**.
3. Trong các vị **thiện xảo về tướng thắng tiến**... tôi thắng là **Mahàpanthaka**.

4. Trong các vị trú không có tranh luận... tôi thắng là **Subhuti**.
5. Trong các vị đáng được cúng dường... tôi thắng là **Subhuti**.
6. Trong các vị tu ở rừng... tôi thắng là **Revata Khadiravaniya**.
7. Trong các vị tu Thiền... tôi thắng là **Kankha Revata**.
8. Trong các vị tinh cần tinh tấn... tôi thắng là **Sono Koliviso**.
9. Trong các vị khéo nói... tôi thắng là **Sono Kutikanna**.
10. Trong các vị nhận được đồ cúng dường... tôi thắng là **Sivali**.
11. Trong các đệ tử Tỷ-kheo có tín thắng giải... tôi thắng là **Vakkali**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 3 – *Tăng I*, 51

11. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tối thắng là **Ràhula**.
12. Trong các vị... xuất gia vì lòng tin, tối thắng là **Ratthapàla**.
13. Trong các vị... đầu tiên nhận phiếu ăn cơm, tối thắng là **Kunda Dhàna**.
14. Trong các vị... đầy đủ biện tài, tối thắng là **Vangisa**.
15. Trong các vị... dễ mến toàn diện, tối thắng là **Upasena Vangantaputta**.
16. Trong các vị... sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, tối thắng là **Dabba Mallaputta**.
17. Trong các vị... được chư Thiên ái mộ, tối thắng là **Pilindavaccha**.
18. Trong các vị... có thắng trí mau lẹ, tối thắng là **Bàhiva Dàructriya**.

19. Trong các vị... thuyết giảng vì diệu, tối thắng là **Kumara Kassapa**.

20. Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Màhà-kotthita**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 4 – *Tăng I, 52*

1. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Ànanda**.

2. Trong các vị... đầy đủ ức niệm, tối thắng là **Ànanda**

3. Trong các vị... đầy đủ cử chỉ tốt đẹp, tối thắng là **Ànanda**.

4. Trong các vị... đầy đủ sự kiên trì, tối thắng là **Ànanda**.

1. 5. Trong các vị... thị giả, tối thắng là **Ànanda**.

5. Trong các vị... có đại hội chúng, tôi thắng là **Uruvela Kassapa**.
6. Trong các vị... làm cho các gia-đình hoan hỷ, tôi thắng là **Kàludàyì**.
7. Trong các vị... không có bệnh hoạn, tôi thắng là **Bakkula**.
8. Trong các vị... nhớ đến các đời sống quá khứ, tôi thắng là **Sobhita**.
9. Trong các vị... trì Luật, tôi thắng là **Upàli**.
10. Trong các vị... giáo giới Tỷ-kheo-ni, tôi thắng là **Nandaka**.
11. Trong các vị... hộ trì các căn môn,... tôi thắng là **Nanda**.
12. Trong các vị... thiện xảo về hỏa giới,... tôi thắng là **Sàgata**.
13. Trong các vị... giáo giới các Tỷ-kheo,... tôi thắng là **Màhakappina**.

14.Trong các vị... **năng khởi biện tài**,... tối thắng là **Ràdha**.

15.Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta **mang thô y**,
này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Moghràjà**.

71 Pukkusati - Tại nhà người thợ gốm - Kinh GIỚI PHÂN BIỆT – 140 Trung III, 541

KINH GIỚI PHÂN BIỆT
(**Dhatuvibhanga sutam**)
– Bài kinh số 140 – Trung III, 54

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà **thợ gốm Bhaggava**; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình,

sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy). Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tén thành, Ta hãy hỏi vị ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai? Ai là Đạo sư của Ông? Ông chấp nhận pháp của ai?

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn".

Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– *Này Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu?*

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện nay đang ở.

– *Này Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không?*

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ: "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– *Này Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành, bốn thắng xú, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.*

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có **sáu giới**", do duyên gì được nói đến như vậy? Địa giới, (thủy giới), hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.*

➔ *Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có **sáu xúc xú**", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.*

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có **mười tám ý hành**", do duyên gì được nói đến như*

vậy? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xứ của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xứ của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xứ của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xứ của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "**Người này có bốn thắng xứ**", do duyên gì được nói đến như vậy?* Tuệ thắng xứ, đề thắng xứ, huệ thí thắng xứ, tịch tịnh thắng xứ. Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xứ", chính do duyên này được nói đến như vậy.

➔ *Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

- **Thế nào là không buông lung trí tuệ?** Có sáu giới này: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

- Đây Tỷ-kheo, thế nào là địa giới? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và đây Tỷ-kheo, thế nào là **nội địa giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thân, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, đây Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. *Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.*
- Và đây các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và đây Tỷ-kheo, thế nào là **nội thủy giới**? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở

khớp xương, nước tiểu, và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

- Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hỏa giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủ hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, nếm, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc

về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

- Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội phong giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong

giới, tâm tư từ bỏ phong giới.

- Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là **nội hư không giới**? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được nếm và được tổng xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

- Lại nữa, khi **thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy**. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc.
- Nay Tỷ-kheo, duyên **lạc xúc**, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
- Nay Tỷ-kheo, duyên **khổ xúc**, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết: "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".
- Nay Tỷ-kheo, duyên **bất khổ bất lạc xúc**, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ lạc thọ, tuệ tri rằng: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri: "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỷ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ

xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Này Tỷ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng: "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Này Tỷ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, **xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, chói sáng.** *Ví như, này Tỷ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người đệ tử sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kèm kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sửa, thanh tịnh, gột sạch, các uế*

tập được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyển, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng nhẫn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyển, dễ uốn nắn, chói sáng. Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài. Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau: "Nếu ta tập trung xả

này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi".

Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quá rồi vị ấy; do chấp thủ không quá rồi vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

- ➔ **Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri:** "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- ➔ **Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri:** "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- ➔ **Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri:** "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri: "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri: "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".
- ➔ **Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị**

ấy cảm giác thọ ấy.

- ➔ Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➔ Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy.
- ➔ Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu". Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt...

...Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri: "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri: "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối

thắng **TUỆ THẮNG XỨ** này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tuệ**, nghĩa là trí biết sự đoạn tận mọi đau khổ.

Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào **CHÂN ĐẾ**, không bị dao động. Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **ĐẾ** thắng xứ này. Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh đế**, tức là **Niết-bàn**, không có thể đưa đến hư vọng.

Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng **HUỆ THÍ** thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh huệ thí**, tức là sự xả ly tất cả sanh y.

Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phần nộ vô trí thức trước của nó, thuộc

sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng **TỊCH TỊNH** thắng xứ. Nay Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng **Thánh tịch tịnh**, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến "**Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh**", chính do duyên này được nói đến như vậy.

→ *Khi được nói đến "**Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh**", do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Nay Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng.

- "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi sẽ có tướng", như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi sẽ không có tướng", như vậy là vọng tưởng.
- "Tôi sẽ không có tướng, không không có tướng", như vậy là vọng tưởng.

☞ Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bướu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh.

☞ Nhưng này Tỷ-kheo, vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được? Không già, làm sao chết được? Không chết làm sao dao động được? Không dao động, làm sao hy cầu?

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh" do chính duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt

của Ta về sáu giới.

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau: "**Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta!**" Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Nay Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng nay Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng nay Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Pukkusati, **sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết**

sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

72 Punna Mantàniputta - Đệ nhất Thuyết pháp - Kinh CÁC VỊ TỶ KHEO 1 - Tăng I, 49

CÁC VỊ TỶ KHEO 1 – Tăng I, 49

11. Trong các đệ tử **Tỷ-kheo đã lâu ngày** của Ta, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Anna Kondanno** (A-nhã Kiền-trần-như).
12. Trong các vị... **đại trí tuệ**, tôi thắng là **Sàriputta**.
13. Trong các vị... **có thần thông**, tôi thắng là **Mahàmoggalàna**.
14. Trong các vị... **thuyết về hạnh đầu đà**, tôi thắng là **Mahākassapa**.
15. Trong các vị... **thiên nhãn**... tôi thắng là **Anuruddha**.
16. Trong các vị... thuộc gia đình quý tộc, tôi thắng là **Bhaddiva Kàligodhàputta**.
17. Trong các vị... có âm thanh vi diệu, tôi thắng là **Lakuntaka** (người lùn) Bhaddiya.

- 18.Trong các vị... rống tiếng rống con sư tử, tôi thắng là **Pindola Bhàradvāja**.
- 19.Trong các vị... thuyết pháp, tôi thắng là **Punna Mantàniputta**.
- 20.Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, thuyết giảng rộng rãi những điều được nói lên một cách văn tắt, tôi thắng là **Mahākaccàna**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 2 – *Tăng I*, 50

- 12.Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ-kheo, tôi thắng là **Cullapanthaka**.
- 13.Trong các vị thiện xảo về tâm thắng tiến (không phải vivaddha của nguyên bản), tôi thắng là **Cullapanthaka**.
- 14.Trong các vị thiện xảo về tướng thắng tiến... tôi thắng là **Mahāpanthaka**.

- 15.Trong các vị trú không có tranh luận... tôi thắng là **Subhuti**.
- 16.Trong các vị đáng được cúng dường... tôi thắng là **Subhuti**.
- 17.Trong các vị tu ở rừng... tôi thắng là **Revata Khadiravaniya**.
- 18.Trong các vị tu Thiền... tôi thắng là **Kankha Revata**.
- 19.Trong các vị tinh cần tinh tấn... tôi thắng là **Sono Koliviso**.
- 20.Trong các vị khéo nói... tôi thắng là **Sono Kutikanna**.
- 21.Trong các vị nhận được đồ cúng dường... tôi thắng là **Sivali**.
- 22.Trong các đệ tử Tỷ-kheo có tín thắng giải... tôi thắng là **Vakkali**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 3 – *Tăng I*, 51

- 21.Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, ưa thích học tập, tôi thắng là **Ràhula**.
- 22.Trong các vị... xuất gia vì lòng tin, tôi thắng là **Ratthapàla**.
- 23.Trong các vị... đầu tiên nhận phiếu ăn cơm, tôi thắng là **Kunda Dhàna**.
- 24.Trong các vị... đầy đủ biện tài, tôi thắng là **Vangisa**
- 25.Trong các vị... dễ mến toàn diện, tôi thắng là **Upasena Vangantaputta**.
- 26.Trong các vị... sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, tôi thắng là **Dabba Mallaputta**.
- 27.Trong các vị... được chư Thiên ái mộ, tôi thắng là **Pilindavaccha**.
- 28.Trong các vị... có thắng trí mau lẹ, tôi thắng là **Bàhiva Dàructriya**.

29.Trong các vị... thuyết giảng vì diệu, tối thắng là **Kumara Kassapa**.

30.Trong các đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Màhà-kotthita**.

CÁC VỊ TỶ KHEO 4 – *Tăng I, 52*

16.Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Ànanda**.

17.Trong các vị... đầy đủ ức niệm, tối thắng là **Ànanda**

18.Trong các vị... đầy đủ cử chỉ tốt đẹp, tối thắng là **Ànanda**.

19.Trong các vị... đầy đủ sự kiên trì, tối thắng là **Ànanda**.

2. 5.Trong các vị... thị giả, tối thắng là **Ànanda**.

- 20.Trong các vị... có đại hội chúng, tôi thắng là **Uruvela Kassapa**.
- 21.Trong các vị... làm cho các gia-đình hoan hỷ, tôi thắng là **Kàludàyì**.
- 22.Trong các vị... không có bệnh hoạn, tôi thắng là **Bakkula**.
- 23.Trong các vị... nhớ đến các đời sống quá khứ, tôi thắng là **Sobhita**.
- 24.Trong các vị... trì Luật, tôi thắng là **Upàli**.
- 25.Trong các vị... giáo giới Tỷ-kheo-ni, tôi thắng là **Nandaka**.
- 26.Trong các vị... hộ trì các căn môn,... tôi thắng là **Nanda**.
- 27.Trong các vị... thiện xảo về hỏa giới,... tôi thắng là **Sàgata**.
- 28.Trong các vị... giáo giới các Tỷ-kheo,... tôi thắng là **Màhakappina**.

29.Trong các vị... **năng khởi biện tài**,... tối thắng là **Ràdha**.

30.Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta **mang thô y**, này các Tỷ-kheo, tối thắng là **Moghràjà**.